Khái Lược Duyên Hệ

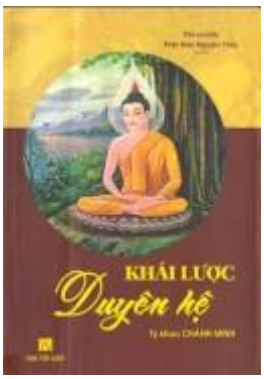

Tỳ Khưu Chánh Minh

---o0o---

Nguồn

http://thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 13-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org

Mục Lục

Lời nói đầu

Phần I - Khái lược duyên hệ

Khái lược 24 duyên

01 - Ý nghĩa

02 - Các duyên chính

03 - Thành phần trong một duyên

04 - Giải thích

Hai mươi bốn duyên

01 - Nhân duyên (Hetupaccaya)

02 - Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)

03 - Trưởng duyên (Adhipatipaccaya)

04 - Vô gián duyên (Anantarapaccaya).

05 - Đẳng Vô gián duyên (Samanantarapaccaya)

06 - Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)

07 - Hổ tương duyên (Aññamaññapaccaya)

08 - Y duyên (Nissayapaccaya)

09 - Cận y duyên (Upanissayapaccaya)

10 - Sinh tiền duyên (Purejātapaccaya)
11 - Sinh hậu duyên (Pacchājātapaccaya)
12 - Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
13 - Nghiệp duyên (Kammapaccaya)
14 - Quả duyên (Vipākapaccaya)
15 - Vật thực duyên (Āhārapaccaya)
16 - Quyền duyên (Indriyapaccaya)
17 - Thiền duyên (Jhānapaccayo)
18 - Đạo duyên (Maggapaccaya)
19 - Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
20 - Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya)
21 - Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)
22 - Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
23 - Ly duyên (Vigatapaccayo)
24 - Bất ly duyên (Avigatapaccayo)
Tổng lược về duyên hệ (Paccayasabhāgo)
Phần II - *Tam đề thiện với duyên hệ*
Khái lược
Nhân duyên với tam đề thiện
Cảnh duyên với tam đề thiện
Cảnh trưởng duyên với tam đề thiện
Vô gián duyên với tam đề thiện
Đồng sinh duyên với tam đề thiện
Hổ tương duyên với tam đề thiện
Vật sinh tiền y duyên với tam đề thiện
Vật - cảnh sinh tiền y duyên với tam đề thiện
Thường cận y duyên với tam đề thiện.
Cảnh sinh tiền duyên với tam đề thiện.
Sinh hậu duyên với tam đề thiện.
Tập hành duyên với tam đề thiện
Đồng sinh nghiệp duyên với tam đề thiện.
Nghiệp biệt thời duyên với tam đề thiện.
Quả duyên với tam đề thiện
Sắc vật thực duyên với tam đề thiện.
Danh vật thực duyên với tam đề thiện
Đồng sinh quyền duyên với tam đề thiện
Quyền sinh tiền duyên với tam đề thiện

Sắc Mạng quyền duyên với tam đề thiện
Thiền duyên với tam đề thiện
Đạo duyên với tam đề thiện
Tương ưng duyên với tam đề thiện.
Đồng sinh duyên với tam đề thiện
Dứt phần duyên hệ với tam đề thiện.

Tài Liệu Tham Khảo

---o0o---

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT
Theo mẫu tự Pāli

A. : Aṅguttara Nikāya (Tăng Chi bộ).
Abhs. : Abhidhamaṭṭhasaṅgaha (Thắng pháp tập yếu luận).
D. : Dīgha Nikāya (Kinh Trường bộ).
Dhp. : Dhammapāda (kinh Pháp cú).
DhpA. : Dhammapāda – atthakathā (Chú giải kinh Pháp cú).
Dhs. : Dhammasaṅginī (Pháp tụ).
Ptn. : Paṭṭhāna (Vị trí).
MhvA. : Mahāvaṃsa atthakathā (Chú giải luật Đại phẩm).
M. : Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ).
S. : Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ).
Sn. : Suttanipāta (Kinh tập).
Y. : Yamaka (Song đối).
Thera. : Theragāthā (Kệ trưởng lão Tăng).

---o0o---

Lời nói đầu

Paṭṭhāna (Vị trí) là bộ thứ 7 trong tạng Thắng pháp, đây là bộ có số lượng pháp uẩn nhiều nhất trong 7 bộ, gồm 9.400 (chín ngàn bốn trăm) pháp uẩn.

Tương truyền khi Đức Thế Tôn thuyết lên bộ này, hào quang sáu màu của Ngài tự khởi hiện.

Bộ Vị trí nêu lên hai phần: Duyên hệ và Duyên sinh.

Trong phần Duyên hệ có 24 duyên, luận theo 5 Tam đề (Tikamātikā):

- Tam đề thiện (Kusalattika).

- Tam đề Thọ (Vedanāttika).

- Tam đề quả (Vipākattika).

- Tam đề bị thủ (Upādinnattika).

- Tam đề phiền toái (saṅkiliṭṭhattika).

Mỗi tam đề lại có 4 phần: Phần thuận, phần nghịch, phần thuận nghịch và phần nghịch thuận.

Để nắm bắt giáo nghĩa uyên thâm này cần phải nắm vững chi pháp, vì luận Duyên hệ rất bác học chi li, đồng thời phải học hỏi từ những bản Luận giải của các Giáo thọ sư tiền bối.

Soạn phẩm này phần lớn dựa vào công trình biên soạn của Cố Đại trưởng lão Tịnh Sự, đồng thời trích lục những luận giải của Cố Đại trưởng lão Ledi Sayadaw trong quyển "The Manuals of dhamma".

Trong soạn phẩm này chúng tôi trình bày 2 phần:

- Phần I: "Khái lược về 24 duyên".

- Phần II: "Hai mươi bốn duyên với tam đề thiện".

Do khả năng còn kém cỏi, nên chúng tôi chỉ dám nêu lên "phần thuận", và phần này cũng nương vào soạn phẩm "Siêu lý cao học" của Cố Đại trưởng lão Tịnh Sự.

Chúng tôi cố gắng biên soạn vì:

- Tri ân Cố Đại trưởng lão Tịnh Sự , đồng thời phổ cập công trình biên soạn phần Chú giải Tạng Diệu pháp mà thuở sinh tiền Ngài đã dày công nghiên cứu. khiến công trình ấy không bị "mai một".

- Phổ biến hương vị Giáo pháp Abhidhamma đến những bậc trí thức có tâm tầm cầu Phật pháp.

Dòng ký ức trôi về quá khứ, chúng tôi chợt nhớ đến Cố Đại Đức Giác Lý.

Khi còn ở Thiền viện Phước Sơn (1985), chúng tôi có hướng dẫn cho một số Sa di và giới tử môn học Siêu lý.

Chúng tôi được gặp gỡ Đại Đức Giác Lý, tuy Ngài tuổi cao nhưng tinh thần cầu pháp học pháp không hề thấp, Ngài cùng chúng tôi thảo luận về phần "Duyên hệ", nhờ đó chúng tôi có cơ hội ôn tập đồng thời hình thành khung soạn phẩm này.

Giở lại dòng chữ xưa, lòng thành xin tưởng niệm đến hương linh của Ngài, mong Ngài luôn an lạc nơi nhàn cảnh.

Với tuổi cao mà Đại Đức Giác Lý vẫn tìm hiểu được phần "Duyên hệ", điều này chứng tỏ "Duyên hệ" tuy thâm sâu vi diệu, nhưng không quá khó với "tinh thần cầu pháp và học pháp".

Chúng tôi cũng cảm niệm công hạnh của phật tử Tathāpaññā đã giúp chúng tôi dịch những phần luận giải của Đại trưởng lão Ledi sayadaw từ Anh ngữ sang Việt ngữ.

Chúng tôi chỉ hy vọng soạn phẩm này là "những bước ban đầu", để hậu học tiếp cận với pháp môn vi diệu, từ đó sẽ triển khai rộng rải những điểm thâm sâu, phổ biến đến chúng sinh mang lại nguồn hạnh phúc cho nhân thiên.

Xin những bậc cao minh rộng lượng và chỉ điểm chúng tôi những sai sót còn vấp phải.

Lành thay, lành thay công đức quý Ngài vô lượng vô biên.

Tỳ khưu Chánh Minh cẩn bạch.

---o0o---

Phần I - Khái lược duyên hệ

Khái lược 24 duyên

01 - Ý nghĩa

Duyên hệ là mối liên quan (paccayo) giữa các pháp.

Cây có gốc rễ bám vào đất, được tăng trưởng vững mạnh nhờ nước và dưỡng tố trong đất. cây sẽ cho hoa quả.

Cũng vậy, nếu lý duyên khởi (paṭicasamuppāda) được ví như "cây luân hồi", có gốc rễ là *ái và vô minh*, bám vào đất ví như bám vào danh sắc (hay 5 thủ uẩn) thì nước và dưỡng tố trong đất được ví như ***duyên hệ***, giúp cho *"cây luân hồi"* cho ***quả luân hồi*** là thức, danh sắc, sáu xứ, xúc và thọ.

*** Paṭṭhāna*** (pa +căn ṭhā).

Có hai cách giải thích từ Paṭṭhāna.

- Xuất phát từ động từ *paṭṭhahati*, paṭṭhāna có nghĩa là *"vị trí, nơi chốn"*, như satipaṭṭhāna (niệm xứ) là "nơi ghi nhận, nơi chú ý".

Trong tạng Kinh paṭṭhāṇa được dùng theo nghĩa này.

- Xuất phát từ động từ paṭṭhāpeti, thì paṭṭhāna có nghĩa là *"sự khởi điểm, sự thành lập, sự dẫn ra*".

Paṭṭhāna trong bộ thứ bảy của Tạng Thắng pháp (Abhidhamma), được dùng theo nghĩa này.

Tiếp đầu ngữ PA, *"theo các bản Chú giải Tích Lan có nghĩa là* ***khác nhau*** *(nānappāra). Ngài Ledi Sayadaw giải thích là* ***"chánh yếu"****.*

Ṭhāna nghĩa đen *là* ***trạm.*** Ở đây **ṭhāna** được dùng với ý nghĩa là ***"duyên"*** (paccaya), tương tự như chữ *upakāradhamma* (*pháp hỗ trợ* hay *pháp nâng đỡ)*[1] .

Paṭṭhāna là *"liên quan đến sự thành tựu"*. Hoặc "thành tựu thiện pháp"; hoặc "thành tựu ác pháp", hoặc "thành tựu pháp không thiện cũng không bất thiện".

* **Paccaya** (duyên) = paṭi + căn I.

Paṭi nghĩa là "hướng về, liên quan", như paṭimokkha ovāda (lời dạy *hướng về* giải thoát), (lời dạy liên hệ đến giải thoát".

Căn I nghĩa là chuyển động, di chuyển, hoạt động.

Paccaya nghĩa là "liên quan đến hoạt động". Paccaya được dịch là ***"duyên".***

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích về paccaya (duyên) như sau:

Paṭicca etasmā etīti paccayo: *Nương nhờ nhau để diễn tiến, gọi là duyên"*.

- Yo hi dhammo yaṃ dhammaṃ apaccakkhāya tiṭṭhati vā upajjhati vā, so tassa paccayoti vuttaṃ hoti.

"Pháp nào được sinh ra, nương nhờ; không lìa bỏ pháp sinh ra, chúng được gọi là duyên."[2]

Ví như "mẹ không lìa bỏ con, con không xa lìa mẹ". Mối quan hệ ấy, gọi là "duyên".

Duyên có trạng thái như thế nào?

Duyên có trạng thái là ***nâng đỡ.***

Như có Pāli sau:

Upakārakalakkhaṇo = paccayo:

" Trạng thái nâng đở, gọi là ***duyên****"* (sđd).

Những từ ngữ như: Nhân (hetu), lý do (kāraṇaṃ), nguồn gốc (nidānaṃ), căn nguyên (sambhavo), nguồn cội (pabhavo) đều đồng nghĩa với paccaya (duyên).

Nghĩa mở rộng của paccaya là: Nguyên nhân, lý do, nhu cầu cần thiết, nền tảng, ủng hộ, liên quan đến ...

- Paccaya với ý nghĩa *"****là nguyên nhân****"*, đôi khi paccaya (duyên) được dùng như hetu (nhân) như:

"Bốn nhân sinh khởi sắc pháp (catubbidho ***paccayo*** rūpa) là: Nghiệp (kamma), tâm (citta), khí hậu (utu)[3] và vật thực (āhāra).

Hay: "Cakkhuñca *paṭicca* rūpe ca upajjāti cakkhuviññāṇaṃ"

"*Do mắt liên hệ với các sắc, khởi lên nhãn thức*."[4]

- Paccaya với ý nghĩa *"**lý do**"*, như:

"Yaṃ yad'eva paccayaṃ paṭicca: *Do liên quan đến duyên nào*"[5] .

- "Imassuppādā idaṃ uppajjati:*Do cái này sinh khởi, cái đây sinh khởi"*[6] .

-"…Yañca, bhikkhave, ceteti yañca pakappeti yañca anuseti, ārammaṇametaṃ hoti viññānassa ṭhitiyā":

"… *Này các Tỳkhưu, cái chúng ta tư niệm, tư lường và thầm ý (anuseti), cái ấy trở thành cảnh (ārammaṇa) cho thức an trú…*"[7]

- Paccaya với ý nghĩa ***"nhu cầu cần thiết"*** hay "*trợ giúp cần thiết."*

Là bốn món vật dụng cần thiết trong đời sống hằng ngày của vị Tỳ khưu: y phục (cīvara), thực phẩm (piṇḍapāta), chỗ ngụ (senāsana), thuốc trị bịnh (gilānappaccaya-bhesajja).

Bốn món này được gọi là "catuttha paccaya" (bốn món cần thiết hay tứ vật dụng).

"Cīvare piṇḍpāte ca, paccaye sayanāsane.

Etesu taṇhaṃ mākāsi; mā lokaṃ punarāgami."

"Y áo, đồ khất thực; với chỗ ngụ cần thiết.

Chớ có tham ái chúng, chớ trở lui đời này."[8] .

- Paccaya với ý nghĩa ***"nền tảng"***. Như nói:

"Hetu ca so paccayo cāti hetupaccayo: *Nhân là nền tảng, nên gọi là* ***nhân duyên***".

Cách dịch khác là: "*Có liên quan đến nhân, gọi là nhân duyên*".[9]

- Paccaya với ý nghĩa "***ủng hộ, trợ giúp***". Như nói:

"Upakārakalakkhaṇo paccayo: *Trạng thái của duyên là* "trợ giúp".

"Yo hi dhammo yassa dhammassa ṭhitiyā vā upattiyā vā upakārako hoti, so tassa paccayoti vuccati:

Pháp nào giúp đỡ pháp khác sinh khởi hay trụ vững, pháp ấy gọi là paccaya (duyên)." (sđd - 595).

Pāli có giải thích:

- Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti = paccayo:

Thành tựu nhờ pháp này, nên pháp này gọi là duyên. [10]

- Paṭicca phalaṃ eti gacchāti pavattati etasmāti = paccayo.

Ủng hộ, trợ giúp được vững mạnh, gọi là duyên (sđd).

Duyên (paccaya) có hai loại:

- ***"Từ cái này, cái kia có"***.

Như "do có vô minh, hành sinh lên. Do có hành, thức sinh; do có thức nên danh sắc sinh …. Đó là ***duyên khởi*** (paṭiccasamupāda).

- ***"Hỗ trợ cho các pháp sinh lên được vững mạnh".*** Gọi là ***duyên hệ*** (paṭṭhānapaccaya)."

Ví như người mẹ sinh ra hài nhi, hài nhi được bảo mẫu dưỡng nuôi tốt đẹp. Bà mẹ sinh ra hài tử ví như *duyên khởi*, bảo mẫu ví như *duyên hệ.*

Trong phần ***duyên hệ***, paccaya thường được dùng với ý nghĩa ***"liên quan"*** hay ***"trợ giúp"***.

---o0o---

02 - Các duyên chính

Có tất cả 24 duyên chính là:

1- Nhân duyên (hetupaccaya).

2- Cảnh duyên (ārammaṇapaccaya).

3- Trưởng duyên (adhipatipaccaya).

4- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

5- Đẳng vô gián duyên (samanantarapaccaya).

6- Đồng sinh duyên (sahājātapaccaya).

7- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya).

8- Y duyên (nissayapaccaya).

9- Cận y duyên (upanissayapaccaya).

10- Sinh tiền duyên (purejātapaccaya).

11- Sinh hậu duyên (pacchājātapaccaya).

12- Tập hành duyên (āsevanapaccaya) .

13- Nghiệp duyên (kammapaccaya).

14- Quả duyên (vipākapaccaya).

15- Vật thực duyên (āhārapaccayo).

16- Quyền duyên (indriyapaccaya).

17- Thiền duyên (jhānapaccaya).

18-Đạo duyên (maggapaccaya).

19- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya).

20- Bất tương ưng duyên (vipayuttapaccaya).

21- Hiện hữu duyên (atthipaccaya).

22- Vô hữu duyên (atthipaccaya)

23- Ly duyên (vigatapaccaya)

24- Bất ly duyên (avigatapaccaya).

Các Giáo thọ Sư phân tích các duyên chính thành những duyên phụ.

Do đó, từ 24 duyên chính được phân tích thành 47 duyên (sẽ trình bày sau).

---o0o---

03 - Thành phần trong một duyên

Trong một duyên có 3 thành phần là:

- ***Năng duyên*** (paccaya). Là pháp có năng lực trợ giúp pháp khác vững mạnh, cũng được gọi là pháp ***nhân.***

- ***Sở duyên*** (paccayuppanna). Là pháp được trợ giúp để *"sinh lên*", hay được trợ giúp để "*vững mạnh*". Còn gọi là pháp ***quả.***

Pāli có giải thích về *sở duyên* như sau:

"Paccayato uppannaṃ = paccayuppannaṃ:

"Sinh ra từ duyên, gọi là sở duyên"[11].

- ***Phi sở duyên*** (paccanika). Là pháp "không sinh ra từ năng duyên.

Pāli giải thích có giải thích phi sở duyên như sau:

"Paccayuppannassa paṭiviruddhaṃ anikaṃ = paccanikaṃ:

"Tách lìa sở duyên, gọi là ***đối lập".***

Hay : "Paccayuppannena paccati virujjhatīti = paccaniko:

"Ngược với sở duyên là đối lập" (sđd).

Ví như có ba người cùng đi chung, người A giúp đỡ người B, người C không cần người A giúp.

Người A ví như *năng duyên*.

Người B ví như *sở duyên*.

Người C ví như *phi sở duyên* hay "*nghịch duyên*".

---o0o---

04 - Giải thích

Duyên tuy có ba thành phần như vậy, nhưng:

- *Có pháp thuần là năng duyên*. Như Nípbàn và chế định (sammuti).

Vì không có pháp nào trợ sinh hay ủng hộ cho Nípbàn và chế định, ngược lại chính Nípbàn và chế định trợ cho tâm và tâm sở sinh lên, bằng cách "làm thành cảnh"[12] .

Nípbàn không sinh lên do nhân nào cả, Nípbàn là pháp vô nhân theo hai ý nghĩa:

- Không có nhân tương ưng.

- Không sinh lên do nương nhờ vào nhân nào.

Có câu hỏi rằng: "*Chẳng phải Nípbàn do Bát chánh đạo sinh ra sao?*".

Đáp: Không phải, tuy Bát chánh đạo là con đường dẫn đến chứng đắc Nípbàn, nhưng Bát chánh đạo không sinh ra Nípbàn.

Có ví dụ như sau: Người đang ở trong rừng đầy hiểm nạn, chỉ có con đường độc nhất thoát ra khỏi rừng, đến nơi an toàn.

Người này muốn thoát ra khỏi rừng, chỉ có cách "đi theo con đường độc nhất này", cuối con đường là "vùng an toàn".

Không thể nói "vùng an toàn" sinh lên từ con đường "độc nhất".

Khu rừng ví như "vòng luân hồi", con đường độc nhất ví như "bát chánh đạo", "vùng an toàn" ví như Nípbàn.

Về chế định.

Pháp chế định cũng có 2 đặc tính như Nípbàn là:

- Không có nhân tương ưng.

- Pháp chế định do nương theo đặc tính pháp mà đặt tên để thông tri ý nghĩa với nhau, bản thân chúng không có pháp thực tính.

Xét về khía cạnh nào đó, "chế định" dường như có nhân sinh. Vì "chế định" là do "nương theo sự kiện mà định danh".

Như Ngài Sukha, sở dĩ Ngài có tên là Sukha vì khi người mẹ mang thai Ngài, cả gia tộc đều có được "sự an lạc", do nương sự kiện này mà "định danh là Sukha" …

Hay như xứ Bārānasī, do vùng đất này là sự bồi đắp của 2 con sông Bāvā và Ṇasī , nên có tên là Bārāṇasī.

Tuy nhiên, tất cả đều nương từ danh sắc mà "định đặt" để thông tri với nhau.

Không phải là "nhân sinh pháp thực tính", người ta có thể thay đổi "tên gọi" bất kỳ lúc nào. Trái lại, nhân sinh danh - sắc thì không hề thay đổi, vì đó là "nhân sinh pháp thực tính".

Do đó, nói rằng "chế định không do nhân sinh lên", chế định chỉ là "cách đặt tên thông thường".

Nípbàn và chế định là năng duyên thuần túy" vì có khả năng trợ giúp các pháp khác sinh lên, như Nípbàn làm cảnh trợ cho tâm Siêu thế sinh lên; Chế định bị tâm biết hay là "cảnh thiền" giúp các tâm thiền sinh lên.

- *Có pháp vừa là năng duyên vừa là sở duyên.* Tức là trong trường hợp này nó là năng duyên, trong trường hợp khác nó là sở duyên.

Như 6 nhân trong nhân duyên (trừ nhân Si trong tâm Si). Có lúc nhân Vô tham là năng duyên, có lúc nó là sở duyên.

- *Có pháp thuần là phi sở duyên.* Như Níp bàn và chế định.

Gọi là ***phi sở duyên*** là:

a- Là pháp không sinh lên từ bất cứ duyên nào, như Nípbàn và chế định (sammuti) luôn luôn là pháp này. Và Nípbàn + Chế định là phi sở duyên thuần túy.

b- Chính pháp năng duyên là phi sở duyên.

Như trường hợp *nhân Si* trong tâm Si của nhân duyên, vì trong tâm Si chỉ có một nhân, nhân Si trợ sinh cho pháp khác nhưng nó không có nhân khác trợ sinh.

Do đó nhân Si trong tâm Si vừa là *năng duyên* vừa là phi sở duyên nhất định trong tâm Si.

Nhưng nhân Si sẽ là sở duyên trong tâm Tham hoặc tâm Sân.

Nói gọn: Trong một duyên, pháp năng duyên chính là phi sở duyên, ngoài ra còn có những pháp phi sở duyên khác khi chúng không là năng duyên cũng không là sở duyên.

Dứt phần khái lược.

---o0o---

Hai mươi bốn duyên

01 - Nhân duyên (Hetupaccaya)

1- Định nghĩa:

Mãnh lực trợ sinh hay giúp đỡ bằng *nhân tương ưng* (hetusampayutta), gọi là ***nhân duyên*** (hetupaccayo) .

Có bốn loại nhân (hetu) là:

* ***Nhân nhân*** (hetuhetu).

Còn gọi là *"nhân tương ưng"* (sampayuttahetu), đó là tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.

Nhân – nhân này được dùng trong ý nghĩa "cội rễ" (mūla), có hai "cội rễ":

- *"Cội rễ" của hạnh phúc.* Chính là ba nhân thiện *vô tham, vô sân, vô si,*

- "Cội rễ" *của đau khổ*. Chính là *tham, sân, si*.

* ***Duyên nhân*** (paccayahetu).

Là được trợ giúp từ nhân, như sắc tứ đại trợ giúp sắc y sinh. Sắc ý vật trợ giúp tâm sinh lên …

Đức Phật có dạy:

"Cattārobkho bhikkhu, mahābhūtā hetu, cattāro mahābhūtā paccayo rūpakkhandhassa paññāpanāya".

"*Này chư tỳ khưu, do nhân (hetu) bốn đại, do duyên (paccaya) bốn đại, được gọi là sắc uẩn (rūpakkhandha) "*[13] .

Ở đây, hetu (nhân) được dùng như "điều kiện trợ giúp".

* ***Chí thượng nhân*** (uttamahetu).

Là nguyên nhân hay điều kiện chánh yếu.

Như nghiệp thiện thì cho quả tốt, nghiệp bất thiện thì cho quả xấu …

Gọi là "chí thượng nhân", hay "nhân tột cùng", là khi nghiệp cho quả rồi thì "*không một ai*" có thể ngăn cản được, chí đến Đức Phật cũng đành chịu.

Như trường hợp dòng Thích ca bị quả ác nghiệp trổ, bị vua Vidūdabha tiêu diệt.

* ***Phổ biến nhân*** (sadhāraṇahetu). Là nhân có cùng khắp, hay "điều kiện thông thường, phổ biến.

Như "vô minh duyên hành, hành duyên thức…

Hoặc khi Đức Phật mỉm cười, Đức Ānanda bạch hỏi: "Bạch Thế Tôn, do nhân chi, duyên chi Thế Tôn mỉm cười"[14]

Nhân ở đây chỉ lấy *nhân nhân* (hetuhetu) .

Tức là chỉ ra 6 nhân: Tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si.

Nói cách khác, năng duyên của nhân duyên là 6 nhân.

Pāli có giải thích (vacanattha):

* Hinoti patiṭṭhāti etthāti = hetu:

Những pháp nhờ nơi đây được vững vàng, đó chính là nhân.

Hetu ca so paccayo cāti = upaccayo:

Nhân trợ giúp, gọi là nhân duyên.

Mūlaṭṭhena upakārako dhammo = hetupaccayo:

Pháp ủng hộ như gốc rễ, gọi là nhân duyên (trích trong Paṭṭhāna Atthakathā)[15].

Như vậy, chi pháp của nhân duyên là 6 nhân: Tham (lobha), sân (dosa), si (moha), vô tham (alobha), vô sân (adosa) và vô si (amoha).

Đây là nói thu gọn, khi phân tích chúng ta có được 9 nhân, như sau:

- Tham, sân, si (có trong 12 tâm bất thiện), gọi là ba nhân bất thiện.

- Vô tham, vô sân, vô si (có trong các tâm thiện), gọi là ba nhân thiện.

- Vô tham, vô sân, vô si có trong các tâm quả hữu nhân và tâm duy tác (akiriyacitta) của các vị Thánh Alahán, gọi là ba nhân Vô ký.

Liên quan đến sáu nhân là những pháp nào? Nói cách khác, pháp nào được 6 nhân trợ giúp?

Đó là tâm và tâm sở (trừ pháp đang làm năng duyên) và sắc do tâm tạo cùng hiện hữu với nhân (hetu). Đó là *"các pháp sinh ra từ nhân* (*hetupaccayuppannā dhammā)* hay là "*pháp sở duyên của nhân duyên*".

---o0o---

2-Chi pháp

Theo trên chúng ta có:

- *Năng duyên* (paccayo) là 6 nhân: Tham, sân, si vô tham, vô sân và vô si.

- *Sở duyên* (paccayuppanna): 103 tâm hữu nhân[16] + 52 tâm sở (trừ tâm sở Si trong tâm si) + sắc nghiệp tục sinh + sắc tâm thời bình nhật.

-*Phi sở duyên* (paccanika): 18 tâm vô nhân và 12 tâm sở hợp. Lấy trở lại tâm sở Si trong hai tâm Si + sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp (kammajarūpa) thời bỉnh nhật + sắc nghiệp Vô tưởng + sắc khí hậu (utujarūpa) và sắc vật thực (āhārajarūpa).

3- Phân tích.

Trong một kiếp sống của một chúng sinh có ba giai đoạn: Sinh ra, diễn tiến và chết.

- Khi khởi đầu cho một kiếp sống là *sinh ra*, thuật ngữ gọi là thời *Tục sinh* (paṭisandhikāla).

- Khi chấm dứt kiếp sống, gọi là *thời tử* (cutikāla).

- Khoảng giữa hai thời này là "thời diễn tiến (santatikāla), còn gọi là *thời bình nhựt*" hay "*thời an trụ"* (ṭhitikāla).

Thời tục sinh và thời tử mỗi thời chỉ có một sátna (khaṇa) tâm, còn *thời bình nhật* kể từ sátna hữu phần thứ nhất (patham bhavaṅgacitta) sinh lên sau tâm Tục sinh cho đến sátna tâm trước tâm tử.

Sự trợ giúp của ***nhân*** đối với các pháp sở duyên diễn ra cả ba thời.

**** Vào thời Tục sinh (paṭisandhikāla)***.

Khi các tâm quả hữu nhân[17] làm việc Tục sinh, bấy giờ 3 nhân vô ký (vô tham, vô sân, vô si) là năng duyên.

Tâm quả hữu nhân có 2 loại: Tâm quả nhị nhân và tâm quả tam nhân.

- *Tâm quả nhị nhân*[18] .

Những tâm này chỉ có khả năng làm việc tục sinh ở 7 cõi vui Dục giới [19].

Vào thời điểm Tục sinh, nhân Vô tham (hoặc nhân Vô sân) trợ cho các pháp đồng sinh với nó (là tâm và tâm sở hợp) sinh lên cùng các sắc nghiệp Tục sinh.

- *Tâm quả tam nhân.*

- Nếu trong cõi ngũ uẩn[20] thì một hay cả ba nhân vô ký: Vô tham, vô sân và vô si trợ cho các danh pháp tương ưng cùng sinh lên, ngoài ra chúng còn trợ cho sắc nghiệp Tục sinh sinh lên.

Sắc nghiệp sinh lên vào thời điểm tục sinh, gọi là sắc nghiệp tục sinh; sau sátna tâm Tục sinh, được gọi là sắc nghiệp bình nhật.

- Nếu trong cõi Vô sắc, thì một hay cả ba nhân Vô ký trợ cho danh pháp tương ưng cùng sinh lên.

Sự trợ giúp của một trong 3 nhân vô ký vào thời tục sinh, chỉ xảy ra từ cõi người trở lên đến cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ (trừ cõi Vô tưởng, cõi này do sắc Mạng quyền làm việc tục sinh).

**** Vào thời bình nhật.***

Cả chín nhân đều trợ giúp cho các pháp đồng sinh, tùy trường hợp tương ứng và diễn tiến trong 30 cõi hữu tâm.

**** Vào thời tử***, một hay cả ba nhân vô ký trợ các pháp sở duyên sinh lên.

4- Giảng giải.

a- *Phải hiểu* **hetu** *theo nghĩa nào?*

Phải hiểu *hetu* theo nghĩa ***gốc rễ*** (*mūlaṭṭha*). Đức Phật có dạy:

"Tiṇimāni, bhikkhave, akusala***mūlāni***. Katamāni tīṇi?:

"Này các tỳkhưu, có ba ***gốc rễ*** *bất thiện này. Thế nào là ba?*

Lobho akusalamūlaṃ doso akusalamūlaṃ, moho akusalamūlaṃ ….

Tham là gốc rễ bất thiện, sân là gốc rễ bất thiện, si là gốc rễ bất thiện …

"Tiṇimāni, bhikkhave, kusala***mūlāni***. Katamāni tīṇi?:

"Này các tỳkhưu, có ba căn bản thiện này. Thế nào là ba?

Alobho kusalamūlaṃ adoso kusalamūlaṃ, amoho kusalamūlaṃ ….

Vô tham là gốc rễ của thiện, Vô sân là gốc rễ của thiện, Vô si là gốc rễ của thiện."[21]

Nhân (hetu) được hiểu theo nghĩa ***gốc rễ*** (mūlaṭṭha), được nêu dẫn trong "*mūlayamaka* (căn song)"[22] .

Ví dụ rễ cây.

Gốc rễ của cây khi bám vững chắc vào trong đất, hút chất bổ dưỡng từ đất, rồi mang dưỡng tố ấy lan tỏa từ trong ra ngoài, từ gốc đến ngọn và cây phát triển lớn lên.

Gốc rễ của cây bám chắc vào đất, ví như tham bám chắc vào điều ưa thích; mang dưỡng tố từ đất lan tỏa từ trong ra ngoài, ví như tham mang hỷ lạc từ điều ưa thích truyền đến các tâm sở, khiến chúng bừng lên nơi thân - ngữ (kāya-vācā), tạo thành thân - ngữ bất thiện.

Điều đó, minh họa cho tham "trợ giúp cho các tâm sở đồng sinh với chúng", đồng thời trợ giúp cho sắc tâm *thân biểu tri - ngữ biểu tri* sinh lên, tạo thành ác-bất thiện pháp theo khuynh hướng tham. *Đây là ý nghĩa* ***"trợ sinh".***

Tương tự như vậy, ***khi sân*** là ***gốc rễ*** thì "sự khó chịu, không hài lòng, bất lạc" kích thích các tâm sở đồng sinh bừng dậy rồi lan tỏa khắp thân - ngữ, tạo thành thân - ngữ bất thiện sân.

Khi si là gốc rễ, thì nó truyền "sự thiếu hiểu biết, sự mê muội, không sáng suốt" đến các tâm sở đồng sinh với nó, khiến các tâm sở này trở nên "mù quáng", không còn phân biệt tốt - xấu, thiện - ác, chỉ biết thực hiện theo khuynh hướng tham, sân hay si có từ trước.

Như tập tục thờ ngẫu tượng, những tế đàn của Bàlamôn thời Đức Phật …

Tham, sân, si sẽ hoạt động theo cảnh, khi gặp cảnh tốt, cảnh toại nguyện thì tham sẽ hoạt động với tính cách vui thích (thọ hỷ), với cảnh "tốt vừa phải" hay "không tốt lắm" thì hoạt động với tính cách "thản nhiên"(thọ xả).

Một ví dụ khác như sau: Có một nam nhân thương yêu một nữ nhân.

Bao giờ người này chưa từ bỏ sự thương yêu nữ nhân ấy, khi sự thương yêu khởi lên thì ý nghĩ, thân, ngữ của người ấy đồng hành với tham, bị tham chi phối.

Chỉ khi nào "không có sự thương yêu"khởi lên, y mới thoát ra khỏi "tham luyến nữ nhân ấy".

Ví dụ này minh họa cho:

- Trạng thái danh sắc có "*tham là gốc rễ"* (lobhamūlaṃ), tham trợ giúp cho tâm cùng các tâm sở đồng sinh sinh lên.

- Đồng thời nó cũng trợ giúp sắc pháp do tâm tạo sinh lên.

Từ ngữ *sampayutta dhamme abhiharati* (mang lại pháp hòa hợp) ở đây, nên hiểu "năng duyên chuyển tính cách của nó đến các pháp đồng sinh với nó".

Như khi gặp cảnh thích ý, cảnh quá tốt đẹp hay tốt đẹp, ***tham*** sinh lên, đồng thời nó chuyển *hỷ lạc* đến các tâm sở đồng sinh với nó.

Khi gặp cảnh không hài lòng thì Sân sinh lên, nó sẽ hoạt động với tính cách "khó chịu" (thọ ưu). Và nó cũng truyền tính cách này đến các pháp đồng sinh với nó.

Khi Si hoạt động, nó truyền tính cách "mù mờ, "không hiểu biết", "mê muội"... đến các pháp đồng sinh với nó. Đó là nói về danh pháp.

Còn sắc pháp ra sao?

Sắc pháp nương vào nhân để vững mạnh, chính là loại sắc tâm, đó là sắc *thân biểu tri* (kāyaviññatti), *sắc ngữ biểu tri* (vācī viññatti), *sắc thinh* và *sắc đặc biệt*.

Khi tham truyền hỷ lạc đến, các sắc pháp này linh hoạt, nhanh nhẹn hoạt động theo đúng con đường của bất thiện tham.

Khi sân truyền "bất lạc" đến các sắc pháp này, chúng trở nên chậm chạp, héo úa hoặc bị thiêu đốt thấy rõ (như khi giận thì mặt đỏ, mặt xanh, run lẩy bẩy, hoặc khi sầu muộn thì vàng vọt, xanh xao…)

Khi si truyền "tính mù mờ" đến thì sắc pháp trở nên đờ đẩn, như kẻ mất hồn …

- *Sắc thân biểu tri* ***do tham*** điều sử, như có những tính cách bày tỏ sự thương yêu, hoặc viết thư tỏ tình ...

Một số loài vật có những cử chỉ tỏ tình bằng những điệu múa chẳng hạn ...

- *Sắc ngữ biểu tri* ***do tham*** điều sử, như nói lên lời thương yêu, hoặc nói lên lời dịu dàng với ý tham đắm … Khi nói lên lời tức là có sắc thinh.

Khi nói hay hành động được hoàn hảo là do có 3 sắc đặc biệt.

Ví dụ trên minh họa cho tâm sở Tham trợ giúp thân, ngữ và ý.

- *Sắc thân biểu tri* ***do sân*** điều sử, như "đánh đập, sát hại …"

- *Sắc ngữ biểu tri* do sân điều sử, như "mắng nhiếc, nói châm biếm ..".

- *Sắc thân biểu tri* ***do si*** *điều sử,* như "đi đờ đẩn, chậm chạp …"

- *Sắc ngữ biểu tri* ***do si*** điều sử, như "nói lãm nhãm, nói không rõ ràng, không mạch lạc…"

Trên là nói về ba nhân bất thiện, bây giờ nói đến ba nhân thiện.

Trong ví dụ trên, khi người nam sợ hãi dục lạc và từ bỏ ý nghĩ tham muốn về nữ nhân. Khi đó, ***vô tham*** đối với nữ nhân sinh lên.

Trước khi điều này xảy ra thì có thân, khẩu, ý bất thiện tham, khi không còn những điều này thì thân, khẩu và ý thiện với gốc rễ là *vô tham* sinh lên.

Nhờ *vô tham* sẽ có sự xuất ly, thu thúc các căn quyền, giữ gìn giới hạnh, thực hành thiền tịnh…

Do vậy, vô tham (*alobha*) được xem là *hetu paccaya (nhân duyên).*

Vô tham hoạt động như gốc rễ (mūlaṃ), trong khi *duyên* là mãnh lực *trợ sinh* và *giúp đỡ.*

Tương tự như thế, đối với vô sân (adosa) và vô si (amoha).

Khi loại trừ tham với những điều ưa thích, khiến vô tham sinh khởi với tính cách thản nhiên (thọ xả).

Vô tham nuôi dưỡng các pháp đồng sinh với tính "không dính mắc, không đắm nhiễm", cho đến khi chúng trở thành hỷ lạc, thậm chí là *lạc của thiền* (jhānasukhaṃ) hay lạc của Đạo - quả Siêu thế.

Tương tự như thế, Vô sân loại trừ Sân, Trí loại trừ Si.

Ba yếu tố vô tham, vô sân, vô si hoạt động trong thời gian dài, làm cho các tâm sở đồng sinh với chúng trở nên hỷ lạc, một loại hỷ lạc vắng mặt gốc rễ bất thiện, các sắc tâm cũng do ảnh hưởng hỷ lạc này trở nên trong sáng, tươi nhuận, thực hiện những việc lành từ thân - ngữ theo khuynh hướng thiện của chúng.

Một số Giáo thọ sư khác giải thích rằng, ***nhân*** là "*cái tạo nên đặc tính",* như *nhân thiện tạo ra tính thiện, nhân bất thiện tạo ra tính bất thiện* ... ví như giống lúa sāli cho lúa sāli (sāli - ādīnaṃ sālibījādīnī viya) hay ví như viên ngọc cho màu ngọc (maṇipabhādīnaṃ viya ca maṇivaṇṇādayo) ... [23] .

Cách giải thích này không đứng vững qua các luận cứ sau:

1- Sắc pháp vốn không có tính thiện hay bất thiện, nhưng nhân thiện vẫn sinh ra sắc tâm thiện, nhân bất thiện tạo ra sắc tâm bất thiện.

Gọi là "sắc tâm thiện" hay "sắc tâm bất thiện" là để phân biệt "nhân thiện hay nhân bất thiện" chứ sắc tâm tuyệt nhiên là vô ký (abyākatā – không thiện không bất thiện).

Do đó, nói rằng "nhân thiện tạo ra tính thiện, nhân bất thiện tạo ra tính bất thiện", không đúng theo sự thật, khiến nhầm lẫn "sắc pháp là thiện hay bất thiện".

2 - Nếu chấp nhận sắc pháp là *vô ký*, như lập luận "tính thiện xuất phát từ nhân thiện, tính bất thiện xuất phát từ nhân bất thiện" thì ba nhân thiện, ba nhân bất thiện không thể tạo ra sắc tâm, vì sắc tâm là pháp vô ký.

Sắc tâm chỉ có thể được tạo ra từ ba nhân vô ký. Điều này không hợp lý.

3- Lại nữa, nếu cho rằng "tính vô ký xuất phát từ nhân vô ký", thì những tâm vô nhân cũng là pháp vô ký, nhưng chúng không xuất phát từ *nhân vô ký.*

Vậy tính thiện và tính bất thiện sinh ra từ đâu?

Tính chất thiện sinh ra từ "*tác ý đúng"* (yoni so manasikāra); tính chất bất thiện sinh ra từ "*tác ý sai"* (ayoniso manasikāra).

Chính nhân thiện hay nhân bất thiện cũng sinh ra từ tác ý này [24] .

"Gốc rễ" (mūla) ở đây là chỉ cho "sự vững chắc", không liên quan gì đến "tính thiện, tính bất thiện".

Gọi là ***"gốc rễ thiện"***, ám chỉ "tính chất thiện bám vững chắc vào ba nhân vô tham, vô sân và vô si.

Gọi là ***"gốc rễ bất thiện"***, ám chỉ "tính chất bất thiện" bám vững chắc vào ba nhân tham, sân, si.

D0 đó, cách giải thích này bị bác bỏ.

b- *Phải hiểu năng duyên (paccaya) theo ý nghĩa nào?*

Trong Tạng kinh, đôi khi paccaya được dùng như hetu, nhưng có sự khác biệt chút ít là:

Hetu là nhân chính yếu, còn paccaya là nhân phụ thuộc, như:

"Ko nu kho, bhante, hetu ko paccayo rūpakkhandhassa paññāpanāya?

"Bạch Thế Tôn, do nhân gì? Do duyên gì? được chấp nhận là sắc uẩn"[25] .

Trong tạng Diệu pháp, *duyên* (paccaya) được hiểu theo ý nghĩa ***trợ sinh*** (paccayuppannaṭṭha) và ***giúp đỡ*** (upakāraṭṭha).

Và trong nhân duyên, ***năng duyên*** (paccaya) được hiểu theo cả hai ý nghĩa trên.

c- *Mô thức của nhân duyên.*

Nhân duyên có mô thức tổng quát: *Danh trợ cho danh sắc.*

Vì sao Sở duyên lại trừ tâm sở Si trong tâm Si?

Vì trong hai tâm Si chỉ có nhân Si, nó chỉ có thể là năng duyên, không thể là sở duyên, nó không thể tự trợ sinh ra.

Trong tâm Tham có hai nhân (tham + si), trong tâm Sân có hai nhân (sân + si).

Khi tâm sở Tham hay tâm sở Sân là năng duyên thì tâm sở Si là sở duyên, do vậy không trừ tâm sở Si trong tâm Tham hay trong tâm Sân.

---o0o---

02 - Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)

1- Định nghĩa.

Cảnh duyên là mãnh lực trợ sinh, giúp đỡ bằng cách làm cảnh (ārammaṇa) cho tâm nhận biết.

Cảnh là gì? Cảnh là đối tượng bị tâm biết, bất cứ pháp nào bị tâm biết, pháp ấy là cảnh (ārammaṇa).

Chữ *ārammaṇa* có 2 cách giải thích:

- Ārammaṇa = a+ căn ramu. Ā +lamb = alamba

Căn ramu là "thích thú trong….", " vui thích trong …".

- Ālambana = ā + căn lamb (đeo bám).

"Những gì chủ thể vui thích hay đeo bám, đó là cảnh"[26] .

Pāli có giải thích như sau:

- Citta cētasikehi ālambiyatīti = ārammaṇa:

*"Bị tâm và tâm sở bám lấy, gọi là **cảnh**".*

- Citta cetasikā āgantvā ramanti etthāti = ārammaṇa:

*"Tâm và tâm sở vui thích đi đến, gọi là **cảnh**".*

Abhimukhaṃ ramanti etthāti = ārammaṇa:

*"Thích thú khi đối diện, gọi là **cảnh**".*

Citta cetasike ālambatīti = ārammaṇa:

*Tâm và tâm sở bám đối tượng nào, đối tượng ấy là **cảnh**".*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

"Ārammaṇabhavena upakārako dhammo = *ārammaṇapaccayo*:

*"Pháp trợ giúp bằng cách làm thành cảnh, gọi là **cảnh duyên***" [27] .

2- Chi pháp.

- *Năng duyên*: Tất cả pháp[28] khi bị tâm và tâm sở biết.

- *Sở duyên*: Tâm + tâm sở khi biết cảnh.

- *Phi sở duyên*: Sắc pháp + Nípbàn + Chế định.

3- Phân tích.

a- *Về năng duyên.*

- ***Pháp và cảnh khác nhau ra sao?***

Pháp là những gì có đặc tính (sabhāva) riêng, như đất có đặc tính "cứng hay mềm", tâm và tâm sở có đặc tính "biết cảnh"…

Khi pháp ấy bị tâm biết, pháp trở thành cảnh.

Có thể minh họa hai điều này như sau:

Sóng biển vỗ vào ghềnh đá phát ra âm thanh, cho dù có người nghe hay không, âm thanh vẫn có. Khi không có người (hoặc chúng sinh nào đó) nghe, âm thanh ấy là ***pháp***.

Khi có người nghe, nhận thức được âm thanh ấy "dữ dội, gào thét, ôn hòa, rì rào…", bấy giờ âm thanh ấy là ***cảnh*** thinh.

Hay: "Ví như người đi đường", khi ấy y có hai vai trò: Là **cảnh** đối với người *thấy* y, là **pháp** đối với người *không thấy* y.

Như vậy, **"cảnh"** chính là pháp, nhưng *pháp không là "cảnh*". Vì sao?

Vì pháp "nêu bày thực tướng", còn cảnh có khi nêu bày thực tướng, có khi không.

Như người nhìn tấm ảnh "hoàng hôn" vào buổi sáng. Tấm ảnh là "cảnh", nhưng không phải là "hoàng hôn" trong thực tại, thực tại chính là "buổi sáng".

Đức Phật có dạy*:*

Paccuppannañ ca yo dhammaṃ; tattha tattha vipassati"…

*Chỉ có **Pháp** hiện tại; quán xét chính nơi đây…"*[29] *(HT TMC dịch).*

Đức Mahākaccāna có giải thích:

"Pháp hiện tại là ngũ uẩn".

Ngũ uẩn dù có hay không có tâm biết, chúng vẫn diễn tiến theo đường lối riêng của mình.

Khi tâm không biết, ngũ uẩn là pháp, khi tâm biết chúng vừa là cảnh cũng vừa là pháp.

Do đó, Đức Phật dạy *"chỉ có **pháp** hiện tại*" là chỉ cho ngũ uẩn, và khi "*quán xét chính nơi đây*"; bấy giờ ngũ uẩn vừa là pháp vừa là "cảnh".

Đức Phật dạy "***quán xét pháp***", không quán xét cảnh, ***vì sao?***

Vì có những loại cảnh không đúng với thực trạng, như cảnh *hồi tưởng lại* (cảnh quá khứ), cảnh mơ ước về sau (cảnh vị lai) ….

b- *Về phi sở duyên (paccanika)*.

Trong trường hợp này, sắc pháp chỉ là năng duyên, không là sở duyên, vì sắc pháp "không biết cảnh"; còn Nípbàn và chế định chỉ có thể là năng duyên, không là sở duyên.

Do vậy, phi sở duyên ở đây chính là chế định, sắc pháp và Nípbàn .

4- Giảng giải.

a- Cái chi là cảnh của tâm?

Tất cả pháp đều là cảnh của tâm, bao gồm tâm + tâm sở + sắc pháp + Nípbàn + chế định (sammuti),

Nói cách khác tâm có thể "biết" tất cả mọi pháp, và khi ấy "pháp trở thành cảnh (ārammaṇa)".

Trong thực tế, không một pháp (dhamma) nào không là cảnh cho tâm và tâm sở, nhưng tùy theo cảnh mà tâm sinh lên.

Như tâm Siêu thế chỉ biết cảnh Nípbàn, Nhãn thức chỉ chỉ biết cảnh sắc, tâm Không vô biên xứ chỉ biết *khái niệm* "cái không vô cùng tận" (cảnh chế định) …

Có tâm biết tất cả cảnh như tâm Hướng ý môn, tâm thiện dục giới hợp trí, có tâm chỉ biết một số cảnh như tâm bất thiện hay tâm thiện ly trí ….

b- Có bao nhiêu cảnh?

Có tất cả 21 cảnh, nhưng tóm gọn chỉ có 6 cảnh, đó là: Cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp.

Đức Phật có dạy:

"Cakkhuñca paṭicca rūpe ca upajjati cakkhuviññāṇa…

Do duyên mắt và các sắc, khởi lên nhãn thức …

"Sotañca paṭicca sadde ca upajjati sotaviññāṇa…

Do duyên tai và các tiếng, khởi lên nhĩ thức…

Ghānañca paṭicca gandhe ca upajjati ghānaviññāṇa…

Do duyên mũi và các mùi, khởi lên tỷ thức…

Jivhañca paṭicca rase ca upajjati jivhaviññāṇa…

Do duyên lưỡi và các vị, khởi lên thiệt thức…

Kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca upajjati kāyaviññāṇa…"

Do duyên thân và các xúc, khởi lên thân thức…

"Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ"

Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức…"[30] .

Cảnh có hai loại: Cảnh hiện tại (ārammaṇa bhūtena) và cảnh "phi hiện tại" (ārammaṇa abhūtena).

** Cảnh hiện tại.*

Là những cảnh phô diễn đặc tính ngay trong hiện tại, như năm cảnh: Sắc, thinh, mùi, vị và xúc của năm giác quan.

Còn cảnh pháp có khi là cảnh hiện tại, có khi là cảnh quá khứ hay cảnh vị lai.

Nói cách khác, năm cảnh: sắc, thinh, mùi, vị và xúc là cảnh hiện tại nhất định, còn cảnh pháp có cả ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai lẫn ngoại thời (kālavimutti).

** Cảnh phi hiện tại.*

Là cảnh quá khứ, cảnh vị lai, cảnh ngoại thời

- Thế nào là cảnh quá khứ?

Là cảnh do tưởng nhớ lại, như vị đắc Túc mạng minh nhớ lại "những kiếp sống quá khứ", hoặc các vị thiên nhân "nhớ lại kiếp trước đã tạo thiện nghiệp như vầy … như vầy", hay các chúng sinh ngạ quỷ nhớ lại "kiếp trước đã tạo nghiệp bất thiện như vầy … như vầy".

Hay một người nhớ lại "lúc nhỏ tôi như thế này … như thế này".

- *Thế nào là cảnh vị lai?*

Như Đức Phật Chánh giác tiên tri cho một số thiện gia tử sẽ thành tựu ước nguyện trong tương lai (được Đức Phật thọ ký), hay Đức Phật tiên đoán 7 ngày nữa vua Suppabuddha (Thiện Giác) bị đất rút …

- *Thế nào là cảnh ngoại thời?*

Là cảnh không bị thời gian chi phối, đó là cảnh Nípbàn và cảnh chế định.

b**- Liên hệ giữa cảnh và tâm như thế nào**?

1- ***Cảnh sắc*** có mối liên hệ nhất định với hai loại nhãn thức (quả thiện và quả bất thiện), hai tâm Nhãn thức chỉ biết độc nhất cảnh sắc.

2- **Cảnh thinh** có mối liên hệ nhất định với hai loại Nhĩ thức (quả thiện và quả bất thiện), hai tâm Nhĩ thức chỉ biết độc nhất cảnh thinh.

3- **Cảnh mùi** có mối liên hệ nhất định với hai loại Tỷ thức (quả thiện và quả bất thiện), hai tâm Tỷ thức chỉ biết độc nhất cảnh mùi.

4- **Cảnh vị** có mối liên hệ nhất định với hai loại Thiệt thức (quả thiện và quả bất thiện), hai tâm Thiệt thức chỉ biết độc nhất cảnh vị.

5- **Cảnh xúc** *có* mối liên hệ nhất định với hai loại Thân thức (quả thiện và quả bất thiện), hai tâm Thân thức chỉ biết độc nhất cảnh xúc.

Năm cảnh này còn được gọi là "năm cảnh trần".

Tâm Hướng ngũ môn (pañcadvāravajjana) và 2 tâm Tiếp thâu (sampaṭicchanacittaṃ)[31] biết được 5 cảnh trên và cũng chỉ biết có 5 cảnh ấy mà thôi. Tức là biết nhất định 5 cảnh.

Đây là những tâm biết cảnh hiện tại nhất định, ngoài ra còn có những tâm biết năm cảnh này, nhưng bất định, đó là: Hai tâm thông[32] và 41 tâm dục giới (trừ 5 đôi thức và Ý giới).

6- **Cảnh pháp:** Bao gồm tất cả các pháp khi bị tâm biết.

Cảnh pháp có thể là quá khứ, hiện tại, vị lai, và ngoại thời[33] .

Thật ra, 5 cảnh trên cũng được gom vào cảnh pháp, nhưng chia ra 6 cảnh để phân biệt theo 6 thức là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

c**- Gọi là cảnh duyên* (ārammaṇapaccayo) *như thế nào?.**

Là nói đến mối liên hệ giữa cảnh và tâm.

Không có một tâm nào có thể sinh lên mà không có cảnh, vì cảnh là một trong 4 nhân sinh tâm.

Tâm sinh lên *do có cảnh*, đồng thời tâm phải dựa vào cảnh để vững mạnh.

Ví như người yếu, đi được phải dựa vào cây gậy, đồng thời phải nương vào cây gậy mới đứng vững; cũng vậy tâm sinh lên do có cảnh và phải nương vào cảnh để trụ vững.

Ngược lại, cảnh có thể tồn tại không cần nương tựa vào tâm, một khi không có tâm nhận biết chúng, chúng trở thành *pháp*.

Như trong lộ nhãn môn chẳng hạn, Nhãn thức nương vào cảnh sắc sinh lên, khi Nhãn thức diệt nhưng sắc cảnh vẫn còn và chúng trở thành cảnh cho những tâm sinh kế tiếp tâm Nhãn thức, như tâm Tiếp thâu … [34] .

***d** - Cảnh (*ārammaṇa*) được hiểu theo nghĩa nào?*

Cảnh được hiểu theo nghĩa ***"bị bám lấy***" (ālambitabba).

Sự bám lấy có hai cách: Tâm bám lấy cảnh và cảnh bám lấy tâm.

Khi cảnh có sức mạnh (là cảnh trưởng) tâm sẽ bị hút đến cảnh; khi tâm có sức mạnh, cảnh sẽ bị tâm hút đến.

Như trong trường hợp đắc thiền hay đắc đạo, những tâm Chuẩn bị (parikamma), Cận hành (upacāra), Thuận thứ (anuloma) … có sức mạnh nên cảnh thiền tướng hoặc cảnh tam tướng bị "tâm hút lấy".

Có ví dụ như sau để mô tả vấn đề này.

Những mảnh sắt vụn nằm trong vùng hấp lực của nam châm, chúng bị run lên rồi chạy đến nam châm.

Trái lại đối với thanh sắt thì nam châm bị run lên và nó chạy đến thanh sắt.

Cũng vậy, khi tâm có sức mạnh thì cảnh bám lấy tâm, ngược lại cảnh có sức mạnh thì tâm chạy theo cảnh.

Như vàng, ngọc là hấp lực của tâm tham, kẻ thù là hấp lực của tâm sân…

Ở đây, chúng ta thấy "sức hút của nam châm" có thể đại diện cho "cảnh" (ālambana) đối với tâm.

* ***Tâm bám theo cảnh***.

Đây là trạng thái tâm tầm cầu những gì "tốt đẹp" (hoặc là dục lạc thế gian, hoặc là các pháp khả ái liên hệ đến dục, hoặc là các pháp thượng nhân).

Như Đức Phật dạy:

"Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabbha ye ye dhammā upajjhanti cittacetasikā dhammā, te te dhammā tesaṃ tesaṃ dhammānaṃ ārammaṇa paccayena paccayo".

"*Các pháp như tâm và tâm sở sinh khởi **nắm bắt pháp** nào, pháp ấy trợ cho các pháp ấy* (tâm + tâm sở) *bằng cảnh duyên"*[35] .

Đức Mahākaccāna có dạy:

"Idh' āvuso, bikkhuno cakkhunā rūpaṃ disvā rūpanimittānusārī viññāṇaṃ hoti …

"Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỳkhưu thấy sắc với con mắt, thức ***theo sau*** *(anusārī) sắc tướng…"*[36] .

Các Giáo thọ sư có dạy: Các trần cảnh xinh đẹp có sức hấp dẫn mạnh với tâm, ví như tiếng kêu của con thú quý hay thú lớn, khiến gả thợ săn tìm đến để bắt chúng.

**** Cảnh bám theo tâm.***

Như trường hợp "hồi tưởng lại những gì đã qua, hay mơ ước những gì sắp đến …".

Cảnh bám theo tâm ví như các quan đại thần phải đi theo Đức vua.

Cảnh bám theo tâm rất rõ trong thời điểm tái sinh.

Khi sắp lâm chung người ấy thấy một trong ba cảnh: Cảnh nghiệp (kammārammaṇa), cảnh nghiệp tướng (kammanimittārammaṇa), cảnh "dấu hiệu đi đến" (gatinimittārammaṇa – thú tướng).

Khi tâm tử diệt đi, tiếp nối là thời điểm tục sinh.

Vào thời điểm tục sinh "cảnh mới chưa thể xuất hiện", để trợ giúp (paccaya) cho *tâm Tục sinh* sinh lên, cảnh trong giai đoạn cận tử sẽ đảm nhận việc này, thế là "cảnh bám theo tâm".

Tâm Tục sinh không những chỉ bị cảnh bám lấy vào thời điểm tục sinh, mà còn bị chúng bám theo suốt cuộc sống trong dòng hữu phần (bhavaṅga).

Bao giờ có cảnh khác mạnh hơn xuất hiện qua một trong sáu cửa (dvāra), cảnh của tâm hữu phần mới bị cắt, những tâm mới sẽ sinh khởi tương ứng với cảnh mới.

Khi cảnh mới diệt đi, cảnh của tâm hữu phần lại xuất hiện và tâm hữu phần lại sinh lên.

Ví như "nước tinh khiết", nước ấy bị muối hay đường hòa vào, "nước tinh khiết" mất, trở thành "nước muối hay nước đường".

Khi tách muối hay đường ra khỏi nước, trở thành "nước tinh khiết" như cũ.

"Sự tinh khiết" ví như cảnh của tâm hữu phần, nước ví như tâm, đường - muối ví như ngoại cảnh.

Đức Phật có dạy:

Pabhassaramidaṃ, bikkhave, cittaṃ. Tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkiliṭṭhan'ti:

"Tâm này, này các Tỳkhưu, là sáng chói, nhưng bị ô nghiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào".

Pabhassaramidaṃ, bikkhave, cittaṃ. Tañca kho āgantukehi upakkilesehi vippamuttan'ti:

Tâm này, này các Tỳkhưu, là sáng chói, và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào."[37]

Cảnh bám theo tâm ví như sự ngân của tiếng cồng chiêng, mặc dù tiếng cồng chiêng đã chấm dứt, hay ví như sự rung của sợi dây đàn khi người ta búng vào, sự búng đã chấm dứt, sự rung vẫn còn.

Cảnh trợ giúp tâm sinh lên (cittuppāda) ***theo ý nghĩa nào?***.

Chữ *cittuppāda* (tâm sinh lên) có ba nghĩa.

* **Tâm sở sinh lên,** như:

Cittuppādesu paccekaṃ, sampayogo pavuccati: *Sự phối hợp của* ***mỗi tâm sở*** *sinh lên sẽ được đề cập đến sau đây".* (Ô. Phạm Kim Khánh dịch)[38] .

* **Tâm sinh lên**, như:

"Vīthicittāni satt' eva; ***cittupādā*** catuddasa…

Có 7 phương cách và 14 loại **tâm** *sinh lên khác nhau trong tiến trình tâm"* (sđd, chương IV).

* **Tâm và tâm sở sinh lên**, như:

"***Cittuppādā***namiccevaṃ, katvā saṅgahamuttaraṃ..

"Sau khi tổng hợp đầy đủ ***tâm và tâm sở*** *sinh lên như vậy…* (sđd).

Khi nói cảnh trợ giúp cho tâm sinh lên, hàm nghĩa có cả tâm sở, vì tâm sinh lên không thể thiếu tâm sở, tâm sở cũng là một trong 4 nhân sinh tâm.

Cảnh duyên có mô thức tổng quát: *Danh - sắc và chế định trợ cho danh*.

---o0o---

03 - Trưởng duyên (Adhipatipaccaya)

1-Định nghĩa.

Cảnh trưởng duyên là mãnh lực trợ sinh và ủng hộ, bằng cách "lớn trội".

Chữ adhipati = adhi + pati.

Nghĩa đen của adhipati là: Chủ nhân cao nhất, hay "người thống trị".

Ở đây, adhipati được dịch là ***trưởng.*** Pāli có giải thích:

- Adhināṇaṃ pati = adhipati:

Trội hơn pháp liên hệ, gọi là ***"trưởng"***.

- Adhipati ca so paccayo hoti = adhipaccayo:

"Trợ giúp với tính cách vượt trội, gọi là ***trưởng duyên****."* [39]

- Jeṭṭhakatthena upakārako dhammo = adhipaccayo:

"Pháp nâng đở bằng cách dẫn đầu, gọi là ***trưởng duyên****"* [40] .

Cách trợ giúp này ví như Đức vua phong chức cho vị quan.

2- Phân tích trưởng duyên.

Trưởng duyên được phân tích thành hai duyên phụ:

- *Cảnh trưởng duyên* (ārammaṇādhipatipaccayo).

- *Đồng sinh trưởng duyên* (sahajātādhipatipaccayo).

A- ***Cảnh trưởng duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya).***

1- Định nghĩa.

Cảnh trưởng duyên là mãnh lực trợ giúp tâm và tâm sở sinh lên được vững mạnh, bằng cách thành cảnh rất tốt.

Những tâm nhận biết những cảnh này, thường hay nhớ lại để rồi diễn tiến trên các lộ trình tâm nhiều hơn các loại tâm khác.

2- Chi pháp.

Năng duyên: Nípbàn + 18 sắc thành tựu (nipphannarūpa)[41] thành cảnh tốt theo ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) đối với người ưa thích + 116 tâm (trừ 2 tâm sân + 2 tâm si + tâm thân thức thọ khổ) và 47 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi).

Sở duyên: Tâm Siêu thế + tâm tham + tâm đại thiện + 4 tâm đại hạnh có trí và 45 tâm sở hợp với các tâm ấy[42] .

Phi sở duyên: 81 tâm hiệp thế và 52 tâm sở hợp khi không nương sinh từ cảnh trưởng + Nípbàn + chế định + sắc pháp[43] .

3- Giải thích.

* Phải hiểu ***tâm*** liên hệ với ***cảnh*** theo nghĩa nào?

trưởng (adhipati*)* và ***duyên*** (paccaya) *theo nghĩa nào*?.

- Phải hiểu *tâm* liên hệ với *cảnh* theo nghĩa "*tâm bám lấy cảnh".*

* Phải hiểu ***trưởng*** theo nghĩa nào?

Phải hiểu *trưởng* (adhipati) theo nghĩa "dẫn dắt"(adhipaccaṭṭha). Tức là "cảnh "dẫn dắt " tâm.

***** Phải hiểu ***duyên*** theo nghĩa nào?

Phải hiểu *duyên*(paccaya) theo ý nghĩa "trợ sinh" và "nâng đở".

Nghĩa là "*trợ cho tâm sinh lên*" đồng thời "*nâng đở tâm vững mạnh*" cả ba sátna sinh - trụ - diệt.

Cảnh trưởng ví như vị lãnh chúa còn những pháp sở duyên ví như thần dân trong lãnh địa.

Khi vị lãnh chúa ra lịnh thì các thần dân phải làm theo mệnh lệnh.

Cũng vậy " cảnh trợ sinh tâm, đồng thời dẫn dắt tâm", gọi là *cảnh trưởng duyên*.

Cảnh duyên và cảnh trưởng duyên khác nhau ở khía cạnh.

Cảnh tuy giúp tâm và tâm sở sinh lên nhưng không có hấp lực mạnh, ví như bạn giúp bạn.

Còn ***cảnh trưởng*** cũng giúp tâm và tâm sở sinh lên, nhưng tâm nằm trong quyền lực của cảnh, bị cảnh ràng buộc.

Ví như người được đức vua ban chức tước nhưng vị ấy bị ràng buộc bởi nghi lễ của Hoàng gia.

b- Các mô thức cảnh trưởng.

* ***Cảnh trưởng*** là cảnh *rõ nét* và đa số đều đồng ý là tốt đẹp, đáng được yêu thích, đáng hài lòng.

Như vàng, ngọc, châu báu, tâm thiền, tâm Siêu thế, Nípbàn …

* ***Cảnh trưởng*** là cảnh đáng hài lòng của người này, nhưng không phải là nơi hài lòng của người khác.

Như "hài tử" là nơi đáng hài lòng của bà mẹ, nhưng không phải là nơi "đáng hài lòng" của kế mẫu …

Và "hài tử" chỉ là cảnh trưởng của bà mẹ, không là cảnh trưởng của kế mẫu.

Ngài Ledi Sayadaw có giải thích:

Trong Bổn sanh *Sutasoma jātaka*[44] , do ham thích thịt người vua *Porisāda* từ bỏ ngai vàng để đi tìm thịt người và sống lang thang trong rừng.

Ở đây, *vị thịt người* là "cảnh trưởng" đối với tâm tham của vua Porisāda, nhưng không là cảnh trưởng với người khác.

c- Giải về năng duyên (paccayo).

Chi pháp năng duyên trong cảnh trưởng duyên là:

Nípbàn + 18 hiển sắc + 116 tâm (trừ 2 tâm Sân + 2 tâm Si và tâm Thân thức thọ khổ) + 47 tâm sở hợp (trừ 4 tâm sở Sân phần + tâm sở Hoài nghi).

* N***ípbàn***: Là cảnh trưởng của tâm Đạo và tâm Quả Siêu thế.

1'-Sắc pháp là cảnh trưởng.

Với 18 hiển sắc (nipphannarūpa - sắc thành tựu) xinh đẹp, chúng là cảnh trưởng của những tâm tham ái.

Nói cách khác chúng trợ giúp cho tâm tham sinh lên.

* *Về tứ đại.*

- Đất là cảnh trưởng, như vàng, ngọc, đá quý… trợ giúp cho tâm tham sinh lên, hay trợ giúp cho tâm sân sinh lên khi mất chúng…

- Lửa là cảnh trưởng, như hơi nóng, ấm trong mùa lạnh, khí hậu mát mẻ…

- Gió là cảnh trưởng, như gió mát trong mùa hè, sự chuyển động nhanh chóng của các phương tiện di chuyển…

- Nước là cảnh trưởng, như sự hàn gắn được những vật quý bị gẫy (những thanh kiếm quý bị gẫy, người thợ rèn hàn dính lại được,)…

Nói chung, những gì "được hàn gắn lại" làm cho tâm thích thú, bấy giờ "nước là cảnh trưởng".

Nên ghi nhận là "sự kết dính là đặc tính của nước", tâm hài lòng với "đặc tính gắn liền ấy", bấy giờ "nước mới là cảnh trưởng".

* *Về 5 sắc cảnh.*

- Thích thú sắc tướng (rūpanimitta) xinh đẹp của mình hay của người khác, sắc cảnh sắc ấy là cảnh trưởng.

- Thích thú âm tướng (saddanimitta) du dương của mình hay của người…

-Thích thú hương tướng (gadhanimitta) ngào ngạt… vị tướng (rasanimitta) thù diệu … xúc tướng (phoṭṭhabbanimitta) êm ái…

* *Về 5 sắc thần kinh.*

Đối với 5 sắc thần kinh cũng thế, như yêu thích mắt tỏ, tai tinh, mũi thính, lưỡi nhạy bén (như một số người nếm rượu chẳng hạn), thân nhạy cảm…

Đối với 2 sắc tính thì sao?

Nữ nhân là cảnh trưởng của nam nhân, nam nhân là cảnh trưởng của nữ nhân.

"Itthī, bhikkhave, purisādhipāyā appaṃ rattiyā supati, bahuṃ jaggati.

"Nữ nhân, này các tỳkhưu, thao thức (adhippāyā) đến nam nhân, ban đêm ngủ ít thức nhiều.

"Puriso, bhikkhave, itthādhipāyo appaṃ rattiyā supati, bahuṃ jaggati

"Nam nhân, này các tỳkhưu, thao thức đến nữ nhân, ban đêm ngủ ít thức nhiều.[45]

* Với người thích thú với tuổi thọ dài của mình, hay thích thú được sống lâu, bấy giờ "sắc mạng quyền (jīvitindriyarūpa)" là cảnh trưởng.

* Chất bổ dưỡng (ojā) là cảnh trưởng người gầy yếu, hay cho người bịnh vừa khỏi ... (sắc vật thực là cảnh trưởng).

Sắc ý vật làm cảnh trưởng ra sao?

Đây là trường hợp rất đặc biệt chỉ có với một số người lúc lâm chung, người này nhận sắc ý vật làm cảnh, cảnh ấy lại lớn trội nên là cảnh trưởng.

Điều này không phổ thông cho tất cả.

Các Giáo thọ sư đời sau, gom 6 sắc vật (5 sắc thần kinh và sắc ý vật), gọi chung là "*Vật cảnh sinh tiền trưởng duyên* (vatthupurejāta - ārammaṇādhi paccayo)" (vật sinh trước làm cảnh trưởng trợ giúp tâm sinh lên).

Duyên này trùng chi pháp với ***"Vật cảnh cận y duyên"*** (sẽ giải thích sau), chỉ khác khía cạnh "làm trưởng" và "nương nhờ vững mạnh" mà thôi.

2'- Danh pháp là cảnh trưởng.

Ngoài hai tâm Sân, hai tâm Si và Thân thức thọ khổ, tất cả tâm Dục giới còn lại, tâm Sắc giới, tâm Vô sắc giới, tâm Siêu thế (lokuttaracitta) cùng các tâm sở đồng sinh với chúng làcảnh trưởng theo từng trường hợp.

- *Tâm Tham là cảnh trưởng ra sao?*

Thật ra, tâm tham không phải là điều ưa thích của nhiều người.

Điều ưa thích của nhiều người chính là Tà kiến và Ngã mạn, hai tâm sở này thường đi chung với tâm Tham.

Gọi tâm tham là cảnh trưởng ám chỉ "Tà kiến" hay "Ngã mạn".

Với người có khuynh hướng tà kiến, khi suy gẫm về loại tà kiến nào đó với sự thích thú, bấy giờ loại tâm Tham hợp Tà kiến là cảnh trưởng.

Với người ngẫm nghĩ về "sự hơn người" của mình, hoặc người hay "khoe khoang về cái tôi, cái của tôi", khi ấy tâm Tham hợp Ngã mạn là cảnh trưởng.

- *Mười bảy (17) tâm vô nhân là cảnh trưởng ra sao?*.

Như người thích thú khi "thấy rõ", "nghe nhạy"… hay "thích thú" khi nhận 5 trần cảnh khả ái…

*- *Tâm thiện, tâm thiền là cảnh trưởng* ra sao?

Điều thiện hay những tầng thiền định là điều đáng yêu thích cho nhiều người, nên những tâm thiện, tâm thiền hiệp thế (lokiyajhānacittaṃ) là cảnh trưởng, điều này cũng dễ hiểu.

- *Tâm thiện là cảnh trưởng.*

Trong câu chuyện Sutasomajātaka ở trên, Bồtát Sutasoma vì lời hứa với vua Porisāda.

Ngài từ bỏ vương quyền cùng thân tộc, đi vào rừng tìm vua Porisāda, khi gặp được vua Porisāda, Bồtát đặt sinh mạng mình vào tay của vua Porisāda để "làm tròn lời hứa".

Ở đây, *"làm tròn lời hứa"* là do "tâm sở Chánh ngữ" (sammāvācā cetasika), điều sử, và "tâm sở Chánnh ngữ" là cảnh trưởng đối với tâm của Bồtát.

- *Tâm thiền là cảnh trưởng.*

Những ai đắc thiền thì không bao giờ thiếu sự quý trọng đối với tầng thiền mà vị ấy đã chứng đắc. Đó là cảnh trưởng đối với tâm của vị ấy.

- *Tâm Siêu thế là cảnh trưởng.*

Các bậc Thánh bao giờ cũng quan tâm nhiều đến các pháp Siêu thế (lokuttaradhammā)[46] mà vị ấy chứng đạt và an trú.

Các tâm Siêu thế là cảnh trưởng trong tâm lộ phản khán của vị Thánh.

Lại nữa, tâm Quả Siêu thế sẽ là cảnh trưởng trong lộ nhập Thiền Quả của vị Thánh[47] .

d- Giải về sở duyên.

Các pháp sở duyên của cảnh trưởng là: 8 tâm Tham + 8 tâm Đại thiện + 4 tâm Đại hạnh có trí+ 8 tâm Siêu thế.

* Tám tâm Tham sinh lên khi nhận 18 hiển sắc làm cảnh trưởng, ngoài ra các danh pháp hiệp thế tốt đẹp cũng là duyên khiến tâm Tham sinh khởi.

Như người bố thí mong mỏi sinh về cõi trời…

Nói cách khác, khi sáu trần cảnh tốt đẹp (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp khả lạc, khả ái liên hệ đến dục) xuất hiện qua sáu cửa (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý môn), khiến sinh khởi tâm Tham.

* Tám tâm Đại thiện làm cảnh trưởng trợ giúp cho 8 tâm Đại thiện sinh lên.

Như người nhớ lại thiện nghiệp đã làm, thích thú hoan hỷ với thiện nghiệp ấy.

* Bốn Đại thiện có trí là sở duyên của Nípbàn trong lộ phản khán Nípbàn [48] .

* Bốn Đại thiện có trí là sở duyên của tâm Đạo siêu thế và tâm Quả Siêu thế hữu học trong lộ phản khán Đạo [49] - Quả Siêu thế hữu học[50] .

* Trong lộ phản khán khi chứng đắc Alahán thì tâm Tứ Đạo + tâm quả Alahán là cảnh trưởng cho 4 tâm Đại hạnh có trí sinh lên trong tâm lộ phản khán đạo - quả Alahán.

* Tám tâm Siêu thế là sở duyên của cảnh trưởng Nípbàn.

*- Chín tâm thiền thiện hiệp thế[51] là cảnh trưởng cho 4 Đại thiện có trí sinh lên trong lộ phản khán chi thiền.

Tuy trong lộ tâm phản khán chi thiền có tâm đại thiện ly trí (không có trí) sinh lên, nhưng bấy giờ cảnh không còn là trưởng vì không hấp dẫn tâm, đồng thời không còn rõ nét.

Tương tự như thế, 9 tâm Duy tác thiền (kiriyajhānacittaṃ)[52] trợ giúp cho 4 tâm Đại hạnh có trí sinh lên trong tâm lộ phản khán chi thiền của bậc Alahán.

Vì sao những tâm vô nhân không là sở duyên?

Những tâm vô nhân chỉ là sở duyên đối với cảnh duyên mà không là sở duyên đối với cảnh trưởng, cảnh chỉ là ***trưởng*** (vượt trội) đối với những tâm ưa thích.

Những tâm vô nhân sinh lên theo cách vận hành của pháp, ngay cả tâm Sinh tiếu của vị Thánh Alahán cũng thế, nên những tâm vô nhân không là sở duyên của cảnh trưởng duyên.

Ví như người thờ ơ với mọi việc, dù sự việc có tốt đẹp, người này cũng không quan tâm đến.

Cũng vậy, tâm vô nhân vì không có nhân tương ưng (hetusampayuttaṃ), nên cảnh có tốt đẹp cũng chỉ nhận thức cảnh theo cách bình thường.

Tương tự như thế đối với những tâm quả hữu nhân hiệp thế[53] .

Vì sao tâm thiền không là sở duyên của cảnh trưởng duyên?.

Vì các cảnh thiền Sắc giới chỉ là *khái niệm* (sammuti - chế định), chế định không thể là cảnh trưởng.

Do đó các tâm thiền Sắc giới không là sở duyên của cảnh trưởng duyên.

Tương tự như vậy, đối với hai tầng thiền "Không vô biên xứ" và "Vô sở hữu xứ" .

Chỉ có điều khác biệt là: Cảnh *khái niệm* của thiền Sắc còn liên hệ đến sắc tưởng, cảnh *khái niệm* của thiền Vô sắc thì không liên hệ đến sắc tưởng.

Tâm thiền Thức vô biên xứ (viññāṇañcāyatana) nhận cảnh là "tâm không vô biên xứ (ākāsānañcāyatana) *đã diệt*" làm đề mục. *Danh sắc đã diệt* không thể là cảnh trưởng.

Tâm thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ (nevasaññānāsaññāyatana) thì nhận các *hành còn sót lại* (đã diệt) của tâm Vô sở hữu xứ làm đề mục. Các *hành còn sót lại* (đã diệt) rất yếu ớt, nên chúng không thể thành cảnh trưởng.

Do đó, các tâm thiền Vô sắc không trở thành sở duyên của cảnh trưởng duyên.

Cảnh trưởng duyên có mô thức tổng quát là: Danh - sắc trợ cho danh (tùy trường hợp).

B- Đồng sinh trưởng duyên (Sahājātādhipatipaccaya).

1- Định nghĩa.

Đồng sinh trưởng duyên là mãnh lực trợ sinh và ủng hộ tâm và tâm sở cùng sinh lên được vững mạnh, bằng cách là "cảnh lớn trội".

Tức là năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, năng duyên vừa là trưởng vừa là cảnh.

Pháp trưởng (adhipatidhammā).

Có bốn pháp làm trưởng, đó là:

- *Dục trưởng* (chandādhipati). Là sự mong ước vượt trội hơn các pháp đồng sinh khác, như kinh văn :

"So sace ākaṅkhati -' anekavihitaṃ iddhividhaṃ…

"*Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông…"* [54] ..

Dục trưởng này có hai loại: Là dục bất thiện và dục thiện.

* *Dục bất thiện.* Là loại ước muốn đi chung với tham, sân.

Như người ao ước với tài sản của người khác, hay người mong muốn được sát hại kẻ nghịch, kẻ thù của mình …

Lại nữa, dục bất thiện là ước muốn hưởng thụ những dục lạc thế gian.

Đức Phật có dạy trong bài kinh "thọ sanh do bố thí (dānūpapattiyo)[55] .

Đại ý là " trên nền tảng giới, một người bố thí, rồi có ước muốn được sinh vào gia tộc vua quan, hay được làm chư thiên. Tâm người ấy hướng về thấp kém."

* *Dục thiện.* Là mong ước thực hiện những thiện pháp, thành tựu những pháp thượng nhân như thiền định, Đạo - quả Siêu thế.

Dục thiện là ước muốn đi chung với vô tham, vô sân, vô si.

Chi pháp của dục trưởng là ***tâm sở Dục*** (chanda cetasika).

- *Cần trưởng* (viriyādhipati). Là sự nỗ lực vượt trội hơn những pháp đồng sinh khác.

Như trường hợp Đức Ānanda nỗ lực hành đạo trong đêm trước khi kết tập Kinh điển một ngày.

Cần trưởng cũng có hai loại: Bất thiện và thiện.

* *Cần bất thiện* là nỗ lực thực hiện những điều ác như sát sanh, trộm cắp…

* *Cần thiện* là nỗ lực trong các thiện nghiệp như bố thí, trì giới hay nỗ lực để chứng đắc các pháp thượng nhân …

Chi pháp của cần trưởng là tâm sở Cần (viriyacetasika).

- *Tâm trưởmg.* Là sự suy gẫm đến đối tượng (ārammaṇa) vượt trội hơn các pháp khác (chữ citta từ ngữ căn cit là "suy gẫm").

Như trường hợp hành giả suy gẫm về trạng thái vô thường, nhân quả, hay suy gẫm về những hiện tượng trong thiên nhiên hoặc người mãi mê suy tư về một vấn đề nào đó.

Hoặc giả tâm bám khắn khít vào đối tượng trong một thời gian dài như trường hợp nhập thiền hay đang nhận cảnh rất đặc biệt như cảnh Nípbàn.

Nói gọn, tâm trưởng ở đây là những tâm đồng lực nhị nhân và tam nhân khi phát huy sức mạnh trọn vẹn.

Và tâm trưởng có thể là bất thiện như những tâm tham, sân, hoặc là tâm thiện hay tâm đồng lực vô ký hữu nhân của vị Thánh Alahán.

Tổng cộng là 84 tâm[56]

- *Thẩm trưởng.* Là sự xem xét vượt trội hơn các pháp khác.

Như khi xem xét về tam tướng: Vô thường, khổ, vô ngã. Chi pháp của thẩm trưởng là tâm sở Trí.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Là một trong bốn pháp trưởng: Dục, cần, tâm, và trí [57] .

Bốn pháp này không cùng "làm trưởng" trong một thời điểm, trong một thời điểm có thể không có pháp trưởng nào cả, nếu có chỉ có một mà thôi.

- *Sở duyên.* Là 52 tâm đồng lực (javanacitta) nhị, hay tam nhân[58] và 52 tâm sở hợp (hoặc 51 tâm sở trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm trưởng[59]

- *Phi sở duyên.*

* *Về danh pháp* : 54 tâm dục giới và tâm sở hợp với chúng khi không là sở duyên + 5 tâm quả thiền Sắc giới + 4 tâm quả thiền Vô sắc giới.

* *Về sắc pháp* : Sắc tâm phi trưởng + sắc nghiệp + sắc thời tiết (uturūpa), sắc vật thực.

3- Giải thích.

- *Phải hiểu **đồng sinh** (sahājāta) theo nghĩa nào?*

Phải hiểu "***đồng sinh***" (sahajāta) theo nghĩa "cùng sinh lên" (sahuppādanaṭṭha).

- *Phải hiểu **duyên (paccaya)** theo nghĩa nào**?***

Phải hiểu ***duyên*** theo nghĩa "*trợ sinh và giúp đỡ*".

Chuỗi danh sắc không xuất hiện riêng lẻ, chúng xuất hiện ít nhất cũng phải có 8 pháp.

Như sắc pháp có đoàn sắc bất ly là một tập hợp có ít pháp đồng sinh nhất trong các đoàn sắc.

Còn danh pháp thì "tập hợp của một trong 5 đôi thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức) và 7 tâm sở Biến hành, là tập hợp ít nhất.

Hoạt động của chuỗi danh hay sắc cùng sinh lên cùng tồn tại rồi cùng diệt đi, gọi là ***đồng sinh*** *(sahuppāda)*.

Chúng cùng xuất hiện rồi trợ giúp nhau như thầy và trò cùng vào lớp, thầy giúp trò có được kiến thức trong học vấn ...

Mãnh lực trợ giúp ấy gọi là *duyên* và *duyên* ở đây được hiểu theo ý nghĩa *trợ giúp, nâng đỡ*là chính.

- *Phải hiểu **"trưởng"** (adhipati) theo nghĩa nào?*

Chữ ***adhi*** *(cao tột)* ở đây được hiểu theo ý nghĩa "*phát triển vượt trội"* (abhibhāvanaṭṭha).

Chữ ***pati*** (chủ nhân) được hiểu theo nghĩa *" dẫn dắt"*.

Trưởng ở đây được hiểu theo nghĩa "thu phục và dẫn dắt".

Như vua Chuyển luân (*Cakkavatti)* với đức độ của mình đã *thu phục* tất cả các nước chư hầu, Ngài trở thành vị chúa tể của cõi Diêmphù (jambūdīpa), *hướng dẫn* dân chúng theo ý muốn của mình.

Và thần dân trong cõi Diêmphù trở thành người được dẫn dắt[60].

Vua Chuyển luân ví như *pháp trưởng (*adhipatidhamma), còn thần dân ví như những *pháp sở duyên* (paccayuppannā) đồng sinh với pháp trưởng.

Hay ví dụ khác: Trong thành phần của tứ đại (đất, nước, lửa, gió), khi một thành phần "lớn trội" thì ba thành phần còn lại phải theo thành phần lớn trội ấy.

Như khi đặt chân xuống chẳng hạn, "chất đất lớn trội" chìm xuống, ba chất còn lại cũng phải "chìm xuống".

Khi bước tới, "chất gió lớn trội", cả thân hình tiến tới trước, ba chất còn lại cũng phải "tiến tới"…..

* ***Về năng duyên***.

Chỉ khi nào một trong bốn pháp: Dục, cần, tâm, trí vượt trội hơn các pháp đồng sinh, bấy giờ chúng mới trở thành pháp trưởng.

Ba pháp trưởng: Dục, cần, trí có trong các tâm đổng lực nhị hay tam nhân.

Về *tâm trưởng*; chỉ có tâm đổng lực nhị hay tam nhân mới có thể làm pháp trưởng.

Những tâm quả hiệp thế tam nhân vì không có phận sự "xử lý cảnh" (javanakicca), nên chúng không trở thành pháp trưởng.

Và trong mỗi tâm, nếu có pháp trưởng thì chỉ có một mà thôi.

Hỏi: Bốn pháp trưởng này và bốn pháp *căn bản thành tựu* (iddhipāda – như ý túc) có giống nhau không?

Đáp: Xét về chi pháp thì như nhau, nhưng có những nét khác biệt như sau:

- Gọi là ***trưởng*** theo ý nghĩa "lớn trội" hơn các pháp khác; gọi là ***như ý*** theo ý nghĩa "thành tựu theo ý".

- *Pháp trưởng* (adhipati dhammā) có cả thiện lẫn bất thiện, còn pháp *như ý* (iddhipāda dhammā) thuần thiện, vì đó là "chi phần dẫn đến giác ngộ (bodhipakkhiya)".

Pháp như ý (iddhipāda dhammā) dẫn đến thành tựu thiền định, thần thông và đạo - quả Siêu thế, như kinh văn:

"So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye ṭhite ānejjappatte pubbenivāsānussatiñāṇāya cittaṃ abhininnāmeti"

"*…Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh"*.

"… sattānaṃ cutūpapātañāṇāya cittaṃ abhininnāmeti (… *hướng tâm đến trí tuệ về sự sanh tử của chúng sanh)"* (tức là sinh tử minh).

"… āsavānaṃ khayañāṇāya cittaṃ abhininnāmeti".

"... *vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí* (HT. Thích Minh Châu dịch)[61].

Hỏi. Có ý kiến cho rằng "xét về tâm sở dục" (chanda) so với tâm sở Tham và tâm sở Sân ", thì tham - sân có sức mạnh hơn dục. *Vì sao tâm sở Tham, tâm sở Sân không là pháp trưởng?*

***Đáp*:** Thực vậy, có những lúc "dường như" tham – sân có năng lực hơn "dục", người thiếu trí sẽ nghĩ thế, nhưng thật ra không phải thế.

Sở dĩ Tham – Sân "có vẻ" mạnh hơn Dục - Cần, đó là do *tâm Tham hay tâm Sân **làm trưởng***(không phải tâm sở Tham hay tâm sở Sân).

Ví như Đức vua nghe lời của "nịnh thần" ra lịnh cho các quan thực hành lịnh vua, các vị quan nghĩ là "làm theo lịnh Đức vua", không nghĩ là "theo lịnh nịnh thần". Vì rằng:

* Trước tiên, tham – sân phải nương tựa vào dục để sinh khởi, như Phật ngôn:

"Sabbedhammā chandamūlakā: *Các pháp lấy dục làm gốc rễ*"[62].

Nếu không có "ý muốn thụ hưởng dục lạc" thì Tham không sinh khởi, không có "ý muốn tiêu diệt kẻ thù, làm hại chúng sinh khác" thì Sân không sinh khởi.

Tuy tâm Tham và tâm Sân cũng "nương vào dục" để sinh khởi, nhưng tâm Tham và tâm Sân có phận sự "dẫn dắt" các tâm sở, do đó tâm Tham và tâm Sân làm trưởng được.

Còn phận sự tâm sở Tham là "bám dính đối tượng", phận sự của tâm sở Sân là "hủy diệt đối tượng", 2 phận sự này chẳng liên quan gì đến tâm sở Dục.

* Xét về tầm hoạt động thì: Tâm sở Dục và tâm sở Cần là loại tâm sở Biệt cảnh (pakiṇṇaka cetasika).

Tâm sở Dục có mặt trong 101 tâm (trừ 18 tâm vô nhân + 2 tâm Si).

Tâm sở Cần có mặt trong 105 tâm (trừ 15 tâm quả vô nhân + tâm Hướng ngũ môn).

Cả hai tâm sở Dục - Cần hợp được 51 tâm sở (trừ chính nó).

Tâm sở Tham chỉ hợp trong 8 tâm Tham và 21 tâm sở.

Tâm sở Sân chỉ hợp trong 2 tâm Sân và 21 tâm sở [63].

Xét về khía cạnh "hoạt động", Dục – Cần có "tầm hoạt động rộng hơn Tham – Sân".

Đối với bậc trí, Dục có sức mạnh hơn Tham, vì có những trường hợp người đang bị tham chi phối, người ấy "có ý muốn xuất gia", "có ý muốn dứt bỏ sự ái luyến" và người ấy thực hiện được "ý muốn ấy". Điều này chứng tỏ "Dục có sức mạnh hơn Tham", nếu Dục không có sức mạnh hơn thì "người ấy không thể lìa bỏ gia đình giàu sang, để xuất gia tu tập, thoát khỏi sinh tử luân hồi". Như trường hợp công tử Ratthapāla hay công tử Sudinna … [64]

Tương tự như vậy, tâm sở Dục có sức mạnh hơn tâm sở Sân, một người đang bị sân chi phối nhưng người này vẫn có khả năng kềm chế tâm sân.

Như vị thiên nữ trong Chú giải kinh Pháp cú, hoặc người này có "ý muốn diệt trừ tâm sân đang có" và sân đã bị đẩy lùi.

Ví dụ về 4 pháp trưởng.

Để hiểu bốn pháp trưởng này, chúng ta có thể minh họa qua một công trình rất lớn đầy gian khổ, nhưng rất đặc biệt, như sau.

Một công trình lớn với nhiều khó khăn, Thành tựu được một lớn với nhiều gian khó, cần phải có 4 yếu tố nổi bật là : Dục, cần, tâm, trí.

*- Người không có *"ý muốn làm"* thì ý lực của họ đã bị đẩy lui xuống, họ sẽ từ chối "việc này ngoài khả năng của tôi", nếu buộc phải làm họ sẽ làm với sự uể oải, trì trệ. Và công trình không hoàn tất như mong muốn.

Với người "*có ý muốn làm"*, họ sẽ tiến hành thực hiện công trình. Tâm của họ cảm thấy hứng khởi với công việc, nói rằng: "điều này nằm trong khả năng của chúng ta".

Người này sẽ không từ bỏ công trình, bao giờ công trình được hoàn tất, bấy giờ "mong muốn làm" mới không còn.

Đây là ***Dục làm trưởng***.

* Đối với người lười biếng, khi đối diện với những khó khăn, lập tức họ co rúm lại, vì thấy trước "sẽ phải chịu đựng nhiều gian lao, vất vả".

Với người "năng động", người này thấy rằng "mình có khả năng làm được việc này", họ cố gắng thực hiện bất chấp khó khăn, bất chấp thời gian, cho đến khi nào công trình được hoàn thành mới thôi. Người này chỉ nghĩ có một điều "việc cần làm phải làm".

Với sự nỗ lực kiên trì, công trình ấy chóng muộn gì cũng sẽ hoàn thành.

Đây là ***Cần làm trưởng***.

* Với người có tâm yếu đuối, họ sẽ lùi bước khi thấy công trình lớn và nhiều khó khăn.

Ngược lại, người có tâm dũng mãnh sẽ hăng hái đối với những công trình đặc biệt như thế, sẽ dành nhiều thời gian suy nghĩ đến công trình đặc biệt này và quyết thực hiện cho dù thời gian có dài hay gặp nhiều khó khăn.

Đây là ***Tâm làm trưởng***.

* Lại nữa, với người thiếu trí họ sẽ lúng túng không thể tìm ra phương án đối phó với những chướng ngại, những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện, họ sẽ không biết bắt đầu từ đâu, kết thúc như thế nào?

Họ có cảm giác như rơi vào bóng tối, không có tia sáng soi rọi để hoàn thành được công trình.

Trái lại, nhờ có trí người này khéo léo giải quyết được những khó khăn, những chướng ngại.

Nhờ có trí, người này biết bắt đầu từ điểm nào và sẽ kết thúc ra sao, người này lường trước được những thuận lợi lẫn khó khăn trong tiến trình thi công, sẽ có kế sách hợp lý nhất để ứng phó mọi trường hợp xảy ra.

Lại nữa, người này phát minh ra nhiều dụng cụ, nghĩ ra nhiều phương thức để thực hiện công việc được dễ dàng …

Đây là ***Trí làm trưởng***.

Nhờ bốn điều kiện *vượt trội* (adhipati) này, công trình được hoàn thành.

Cũng vậy, nhờ có bốn pháp trưởng, một người bình thường sẽ trở thành Đức Phật Chánh giác, bậc Độc giác hay vị thánh Alahán …. Tùy theo ý nguyện của mình.

Sự xuất hiện của những bậc Đại nhân như vậy, sẽ mang lại lợi ích cho chúng sinh.

Cũng từ bốn trưởng này, xuất hiện nhiều bộ môn nghệ thuật, khoa học cùng các loại vật dụng để phục vụ cho nhu cầu của con người trong nền văn minh hiện đại.

Vì sao hai tâm Si không là tâm trưởng?

- Đối với tâm Si hợp Hoài nghi, do tính chất phân vân của tâm sở Hoài nghi nên cùng với sự muội lược của tâm sở Si nên chúng không thể điều hành các pháp đồng sinh với chúng theo tính cách nổi bật.

- Đối với tâm Si hợp Phóng dật, do tính không an trụ vững trong cảnh của tâm sở Phóng dật (uddhaccacetakia) lại đi chung với "mê muội". Do đó tâm Si hợp phóng dật không thể "nổi bật".

- ***Về sở duyên***.

Thế nào là ***sắc tâm trưởng***.

Sắc tâm trưởng là loại sắc do tâm tạo có pháp trưởng đồng sinh với tâm, như Kinh văn:

"Chandādhipaī chandasampayuttakānaṃ dhammānaṃ taṃ sammuṭṭhānānañca rūpānaṃ adhipatipaccayena paccayo"

"Dục trưởng (chandādhipati) trợ cho các pháp tương ưng dục (chanda) và các sắc tâm sở sinh bằng trưởng duyên"[65] ….

Theo Kinh văn trên, chính là loại sắc tâm tạo có Dục là trưởng.

Các loại sắc tâm có tâm sở Cần (viriyacetasika) là trưởng, các loại sắc có tâm sở Trí (paññācetasika) là trưởng, các loại sắc có Tâm là trưởng, cũng hiểu tương tự.

Ngoại trừ "năm đôi thức" không tạo ra sắc tâm, các tâm khác sẽ tạo ra loại sắc để hoạt động theo ý.

Với những tâm không có pháp trưởng, sắc do tâm tạo ra chỉ là loại sắc tâm bình thường, như vươn vai, ngáp, ợ …

Với những tâm có pháp trưởng, sắc do tâm tạo ấy gọi là sắc tâm trưởng, như chấp tay lễ bái Tam bảo một cách thật cung kính…

Hay nét mặt hung hản khi tâm Sân làm trưởng, hoặc "nét gian ngoa, xảo quyệt" khi tâm Tham làm trưởng…

Đồng sinh trưởng duyên có mô thức tổng quát là: Danh trợ cho danh sắc.

---o0o---

04 - Vô gián duyên (Anantarapaccaya).

1- Định nghĩa.

Vô gián duyên là mãnh lực trợ sinh bằng cách *"không gián đoạn"* hay "không có khoảng cách".

Chữ anantara = na (không có) + antara (khoảng cách).

Gọi là *Vô gián* (anantara) là nói đến "tâm diệt rồi sinh lên ngay", không hề có kẻ hở.

Gọi là "*duyên"* là cách trợ giúp sinh lên. ***Bằng cách nào?***

Bằng cách: Tâm và tâm sở vừa diệt đi, giúp cho tâm và tâm sở kế tiếp "có dịp" sinh lên.

Ví như có đoàn người xếp hàng đi vào mua vé, người này mua vé xong đi ra, người kế tiếp mới có cơ hội mua vé.

Hay như những viên kẹo nối tiếp trên đường "băng", viên này rơi xuống xong rồi, viên kế tiếp mới rơi xuống; "sự rơi xuống" này không hề bị gián đoạn.

Pāli có giải thích:

Anantarayati antaraṃ karotīti:

Làm cho có khoảng giữa, gọi là khoảng cách.

"Natthi yesaṃ antaranti = anantarā:

"Khoảng cách nơi đó không có, gọi là Vô gián"

Anantarabhāvena upakārako dhammo= anantarapaccayo.

"Pháp nâng đở làm cho (bhāvena) không có khoảng cách, là Vô gián duyên"[66] .

2- Chi pháp.

Năng duyên: Là tâm + tâm sở sinh trước đó (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

Sở duyên: Là tâm và tâm sở sinh sau ngay đó.

Phi sở duyên: Là sắc pháp + Nípbàn + chế định..

3- Giải thích.

a- Vì sao gọi là ***vô gián*** (anantara)*?*

Gọi là "*vô gián*", vì tạo ra ngay tâm và tâm sở không hề có khoảng cách. Tâm trước diệt đi, tâm sau sinh lên, tâm sau là sở duyên của tâm trước, nhưng là năng duyên cho tâm sau sau …

Và ***duyên*** (paccaya) ở đây được hiểu theo ý nghĩa *"trợ sinh".*

Trong một kiếp sống của một chúng sinh, có 3 thời điểm chính: Thời tục sinh và thời tử, giữa hai thời tục sinh và tử là thời bình nhật.

Chúng ta xét tâm lộ diễn tiến vào thời điểm tục sinh (paṭisandhikāla) như sau:

Biểu đồ:

Ts – 14b – R – D – K – 5C – Bh – Bh

Ký hiệu:

Ts: Paṭisandhiviññāṇa (thức tục sinh).

Bh: Bhavaṅga (hữu phần).

R: Bhavaṅgacalana (hữu phần Rúng động).

D: Bhavaṅgupaccheda (Hữu phần dứt dòng).

K: Manodvāravajjanacitta (tâm hướng ý môn)

C: Javana (đổng lực).

Nhìn vào diễn tiến tâm lộ tục sinh, chúng ta thấy tâm Tục sinh có liên quan đến tâm Hữu phần thứ nhất, tâm hữu phần thứ 1 lại liên quan đến tâm hữu phần thứ hai.…

Cách ***liên quan*** (paccaya) nối tiếp không hề bị gián đoạn như thế, gọi là ***vô gián duyên***.

Tâm Tục sinh trợ giúp cho tâm hữu phần thứ 1 bằng cách nào?

Chính dư hưởng của cảnh trong tâm tục sinh trợ giúp tâm hữu phần thứ 1 sinh lên.

Đức Phật có dạy:

- "Manañca paṭicca dhamme ca upajjati manoviññānaṃ:

Do duyên ý[67] *và các pháp khởi lên ý thức"* [68].

Và cách thức này cứ diễn tiến cho đến khi có cảnh mới sinh lên.

Trải qua 14 tâm hữu phần, một "cảnh mới" khởi lên từ bên trong làm cho dòng hữu phần dao động, rồi bị cắt đứt.

Cái gì khiến cảnh mới sinh lên làm dòng hữu phần bị dao động rồi bị cắt đứt?

Chính tâm sở Tưởng (saññācetasika) hợp cùng tâm sở Tác ý (manasikāracetasika), tâm sở tưởng "nhớ lại" và "tâm sở tác ý "dựng cảnh mới" cho tâm.

Điều này rất rõ ràng trong khi ngủ xuất hiện những giấc mơ.

Đức Phật có dạy:

- "Manasikārasambhavā sabbe dhammā:

Các pháp lấy tác ý làm sinh khởi" [69].

Bấy giờ một tâm khác sinh lên, gọi là Hướng ý môn (manodvāravajjana) mở đường cho một loại tâm tham sinh khởi, để gắn liền với kiếp sống mới, loại tâm tham này diễn tiến đến 5 sátna.

Cái gì giúp cho tâm tham sinh khởi?

Chính là tác ý không đúng (ayoni so manasikāra) trong tâm Hướng ý môn trợ giúp cho tâm tham sinh lên.

Chúng ta thấy cách trợ giúp cho tâm + tâm sở sinh lên sau rất đa dạng và phức tạp như thế.

Nhưng ở đây không đề cập đến sự đa dạng, phức tạp ấy; chỉ đề cập đến khía cạnh *"nối tiếp không có khoảng trống"*, và được gọi là ***Vô gián duyên***.

Nên ghi nhận: Đổng lực trong tâm lộ tục sinh luôn luôn là đổng lực tham cho dù đó là bậc Thánh Anahàm, cho dù nơi tái sinh là cõi Tịnh cư (suddhāvāsa).

Năm sátna đổng lực trong lộ tục sinh nêu lên "ý mong muốn có một kiếp sống mới", để rồi dòng hữu phần trôi chảy, tiếp theo là những tâm lộ có 7 đổng lực tham sinh khởi để "tăng cường sức mạnh "dính mắc", dán chặt vào sinh hữu mới.

Thực tế, chúng sinh này không biết gì về kiếp sống mới hiện tại, trong giai đoạn này.

Tâm thức của chúng sinh ấy chỉ phản ánh những gì có được trong kiếp sống trước, nhưng vì tâm quá yếu nên cảnh cũng không phản ánh rõ ràng, chỉ là loại cảnh mơ hồ.

Nói chung, trong giai đoạn này chỉ sinh lên những tâm đồng lực đi chung với phóng dật (uddhacca).

Sau hai tháng kể từ lúc thụ thai, trong giai đoạn này chúng sinh ấy dần dần phát triển đầy đủ, mắt, tai, mũi, lưỡi.

Nhưng vì không có ánh sáng, âm thanh, mùi, vị trong thai bào của người mẹ, nên bốn loại thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thức không sinh lên, chỉ có thân thức và ý thức.

Chúng sinh này chịu nhiều đau khổ mỗi khi người mẹ thay đổi oai nghi hay dùng những loại vật thực không thích hợp với thai bào.

Và khi sinh ra, hài nhi còn đau đớn hơn.

Khi ra đến thế giới bên ngoài, hài nhi rất yếu đuối chỉ nằm, không thể đứng, ngồi, đi, được, cho đến khi cơ thể đủ mạnh (đạt đến trạng thái trưởng thành) để tự chịu đựng.

Trong giai đoạn (khoảng 1 tuần sau khi sinh ra), đứa trẻ không thể nhận thức được cảnh hiện tại, mà tâm của nó nói chung là hướng đến các cảnh trong kiếp sống cũ.

Nếu sanh lên từ địa ngục, đứa trẻ có khuôn mặt không vui vì vẫn cảm thấy những gì đã trải qua trong địa ngục.

Nếu tái sinh từ cõi Chư thiên xuống, khuôn mặt đứa trẻ không chỉ ánh lên nụ cười mà còn cười vui vẻ, như thể bày tỏ niềm hạnh phúc trong suy nghĩ về những cảnh trong cõi chư thiên, hơn nữa, các phần trên cơ thể của chúng đều đặn, khỏe mạnh, các giác quan rõ ràng, giúp chúng có thể bày tỏ cách vui thích.

Sau thời gian này, đứa trẻ bắt đầu thích thú với kiếp sống mới, các giác quan của nó hoàn toàn quay về kiếp sống hiện tại và tất cả những phản ánh của kiếp sống cũ mờ dần đi.

Và đứa bé quên đi kiếp sống cũ.

Có phải tất cả chúng sinh đều quên kiếp sống cũ chỉ trong giai đoạn này?

Không phải tất cả chúng sinh đều như vậy.

Một số quên kiếp sống trước ngay khi nằm trong thai bào, vì quá đau đớn khi bà mẹ thay đổi oai nghi, bị vật thực không thích hợp hành hạ, hay bị chính bà mẹ dùng thuốc để trục ra nhưng không được…,

Một số do đau đớn khi phải vượt qua sản môn (như trường hợp bà mẹ sinh khó..).

Một số thì trong giai đoạn nói trên, một số trong lúc ấu niên và một số thì khi trưởng thành.

Đặc biệt có một số người không hề quên trong cả cuộc đời và thậm chí có một số người có thể phản ánh lại kiếp sống trước.

Họ được gọi là "*Jātissārasatta*" (người có sự sinh vững mạnh), là người có trí nhớ về kiếp sống trước của mình.

Vì sao trừ tâm tử vị Thánh Alahán?

Vì mãnh lực tham tùy miên (lonbhānusaya) không còn, các nghiệp cũ không thể tạo ra tâm quả làm việc tục sinh, ví như hạt giống không có chất ẩm của nước thì không thể nẩy mầm.

Do vậy, sau tâm tử của vị Thánh Alahán là trạng thái hoàn toàn an tịnh.

Trở lại, vấn đề "vô gián duyên".

Mối liên hệ tâm và tâm sở trước trợ giúp cho tâm tâm sở sau sinh lên, luôn diễn tiến suốt thời gian của các kiếp sống luân hồi, cho đến khi xuất hiện tâm tử của vị Thánh Alahán, gọi là khandha parinibbāna (uẩn Nípbàn, hay viên tịch), bấy giờ mối liên hệ (paccaya) này mới bị phá vỡ. Nói cách khác là "bị hủy diệt hoàn toàn".

Có câu hỏi rằng: Vô gián duyên có đối với vị Thánh nhập diệt thọ tưởng định, hay chúng sinh cõi Vô tưởng không?

Đáp: Vẫn có, đối với vị Thánh nhập thiền diệt, sátna cuối cùng trong lộ nhập thiền diệt là tâm thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ (sau đó là 7 ngày tâm không sinh), khi xuất khỏi thiền Diệt thì sátna đầu tiên sinh lên là tâm Thánh quả (Tam quả hay Tứ quả), chính sátna thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ giúp cho tâm Thánh quả sinh lên.

Nói cách khác, trong 7 ngày nhập thiền diệt, vị ấy có "***một*** lần Vô gián duyên".

Tương tự như vậy, đối với vị Phạm thiên Vô tưởng.

Tâm tử ở kiếp trước kiếp làm người Vô tưởng, trợ cho tâm tục sinh cho kiếp kế tiếp, sau kiếp vô tưởng.

Với vị nầy, trải qua 500 kiếp trái đất có "***một lần*** vô gián duyên".

Vô gián duyên có mô thức tổng quát là: Danh trợ danh.

---o0o---

05 - Đẳng Vô gián duyên (Samanantarapaccaya)

1- ***Định nghĩa.***

Sama (giống như) + antara = samantara.

Đẳng Vô gián duyên là cách trợ giúp như Vô gián duyên.

Tức là sự sinh khởi lên của tâm và tâm sở kế tục với tâm và tâm sở vừa diệt liên tiếp không có khoảng trống.

Theo bản Sớ giải Đại xứ (mahāpaṭṭhāna): Khi Đức Phật thuyết Vô gián duyên, Ngài xét thấy căn cơ của chúng sinh có người hiểu, có người không hiểu.

Nên Ngài thuyết thêm Samantarapaccayo (Đẳng vô gián duyên) dù trùng chi pháp, nhưng cũng để củng cố thêm cho Vô gián duyên càng chặt chẻ.

Đức Phật dùng từ ***sama*** (giống như) để nhấn mạnh cho antara (vô gián), tuy chi pháp của hai duyên này trùng nhau. [70]

Pāli có giải thích:

- "Suṭṭhu anantarāti samantarā:

Khít khao một cách tốt đẹp, gọi là ***"đẳng vô gián*** *(giống như không có khoảng cách)".*

- "Samantaraṃ hutvā upakārako dhammo = samantarapaccayo:

"*Ủng hộ pháp khác theo cách "khít sát", là* ***đẳng vô gián duyên"****.*

Sách Thanh tịnh đạo giải thích:

"Samantarabhāvena upakārako samantarapaccayo:

"Pháp ủng hộ do luôn luôn liên tiếp nhau, là đẳng vô gián duyên"[71] .

Có thể hiểu vô gián duyên và đẳng vô gián duyên như ví dụ sau:

Có hai cách bắt tay: Bắt tay bình thường và xiết chặt.

Bắt tay bình thường ví như Vô gián duyên, còn xiết chặt bàn tay ví như Đẳng vô gián duyên.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên:* Tâm + tâm sở sinh trước (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

- *Sở duyên:* Tâm + tâm sở sinh sau.

- *Phi sở duyên*: Sắc pháp.

3- Giải thích.

Nên hiểu ***sama*** theo nghĩa nào***? Antara*** theo nghĩa nào?

Nên hiểu *sama* theo nghĩa "*hoàn toàn",* antara là "*không kẻ hở*". Samantara là *"hoàn toàn không kẻ hở"*.

Như một người vừa nói *"không có kẻ hở"*, rồi nhấn mạnh rằng *"hoàn toàn không kẻ hở".*

Cũng vậy, khi Đức Phật thuyết lên anantarapaccayo (vô gián duyên), Ngài thấy có một số chúng sinh chưa tỏ ngộ nên Ngài nhấn mạnh Vô gián duyên bằng từ ***sama*** (giống như).

*Thế nào là "**hoàn toàn không kẻ hở**"?*

Trong viên đá, sắc pháp ở đây dường như hợp lại thành một khối, nhưng thật ra chúng vẫn có kẻ hở giữa hai nhóm sắc hay hai loại sắc, kẻ hở ấy gọi là sắc hư không (ākāsarūpa).

Nhưng giữa tâm và tâm sở thì không như vậy, giữa tâm và tâm sở như nước với sữa hòa lẫn vào nhau, không còn phân biệt "đâu là sữa, đâu là nước; nước là sửa, sữa cũng là nước", giữa nước và sữa không có kẻ hở.

Giữa các tâm sở với nhau cũng vậy, chúng hòa lẫn với nhau như những vị chất mặn, ngọt, cay... hòa chung với nhau không có kẻ hở

Nếu antarapaccaya (vô gián duyên) là đề cập đến "tính diệt rồi sinh không chần chừ của tâm và tâm sở", một số chúng sinh có thể hiểu lầm "sắc pháp" cũng có tính "diệt rồi sinh ngay lập tức, nên sắc pháp cũng có "vô gián duyên".

Nên Đức Thế Tôn thuyết trở lại samantarapaccayo (đẳng vô gián duyên), để nhấn mạnh tính *"hoàn toàn không kẻ hở*"dù bên trong hay bên ngoài"của tâm + tâm sở, để chúng sinh chưa kịp nắm bắt lời dạy về "Vô gián duyên", sẽ hiểu được rằng "Đức Thế Tôn đang đề cập đến danh pháp", không đề cập đến sắc pháp, vì sắc pháp tuy "diệt rồi sinh lên ngay" nhưng bên trong đoàn sắc có kẻ hở.

Mặt khác, với sự suy nghĩ sai lầm (tà kiến) cho rằng "tâm là thường, là không chuyển động, là vững bền, là bất biến".Đức Phật chỉ ra "sai lầm" ấy như sau:

"Chỉ vì tâm diệt rồi sinh, sinh rồi diệt *không có kẻ hở*" nên có sự suy nghĩ "sai lầm" ấy" Và Ngài thuyết lên ***Vô gián duyên***.

Cái được xem là "thường hằng" ấy, chẳng qua là "*một khối* hoàn toàn không có kẻ hở bên trong".

Khối ấy cũng diệt rồi sinh lên ngay lập tức không gián đoạn mà thôi.

Giống như nhìn từ xa có một "sợi dây đen" dường như đứng yên, đến gần quan sát thì đó chỉ là những con kiến đen bò nối tiếp nhau, giữa những con kiến không có khoảng trống.

Để nhấn mạnh điều "hoàn toàn không kẻ hở và luôn sinh diệt", Đức Phật thuyết lên *Đẳng Vô gián duyên*.

Trong cách liên hệ (paccaya) này, antara còn có ý nghĩa là "không gián đoạn", như có pāli sau:

"Attano antare attasadisassa dhammantarassa uppādanaṭṭhena:

Với ý nghĩa:Pháp sinh lên kế liền tương tự như pháp (có trước) đó".

Tức là: danh pháp sinh lên tương tự như danh pháp vừa diệt.

Ở đây "***tương tự*** (sadisa) nên hiểu là "tính chất *không có khoảng trống* trong khối ấy". Không phải "giống nhau".

Như tâm tham và các tâm sở hợp, "khối tham" này không có khoảng trống. Tâm sân và các tâm sở hợp, "khối sân" này không có khoảng trống. Tâm thiện và các tâm sở hợp, "khối thiện" này không có khoảng trống… Đó là ý nghĩa "tương tự".

Không nên hiểu "tâm trước là thiện diệt đi, tâm sinh lên sau cũng là tâm thiện"; mặc dù trong lộ đổng lực (javanavīthi) thường là như vậy.

Tuy nhiên vẫn có những trường hợp khác biệt trong lộ đổng lực, như trongg lộ đắc Đạo, sau khi tâm Đạo (tính thiện) diệt, tâm Quả Siêu thế (tính Vô ký) sinh lên. Hoặc sátna thứ 7 trong lộ đổng lực có thể là thiện hay bất thiện, nhưng tiếp theo sau là sátna Na cảnh thứ 1 (vô ký), như vậy rõ ràng "tiếp theo tính thiện hay tính bất thiện lại là tính vô ký".

Vô gián duyên và Đẳng vô gián duyên chỉ đề cập đến mô thức "tâm trước diệt, tâm sau sinh lên ngay không hề gián đoạn". Không đề cập đến tính thiện hay bất thiện hoặc vô ký.

Do đó không nên hiểu nghĩa "tương tự" là "giống nhau như khuôn mẫu".

Có câu hỏi rằng: Vì sao vị nhập thiền Diệt (nirodhasamāpatti) trong 7 ngày có một lần Vô gián duyên? Và vì sao vị Phạm thiên Vô tưởng cả 500 kiếp trái đất chỉ có một lần Vô gián duyên?

Đáp: Tâm thiền phi phi tưởng xứ trợ cho tâm Thánh quả sinh khởi sau 7 ngày. Như kinh văn:

"Nirodhā vuṭṭhahantassa nevasaññānāsaññāyatanakusalaṃ phalasamāpattiyā samanantarapaccayena paccayo:

"Tâm thiện phi tưởng phi tưởng xứ trợ cho tâm quả (thánh) bằng Đẳng vô gián duyên" [72]

Giữa hai tâm này có sự đình chỉ "suy nghĩ" trong 7 ngày, là do năng lực thiền với quyết định cao.

Tương tự như vậy, tâm tử ở cõi Dục giới trước đó trợ cho tâm tục sinh cõi Dục giới ở kiếp sau của vị Phạm thiên Vô tưởng, qua 500 kiếp trái đất "không có tâm".

Chính năng lực thiền định cùng quyết định cao đã làm chậm lại mãnh lực trợ sinh của Vô gián duyên, tuy năng lực Vô gián duyên không hiển lộ nhưng năng lực ấy vẫn còn đó.

Như thế nào?

Chúng ta không thể thấy rõ sức mạnh của quân đội khi không có chiến tranh, nhưng không thể nói rằng "không có quân đội lúc thời bình", hoặc không thể nói rằng "sức mạnh quân đội trong thời bình không có".

Do năng lực của thiền cùng với quyết định cao, đã cắt đi "suy nghĩ" (ví như vào thời bình), nhưng không thể nói "không có Vô gián duyên" (ví như không thể nói *không có quân đội*), hay nói rằng "không có sức mạnh của vô gián duyên" (ví không thể nói quân đội *không có sức mạnh*).

Cái gì là sức mạnh của Vô gián duyên?

Chính là quả của tham ái, nói cách khác là quả của luân hồi.

Vị Thánh Alahán tuy tận trừ mọi tham ái (là nhân của luân hồi), nhưng khi còn danh sắc vị ấy vẫn bị sức mạnh quả luân hồi lôi kéo.

Ví như chiếc xe đã hết nhiên liệu, máy nổ đã tắt, nhưng chiếc xe vẫn chạy thêm một khoảng đường rồi mới dừng hẳn.

Ngài Buddhaghosa (Giác âm) có ghi nhận:

"Một số Giáo thọ sư cho rằng Vô gián duyên là:

"Atthānantaratāya anantarapaccayayo:*Gìn giữ (tāya) lợi ích (attha) không gián đoạn* ".

Và Đẳng vô gián duyên là:

Kālānantaratāya samantarapaccayo'ti: *Gìn giữ thời gian (kāla) không gián đoạn"* [73].

Nhưng như vậy thì trái với câu Phật ngôn ở trên.

Vì trong 7 ngày vị Thánh nhập thiền diệt sự suy nghĩ đã bị *"gián đoạn thời gian*".

Lại nữa "sự lợi ích của nhập thiền Diệt là tạm thời hưởng Vô dư y Nípbàn" cũng không còn khi vị Thánh xuất thiền Diệt.

Thay vì hiểu sai lệch như thế, nên hiểu rằng:

Cả hai duyên đều chỉ cho "sự trợ giúp không có khoảng cách".

Đẳng Vô gián duyên có mô thức tổng quát là: Danh trợ giúp danh.

---o0o---

06 - Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)

1- Định nghĩa.

Saha (cùng) + jāta (sinh lên) = sahajāta.

Đồng sinh duyên" nghĩa là " trợ giúp bằng cách *cùng sinh lên*".

Ví như ngọn lửa và ánh sáng cùng sinh lên.

Pāli có giải thích:

- Jāyatīti = jāto: *Xuất hiện, gọi là* ***sinh***.

-Saha jāto = sahajāto: *Cùng xuất hiện, gọi là* ***đồng sinh***.

- Paccayuppanena saha jāyatīti = sahajāto:

"*Cùng sinh lên với sở duyên, gọi là đồng sinh".*

- Sahajāto hutvā upakārako dhammo = sahajātapaccayo:

"Cùng sinh lên với pháp được trợ giúp, gọi là ***đồng sinh duyên***".

Sách Thanh Tịnh đạo giải thích:

"Upajjhamānova saha uppādabhāvena upakārako dhammo sahajātapaccayo:

"Pháp nâng đở pháp khác cùng sinh lên với mình, gọi là ***đồng sinh duyên***." [74]

2- Chi pháp.

Nói chung, chi pháp của năng lẫn sở duyên của *"đồng sinh duyên"* là ***"tất cả pháp hữu vi".***

Vì sao? Vì các pháp hữu vi không bao giờ sinh riêng lẻ, chí ít chúng cũng phải có 8 pháp và cùng sinh lên.

Danh pháp có ít nhất là 8 pháp.

Đó là "một trong năm đôi thức", như tâm nhãn thức chẳng hạn thì cũng có 7 tâm sở biến hành phối hợp. Cả 8 pháp này "cùng sinh lên".

Sắc pháp có ít nhất là 8 pháp.

Là đoàn bất ly gồm: Tứ đại + cảnh sắc, mùi, vị và sắc vật thực. Cả 8 pháp này "cùng sinh lên".

- Năng duyên: Tất cả pháp hữu vi.

- Sở duyên: Tất cả pháp hữu vi.

- Phi sở duyên: Nípbàn + Chế định.

Phân tích rõ hơn về năng và sở duyên, cần phải lưu ý đến: Thời điểm và cõi.

**** Về tthời điểm***: Thời tục sinh và thời bình nhật.

* ***Về cõi:*** Cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng (asaññībhūmi) và cõi Vô sắc.

* ***Vào thời tục sinh***.

- *Năng duyên.*

Ở cõi Vô tưởng: Là "đoàn sắc mạng quyền".

Ở cõi Ngũ uẩn: Gồm 15 tâm Tục sinh = 2 tâm Quan sát thọ xả+ 8 tâm Đại quả + 5 tâm quả thiền Sắc giới + sắc tục sinh.

Ở cõi Vô sắc: Bốn tâm quả Vô sắc.

- *Sở duyên.* Tương tự như năng duyên.

**** Vào thời bình nhật.***

- *Năng duyên.*

Ở cõi Vô tưởng: Là sắc nghiệp Vô tưởng bình nhật.

Ở cõi Ngũ uẩn: Tất cả tâm và tâm sở + sắc pháp thời bình nhật.

Ở cõi Vô sắc: Tâm và tâm sở cõi Vô sắc.

- *Sở duyên*. Tương tự như năng duyên.

3- Giải thích.

*Phải hiểu **"đồng sinh"**(sahajāta) như thế nào?*

Phải hiểu "đồng sinh" theo ý nghĩa "cùng tồn tại".

Nghĩa là "khi pháp năng duyên sinh lên thì pháp do nó trợ sinh hay nâng đở cũng cùng sinh lên".

Ví như khi ngọn lửa sinh lên thì ánh sáng cùng sức nóng cũng sinh lên.

Cũng vậy, pháp năng duyên sinh lên thì pháp sở duyên cùng sinh theo.

*Mối quan hệ (paccaya) của **đồng sinh duyên** như thế nào?*

Đây là mối liên hệ mà cả năng lẫn sở duyên cùng có mặt; Như thọ duyên ái (vedanā pacccayā taṅhā) trong lý duyên khởi.

Cả hai pháp, thọ - ái (trong tâm tham) cùng sinh lên chung với nhau, đó là *đồng sinh duyên.*

Trong ***Đồng sinh duyên***, có 6 cách như sau:

1'- *Danh pháp duyên danh pháp.*

Trong phần này có hai mô thức:

*- ***Uẩn duyên cho uẩn***.

- Một danh uẩn duyên cho 3 uẩn còn lại, như thức uẩn làm duyên cho thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn sinh lên (vì một trong nhân sinh tâm sở là *tâm*).

Hoặc: Hành uẩn làm duyên cho thức uẩn sinh lên (như tác ý làm thành cảnh cho tâm, khi có cảnh tâm mới sinh lên) …

- Hai uẩn duyên cho 2 uẩn, như Thọ - Tưởng uẩn duyên cho Hành - Thức uẩn …

- Ba uẩn duyên cho một uẩn, như Thọ - Tưởng – Hành uẩn duyên cho thức uẩn…

*- ***Một tâm sở duyên cho một tâm sở*** và cả hai cùng hiện khởi.

Như "xúc duyên thọ"…

2'- *Danh pháp duyên cho danh - sắc pháp.*

Trong thời bình nhật, trong mỗi cái tâm, một uẩn làm duyên cho 3 uẩn như đã nói.

Ngoài ra, tâm còn tạo ra sắc tâm [75].

3'- Danh pháp duyên cho sắc pháp.

Như tâm tạo ra sắc tâm.

4- Sắc pháp duyên cho danh pháp.

Sắc pháp duyên cho danh pháp theo cách "đồng sinh duyên" chỉ có trong thời điểm tục sinh.

Đây là nói đến trường hợp thai sinh hay trong cõi ngũ uẩn.

Vào thời điểm Tục sinh có 3 đoàn: Đoàn thân, đoàn tính (nam hay nữ) và đoàn ý vật.

Chính đoàn ý vật làm duyên cho tâm sinh lên (một trong bốn nhân sinh của tâm là "có sắc ý vật").

Bốn loại sinh ra.

Theo quan điểm Phật giáo, chúng sinh sinh ra do bốn cách:

- Noãn sinh (aṇḍajayoni). Là sinh ra từ trong trứng, loài người cũng có thể sinh ra từ trong trứng, như nô lệ Kāka của vua Caṇḍapajjota[76] sinh ra từ trứng con quạ, nên có tên là Kāka.

- Thai sinh (jalābujayoni). Là sinh ra từ trong thai bào bà mẹ.

Một số chúng sinh là chư thiên địa cầu cũng có hình thức thai sinh, như nàng Thọ thần kềm được cơn giận khi vị Tỳkhưu đốn cây là nơi trú ngụ của nàng [77], hay như Bồtát có lần là con của Dạ xoa mặt ngựa, hoặc như thiên nữ ngụ ở ngạch cửa trong nhà ông Anāthapiṇḍika (Cấpcôđộc) bị đuổi đi, phải ẩm con ra đi ….

Noãn sinh cũng được gom vào thai sinh, vì trứng được hình thành trong bụng mẹ.

Noãn sinh còn được gọi là "nhị sinh", là sinh ra "hai lần".

- Thấp sinh (saṃsedajayoni). Là sinh ra từ nơi ẩm thấp.

- Hóa sinh (opapātikayoni). Là xuất hiện tự nhiên, trưởng thành như một chúng sinh hoàn chỉnh.

Như các chúng sinh cõi địa ngục, cõi Ngạ quỷ, cõi chư thiên, cõi Phạm thiên.

Một số loài thú cũng có thể hóa sinh hay như loài rồng chẳng hạn, gọi là opapātikanāgarāja[78].

Sinh ra ở nơi ẩm thấp có ba cách:

* *Noãn sinh*, như những con muỗi, ếch… sinh ra trứng nơi ẩm thấp.

* *Thai sinh*. Có một số sinh vật sinh ra con ở nơi ẩm thấp.

Cũng nên ghi nhận rằng: "Loài thủy tộc không phải là "thấp sinh", vì nước là môi trường sống của chúng".

* Hóa sinh: Như bà Ambapāli sinh ra dưới cội cây xoài, nàng Ciñcā sinh ra ở gốc cây me … trường hợp này gọi là ***thấp - hóa sinh*** để phân biệt với hai loại thấp sinh ở trên..

Giữa hóa sinh và thấp- hóa sinh có sự khác nhau là:

* Thấp - hóa sinh là "tự hiện ra" ở nơi ẩm thấp, chưa phát triển đầy đủ, dần dần mới trưởng thành

* Còn hóa sinh thì "tự hiện ra" và trưởng thành ngay.

a- Cõi dục giới.

Cõi dục giới có đủ bốn cách sinh.

* ***Đối với chúng sinh thai sinh và noãn sinh.***

Vào thời điểm tục sinh có ba nhóm sắc sinh lên là: Nhóm Ý vật, nhóm Tính và nhóm Thân[79].

Trong ba nhóm ấy, để trợ giúp cho tâm Tục sinh chỉ có nhóm Ý vật, vì Ý vật là "chỗ nương trú" cho tâm Tục sinh.

Tuy trong thời điểm tục sinh có 3 đoàn sắc như thế, nhưng đôi khi không có nhóm Tính, như trường hợp "người lạc vô nhân vô căn (không có sắc Nam tính hay sắc Nữ tính nên không có bộ phận sinh dục).

Sau đây là Pāli chứng minh:

"Gabbhaseyyakasattānaṃ pana kāyabhāvavatthudasakasaṅkhātāni tīṇi dasakāni pātubhavanti.

"Đối với chúng sinh thai sinh, ba nhóm mười khởi lên (vào lúc tục sinh) là nhóm Thân (kāya), nhóm Tính (bhāva), nhóm Ý vật (vatthu).

Tatthāpi bhāvadasakaṃ kadāci pi na labbhati:

Tuy vậy, đôi khi nhóm Tính không khởi lên" [80] .

Sắc trong thời tục sinh, gọi là sắc Tục sinh.

Đây là các "*sắc trợ cho danh bằng* ***Đồng sinh duyên***".

**** Đối với chúng sinh hóa sinh*** [81] ***và thấp sinh***.

Vào sátna sinh của tâmTục sinh [82] có 3 nhóm cùng sinh lên là: Nhóm Ý vật, nhóm Thân và nhóm Tính.

Vào sátna trụ (ṭhitikhaṇa) của tâm tục sinh có 4 nhóm sinh lên là: Nhóm Nhãn, nhóm Nhĩ, nhóm Tỷ và nhóm Thiệt (bảy nhóm sắc này sẽ được giải thích trong phần Vật tiền sinh duyên)

Đây là nói tổng quát các nhóm sắc sinh khởi vào thời điểm tục sinh, có đôi khi không đủ số, như có chúng sinh tuy thấp sinh hay hóa sinh nhưng bị khuyết tật mù, điếc … [83] .

Có Pāli:

"Paṭisandhiyaṃ pana saṃsedajānañ ceva opapātikānañ ca cakkhu-sota-ghāṇa-jvhā-kāya-bhāva-vatthu-dasakasaṅkhātāni satta-dasakāni pātubhavanti ukkaṭṭhavasena.

"Trong khi ***tục sinh*** *(paṭisandhi – nối liền), đối với chúng sinh thấp sinh, hóa sinh, khởi lên tối đa 7 nhóm mười là:Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tính và ý vật.*

"Omakavasena pana cakkhu-sota- ghāṇa-bhavadasakāni kadāci pi na labbhati:

"Còn tối thiểu, đôi khi không có các nhóm mười: mắt, tai, mũi, tính"(sđd) [84] .

**** Cõi Sắc giới.***

Cõi Sắc giới chỉ có hóa sinh**.** Vào thời điểm tục sinh có ba nhóm sinh lên là: Nhóm Nhãn, nhóm Nhĩ và nhóm Ý vật.

Các vị Phạm thiên không có thần kinh Tỷ, thần kinh Thiệt, thần kinh Thân và sắc Tính (bhāvarūpa).

Sắc duyên cho danh chỉ có trong thời điểm này và chỉ có trong cõi Ngũ uẩn.

Trong thời bình nhật, sắc không thể trợ giúp danh bằng *Đồng sinh duyên*.

Ngài Buddhaghosa có giải thích:

"Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ aññamaññaṃ sahajātapaccayena paccayo:

"*Vào sátna nhập thai (okkantikkhaṇe) danh sắc tương trợ lẫn nhau theo cách đồng sinh duyên"* [85].

Và: "Rūpino dhammā arūpīnaṃ dhammānaṃ kiñcikāle sahajātapaccayena paccayo, kiñci kāle na sahajātapaccayena paccayo.

*"Sắc pháp có thời (kiñcikāle) là đồng sinh duyên với pháp vô sắc (*ám chỉ thời tục sinh - Ns)*, có thời không là đồng sinh duyên* (ám chỉ thời bình nhật -Ns)*"*. [86]

Vì sao thời bình nhật, sắc Ý vật không trợ giúp tâm bằng đồng sinh duyên, trong khi nó là nơi nương của tâm?.

Đáp.Vào thời bình nhật, sắc Ý vật có thể "đồng sinh"với tâm, nhưng không là "đồng sinh duyên", vì khi sắc ý vật vừa sinh lên còn yếu, không đủ sức làm nơi nương cho tâm.

Để làm chỗ "nương cho tâm", sắc ý vật phải ở vào sátna trụ, do đó sắc ý vật tối thiểu phải sinh trước tâm một sátna tiểu.

Và tâm chỉ nương vào sắc Ý vật đang ở giai đoạn trụ[87].

Vào thời điểm Tục sinh không có sắc Ý vật nào khác, nên tâm "chỉ còn cách "gá vào" để có chỗ nương, sau một sátna tiểu thì sắc Ý vật đã vững, đủ sức làm chỗ nương cho tâm Tục sinh.

5'- Sắc duyên cho sắc.

Trong cách này có hai mô thức:

- Một đại làm duyên ba đại.

- Tứ đại làm duyên cho sắc y sinh (upādāyarūpa)[88].

Đây là nói theo cách tổng quát. Nếu phân tích rộng thì có rất nhiều khía cạnh, như phân tích theo thời điểm, phân tích theo cõi.

*Vì sao sắc pháp có thể làm **cảnh** cho tâm, **cảnh và tâm** cùng hiện hữu, lại không thể là đồng sinh duyên?*

Sắc pháp có thể làm cảnh cho tâm trong lộ ngũ môn lẫn lộ ý môn.

Nhưng dù trong lộ nào chăng nữa chúng cũng phải xuất hiện vào sátna hữu phần Vừa qua (ātītabhavaṅga).

Cảnh của sátna hữu phần Vừa qua là một trong ba cảnh trong lộ cận tử kiếp trước. Do đó, cảnh sắc pháp với tâm hữu phần không thể là "Đồng sinh duyên".

Khi tâm mới sinh lên để nhận sắc pháp là cảnh, bấy giờ sắc pháp ấy đã sinh rồi, nên chúng không là "Đồng sinh duyên".

Sắc nào là sở duyên của Đồng sinh duyên trong thời bình nhật?

Vào thời bình nhật:

- Ở cõi Vô tưởng chỉ có bọn sắc nghiệp Vô tưởng, sắc Thời tiết và sắc Vật thực.

- Ở cõi Ngũ uẩn có: Sắc nghiệp bình nhật, sắc tâm tạo (cittajarūpa), sắc Vật thực tạo (āhārarūpa), sắc thời tiết tạo (utujarūpa)[89] .

Danh sở duyên của đồng sinh duyên trong thời bình nhật ra sao?

- Ở cõi Ngũ uẩn (nói chung) có 112 tâm = 54 tâm Dục giới + 18 tâm đồng lực thiền hiệp thế + 40 tâm Siêu thế và 52 tâm sở hợp.

- Ở cõi Sắc giới hữu tưởng (nói chung) có 101 tâm = 38 tâm Dục giới [90] + 63 tâm thiền (trừ 4 tâm quả thiền Vô sắc) và 48 tâm sở hợp (trừ tâm sở Sân phần).

- Ở cõi Vô sắc (nói chung) có 74 tâm = 27 tâm Dục giới [91] + 12 tâm thiền Vô sắc giới + 35 tâm Siêu thế (trừ 5 tâm Sơ đạo) và 48 tâm sở hợp.

Đồng sinh duyên có mô thức tổng quát là: danh trợ danh, sắc trợ sắc, danh trợ danh sắc và sắc trợ danh.

---o0o---

07 - Hổ tương duyên (Aññamaññapaccaya)

1- Định nghĩa.

Aññamañña là "lẫn nhau" hay "qua lại".

Hổ tương duyên là mãnh lực trợ giúp qua lại, nghĩa là năng trợ giúp sở và sở cũng trợ giúp năng.

Pāli có giải thích:

-Aññamaññaṃ hutvā paccayo = aññamaññapaccayo.

*"Sự trợ giúp qua lại đang có, gọi là **hổ tương duyên**."*

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Tâm và tâm sở + sắc Tứ đại + sắc Ý vật.

- *Sở duyên.* Tâm và tâm sở + sắc tứ đại + sắc Ý vật

- *Phi sở duyên.* Ngoại trừ sắc Ý vật là phi sở duyên bất định. Các sắc Y sinh còn lại là phi sở duyên nhất định.

Sắc ý vật là phi sở duyên bất định, vì vào thời điểm Tục sinh, sắc Ý vật và tâm Tục sinh tác dụng lẫn nhau theo cách *Hổ tương duyên.*

Vào thời bình nhật chúng là phi sở duyên nhất định.

3- Giải thích.

Hổ tương duyên là nói lên ý nghĩa "nhân quả tương trợ lẫn nhau", hay "năng và sở trợ giúp lẫn nhau".

Có thể hiểu sự tương quan này qua ví dụ: Ba cái cây chụm đầu vào nhau, mỗi cây lệ thuộc vào 2 cây kia; khi một cây ngã xuống thì hai cây kia cũng ngã theo.

Nếu có người bảo: "Tâm sở sinh lên không thể thiếu tâm làm nền tảng", chúng ta chấp nhận. Vì Đức Phật có dạy:

"Manopubbaṅgamā dhammā… *Ý dẫn đầu các pháp*" [92].

Vì sao *ý dẫn đầu các pháp*? Vì chức năng "***hướng dẫn*** (pubbaṅgamā)" của tâm vượt trội hơn các tâm sở.

Nếu có người bảo:"Tâm sinh lên do có tâm sở là nhân", chúng ta chấp nhận, vì một trong bốn nhân sinh tâm là "có tâm sở" [93].

Ví như không có 7 báu thì không được gọi là vua Chuyển luân, dù 7 báu là vật phụ tùng của vua Chuyển luân.

Cũng vậy tuy tâm sở tùy thuộc tâm, nhưng không có tâm sở thì không có tâm.

Đó là ý nghĩa ***"hổ tương"***.

Trong mô thức *hổ tương duyên* này, có ba cách:

- Bốn danh uẩn (thọ, tưởng, hành, thức uẩn) hỗ trợ lẫn nhau.

- Tứ đại hỗ trợ lẫn nhau.

- Khi nhập thai (okkanti) tâm Tục sinh và sắc Ý vật hỗ trợ lẫn nhau.

Trong các sắc Y sinh, chỉ có sắc Ý vật tương trợ cho tâm mà thôi. Tuy một số sắc được sinh ra từ tâm, nhưng chúng không thể hỗ trợ cho tâm, do đó chúng không là Hổ tương duyên.

Như sắc Thân biểu tri (kāyaviññattirūpa), sắc Ngữ biểu tri (vācāviññattirūpa) do tâm sinh ra nhưng không thể hỗ trợ tâm. Do vậy chúng là phi sở duyên nhất định.

Cũng nên phân biệt rõ Đồng sinh duyên và Hổ tương duyên là:

- Hổ tương duyên vừa đồng sinh vừa tương trợ.

- Còn Đồng sinh duyên chỉ là "cùng có mặt" mà thôi.

Như Đức Nāgasena (Natiên) được ông trưởng giả hộ độ trên đường đến Pātaliputta (Hoathịthành) và Đức Natiên thuyết pháp độ ông trưởng giả chứng quả Dựlưu [94] . Đây là minh họa cho Hổ tương duyên.

---o0o---

08 - Y duyên (Nissayapaccaya)

1- Định nghĩa.

Y duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách làm chỗ *nương nhờ* cho pháp khác.

Pāli có giải thích:

- Nissayanti etthati = nissayo: *Dựa vào, gọi là **"nương nhờ".***

- Adhiṭṭhānakāravasena vā nissakāravasena vā paccuppanna dhammehi siyati nissayatīti = nissayo:

*Pháp sở duyên được ủng hộ hay nương trú vững vàng, gọi là **"nương nhờ"**.*

- Adhiṭṭhānākārena nissayākārena ca upakāralo dhammo = nissaya paccayo:

*" Pháp trợ giúp vững vàng và ủng hộ cho những pháp nương nhờ, gọi là **y duyên***".

2- Chi pháp.

- *Năng duyên*: Tứ danh uẩn + sáu sắc vật (vatthurūpa) [95]

- *Sở duyên:*Tứ danh uẩn

- *Phi sở duyên*: Sắc pháp.

3- Giải thích.

*Nên hiểu **y duyên** (nissayapaccaya) theo nghĩa nào?*

Theo nghĩa ***"nương tựa"*** như Kinh Tạng (suttanta) đề cập.

Ví như trái đất là nơi nương tựa của người, loài vật, cây cối …

Hoặc: Người trú trong nhà, trong dinh thự, hoàng cung; vị Tỳkhưu trú trong tự viện (vihāra), chư thiên trú trong thiên cung….

Nhà, dinh thự, hoàng cung, tự viện, thiên cung nương trên đất (hoặc trên hư không). Toàn bộ thế gian này đều nương tựa lẫn nhau.

Cách nương tựa để tồn tại và vững mạnh như thế, gọi là *y duyên*.

Và đó cũng là mối liên hệ ***"nương tựa lẫn nhau của nhân quả"***.

Về năng duyên có hai phần: Tứ danh uẩn và sáu sắc vật.

** Tứ danh uẩn.*

Tương tự như *Đồng sinh duyên,* cách trợ sinh và ủng hộ của *y duyên* là "năng - sở" cùng có mặt.

Chỉ khác khía cạnh "năng là chỗ nương nhờ của sở".

"Vừa đồng sinh vừa làm chỗ nương vững chắc" , nên *Y duyên* còn có tên là "***đồng sinh y duyên*** (sahājātanissayapaccayo").

* *Sáu sắc vật:* Được phân tích thành hai cách:

- Sáu vật sinh trước làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh sau, gọi là "***Vật tiền sinh y duyên"*** (vatthupurejātanissaya paccayo).

-Vật làm cảnh cho tâm sinh lên, bám vào, gọi là ***"Cảnh vật tiền sinh y duyên***(vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya).

Tức là ***vật*** (vatthu) vừa là chỗ nương trú của tâm vừa là cảnh của tâm.

Ví như có hai người vào căn nhà, một người quan sát chung quanh căn nhà, một người quan sát căn nhà.

- Người thứ 1 ví như "*Vật tiền sinh y duyên"*, tuy ở trong nhà mà quan sát bên ngoài, cũng vậy tâm nương trú vật nhưng nhận biết cảnh khác (như tâm Nhãn thức nương trú nơi thần kinh nhãn, nhận biết cảnh sắc…).

- Người 2 ví như *"Cảnh vật tiền sinh y duyên*", ở trong nhà đồng thời biết trong nhà. Cũng vậy, tâm nương sắc Ý vật đồng thời nhận sắc Ý vật làm cảnh.

Cách quan hệ "đồng sinh y duyên".

1- ***Sắc là chỗ nương cho danh, theo đồng sinh y duyên****.*

Vào thời Tục sinh, tâm Tục sinh và sắc Ý vật tục sinh đồng xuất hiện, sau một sátna tiểu thì sắc Ý vật là chỗ nương trú của tâm.

Đây là nói đến khía cạnh "sắc là ***chỗ nương*** cho danh, theo cách ***đồng sinh y duyên***".

Hoặc giả, người chấp giữ tà kiến "tự ngã", cho rằng ***"sắc là ta"***, thì sắc là *Y duyên* cho danh uẩn.

Và năng - sở có khi cùng hiện khởi, có khi không cùng hiện khởi.

2 -Danh là chỗ nương nhờ cho danh, theo đồng sinh y duyên.

Một danh uẩn là nơi nương tựa cho ba uẩn, khi mất một uẩn thì tất cả đều không còn.

Có thể hai danh uẩn là nơi nương cho 2 danh uẩn; ba danh uẩn là nơi nương cho một danh uẩn.

Lại nữa, khi một người chấp giữ tà kiến "tự ngã" cho rằng: "thọ là ta, hành là ta, tưởng là ta, thức là ta".

Bấy giờ "chính tâm sở Tà kiến" là Y duyên cho tâm cùng các tâm sở khác.

Một người tự hào về điều mình có được, bấy giờ tâm sở Ngã mạn là *Y duyên* cho các pháp đồng sinh với chúng.

Khi tâm đắm nhiễm vào sắc, thinh, hương, vị xúc hay pháp; bấy giờ tâm sở Tham là *Y duyên* cho các pháp đồng sinh với nó

Nói cách khác, chính Tham, Mạn, Tà kiến là Y duyên cho các danh uẩn đồng sinh với nó tùy theo trường hợp.

Tương tự như thế với các tâm sở bất thiện khác.

Khi một người quán xét thấy 5 uẩn là vô thường, khổ, vô ngã, bấy giờ tâm sở Trí là *Y duyên* cho các danh uẩn cùng sinh với nó.

Hoặc giả người chú ý ghi nhận (sati - niệm) sự diễn diến của danh sắc sinh diệt, bấy giờ tâm sở Niệm là *Y duyên* cho các danh uẩn đồng sinh.

Tương tự như thế với các pháp thiện khác.

Trong một cuộc thảo luận về ba hạng: Người Tín giải (saddhāvimutta), người Thân chứng (kāyasakkhī) và người Kiến chí (diṭṭhippatta).

- Đức Samiddha "chấp nhận người Tín giải thù diệu hơn hai người kia; vì hạng người này Tín quyền tăng thượng (adhimattaṃ)".

- Đức MahāKoṭṭhita thì cho rằng "người Thân chứng thù diệu hơn hai hạng người kia, vì hạng người này có Định quyền tăng thượng".

- Đức Sāriputta thì cho rằng "người Kiến chí thù diệu hơn hai hạng người kia, vị hạng này có Tuệ quyền tăng thượng" [96][5] .

Người Tín giải là người nương vào đức tin, phát triển tuệ quán chứng đạt quả Dự lưu. Với người này đức tin (saddhā) là Y duyên.

Người Thân chứng là người nương vào Định, phát triển tuệ quán chứng quả Dự lưu. Với người này Định là Y duyên.

Người Kiến chí là người nương vào trí tuệ, phát triển tuệ quán chứng quả Dự lưu. Với người này Trí là Y duyên.

A- Vật sinh tiền y duyên (***Vatthupurejātanissayapaccaya***).

1- Định nghĩa.

Là sắc vật (vatthurūpa) sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh lên sau[97]. Gọi là *"vật sinh tiền y duyên"*.

2- Chi pháp.

Năng duyên. Là sáu sắc vật sinh trước.

Sở duyên. Tâm nương vật sinh sau.

Phi sở duyên. Sắc pháp và tâm không nương vật.

3- Giải thích.

Sáu sắc vật là:

- *Sắc thần kinh Nhãn* (cakkhupasāda). Là nơi nương cho 2 tâm Nhãn thức.
- *Sắc thần kinh Nhĩ* (sotapasāda). Là nơi nương cho 2 tâm Nhĩ thức.
- *Sắc thần kinh tỷ* (ghānapasāda). Là nơi nương cho 2 tâm Tỷ thức.
- *Sắc thần kinh Thiệt* (jvhāpasāda). Là nơi nương cho 2 tâm Thiệt thức.
- *Sắc thần kinh Thân* (kāyapasāda). Là nơi nương cho 2 tâm Thân thức.
- *Sắc Ý vật* (hadayavatthu). Là nơi nương cho 111 tâm còn lại.

Trong 111 tâm này, 2 tâm Tiếp thâu (sampaṭicchanacitta) và tâm Hướng ngũ môn (pañcadvāravajjanacitta) được gọi là ***Ý giới*** (manodhātu) vì chúng chỉ biết 5 cảnh: Sắc, thinh, mùi, vị, và xúc.

Một trăm lẻ tám tâm còn lại gọi là ***"ý thức giới"*** (manoviññāṇadhātu).

Ý giới biết 5 *cảnh hiện tại* nhất định, 108 tâm còn lại biết cảnh cả 3 thời.

"Năm đôi thức", mỗi thức chỉ biết một cảnh tương ứng nhất định.

Vì sao ba tâm Quan sát (santīraṇacitta) cũng là tâm quả vô nhân lại biết 5 cảnh hiện tại ***bất định****?*

Ý giới chỉ biết độc nhất 5 cảnh hiện tại, nên gọi là biết nhất định, còn 3 tâm Quan sát có thêm chức năng *Na cảnh* (tadālambana), là hưởng cảnh còn dư sót, nên chúng biết nhiều cảnh hơn.

Do đó chúng biết 5 cảnh hiện tại bất định, nghĩa là "có khi biết, có khi không".

Nói cách khác, khi thấy có tâm Hướng ngũ môn, hay tâm Tiếp thâu chúng ta biết ngay là "có cảnh hiện tại", còn khi thấy có tâm Quan sát đang làm phận sự Na cảnh, thì chưa hẳn đó là "cảnh hiện tại".

Trong thời bình nhật, sáu sắc vật này phải sinh trước tâm ít nhất là 1 sátna tiểu, để tâm sinh lên sau có chỗ nương trú, do vậy chúng được gọi là *"sinh tiền"* (purejāta).

Về sắc Ý vật, chúng chỉ "đồng sinh với tâm Tục sinh trong thời tục sinh" (như đã giải).

Khi tâm hữu phần thứ 1 sinh lên, nó nương trú vào sắc Ý vật và bấy giờ sắc ý vật này là "sinh tiền" đối với tâm hữu phần 1, rồi tâm hữu phần thứ 2 sinh lên cũng nương vào sắc Ý vật … và cứ như thế suốt kiếp sống.

Các tâm (ngoài "năm đôi thức") đều nương trú vào sắc Ý vật cho đến hết kiếp sống như tâm hữu phần.

Vào thời tử, tâm Tử (cuticitta) diệt thì sắc Ý vật cũng diệt, chẳng những sắc ý vật diệt mà toàn bộ sắc nghiệp đều diệt.

Như thế nào?

Chúng ta biết rằng "đời sống sắc pháp bằng 17 lần đời sống tâm pháp, hay 51 sátna tiểu (so với tâm). [98]

Kể từ tâm tử trở lui về trước 17 sátna (số 17 này kể luôn cả tâm tử), các sắc nghiệp bắt đầu diệt mà không sinh, cho đến khi tâm tử diệt thì chúng đồng diệt với tâm tử.

1- Sắc vật sinh trước trợ cho tâm sinh lên sau như thế nào?

Có bốn cách:

a- Sátna trụ của sáu vật sinh trước.

b- Năm sắc thần kinh sinh lên vào sátna trụ tâm Tục sinh.

Đây là nói đến chúng sinh thấp và hóa sinh.

c- Sắc Ý vật sinh khi vị Thánh xuất thiền diệt.

Tương tự như vào lúc tục sinh.

d- Sắc hữu vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm Tử trở về trước.

2- Tâm không nương vật là loại tâm nào?

Đó là những tâm sinh trong cõi Vô sắc, tổng quát là 72 tâm = 8 tâm Tham + 2 tâm Si + tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 12 tâm thiền Vô sắc + 35 tâm Siêu thế (trừ 5 tâm Sơ đạo).

B- Cảnh-vật sinh tiền y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya).

1- Định nghĩa.

Cảnh - vật sinh tiền y duyên là mãnh lực trợ sinh bằng ***vật*** sinh trước làm chỗ nương cho tâm sinh lên sau, đồng thời lại là ***cảnh*** cho tâm nắm lấy.

2- *Chi pháp.*

- *Năng duyên.*

Là sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm hữu phần thứ 16 kể từ tâm Tử lui lại, làm cảnh cho tâm.

- *Sở duyên.*

Là những tâm khách trong lộ tử, có 32 tâm = tâm Hướng ý môn + 29 đổng lực dục giới (javanakāmavacara) + 2 tâm thông (iddhipādacitta) và 44 tâm sở hợp (trừ Tật, Lận, Hối, Giới phần và Vô lượng phần).

- *Phi sở duyên.*

*- Nhất định: Sắc pháp + Năm đôi thức + Ý giới + tâm Siêu thế + tâm Đáo đại và 38 tâm sở hợp.

*- Bất định: Là 41 tâm Dục giới (trừ "năm đôi thức" + Ý giới) và 52 tâm sở hợp.

3- Giải thích.

a- Về năng duyên.

Vào thời điểm cận tử, với những chúng sinh có tâm lực mạnh có thể nhận biết "sự chết" đang tiến dần đến, như "chết ở chân, chết đến bụng, chết đến ngực …".

Hoặc giả có một số chúng sinh bị tử vong bất ngờ (như bị tai nạn, bị chém, bị bắn vào đầu, vào tim…) trước khi chết vài giây, chúng sinh ấy nhận "sắc ý vật làm cảnh".

Nên ghi nhận rằng: "Vật - cảnh sinh tiền y duyên" là cách đặc biệt trong lộ tử, chỉ có cho một số chúng sinh".

Chi pháp năng duyên ở đây chỉ cho sắc Ý vật sinh vào sátna sinh của tâm hữu phần thứ 16 kể từ tâm Tử lui về trước (tính cả tâm Tử là 17 sátna).

Chính nhóm Ý vật vừa sinh này, cùng diệt với tâm Tử vào sátna diệt. Kể từ khi nhóm Ý vật này sinh lên, không còn nhóm Ý vật nào sinh lên nữa và mỗi sátna tiểu có một nhóm Ý vật diệt.

Chính nhóm Ý vật sau cùng này làm cảnh cho tâm đổng lực trong lộ tử".

V***ì sao***? Vì chúng đang ở giai đoạn phát triển.

Trong thời bình nhật có bao nhiêu nhóm Ý vật?

Có tất cả 51 nhóm Ý vật trong thời bình nhật. ***Như thế nào***?

Chúng ta trở lại thời điểm Tục sinh.

Vào sátna sinh của tâm Tục sinh, có một nhóm Ý vật sinh lên.

Theo quy luật sắc pháp "*cứ một sátna tiểu thì sinh lên một nhóm*", nên vào sátna trụ của tâm Tục sinh, nhóm Ý vật 2 sinh lên (bấy giờ nhóm sắc Ý vật 1 trở thành chỗ nương cho tâm Tục sinh), vào sátna diệt của tâm Tục sinh, nhóm Ý vật 3 sinh lên. Như vậy, sau khi tâm tục sinh diệt đã có 3 đoàn Ý vật.

Sự sinh lên của nhóm sắc Ý vật cứ như thế, cho đến 17 sátna tâm (kể luôn sátna tâm Tục sinh), bấy giờ đã có 51 đoàn sắc Ý vật.

Đoàn sắc ý vật đầu tiên (số 1) đã có tuổi thọ là 51 sátna tiểu, nên đến sátna sinh của tâm thứ 18, nhóm Ý vật này diệt và một nhóm Ý vật mới sinh lên.

Kể từ thời điểm này cứ một sátnatiểu có một nhóm Ý vật diệt, một nhóm Ý vật mới sinh lên.

Và 51 nhóm Ý vật vẫn luôn luôn tròn đủ, gọi là bình số.

b- Về sở duyên.

Vì sao tâm đổng lực trong lộ tử của Vật - cảnh sinh tiền y duyên là đổng lực Dục giới?

Vì không có cảnh thiền, cảnh Nípbàn nên các tâm Thiền lẫn tâm Siêu thế không sinh lên.

Vì sao có tâm Sinh tiếu (hasituppāda)?

Vị Thánh Alahán khi sắp Nípbàn nhận sắc ý vật làm cảnh trong lộ cận tử cuối cùng, Ngài vui theo thói quen, dĩ nhiên những lộ cận tử trước đó tâm Ngài hướng về tịch tịnh, và lộ cận tử này xuất hiện sau cùng.

Vì sao có những đổng lực thọ hỷ?

Thông thường chúng sinh đứng trước cái chết, thường sợ hãi, nhưng vẫn có người nở nụ cười ***mãn nguyện*** trước khi chết.

Vì sao có tâm thông?

Với những vị tu tập thiền định chứng đạt pháp thần thông, trước khi chết các Ngài thể hiện ân đức của thượng nhân pháp.

Như Đức Ānanda hiện thông khi viên tịch … khi ấy phải "nhận sắc Ý vật làm cảnh" để "nguyện lực trước đó" được thành tự sau khi Ngài viên tịch.

Ví như "lời dặn dò cuối cùng của người sắp chết". Sau khi người ấy chết, "lời dặn dò" ấy được thực hiện.

Ở đây "lời dặn dò ấy" là năng lực thần thông.

Vì sao không có các tâm sở: Tật (ganh ty), lận (keo kiệt), hối, Giới phần và Vô lượng phần?

Vì không có cảnh cho chúng sinh lên.

- "*Ganh tỵ*" (Tật) sinh lên khi "không hài lòng với thành công của người".
- *"Bỏn xẻn"* (Lận) sinh lên "khi không muốn buông lìa những gì mình có".
- *Hối hận* sinh lên khi nghĩ đến "điều ác đã làm, điều thiện bỏ qua".
- *Chánh ngữ* sinh lên "khi nói thật".
- *Chánh nghiệp* sinh lên khi "làm việc chân chánh".
- *Chánh mạng* sinh lên khi "nuôi mạng đúng đắn".

- *Bi* sinh lên khi gặp cảnh "chúng sinh đau khổ".

- *Tùy hỷ* sinh lên khi gặp cảnh là "chúng sinh hạnh phúc".

c- Về phi sở duyên.

Sắc Ý vật chỉ làm cảnh trong lộ tử, do đó "năm đôi thức + Ý giới + các tâm thiền và tâm Siêu thế không hiện khởi, điều này đã rõ ràng.

Riêng 41 tâm Dục giới còn lại, có khi chúng nhận sắc Ý vật làm cảnh hoặc không nhận sắc Ý vật làm cảnh trong lộ tử, nên là phi sở duyên nhất định.

---o0o---

09 - Cận y duyên (Upanissayapaccaya)

1- Định nghĩa.

Upanissaya = upa (gần, thân cận) + căn ni (đến) + căn SI (giao thiệp, phục vụ).

Tiếp đầu ngữ ***upa*** có mục đích "nhấn mạnh".

Như nói "tôi quen ***thân*** với anh A", so với "tôi quen với anh A".

Cận y duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách làm chỗ nương nhờ rất vững chắc.

Ví như con nương nhờ cha mẹ tốt đẹp hơn so với nương nhờ nơi quyến thuộc.

Đức Phật có dạy: "Attā hi attano nātho; ko hi nātho paro siya …:

"Ta là nơi nương chính ta; người khác ai là nơi nương …" [99].

Theo ý nghĩa Phật ngôn trên, ta là "cận y" của chính ta.

Pāli có giải thích:

- Bhuso nissayo = upanissayo: *Nương dựa trọn vẹn, gọi là cận y.*

- Balavarato nissayoti = upanissayo: *Nơi nương có sức mạnh lớn, gọi là cận y.*

- Upanissayabhāvena upakārako dhammo = upanissayapaccayo:

*"Pháp nâng đở bằng cách thân cận làm cho tăng trưởng, gọi là **cận y duyên**.*

-Balātarabhāvena upakārako dhammo = upanissayapaccayo:

*"Pháp nâng đở có nhiều sức mạnh làm cho tăng trưởng, gọi là **cận y duyên"**.*

Do tính chất "nhấn mạnh" nên cận y duyên được phân tích thành ba duyên là: *Cảnh cận y duyên* (ārammaṇūpanissaya paccaya), *Vô gián cận y duyên* (anantarūpanissayapaccaya) và *Thường cận y duyên* (pakatūpanissayapaccaya).

Y duyên ví như đất là nơi nương cho cây, còn Cận y duyên ví như mưa thuận gió hòa giúp cho cây tăng trưởng lớn mạnh.

"S. Z. Aung phiên dịch upanissaya là "điều kiện đầy đủ", như 5 ác trọng nghiệp là giết mẹ, giết cha … sẽ là "điều kiện đầy đủ" để tạo quả tái sinh trong khổ cảnh" [100].

2- Giảng giải.

*1- **Cận y duyên theo Kinh tạng (Suttanta)*** .

Đó là các bài kinh như "giao du với bạn lành", "không giao du với bạn xấu", "sống trong làng", "ngụ trong rừng"….

Xin trích dẫn một vài điều như sau:

"Pāṇātipāto, bhikkhave, āsevito bhāvito bahulīkato nirayasaṃvattaniko tiracchānayonisaṃvattaniko pettivisayasaṃvattaniko…

"Này các tỳkhưu, sát sinh được thực hiện tăng thịnh, được thực hiện nhiều, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sinh, đưa đến cõi ngạ quỷ… [101].

"Kalyāṇamittassa, bhikkhave, anuppannā ceva kusalā dhammā upajjhanti uppannā…

"*Với người làm bạn với thiện, này các tỳkhưu, các pháp thiện chưa sinh được sinh khởi…*[102]

Na bhaje pāpake mitte; na bhaje purisādhame.

Bhajetha mitte kalyāṇe; bhajetha purisuttame.

"Không kết giao bạn xấu; không kết giao người ti tiện

Kết giao với bạn tốt, kết giao người cao quý." [103]

Hoặc như Đức Anuruddha ngăn oai nghi nằm trong 55 năm, Đức Ānanda ngăn oai nghi nằm suốt 40 năm còn lại sau khi Đức Phật viên tịch…

"Ngăn oai nghi nằm" là Cận y duyên của các Ngài.

Lại nữa, năm định luật (pañcaniyāma):

- Định luật hạt giống (bījaniyāma).

- Định luật thời tiết (utuniyāma).

- Định luật tâm (cittaniyāma).

- Định luật về nghiệp quả (kammavipākaniyāma).

- Định luật pháp (dhammaniyāma).

Đó là "Cận y duyên"cho ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc giới.

2- Cận y duyên theo Tạng Thắng pháp (abhidhammapitaka).

Theo Tạng Thắng pháp: Tất cả tâm + tâm sở, sắc pháp, chế định, người, trú xứ, khí hậu luôn cả ba thời đều có thể trở thành Cận y duyên.

Bộ Paṭṭhāna có ghi:

*"*Utubhojanampi upanissayapaccayena paccayo".

Khí hậu (utu)***, vật thực*** *cũng trợ giúp bằng cận y duyên.*

Puggalopi upanissayapaccayena paccayo

"Người *(puggala) cũng trợ giúp bằng cận y duyên."*

Senāsanampi upanissayapaccayena paccayo

*"**Trú xứ** (senāsana) cũng trợ giúp bằng cận y duyên."*[104]

a- Chế định là cận y duyên.

Rất nhiều ý nghĩa cùng sự định danh của Đức Phật trong Tam Tạng, đó là "cận y" cho chư tỳkhưu chiêm nghiệm pháp được Đức Thế Tôn thuyết giảng, như Phật ngôn:

"… Dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu; saddhammā na parihāyati.

"Tỳkhưu tưởng niệm pháp; sẽ không rời diệu pháp." [105]

Thực tế, tất cả pháp chế định chỉ có được khi có những sự kiện "để từ đó định đặt ra ngôn từ cùng ý nghĩa", ngoài ra không có pháp thực tính (sabhāva) chi cả.

Tuy "sự kiện" chấm dứt, nhưng chúng khiông chấm dứt, chúng chỉ bị "quên lãng" mà thôi.

Như tên gọi Sumedha để chỉ cho 1 danh sắc, khi danh sắc ấy còn tồn tại, tên gọi Sumedha vẫn còn. Khi danh sắc ấy diệt thì danh tự "Sumedha" tạm dừng, và sẽ xuất hiện khi Đức Phật nhắc lại Bổn sự của Ngài.

Nípbàn và pháp chế định (paññatti) là những pháp "ngoài thời gian (kālavimutta - ngoại thời)", đó là những pháp *"không sinh*", nên *"bất diệt*".

Ý nghĩa *"Không sinh và bất diệt"* của chế định ở đây, nên hiểu theo nghĩa "ngoại thời", không có nghĩa là "không có kết thúc theo thời gian".

Vào một lúc nào đó chúng cũng biến mất, như một số cổ ngữ không có ai đọc được hay đã mất. Để rồi sau đó, có người tìm ra cách thức đọc những cổ tự, thế là ý nghĩa cùng danh tự đó sẽ "sống lại".

**- Chế định trong hiện tại là cận y duyên.*

Là những ngôn ngữ, danh tự dùng thường xuyên trở thành thói quen, như người Phật tử thì thường "mô Phật" một cách tự nhiên, người thô lỗ thì thường văng tục …

Hay các nhà thơ, nhà văn, Phật tử… cũng nương chế định trong hiện tại, như "trích cú tầm chương".

Vị Tỳkhưu học thuộc lòng kinh điển. Văn tự trong kinh điển là cận y duyên với vị ấy…

Đây là "chế định" trong hiện tại trở thành cận y.

*- *Chế định quá khứ là cận y duyên.*

Chế định ở những *kiếp trước trước* cũng có thể trở thành "cận y", như trường hợp "những thần đồng ngoại ngữ", "thần đồng toán học"…

Trưởng lão Pilindavaccha thường gọi các tỳkhưu là "kẻ thấp hèn", chư Tỳkhưu trình lên Đức Phật về chuyện này, Đức Phật dạy: "Tỳkhưu Pilindavaccha không có ý khinh thường các bậc đồng phạm hạnh, chỉ vì đó là thói quen trong quá khứ.

Trong quá khứ vị này đã 500 kiếp là Bàlamôn, thường nói như vậy, nên thành thói quen"[106].

Hay như 500 con dơi trong thời Đức Phật Kassapa (Cadiếp) thường nghe chư tỳkhưu tụng tạng Thắng pháp (Abhidhamma) với tâm hoan hỷ dù chúng không hiểu nghĩa. Khi mệnh chúng chúng được sinh về cõi trời.

Đến thời Đức Phật hiện tại, chúng tái sinh là 500 thanh niên, xuất gia với Trưởng lão Sāriputta khi chứng kiến được uy lực Song thông của Đức Phật.

Vào mùa an cư này (hạ thứ 7), Đức Phật ngự lên cung trời Đạo lợi, thuyết Tạng Thắng pháp (abhidhamma) để tế độ vị Thiên tử Māya (thân mẫu Bồtát Siddhatta).

Vào buổi sáng, sau khi đi khất thực ở xứ Bắc Cưu lô châu (Utaradīpa). Ngài an nghỉ ở chân thành Saṅkassa, Đức Sāriputta đến chân thành Saṅkassa phục vụ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn tóm tắt thời pháp thoại đã giảng nơi cung trời Đạo Lợi, bảo Đức Sāriputta (Xálợiphất) dạy cho 500 vị tân Tỳkhưu ấy.

Và 500 vị tân Tỳkhưu trở thành những vị Tỳkhưu thông Tạng Thắng pháp trước nhất và chứng quả Dự lưu.[107]

*- *Chế định trong tương lai là "cận y " như thế nào?*

Một số thiện gia có ước nguyện "nghe được pháp của Đức Phật Chánh giác vị lai"….

Hoặc như vua Bình sa (Bimbisāra) thỉnh cầu Bồtát "khi đắc đạo" trở về tế độ Dức vua.

b- Sắc pháp là cận y duyên.

Là những sắc cảnh trong quá khứ, sẽ hấp dẫn tâm một cách tự nhiên trong hiện tại. Như có người chỉ "yêu thích màu hồng" nhưng "khó chịu với màu trắng"…

Một số người bị "kinh hoàng do lửa", nay thấy lại "ánh lửa", phát sinh sợ hãi ….

Một vị đệ tử của Đức Sāriputta (Xálợiphất) từng là thợ bạc 500 kiếp trong quá khứ, khi Đức Sāriputta dạy đề mục thể trược.

Trong 4 tháng dài, ấn tướng không phát sinh cho người đệ tử; Đức Sāriputta đưa người đệ tử đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi Đức Sāriputta ra đi, Đức Thế Tôn hóa ra cánh sen vàng, bảo vị tân Tỳkhưu quán xét và sau cùng vị ấy chứng quả Alahán [108].

Do trong quá khứ đã từng thấy "sắc tốt", nên "sắc thể trược" không hấp dẫn tâm vị ấy, chỉ có sắc tốt là "cánh sen vàng" là cận y của vị ấy.

Những sắc pháp *trong hiện tại* là cận y cho tâm, như "thích uống trà, thích uống rượu", "thích màu hồng"…

Những sắc pháp *trong tương lai* cũng trở thành cận y.

Như những cảnh thiên giới xinh đẹp, những địa vị Vua, quan ... sẽ hấp dẫn chúng sinh, khiến người này tích cực tạo thiện nghiệp …

Tiền thân Hoàng Hậu Anojā cúng dường hoa anojā đến bảo tháp Đức Phật Kassapa, bà nguyện những kiếp về sau có được màu da như màu hoa anojā. [109]

c- Tâm và tâm sở là "cận y duyên".

Tâm và tâm sở được phân theo ba tính: Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký.

****- Pháp thiện là cận y.***

Là người những kiếp trước trước thường thực hành thiện pháp, nay thiện pháp ấy hiện khởi một cách tự nhiên.

Như trường hợp tiền thân Ngài Mahā Kassapa và bà Bhaddā, trước đây thường sống đời phạm hạnh nhiều kiếp sống với nhau.

Trong kiếp này, do áp lực gia đình, tuy hai người phải kết hôn nhưng vẫn sống đời phạm hạnh, xem nhau như tình bạn.[110]

Người kiếp trước trước hay trong kiếp này thường bố thí, trì giới… là "cận y" cho pháp quán. thiền định, thắng trí, Đạo - quả Siêu thế phát sinh trong hiện tại.

Hoặc như trường hợp vua Mahā Kappina, Hoàng hậu Anojā cùng 1000 ngàn quan Đại thần và phu nhân; trong kiếp trước thường xuyên niệm tưởng ân đức Tam bảo.

Khi nghe Tam bảo xuất hiện trên thế gián, cả vua Mahā Kappina cùng 1.000 quan đại thần, bỏ kinh thành ra đi, tìm Đức Thế Tôn để nghe pháp.

Tương tự như thế, Hoàng hậu Anojā cùng 1.000 vị phu nhân cũng bỏ kinh thành ra đi. Và tất cả đều chứng quả Thánh quả Alahán.[111]

Đức Phật có dạy:

"Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ upanissayapaccayena paccayo"….

*"Pháp thiện sinh **trước trước** trợ cho pháp thiện sinh **sau sau** bằng cận y duyên…* [112]

Ám chỉ những gì thường làm thuần thục trong quá khứ sẽ trợ giúp trong hiện tại hay vị lai.

Pháp thiện nào tạo cận y cho thiền định, thắng trí và Đạo quả?

Đó là hai pháp: Tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

"Sīle patiṭṭhāya naro sapañño, cittaṃ paññañca bhāvayaṃ.

Ātāpī nipako bhikkhu, so imaṃ vijaṭaye jataṃ".

"Trú giới người có trí; tu tập tâm và tuệ.

Nhiệt tâm và thận trọng; tỳ khưu thoát trói buộc".[113]

Tâm giải thoát ám chỉ "Thiền chỉ tịnh" (samādhijhāna); tuệ giải thoát ám chỉ thiền quán (vipassanājhāna).

Trong Sớ giải kinh Pháp cú có ghi nhận:

Trong thời Đức Phật Kassapa (Cadiếp), có 500 vị Tỳkhưu thường quán Vô thường, nên Đức Phật thuyết lên kệ ngôn:

"Sabbe saṅkhārā aniccā'ti; yadā paññāya passati.

Atha nibbindati dukkhe; esa maggo visuddhiyā.

"Pháp hữu vi vô thường; với tuệ quán như vậy.

Đau khổ được lìa bỏ; đó là đường an tịnh".[114]

Tương tự như vậy với quán khổ, quán vô ngã.

Tiền kiếp của Ngài Cūlapanthaka là vị vua. Một hôm Đức vua dùng khăn lau mình, thấy khăn nhơ bẩn liền quán xét về thể trược.

Trong thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Đức vua nay là Tỳ khưu Cūla Panthaka, Đức Phật bảo Ngài hãy vò chiếc khăn tay.

Khi vò chiếc khăn tay, Ngài nhận thấy nó "trước đây sạch, khi chạm vào thân này, nó trở nên nhơ bẩn".

Thế rồi, Ngài Cūlapanthaka quán xét về thể trược quả Alahán cùng với Hóa tâm minh [115]

Hoặc như bốn truyền thống bậc Thánh khi xưa là*:*

- Biết đủ với bất cứ y phục nào.

- Biết đủ với bất cứ đồ ăn khất thực nào.

- Biết đủ với bất cứ sàng tọa nào.

-Ưa thích tu tập (bhāvaṇā), vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận (pahāna), vui thích đoạn tận[116] là thường cận y cho vị hành giả thực hành pháp.

Đạo Siêu thế, thiền định, thắng trí ***sẽ sinh***, là "cận y" cho hành giả tích cực tu tập thiền định hay thiền quán...

Với vị thường an trú trong thiền tịnh hay thiền quả, thiền tịnh hay thiền quả là "cận y" trong hiện tại…

****- Pháp bất thiện là cận y duyên.***

Như người trước đây chấp hẳn một lại tà kiến nào đó, nay gặp lại loại tà kiến ấy, liền thích thú đón nhận ngay, điển hình như Tỳkhưu Sunakkhatta người Licchavī sùng bái đạo sĩ lõa thể.[117]

Hoặc người cột oan trái trong quá khứ, khi gặp lại sẽ tìm cách hại nhau…

Trong hiện tại, người thích thú với đường lối khổ hạnh, như hạnh con chó, hạnh con bò,[118] thường xuyên thực hành theo đường lối đó.

Hay trong hiện tại, tâm người đắm say dục lạc, thường phát khởi tâm theo đường hướng ấy một cách tự nhiên…

Người "muốn trả thù" trong tương lai, hiện tại người ấy suy tính lập kế để hãm hại kẻ thù, hoặc rèn luyện kỷ năng sát hại tinh xảo…

Đây là bất thiện trong tương lai là "cận y".

****- Pháp vô ký là cận y duyên.***

Như sự thờ cúng các ngẫu tượng được truyền từ đời này sang đời khác …

Những hình ảnh sẽ có trong tương lai được tạo dựng để lễ bái, như tượng Đức Phật Di-lặc …

Trong hiện tại thì đền, miếu được tân tạo, một số ngẫu tượng được hình thành ….

Uy quyền tối cao, sự giàu có, quyền lực, sự thịnh vượng đạt được trong tương lai cũng là những "cận y" liên quan đến hiện tại.

Vì người mong muốn có những kết quả trên, sẽ cố gắng thực hành theo nhiều phương cách: Thiện cũng có, bất thiện cũng có để đạt được trong tương lai.

Các sinh thú tốt đẹp, các quả lành của thiện nghiệp trong tương lai hay những kiếp sau sau đó, cũng là "cận y" trong hiện tại.

Chúng sinh này sẽ tích cực thường xuyên thực hành thiện nghiệp

Những ai muốn đạt Nípbàn trong kiếp hiện tại thì thực hành những pháp dẫn tới giác ngộ.

Những ai mong muốn đạt *nibbāna* trong những kiếp sau, khi các vị Phật xuất hiện thì thực hành thập độ.

Ở đây, *nibbāna* là "cận y" cho việc tu tập này.

d- Khí hậu là cận y duyên.

Hai chất lửa nóng và lạnh tạo ra khí hậu, nên *utu* ở đây được dịch là "khí hậu".

Có một số chúng sinh chỉ thích hợp với mùa này, không thích hợp với mùa khác, như có người khó ngủ trong mùa có trăng ... hay có người điên theo mùa. [119]

Khí hậu là "cận y" *trong hiện tại.*

Như đến thời vụ, con người cày, bừa, gieo hạt… Vào mùa lạnh loài dơi, loài gấu trắng ngủ vùi ...Vào mùa thiên di các loài chim ra đi…

Khí hậu là "cận y" *trong tương lai.*

Như mong muốn gặt mùa trong mùa đông, con người vẫn còn cày và gieo hạt trong mùa mưa …

e- Vật thực là cận y duyên.

Một số chúng sinh bị dị ứng với một số loại thực phẩm, hay ưa thích một số thực phẩm…

f- Người là cận y duyên.

Ở đây, tuy Đức Phật Nípbàn nhưng Giáo Pháp và Tăng chúng của Ngài, có mối quan hệ nhân quả với các thế hệ sau sau theo cách "cận y" để gieo trồng thiện nghiệp…

Đức Phật là "cận y duyên" thuộc quá khứ.

Trong hiện tại, các bậc tiền bối của chúng ta như cha mẹ, thầy tổ, các vị trưởng lão tỳkhưu …

Hoặc các Bàlamôn có trí, những triết gia, những đức vua đầy năng lực và sáng suốt …

Tất cả đều có mối quan hệ nhân quả tới các thế hệ kế tiếp theo cách của "cận y ".

Những thế hệ tương lai đi theo con đường của họ, chấp nhận chủ thuyết, cách thức, hành xử … của họ, tham gia vào nhiều tôn giáo; học nhiều ngành nghệ thuật, khoa học; cách thức cai quản các thôn xóm, làng mạc, thị trấn, thành phố, quốc độ; các kỷ thuật làm nhà, đóng thuyền, phương tiện di chuyển như xe, phi cơ … khai thác quặng mỏ, kỷ thuật luyện kim để tích lũy vàng, bạc, đá quý , ngọc… Do vậy, thế gian phát triển không ngừng.

Đây là "người là cận y" trong hiện tại.

Đức Phật vị lai là *Metteyya* (Di -lặc), là "cận y" cho thế hệ hiện tại hay trước đó.

Giáo Pháp và Tăng đoàn sẽ có của Đức Phật Di - lặc là "cận y" cho hàng phật tử trong hiện tại, để thành tựu, giới, văn, thí, tuệ....

Đức Phật Metteya là cận y "tương lai".

g- Trú xứ là cận y duyên.

Kinh thành Kusinārā trong thời Đức Phật, trước đó là kinh đô Kusavatī của vua Chuyển Luân Đại Thiện Kiến, nơi đây Bồtát đã 7 lần mệnh chung và lần thứ 8 thì Đức Phật viên tịch.[120] Đây là trú xứ quá khứ là cận y .

Trong hiện tại, những hang động, nhà cửa, lâu đài là "cận y" cho những người sống nơi đó.

Hoặc bài kinh "Khu rừng" trong Trung bộ kinh:

- Khu rừng nào pháp tấn hóa vật thực kém khuyết, nên ở.

-Khu rừng nào pháp tấn hóa, vật thực đầy đủ, không bỏ đi nơi khác…

Là trú xứ "cận y" hiện tại.

Hay các vị thiền tịnh độc cư thường trú nơi thanh vắng.

Kinh đô Pātaliputta (Hoathịthành) là trú xứ tương lai cho vua Axàthế cùng các vị vua sau này…

3- Phân tích.

Các Giáo thọ sư tiền bối phân tích cận y duyên thành ba duyên phụ là:

- *Cảnh cận y duyên* (ārammaṇūpanissayapaccaya).

- *Vô gián cận y duyên* (anantarūpanissayapaccaya).

- *Thường cận y duyên* (pakatūpanissaya).

Vì sao gọi là Cảnh cận y (*ārammaṇūpanissaya)*?

Vì cảnh vượt trội (ārammaṇika) hơn pháp sở duyên là tâm.

Cảnh cận y là "điều kiện đủ" và mạnh ở *bên ngoài* (dòng tâm).

Những *"điều kiện đủ - mạnh" thường có ở bên ngoài,* là đất đai, núi, sông, biển, chỗ ở của chúng sinh, khí hậu, mặt trăng, mặt trời, các hành tinh, mưa, nắng, gió, lạnh, nóng … là những điều có ích lợi cho cuộc sống sinh chúng.

Hoặc chúng là điều kiện vật chất tốt để tạo những thiện nghiệp như bố thí, trì giới, cung kỉnh (như Phật tử lễ bái kim thân Phật)… hay tạo những ác bất thiện nghiệp, để rồi cho quả lạc hay quả khổ.

***Vì sao gọi là Vô gián cận y (anantarūpanissaya)*?**

Vì tâm trước là nền tảng chính, giúp cho tâm sau sinh lên ngay lập tức.

Vô gián cận y là "điều kiện đủ và mạnh" ở *bên trong*.

Những *"điều kiện đủ và mạnh"* ở bên trong, là những gì diễn tiến bên trong của một chúng sinh hữu tình.

Vô gián cận y như người mẹ có ảnh hưởng lớn với đứa con trong thai bào, cũng vậy tâm trước có ảnh hưởng lớn với tâm sinh sau.

***Vì sao gọi là Thường cận y (pakatūpanissaya)*?**

Vì đó là bản chất vững chắc quen thuộc, thường có.

Hai duyên trước: Cảnh cận y duyên và Vô gián cận y duyên, mỗi duyên đảm nhận một lãnh vực.

Riêng Thường cận y bao gồm cả hai "bên ngoài lẫn bên trong".

Nếu Vô gián cận y là "điều kiện đủ - mạnh" ở bên trong một cách cấp thời, hạn hẹp, thì Thường cận y là "điều kiện đủ - mạnh" ở bên trong lẫn bên ngoài, dài hạn và rộng lớn.

Như những gì thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và nhận thức, được trải qua trong kiếp sống này hàng ngày, hàng tháng, hàng năm thậm chí sau hàng trăm năm, nếu có nhân thích hợp chúng sẽ hiện khởi trở lại.

Như người nhớ về quá khứ sẽ thốt "tôi đã nhìn thấy nó trước đây", "tôi đã nghe điều này trước đây"…

Chư thiên, Ngạ quỷ có thể nhớ được những kiếp trước một cách tự nhiên, cũng vậy, một số người cũng có thể nhớ lại được kiếp trước của mình mà không cần phải tu tập thiền tịnh, đắc Túc mạng minh.

Nếu một trong hàng trăm ngàn cảnh trải qua trước đây, sau này có điều kiện thích hợp, chúng sẽ "trạng lại " ít, nhiều hay tất cả trong dòng tâm.

A- Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccayo).

Là mãnh lực trợ giúp, nâng đở bằng cách làm thành cảnh rất vững mạnh.

Chi pháp của *cảnh cận y duyên* giống như chi pháp *cảnh trưởng duyên*, nhưng có sự khác biệt như sau:

Cảnh trưởng duyên là nói đến khía cạnh ***quan trọng*** (garu) của cảnh đối với tâm, còn cảnh cận y duyên là nói đến khía cạnh ***sức mạnh*** (bala) của cảnh đối với tâm.

Sách Thanh Tịnh đạo có ghi nhận:

Iti garukattabbamattaṭṭhena ārammaṇādhipati:

Như vậy, ***cảnh trưởng*** *có nghĩa là "quan trọng".*

Balavakāraṇatṭthena ārammaṇūpanissayoti…

*"****Cảnh cận y*** *có nghĩa là "tạo ra sức mạnh"."*[121]

Cảnh quan trọng như thế nào?

Như người bố thí, trì giới… khi xem xét lại "chú ý" đến các việc thiện của mình đã làm.

Khi xuất khỏi thiền, vị hành giả chú ý đến thiền chứng, xem xét lại (phản khán) những chi thiền.

Các bậc hữu học, chú ý đến tâm Gotrabhū (Chuyển tánh) hay tâm Tiến bậc (vodanā) khi xem xét lại Đạo - quả Siêu thế, sau khi ra khỏi lộ đắc đạo.

Vì sao? Vì đó là nhân của tâm Đạo, có nhận biết được 2 loại tâm này, vị ấy xác định được tầng Thánh mà mình đã chứng đạt. (sđd).

Cảnh có sức mạnh như thế nào?

Như người trước đây thường nắm giữ tà kiến, nay nghe những chủ thuyết "tà kiến cũ", thì hoan hỷ chấp nhận không cần suy xét.

Hoặc như người trước đây bị một cảnh tượng nào gây kinh hoàng, nay gặp lại cảnh ấy tâm kinh hoàng ngay.

Hay những người trước đây hài lòng với cảnh nào, nay gặp lại tâm không thể cưởng lại, như những trường hợp thần đồng âm nhạc Mozart, Betthoven…

B-*Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccayo).*

"Vô gián cận y duyên" là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách "liên tiếp" rất vững mạnh.

Chi pháp của *vô gián cận y duyên* giống như chi pháp *vô gián duyên*, nhưng có sự khác biệt là:

- *Vô gián duyên* là "khả năng làm sinh khởi một tâm kế tục".

- V*ô gián cận y duyên* cũng tương tự như vậy nhưng có tính cách mạnh mẽ hơn.

Ví như giòng nước chảy bình thường và giòng nước chảy xiết.

Ngài Buddhaghosa có giải thích:

"Evaṃ santepi attano attano anantarā anurūpassa cittuppādassa pavattanasamatthatāya anantarā:

"Như vậy, nên biết do tính chất có thể khiến tâm phát sinh sau không gián đoạn, thích hợp thứ tự "như chính mình" (attano),

"Purimacittassa pacchimacittuppādane balavatāya anantarūpanissayatā veditabbā:

"*Tâm đầu tiên có sức mạnh trợ cho tâm sinh lên sau, nên hiểu đó là vô gián cận y*"(sđd).

Như vậy, ***Vô gián cận y duyên*** chỉ cho những tâm trong lộ đổng lực.

Vì 7 sátna đổng lực thỏa mãn hai điều kiện: Tâm sinh lên sau giống như tâm trước; tâm trước có sức mạnh giúp tâm sau sinh lên.[122]

c- Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya).

1- Định nghĩa.

Chữ pakati nghĩa là "***tự nhiên***".

"Thường cận y duyên" là mãnh lực trợ giúp vững mạnh theo cách "tự nhiên", hay trở thành thói quen.

Như "ăn cắp quen tay, ngủ ngày quen mắt".

Vì sao trở thành thói quen? Vì thường làm, thường thực hiện.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên:* Tâm + tâm sở + sắc pháp + chế định có sức mạnh (trừ chế định nghiệp xứ).

- *Sở duyên:* Tâm + tâm sở sinh sau sau.

- *Phi sở duyên.* Sắc pháp.

3- Giải thích.

a-Pakati (tự nhiên) là gì?

Những điều "tự nhiên"bao gồm tâm, tâm sở, người, trú xứ, luôn cả chế định (paññatti), cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Sách Thanh Tịnh Đạo cũng ghi nhận:

"Pakati nāma attano santāne nipphādito vā saddhāsīlādi upasevito vā utubhojanādi:

Người hay hậu duệ sinh lên liên tục, hoặc tín - giới, hoặc khí hậu (utu), thực phẩm, gọi là tự nhiên (pakati).[123]

Thường cận y là gì?.

Gọi là "Thường cận y" bao gồm 2 điều kiện: *Diễn tiến một cách tự nhiên và có nhiều sức mạnh.*

Trợ giúp bằng cách "diễn tiến ***tự nhiên*** và có nhiều ***sức mạnh***, gọi là Thường cận y duyên" (pakatūpanissayapaccaya).

Thường cận y là những gì thường thực hành, thường duy trì trước đây, nay phản xạ trở lại một cách tự nhiên.

Giữa *cận y* và *thường cận y* có sự khác biệt nhau là:

Cận y là "*nơi nương vững mạnh",* còn thường cận y là "*thường nương nơi vững mạnh"*, hay "*thường thực hành trở thành một phản xạ tự nhiên*".

Như Đức Phật là cận y cho toàn thể Phật giáo đồ; người thường thực hành thiền tịnh theo lời dạy của Đức Phật là "thường cận y "….

Có Phật ngôn:

"Yogā ve jāyati bhūri; ayogā bhūrisaṅkhayo.

Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā; bhavāya vibhavāya ca.

Tath'attānaṃ niveseyya; yathā bhūri pavaḍḍhati.

"Hành thiền trí tuệ sinh; không thiền trí hoại diệt.

Đã biết hai con đường; có và không có.

Hãy tự mình cố gắng; khiến trí được tăng trưởng".[124]

b-Người là " thường cận y".

Là trong quá khứ từng nương nhờ người, nay nương nhờ theo cách tự nhiên

Như trong những mẫu chuyện tiền thân (jātaka), Bồtát trong quá khứ đã từng là nơi nương nhờ cho các đệ tử, nay Đức Phật cũng là nơi nương nhờ cho hậu thân các vị ấy. Điển hình như nàng Kānā [125] …

c- ***Chế định là thường cận y.***

Như Pháp học được Đức Thế Tôn thuyết giảng, chư Tỳ khưu cố gắng học thuộc lòng.

Chư Tỳkhưu thường tụng niệm kinh điển, kinh điển là *thường cận y* cho các Ngài.

d- Những truyền thống gia tộc là thường cận y.

Là những truyền thống mà một hậu duệ của dòng dõi ấy phải gìn giữ, thường xuyên thực hành điều ấy.

Như thanh niên Siṅgala mỗi buổi sáng ra khỏi thành Vương xá (Rājagaha) với toàn thân đẫm nước, hướng về 6 phương đảnh lễ, do vâng theo lời cha dạy.[126]

e- Đức tin là thường cận y.

Người có niềm tin nhân quả, nghiệp báo hay tin vào lời dạy của Đức Thế Tôn, thường thực hành những thiện nghiệp, trở thành thường cận y, như kệ ngôn Pháp cú:

"Māvamaññetha puññassa; na maṃ taṃ āgamissati.

Udabindunipātena; udakumbho'pi pūrati.

Pūrati dhīro puññassa; thokathokaṃ pi ācinaṃ".

"*Chớ chê khinh thiện nhỏ; không kết quả đến mình.*

Nước kia từng giọt nhỏ; bình kia sẽ tràn đầy.

Bậc trí thiện tràn đầy; do tích lũy từng chút."[127]

f- Giới là thường cận y.

Hành giả tu tập thiền chỉ tịnh hay thiền minh sát phải nương tựa vào giới mới có kết quả.

Do đó, hành giả thường quán xét lại giới hạnh của mình, thường xuyên giúp giới được trong sạch.

Các thường cận y bất thiện cũng tương tự như vậy.

Trong bộ Paṭṭhāna có nêu rõ ràng, như: Pháp thiện trước trước trợ pháp sau sau thiện bằng cận y duyên

- Pháp bất thiện trước trước trợ cho pháp bất thiện sinh sau sau bằng cận y duyên… (sẽ giải thích trong phần "tam đề thiện").

---o0o---

10 - Sinh tiền duyên (Purejātapaccaya)

1- Định nghĩa.

Sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách *sinh ra trước*.

Nghĩa là năng duyên sinh ra trước, giúp cho sở duyên sinh ra sau được vững mạnh.

Pāli có giải thích:

Purejāyiddhāti = purejāto:

*"Xuất hiện trước, gọi là "**sinh trước".***

Purejato ca so paccayo cāti = purejātapaccayo:

*"Xuất hiện trước để trợ giúp, gọi là **Sinh tiền duyên***".

Nên ghi nhận: "Gọi là *sinh tiền duyên* là chỉ cho cái sinh trước ***đang hiện hữu***, không phải chỉ cho cái *sinh trước* (đã diệt)".

2- Phân tích.

Sự liên hệ (paccaya) giữa pháp sinh trước (năng duyên) và pháp sinh sau (sở duyên) có 3 duyên:

- *Vật sinh tiền duyên* (vatthupurejātapaccaya).

- *Vật cảnh sinh tiền duyên* (vatthārammaṇapurejātapaccaya).

Hai duyên này được giải thích trong phần Y duyên (nissayapaccaya), chỉ khác khía cạnh "có nương nhờ" và "không nương nhờ" mà thôi.

- *Cảnh sinh tiền duyên* (ārammaṇapurejātapaccaya).

Cảnh sinh tiền duyên (Ārammaṇapaccaya).

1- Định nghĩa.

Cảnh sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra trước, đồng thời là cảnh giúp cho tâm sinh lên sau nhận lấy.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Là 18 sắc thành tựu[128] (nipphannarūpa) sinh trước, đang làm cảnh.

- *Sở duyên.*

*- *Nhất định.* Năm đôi thức + Ý giới .[129]

*- *Bất định*. Là 41 tâm Dục giới (còn lại) + 2 tâm Thông và 50 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

- *Phi sở duyên.*

- *Nhất định:* Sắc pháp + 27 tâm Đáo đại + 40 tâm Siêu thế.

- *Bất định*: 41 tâm Dục giới (trừ năm đôi thức + Ý giới) khi không bắt 18 sắc thành tựu làm cảnh.

3- Giải thích.

a- *Về năng duyên*.

Trong 18 sắc thành tựu (còn gọi là sắc hiển lộ) có 7 sắc làm cảnh cho 5 đôi thức và Ý giới là: 4 sắc cảnh (gocararūpa) và đất, lửa gió.

Mười một sắc còn lại làm cảnh pháp cho Ý thức giới.

Như âm thanh của tiếng đàn chỉ xuất hiện khi có sự va chạm vào dây đàn, cũng vậy tâm chỉ sinh lên khi có cảnh va chạm vào 5 sắc vật (năm sắc thần kinh).

Dây đàn và vật va chạm có trước và đang hiện hữu, cũng vậy cảnh và 5 sắc thần kinh có trước đang hiện hữu giúp cho một trong 5 đôi thức + Ý giới sinh lên sau.

Mối liên hệ này được gọi là *Cảnh sinh tiền duyên.*

Mười một sắc còn lại chỉ có thể làm cảnh khi xâm nhập vào Ý môn.[130]

Trong chi pháp năng duyên của Sinh tiền duyên, bộ Thanh Tịnh Đạo chỉ nêu ra 11 sắc, đó là: Sáu sắc vật và 5 sắc cảnh.

"So pañcadvāre vatthārammaṇahadayavatthuvasena ekādasavidhohoti:

Có 11 thứ là: 5 môn, 5 cảnh và sắc ý vật liên hệ nhau".[131]

Chúng làm cảnh ra sao?

- *Năm sắc cảnh làm "cảnh"* cho tâm nhận biết. Điều này dễ hiểu.

- *Năm sắc thần kinh là cảnh.*

Như người nhận biết "mắt của mình tinh tường hay nhìn không rõ", "tai của mình thính hay bị lãng", "mũi nghẹt hay nhạy bén", "lưỡi khô đắng hay tốt", "thân nhạy cảm hay dơ bẩn"….

Khi năm sắc thần kinh làm cảnh cho tâm, chúng có tên gọi là "Cảnh - vật sinh tiền (vatthārammaṇapurejāta), vì chúng hội đủ ba điều kiện: Là vật để tâm nương trú, là cảnh để tâm nhận biết, đồng thời chúng sinh trước.

Về sắc ý vật (hadayavatthu).

Sắc Ý vật trợ giúp cho tâm sinh lên có 4 cách:

- Vào thời điểm tục sinh, là *Đồng sinh duyên*, vì sắc Ý vật đồng sinh với tâm Tục sinh.

- Vào thời bình nhật, là *Sinh tiền duyên*.

- Khi không bị tâm nhận biết, sắc Ý vật là *"vật sinh tiền"*.

- Khi bị tâm nhận biết, nó là *"cảnh - vật sinh tiền"*

- *Sắc nước là cảnh*.

Như nhận biết "sự kết dính hay tan rã" của các vật chất.

- *Sắc tính (bhāvarūpa) là cảnh.*

Là nhận biết tướng trạng nam hay nữ đang có nơi thân của mình, hay của người khác.

- *Sắc vật thực là cảnh.*

Như nhận biết loại vật thực này là bổ dưỡng, loại này là độc hại …

- *Sắc Mạng quyền là cảnh*.

Như nhận biết tuổi thọ của ta có được như vầy như vầy (còn trẻ, trung niên hay đã già)…

Giữa cảnh duyên và cảnh tiền sinh duyên khác nhau như thế nào?

Cảnh duyên là đề cập tổng quát "những pháp làm cảnh cho tâm" bao gồm cả ba thời.

Còn *Cảnh sinh tiền duyên* chỉ đề cập đến 18 sắc thành tựu đang tồn tại, làm cảnh cho tâm, tức là "thời hiện tại".

Vì 18 hiển sắc có thể là cảnh quá khứ, như người nhớ lại tuổi thanh xuân của mình …

Chúng có thể trở thành cảnh vị lai, như người suy gẫm "tuổi già sẽ theo sau"…

Chỉ khi nào 18 hiển sắc là cảnh hiện tại của tâm, bấy giờ chúng mới là năng duyên của ***Cảnh sinh tiền duyên***

Mười tám hiển sắc khi làm cảnh, có 2 vai trò:

- Là *cảnh trưởng* với tâm dính mắc, ưa thích chúng …

- Là *Cảnh sinh tiền cận y duyên*.

Nói cách khác, tùy theo vai trò chúng thể hiện, chúng có tên gọi theo tương ứng.

Ví như người kép hát khi hóa trang là vua thì được người khác gọi là "hoàng thượng", khi hóa trang là người hầu già thì được gọi là "lão bộc hay lão nô"…

b- Về sở duyên.

Khi 7 sắc cảnh làm thành cảnh thì 5 đôi thức sinh khởi theo tương ứng, như:

- Khi cảnh sắc xuất hiện nơi thần kinh Nhãn, tâm nhận biết chúng trước tiên là "Hướng ngũ môn", kế đến là tâm Nhãn thức, rồi tâm Tiếp thâu sampaṭicchana) …

- Khi cảnh thinh xuất hiện nơi thần kinh Nhĩ, tâm Hướng ngũ môn nhận biết chúng trước tiên, kế đến là tâm Nhĩ thức, tâm Tiếp thâu…

- Khi cảnh mùi xuất hiện ở thần kinh Tỷ, tâm Hướng ngũ môn nhận biết chúng trước tiên. kế đến là tâm Tỷ thức, tâm Tiếp thâu…

- Khi cảnh vị xuất hiện ở thần kinh Thiệt, tâm Hướng ngũ môn nhận biết chúng trước tiên, kế đến là tâm Thiệt thức, tâm Tiếp thâu

- Khi cảnh xúc xuất hiện ở tthần kinh Thân, tâm Hướng ngũ môn nhận biết chúng trước tiên, kế đến là tâm Thân thức, tâm Tiếp thâu …

Mỗi đôi thức chỉ biết một cảnh, Ý giới chỉ biết 5 cảnh này, nên gọi là "sở duyên nhất định".

Còn 3 tâm Quan sát (santīrana) biết cả cảnh danh pháp khi chúng làm phận sự Nacảnh (tadālambanakicca), nên gọi là sở duyên bất định.

Tương tự như thế với những tâm Dục giới còn lại.

c- Về phi sở duyên.

Sắc pháp và hai tâm sở Bi (karuṇā) và tâm sở Tùy hỷ (muditā) , tâm Đáo đại và 40 tâm Siêu thế là phi sở duyên nhất định.

- *Sắc pháp là phi sở duyên*.

Khi 18 hiển sắc là năng duyên, chúng là phi sở duyên. Mười sắc còn lại chúng không là năng duyên cũng không là sở duyên, nên chúng cũng là phi sở duyên.

- *Sở dĩ Bi và Tùy hỷ là phi sở duyên nhất định* vì chúng chỉ nhận biết cảnh là "chúng sinh".

-Tâm Đáo đại chỉ bắt cảnh thiền, tâm Siêu thế chỉ nhận cảnh Nípbàn.

Do đó là phi sở duyên nhất định.

Những tâm + tâm sở còn lại, chúng là phi sở duyên khi không bắt 18 sắc thành tựu làm cảnh. Nên gọi là "phi sở duyên bất định".

---o0o---

11 - Sinh hậu duyên (Pacchājātapaccaya)

1- Định nghĩa.

Sinh hậu duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau, nhưng giúp cho pháp sinh trước được vững mạnh.

Ví như lễ hội sắp tổ chức, mọi người rộn ràng, sắp xếp cho lễ hội được chu đáo.

Pāli có giải thích:

- Pacchā jāyatīti pacchājato: *"Xuất hiện sau, gọi là sinh sau"*.

- Pacchā jāto ca so paccayo cāti pacchājātapaccayo: *"Sinh ra sau để trợ giúp, gọi là* ***sinh hậu duyên"***.

- Pacchājāto hutvā upakārako dhammo = pacchājātapaccayo:

*"Sinh ra sau, nhưng trợ giúp cho pháp sinh ra trước được vững mạnh, gọi là **Sinh hậu duyên**."*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

"Purejātānaṃ rūpadhammānaṃ upatthambhakattena upakārako arūpadhammo pacchājātapaccayo:

*"Pháp vô sắc ủng hộ, trợ giúp cho pháp sắc sinh trước, gọi là **sinh hậu duyên"**.*[132]

2- Chi pháp:

a- Năng duyên: Gồm 117 tâm[133] sinh sau (kể từ tâm hữu phần thứ 1 trở đi) và tâm sở hợp.

- *Nhất định:* 2 tâm Sân+ 5 đôi thức+ Ý giới+ 11 tâm Na cảnh (tadālambana) + tâm Sinh tiếu + 15 tâm Sắc giới + 5 tâm Sơ đạo trong cõi ngũ uẩn.

- *Bất định:* 8 tâm Tham+ 2 tâm Si+ tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 Đại hạnh + 8 tâm đồng lực Vô sắc + 35 tâm Siêu thế (trừ 5 tâm Sơ đạo).

b- Sở duyên: Sắc 3 nhân sinh và 4 nhân sinh đang trụ, do đồng sinh với tâm trước đó.

c- Phi sở duyên: 121 tâm + sắc tâm + sắc nghiệp tục sinh+ sắc vật thực + sắc khí hậu (utujarūpa) + sắc nghiệp bình nhật + sátna sinh (uppādakhaṇa) trong thân của chúng sinh hữu tình + sắc ngoại + sắc nghiệp Vô tưởng.

3- Giải thích.

Sinh hậu duyên là phương thức *tuy sinh sau* nhưng trợ giúp cho pháp sinh trước đó được vững mạnh.

Như những trận mưa giúp cho những hồ nước, trạm chứa nước xây dựng trước đó được tràn đầy.

Hay như mưa giúp cho cây, rau, lúa … gieo trồng trước đó được nẩy mầm, lớn mạnh.

Sinh hậu duyên là nói đến sự trợ giúp của tâm đối với sắc pháp sinh trước.

Mỗi tâm sinh sau (trừ bốn tâm quả Vô sắc) có mối quan hệ nhân quả với nhóm sắc pháp đang tồn tại có trước.

a- Sở duyên là sắc pháp.

1' - Thế nào là sắc pháp sinh trước?

Sắc nghiệp đồng sinh với tâm Tục sinh trong cõi ngũ uẩn, chúng là sắc pháp sinh trước so với tâm hữu phần thứ 1.

Tương tự như thế với chuỗi dài sinh - diệt của danh-sắc.

Nói rõ hơn thì: Những sắc pháp sinh ra trước tâm một sátna tiểu, gọi là *sắc pháp sinh trước* so với tâm ấy.

2'-*Thế nào là sắc ba nhân tạo? Thế nào là sắc bốn nhân tạo?*

Có bốn nhân tạo ra sắc pháp là: Sắc do nghiệp tạo (kammajarūpa); sắc do tâm tạo (cittajarūpa), sắc do âm dương tạo (utujarūpa); sắc do vật thực tạo (āhārarūpa).

*** Sắc do nghiệp tạo.**

Nghiệp ở đây chỉ cho tâm sở Tư có trong 12 tâm bất thiện, 8 tâm Đại thiện và 5 tâm thiện sắc giới (= 25 tâm).

Tâm Đạo có chức năng diệt nghiệp nên không tạo ra sắc nghiệp.

Nghiệp tạo ra được 9 sắc là: 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính (bhāva), sắc Ý vật và sắc Mạng quyền.

Nhưng các sắc pháp không bao giờ sinh riêng lẻ, chúng sinh lên theo nhóm (kalāpa).

Tối thiểu chúng phải kết hợp với nhóm sắc bất ly ,[134] tạo ra nhóm 9, nhóm 10, nhóm 11, nhóm 12.

Các nhóm sắc này có 4 sự đồng: Đồng sinh, đồng diệt, đồng nương (nền tảng), đồng hiện hữu. Như có Pāli văn:

"Ekuppāda ekanirodhā ekanissaya sahavuttino ekavisati rūpakalāpa nāma:

"Đồng sinh, đồng diệt, đồng nương (nền tảng), đông hiện hữu, gọi là nhóm sắc."[135]

Nghiệp tạo ra được 9 nhóm sắc là: 1

a'- Nhóm Nhãn (cakkhudasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc thần kinh Nhãn + sắc Mạng quyền (jīvitindriyarūpa).

b'- Nhóm Nhĩ (sotadasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc thần kinh Nhĩ + sắc Mạng quyền.

c'- Nhỏm Tỷ (ghānadasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc thần kinh Tỷ + sắc Mạng quyền.

d'- Nhóm Thiệt (jīvhādasakakalāpa): Gồm 10 sắc là : nhóm bất ly + sắc thần kinh Thiệt + sắc Mạng quyền.

e'- Nhóm Thân (kāyadasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc thần kinh Thân + sắc Mạng quyền.

f' - Nhóm Ý vật (hadayavatthudasakakalāpa): Gồm 10 sắc là : nhóm bất ly + sắc ý vật (hadayavatthu) + sắc mạng quyền.

g'- Nhóm Nữ tính (itthibhāvadasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc Nữ tính (itthibhāva) + sắc Mạng quyền.

h' – Nhóm Nam tính (purisabhāvadasakakalāpa): Gồm 10 sắc là: nhóm bất ly + sắc Nam tính (purisabhāva) + sắc Mạng quyền.

i'- Nhóm mạng quyền: Gồm 9 sắc là: nhóm bất ly + sắc Mạng quyền.

Tính nhóm thì có 9 nhóm như trên, tính riêng lẻ thì nghiệp tạo ra được 18 sắc: 8 sắc bất ly + sắc hư không + 9 sắc nghiệp.

**** Sắc do tâm tạo.***

Ngoại trừ 5 đôi thức và 4 tâm quả Vô sắc giới không tạo ra sắc pháp, các tâm còn lại đều có khả năng tạo ra sắc pháp.

Sắc do tâm tạo hiện khởi kể từ tâm hữu phần thứ 1 sau tâm Tục sinh trở đi.

Sắc do tâm tạo chỉ khởi lên vào sátna sinh (uppādakhaṇa) của tâm, vào sátna trụ hay sátna diệt tâm đã yếu nên không tạo sắc tâm.

Trong 109 tâm[136] tạo sắc.

- Những tâm Thiền rất cần thiết, những tâm này tạo ra sắc tâm, sắc tâm này có năng lực rất mạnh, giúp cho cơ thể sống không cần vật thực trong thời gian nhập thiền nhiều ngày.

-Tâm quả Siêu thế lại càng có năng lực cao hơn.

- Hai tâm thông tạo ra sắc tâm kỳ diệu, có thể bay bổng trên không, đi xuyên qua đất, nước …

Tâm tạo ra 6 nhóm sắc:

a'- Nhóm bất ly.

b'- Nhóm Thân biểu tri (kāyaviññattidasakakalāpa): Gồm 9 sắc: 8 sắc bất ly + sắc Thân biểu tri.

c'- Nhóm Ngữ - thinh biểu tri (saddavacīviññattidasakakalāpa): Gồm 10 sắc: 8 sắc bất ly+ sắc Thinh + sắc Ngữ biểu tri.

d'- Nhóm đặc biệt (vikārokalāpa): Gồm 11 sắc: 8 sắc bất ly + 3 sắc đặc biệt.

e'- Nhóm Thân đặc biệt: Gồm 12 sắc: 8 sắc bất ly + sắc Thân biểu tri + 3 sắc đặc biệt.

f'- Nhóm Ngữ đặc biệt: Gồm 12 sắc: 8 sắc bất ly + sắc Ngữ biểu tri + 3 sắc đặc biệt.

Tính nhóm thì như vậy, tính riêng lẽ thì tâm tạo được 15 sắc: 8 sắc bất ly + sắc hư không + sắc Thinh + 2 sắc tiêu biểu + 3 sắc đặc biệt.

**** Sắc do thời tiết tạo (utujarūpa).***

Sắc thời tiết (sắc âm dương) chính là sắc lửa bao gồm cả "*nóng và lạnh* (sītuṇhotusamaññatā)" ở giai đoạn trụ, bắt đầu tạo ra sắc pháp bên trong hay bên ngoài tùy theo trường hợp.

Sắc này được gọi là sắc do *thời tiết* tạo.

Vào sátna trụ của tâm Tục sinh, chính sắc lửa (nóng hay lạnh) có trong sắc nghiệp phối hợp với sắc lửa (nóng hay lạnh) bên ngoài, tạo ra sắc mới.

Sắc này được gọi là *sắc thời tiết do nghiệp tạo*.

Sắc thời tiết (lửa nóng hay lửa lạnh) tạo ra 4 nhóm:

1'- Nhóm bất ly.

2'- Nhóm Thinh, có 9 sắc: 8 sắc bất ly + sắc thinh.

3'- Nhóm đặc biệt, có 11 sắc : 8 sắc bất ly + 3 sắc đặc biệt,

4'- Nhóm Thinh đặc biệt, có 12 sắc: 8 sắc bất ly + sắc Thinh + 3 sắc đặc biệt.

Theo nhóm là vậy, tính riêng lẻ thì sắc do thời tiết tạo có 13 sắc: 8 sắc bất ly + sắc hư không + sắc Thinh + 3 sắc đặc biệt.

Và nhóm bất ly, nhóm thinh thuộc sắc thời tiết ngoại (sắc thời tiết bên ngoài).

Còn nhóm đặc biệt, nhóm Thinh đặc biệt thuộc sắc thời tiết nội.

**** Sắc do vật thực tạo (āhārajarūpa)***.

Là dưỡng tố (ojā) bên ngoài lẫn bên trong.

Dưỡng tố bên trong được dưỡng tố bên ngoài trợ giúp mới sinh ra sắc pháp, cả hai phải ở vào giai đoạn trụ.

Có 2 nhóm do vật thực tạo:

a'- Nhóm bất ly.

b'- Nhóm đặc biệt, có 11 sắc : 8 sắc bất ly + 3 sắc đặc biệt.

Tính nhóm là như vậy, nếu tính riêng lẽ thì sắc do vật thực tạo có 12 sắc: 8 sắc bất ly + sắc hư không + 3 sắc đặc biệt.

Tổng cộng có 21 nhóm sắc,[137] trong đó có 19 nhóm thuộc sắc nội và 2 nhóm thuộc sắc ngoại (do thời tiết tạo).

Từ 21 nhóm sắc này, chúng ta thấy:

- Sắc ***không*** nhân tạo: Là sắc *già cỗi* (jaratārūpa - sắc dị) và *sắc diệt* (aniccārūpa).

- Sắc do **một nhân** tạo là: 2 sắc biểu tri (do tâm tạo), 9 sắc nghiệp (do nghiệp tạo).

- Sắc do **2 nhân** tạo là: Sắc Thinh (do tâm và khí hậu tạo).

- Sắc do **ba nhân** tạo là: 3 sắc đặc biệt (do tâm, khí hậu và vật thực tạo).

- Sắc do **bốn nhân** tạo gồm là 11 sắc: Đoàn bất ly (avinibbhogarūpa)[138] + sắc hư không (ākāsarūpa) + sắc sinh (uppaccayarūpa) + sắc tăng trưởng (santatirūpa - sắc tiến).

Khi nói ***"sắc do ba nhân tạo"*** là nói đến 3 sắc đặc biệt.

Khi nói ***"sắc do bốn nhân tạo"*** là nói đến 11 sắc.

Hỏi - *Vì sao sở duyên chỉ đề cập đến sắc ba hay bốn nhân tạo, không đề cập đến sắc một hay hai nhân tạo?*

Đáp.

* *Sắc không nhân tạo*. Là sắc già cỗi và sắc diệt.

Hai loại sắc này đang trên đường hoại diệt, chúng không thể tăng trưởng. Tâm sinh lên cũng không giúp được gì cho chúng, nên 2 sắc này không thuộc sở duyên.

* *Sắc một nhân tạo:* Gồm 2 sắc biểu tri và 9 loại sắc nghiệp.

- Hai ***sắc biểu tri*** đồng sinh đồng diệt với tâm, nên tâm không thể trợ giúp theo cách sinh hậu duyên.

- Chín loại ***sắc nghiệp*** diễn hoạt theo hướng riêng của nghiệp.

Chúng hỗ trợ cho tâm theo cách *vật sinh tiền duyên*, tâm không thể trợ giúp chúng theo cách *sinh hậu*.

Ví như nước sông xuôi chảy có thể giúp cho cây hai bên bờ, cây hai bên bờ dù có sinh sau hay trước cũng không giúp cho dòng sông.

* Sắc 2 nhân tạo. Là ***sắc thinh***.

- Sắc thinh do tâm tạo khi thốt ra chúng trở thành sắc ngoại phần.

- Sắc thinh do khí hậu tạo thì không liên quan gì đến tâm.

Về ba sắc đặc biệt.

- *Sắc đặc biệt do khí hậu tạo*. Chúng không liên quan gì đến tâm.

- *Sắc đặc biệt do vật thực tạo*. Như thức ăn loại cứng loại mềm … chúng không là sở duyên của *sinh hậu duyên*.

- *Sắc đặc biệt do tâm tạo*. Tâm sinh lên sau trợ giúp cho ba sắc đặc biệt này. Ba sắc đặc biệt này do tâm sinh trước đó tạo ra. Vì 3 sắc đặc biệt có tuổi thọ là 51 sátna tiểu.

Như trường hợp, có người trước nói nhỏ, sau nói lớn hơn. Hay các ca sĩ "lên bổng xuống trầm"…

Mặt khác, sắc được tâm trợ giúp phải ở vào giai đoạn trụ (49 sátna tiểu), không ở vào sátna sinh hay sátna diệt.

b- Năng duyên là danh pháp.

1'- Tâm sinh sau là tâm nào?

Ở đây, không đề cập đến ***loại tâm***, *tâm sinh sau* mang ý nghĩa thời sátna (khaṇakāla).

Trong một kiếp sống, tâm Tục sinh là tâm sinh lên trước tiên, không sinh sau bất kỳ sátna tâm nào.

Như vậy *"tâm sinh sau"* chỉ cho sátna tâm hữu phần thứ 1 sau sátna tâm Tục sinh, và tâm Tử là sátna tâm sau cùng.

Nói cách khác, kể từ tâm hữu phần thứ 1 cho đến satna áp chót trước tâm Tử; mỗi sátna tâm ấy "sinh trước một tâm và sinh sau một tâm".

2'-Tâm sinh sau trợ giúp sắc sinh trước vào thời điểm nào?

* Tâm sinh sau trợ giúp cho sắc sinh trước chỉ diễn ra trong thời bình nhật.

V*ào thời điểm tục sinh*, chưa có *Sinh hâu duyên* vì khi ấy cả tâm và sắc đồng sinh.

3'- Vì sao gọi "năng duyên nhất định", "năng duyên bất định?.

- *Năng duyên nhất định*.

Là những tâm chỉ lưu chuyển trong cõi ngũ uẩn.

Tâm Sơ đạo chỉ có trong cõi ngũ uẩn, không có trong cõi Vô sắc, vì vị Thánh đệ tử Dự lưu phải "do nghe" mới chứng đắc.

Nói rộng hơn "sự chứng đạo Dự lưu phải nương vào sắc pháp", hoặc do nghe, hoặc do thấy, hoặc do xúc chạm ...

Bậc Chánh giác hay bậc Độc Giác tuy "không thầy chỉ dạy", các Ngài vẫn phải chứng đắc lần lượt các Đạo Dư lưu, đạo Nhất lai, Đạo Bất lai và Đạo Alahán, nhưng thời gian 4 đạo xuất hiện rất nhanh, chỉ xảy ra trong chớp mắt.

Khi chứng Dự lưu các Ngài vẫn nương vào sắc pháp rồi triển khai tuệ quán, như Bồtát Siddhattha (Sĩđạtta) nương vào "hơi thở" quán xét theo lý duyên khởi, thành tựu Vô thượng Chánh Giác.

Các bậc Độc Giác thì do nghe, do thấy …. triển khai tuệ quán, thành tựu quả vị Paccekabuddha (Bíchchi Phật).

Nên tâm Sơ đạo là *"năng duyên nhất định"*.

- *Năng duyên bất định.*

Là những tâm lưu chuyển trong ba cõi.

Khi chúng lưu chuyển trong cõi Vô sắc, chúng là phi năng duyên; khi chúng lưu chuyển trong cõi ngũ uẩn, chúng là năng duyên.

4'- ***Cõi Vô sắc không có tâm Sơ Đạo, vì sao có tâm Sơ quả?.***

Một chúng sinh cõi ngũ uẩn, khi chứng đạt thiền Vô sắc trước, nghe pháp chứng được Sơ đạo.

Bấy giờ vị Thánh Dự lưu ấy có khả năng an trú trong thiền quả (là nhập thiền Vô sắc với tâm Sơ quả sinh lên vô số, tương tự như tâm thiền Vô sắc trong lộ nhập định).

Khi mệnh chung vị Thánh Sơ quả tái sinh về cõi Vô sắc, tại nơi này vị ấy có khả năng nhập lại quả định, do đó tâm quả Dự lưu xuất hiện trong cõi Vô sắc, dù cõi này không có tâm Sơ đạo.

---o0o---

12 - Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)

1- Định nghĩa.

Āsevana là *"sự lập đi lập lại như vậy",* nên gọi là "***tập hành***".

Tập hành duyên (āsevanapaccaya) là cách trợ giúp, ủng hộ bằng cách "lập đi lập lại".

Pāli có giải thích:

- Āpunappanaṃ sevanaṃ = āsevanaṃ:

*"Sự thực hành được lập đi lập lại, gọi là **tập hành**."*

-Āsevanaṃ ca taṃ paccayaṃ cā ti = āsevanapaccayaṃ:

*Trợ giúp bằng cách chính nó được lập đi lập lại, gọi là **tập hành duyên.***

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

Āsevanaṭṭhena antaranaṃ paguṇabalavabhāvāya upakārako dhammo ***āsevanapaccayo:***

"*Tập hành* với ý nghĩa "liên tục thực hiện tốt đẹp, tạo ra (āya) năng lực (bala)", để ủng hộ pháp liên hệ, gọi là *tập hành duyên*".[139]

2- Chi pháp.

- *Năng duyên là:* 47 tâm đồng lực hiệp thế[140] (trừ sátna đồng lực cuối trong lộ đồng lực).

- *Sở duyên:* 67 tâm đồng lực[141] sinh nối tiếp (trừ sátna thứ 1 trong lộ đồng lực).

- *Phi sở duyên:* (Sátna 1) tâm đồng lực Dục giới trong lộ đồng lực,[142] 2 tâm hướng môn (dvāravajjanacitta), 52 tâm quả [143] + sắc pháp.

3- Giải thích.

a- Thuật ngữ āsevana được hiểu theo nghĩa nào?

Được hiểu theo nghĩa "thường xuyên lập đi lập lại để thuần thục hơn".

Như người học thuộc bài kinh, rồi tụng bài kinh ấy nhiều lần khiến "sự thuộc lòng" càng thuần thục và bài kinh càng tăng thêm uy lực.

Chữ *paguṇabhāva* (trở nên thuần thục), là "sự thành thạo, điêu luyện".

Như người thợ điêu khắc, thường xuyên chạm trổ nên nghệ thuật chạm trổ càng tinh xảo hơn.

b- Tập hành duyên theo kinh Tạng.

Trong nhiều bài kinh, Đức Phật thường lập đi lập lại những đoạn kinh, giúp cho chư Tỳkhưu thấu đáo giáo nghĩa theo chân pháp.

Đây cũng là một dạng "Tập hành duyên".

Vì các vị Tỳkhưu nghe lần đầu, trí quán xét chưa thuần thục, nghe lại lần 2, lần 3 thì sự "thấu hiểu ý nghĩa" càng rõ ràng và sắc bén hơn.

Hoặc là: "Satipaṭṭhānaṃ bhāveti *(tu tập niệm xứ)*".

- "Sammappadhānaṃ bhāveti *(tu tập chánh cần)*".

- "Satisambojjhaṅgaṃ bhāveti *(tu tập niệm giác chi)*".

- "Dhammavicaya sambojjhaṅgaṃ bhāve*ti (tu tập trạch pháp giác chi)*".

- "Sammādiṭṭhiṃ bhāveti *(tu tập chánh kiến)*".

- "Sammāsaṅkappaṃ bhāveti *(tu tập chánh tư duy)*"…

Trong những đoạn này ***"bhāveti"*** có nghĩa là nỗ lực thực hành trong một ngày, bảy ngày, một tháng , 7 tháng, một năm hay bảy năm.

Hoặc là: …"Puññāṃ ce puriso kalyā; kayirāth'etaṃ punappunaṃ.

Tamhi chandaṃ kayirātha; sukho puññassa uccayo.

"Nếu người làm điều thiện; hãy tiếp tục làm thêm.

Hãy ước muốn điều thiện; chứa thiện được an lạc". (HT. TMC dịch). [144]

Các nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện được lập lại nhiều lần trong hiện kiếp hay trong quá khứ, chúng xuất hiện theo mối quan hệ nhân quả, hạnh phúc hay đau khổ sẽ hình thành theo tương ứng.

Như cậu bé thường niệm kệ "cung kỉnh Đức Phật", cậu thoát khỏi tai nạn bị dạ xoa làm hại.[145]

Trong những kệ ngôn trên, ý nghĩa āsevana (tập hành) rất rõ ràng, như:

- Yesaṃ divā ca ratto ca; niccaṃ buddhagatāsati:

Bất luận ngày hay đêm; thường niệm ân đức Phật."

- Yesaṃ divā ca ratto ca; niccaṃ dhammagatāsati:

"*Bất luận ngày hay đêm; thường niệm ân đức Pháp."*

- Yesaṃ divā ca ratto ca; niccaṃ saṅghagatāsati

"Bất luận ngày hay đêm; thường niệm ân đức Tăng."…

Hay câu chuyện đồ tể Cunda hành nghề mổ heo 55 năm, khi gần chết ác quả trổ, khiến y gào thét như heo bị chọc tiết, sau khi mệnh chung rơi vào địa ngục Avīci (Atỳ).[146]

Trong quá khứ những bất thiện nghiệp hay thiện nghiệp được lập đi lập lại nhiều lần, chúng có thể trở thành chướng nghiệp cho những quả thiện hay quả bất thiện trong hiện tại.

Như có người hành ác trong hiện tại nhưng họ vẫn an lành, đó là do những thiện nghiệp trong quá khứ cản trở những ác quả quá khứ lẫn hiện tại.

Có người hành thiện trong hiện tại nhưng do ác nghiệp thực hiện thường xuyên trong quá khứ, nên người này luôn gặp những đau khổ.

Đức Phật có dạy:

"Pāpo'pi passati bhadraṃ; yāva pāpaṃ na paccati

Yadā ca paccati pāpaṃ; atha pāpo pāpāni passati.

"Kẻ ác thấy là hiền; khi ác ấy chưa chín.

Khi nào ác chín rồi; kẻ ấy thấy ác khổ."

"Bhadro'pi passati pāpaṃ; yāva bhadraṃ napaccati.

Yadā ca paccati bhadraṃ; atha bhadrāni passati.

"Người hiền thấy là ác; khi hiền ấy chưa chín.

Khi nào hiền chín rồi; người ấy thấy hiền thiện" .[147]

Mặt khác, āsevana (tập hành) còn mang ý nghĩa "luân hồi", vì sự "tái sinh" cứ mãi "lập đi lập lại" với kẻ phàm phu, với người chưa diệt trừ tận gốc ái dục (taṅhā).

"Seyyathāpi, bhikkhave, daṇḍo uparivehāsaṃ khitto sakimpi mūlena nipatati, sakimpi majjhena nipatati, sakimpi antena nipatati.

"Ví như, này các Tỳkhưu, một cây gậy được ném lên trên hư không, khi thì rơi trên đầu gốc, khi thì rơi chặng giữa, khi thì rơi đầu ngọn.

Evameva kho, bhikkhave, avijjānīvaraṇā sattā taṇhāsaṃyojanā sandhāvantā saṃsarantā sakimpi asmā lokā paraṃ lokaṃ gacchanti, sakimpi parasmā lokā imaṃ lokaṃ āgacchanti".

Cũng vậy, này các Tỷkưu, các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, lưu chuyển luân hồi, khi thì từ thế giới này đi thế giới khác, khi thì từ thế giới khác đến thế giới này".

"Taṃ Kissa hetu? Anamataggoyaṃ, bhikkhave, saṃsāro. Pubbā koṭi na paññāyati avijjānīvaraṇā sattānaṃ taṅhāsaṃyojanānaṃ sandhāvataṃ saṃsarataṃ".

Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỳkhưu, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

"Evaṃ dīgharattaṃ kho, bhikkhave, dukkhaṃ paccanubhūtaṃ tibbaṃ paccanubhūtaṃ byasanaṃ paccanubhūtaṃ, kaṭasī vaḍḍhitā.

"Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỳkhưu, các Thầy chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên.

Yāvañcidaṃ bhikkhave, alameva sabbasaṅkhāresu nibbinditumṃ, alaṃ virajjituṃ, alaṃ vimuccitun'ti".

Cho đến như vậy, này các Tỳkhưu, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành." (HT. Thích Minh Châu dịch).[148]

Trong thế gian này, rõ ràng nhiều kỳ tích xuất hiện, nhờ được lập đi lập lại nhiều lần, như người xạ thủ đại tài "trăm phát trúng trăm" cũng nhờ luyện tập nghệ thuật bắn cung thường xuyên.

Những kinh nghiệm dồi dào cũng nhờ thực hành công việc ấy nhiều lần.

Những thành tựu tốt đẹp về nghệ thuật, khoa học, văn học, thuật hùng biện… cũng từ hành động, lời nói, ý nghĩ được lập đi lập lại không ngừng.

Vị Bồtát thành tựu được nguyện vọng Chánh đẳng giác, Độc Giác hay Thánh Alahán cũng do lập đi lập lại nhiều lần những pháp độ (pāramī) …

c- Tập hành duyên theo tạng Diệu pháp.

Đức Phật có dạy:

"Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo".

*"Các pháp thiện sinh kế trước trợ cho các pháp thiện sinh kế sau bằng **Tập hành duyên**".*

"Purimā purimā akusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo".

*"Các pháp bất thiện sinh kế trước, trợ cho các pháp thiện sinh kế sau bằng **Tập hành duyên**".*

"Purimā purimā kiriyābyākatā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kiriyābyākatānaṃ dhammānaṃ āsevanapaccayena paccayo".

*"Các pháp vô ký hạnh (kiriyābyākatā) trở cho các pháp vô ký hạnh bằng **Tập hành duyên**".*[149]

Theo ý nghĩa lời dạy trên, Đức Phật nhấn mạnh đến "*purimā* (trước đó) và *"pacchimānaṃ*(sau đó)", đồng thời *pháp thiện giúp pháp thiện*; *pháp bất thiện giúp pháp bất thiện* và *pháp vô ký hạnh giúp pháp vô ký hạnh*.

Rõ ràng Ngài chỉ những tâm đổng lực có cùng đặc tính (thiện, bất thiện, vô ký hạnh)[150] và những tâm này chỉ xuất hiện trong lộ đổng lực.

Trong phạm vi hạn hẹp là lộ đổng lực, khi mở rộng phạm vi, lộ đổng lực thiện nối tiếp lộ đổng lực thiện và những lộ đổng lực thiện cứ lập đi lập lại liên tục.

Khi lộ đổng lực thiện có sức mạnh đầy đủ, điều bất ngờ sẽ xảy ra "khi pháp trợ đạo sung mãn" dẫn đến chứng đạt Nípbàn.

Ví như hai thanh tre khô cọ xát vào nhau liên tục, đến một lúc nào đó xuất hiện tia lửa.

Kinh văn cũng có ghi:

"Kalyānamittassetaṃ, bhikkhave, bhikkhuno pāṭikaṅkhaṃ satta bojjhaṅge bhāvessati, satta bojjhaṅge bahulikarissati

"Tỳkhưu làm bạn với thiện, này các Tỳkhưu, được chờ đợi rằng: bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn" .[151]

d- Sự khác biệt giữa đổng lực vô gián (anantarajavana) và đổng lực tập hành (āsevanajavana) ra sao ?

- Đổng lực Vô gián chỉ là "mãnh lực trợ giúp bằng cách không gián đoạn".

- Còn đổng lực Tập hành, ngoài sự liên tục có có thêm "lan tỏa sức mạnh".

Ví như hai học sinh, một phải ở lại lớp, một được lên lớp trên; hai học sinh cùng "liên tục học", nhưng học sinh thứ hai tăng trưởng học vấn hơn.

Hay như vòng hoa không hương và vòng hoa có hương thơm.

Parivāsita theo nghĩa đen có nghĩa là "đã tỏa hương", nghĩa bóng là "đã tạo cảm hứng".

Cũng vậy, với tâm có *sức mạnh* sẽ tạo ảnh hưởng đến tâm kế tục, truyền "cảm hứng – ám chỉ thọ (vedanā)" đến tâm sau.

Tuy đổng lực trước diệt nhưng ảnh hưởng nó vẫn còn, như cánh hoa tuy rụng nhưng hương thơm còn phảng phất. Và mỗi đổng lực xuất hiện kế tục sẽ mạnh hơn đổng lực trước.

Chính vì thế, năng duyên trong Tập hành duyên không đề cập đến 2 tâm hướng môn (dvāravajjana).

e- Vì sao tâm Đạo không trợ giúp cho tâm quả Siêu thế trong lộ đắc đạo theo cách Tập hành duyên?

Tâm quả Siêu thế tuy là quả của tâm Đạo, nhưng "nhiệm vụ sát trừ phiền não của tâm đạo đã kết thúc".

Như người hoàn thành công việc rồi, "công việc ấy" không còn trợ giúp cho người thi công sau đó nữa.

Mặt khác, với ý nghĩa "tăng cường sức mạnh" của Tập hành duyên, điều này chỉ có được với bốn sátna đồng lực đầu, ba sátna đồng lực cuối đã yếu dần và yếu nhất là sátna đồng lực thứ 7.

Sátna thứ tư trong lộ đồng lực là sátna quyền (indriya), minh họa theo bảng tâm lộ như sau[152]:

Bh – R – D – K – C – C – C – C (Quyền) **– C – C – C – Bh – Bh**

Lại nữa, với ý nghĩa "lập đi lập lại" của Tập hành duyên, thì pháp thiện giúp cho pháp thiện, pháp bất thiện giúp cho pháp bất thiện, pháp vô ký giúp cho pháp vô ký (như Phật ngôn ở trước).

Trong khi ấy, tâm Đạo là pháp thiện, tâm quả Siêu thế là pháp vô ký, nên tâm Đạo không trợ giúp cho tâm quả Siêu thế theo cách Tập hành duyên.

f- Còn trong lộ nhập thiền quả thì như thế nào?

Trong lộ nhập thiền quả, tâm quả Siêu thế trước trợ giúp cho tâm quả Siêu thế sinh kế tục bằng *Vô gián duyên*, không theo cách ***Tập hành duyên.***

Vì rằng: Tâm quả Siêu thế có "sức mạnh" ưu thắng rồi, tâm quả Siêu thế cùng loại không thể trợ giúp gì thêm nữa.

Do đó, tâm quả Siêu thế trong lộ nhập thiền quả không có "Tập hành duyên".

---o0o---

13 - Nghiệp duyên (Kammapaccaya)

1- Định nghĩa.

Nghiệp duyên (kammapaccaya) là sự trợ giúp bằng cách "***tạo tác***".

Pāli có giải thích:

- "Karanaṃ = kammaṃ: *Hành động, gọi là nghiệp*".

-"Karoti patisaṅkharotīti = kammaṃ: *Sắp đặt, tạo tác, gọi là nghiệp".*

-"Kammaṃ ca taṃ paccayo cāti = kammapaccayaṃ:

*"Trợ giúp bằng cách sắp đặt hay tạo tác, gọi là **nghiệp duyên**".*

Sách Thanh Tịnh Đạo giải thích:

"Cittapayogasaṅkhātena kiriyabhāvena upakārako dhammo kammapaccayo:

"*Pháp trợ giúp bằng cách tạo tác, giúp tâm hành động, gọi là **nghiệp duyên**".*[153]

Cái gì là nghiệp? Chính là tâm sở Tư (cetanācetasika).

Như Phật ngôn ngôn: "Cetanāhaṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi:

Này các tỳkhưu, Như Lai tuyên thuyết, chính "sự cố ý" là nghiệp."

2- Phân tích.

"Sự cố ý - cetanā" là nghiệp. Cetanā thường đi chung với những "cận sự" của mình, đó là những tâm sở trong nhóm hành uẩn (saṅkhārakkhandhā) trừ tâm sở Thọ (vedanā) và tâm sở Tưởng (saññā).

Có nhóm tâm sở "cộng sự" với tâm sở Tư, nhóm này chỉ chuyên tạo tác những điều tốt, thuật ngữ gọi là "nghiệp thiện" (kusalakamma), như bố thí, lễ bái, giữ giới …

Có nhóm chỉ tạo tác những điều không tốt, thuật ngữ gọi là "nghiệp bất thiện" (akusalakamma), như sát sinh, trộm cắp, nói dối …

Có nhóm tạo những điều không tốt cũng không xấu, thuật ngữ gọi là "nghiệp vô ký" (abyākatakamma), như đi, đứng, nằm ngồi, ợ, ngáp …

Đức Phật có dạy:

"Atthi, bhikkhave, kammaṃ kaṇhaṃ kaṇhavipākaṃ.

Này các Tỳkhưu, có nghiệp đen quả đen,

"Atthi, bhikkhave, kammaṃ sukkaṃ sukkavipākaṃ.

Này các Tỳkhưu, có nghiệp trắng quả trắng.

"Atthi, bhikkhave, kammaṃ kaṇhasukkaṃ kaṇhasukkavipākaṃ.

Này các Tỳkhưu, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng.

"Atthi, bhikkhave, kammaṃ akaṇha-asukkaṃ akaṇha-asukkavipaakaṃ kammakkhayāya saṃvattati

Này các Tỷ kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt" .[154]

Ở đây, ***nghiệp đen trắng*** nên hiểu là "nghiệp đen xen lẫn nghiệp trắng", như đậu xanh và đậu đen trộn lẫn vào nhau, nhưng mỗi hạt đậu đều riêng biệt.

Tùy theo tâm sở Tư cùng nhóm "cộng sự" tạo tác, ***nghiệp duyên*** phân ra làm hai loại:

a- Đồng sinh nghiệp duyên (sahajātakammapaccaya).

b- Dị thời nghiệp duyên (nānakkhaṇikakammapaccaya).

"Thời" ở đây là thời sátna (kālakhaṇa); **khác sátna** (nānakkhaṇika) có hai cách**:**

- *Liên tiếp sátna,* gọi là ***"Vô gián nghiệp duyên"*** (anantarakamma paccaya).

Tức là nhân và quả liên tục nhau không gián đoạn.

- *Cách xa qua nhiều sátna, gọi là "**dị thời nghiệp duyên**"* (nānakkhaṇikapaccaya). Tức là nhân - quả cách xa nhiều sátna.

***A- Đồng sinh nghiệp duyên (Sahajātakammapaccaya*).**

1-Định nghĩa.

Gọi là *nghiệp đồng sinh* là tâm sở Tư cùng sinh với các tâm sở và tâm.

Gọi là ***Đồng sinh nghiệp duyên*** là mãnh lực trợ giúp của tâm sở Tư đối với các pháp đồng sinh.

Pāli có giải thích:

-"Kāyaṅgavācaṅgacittaṅgābhisaṅkharaṇabhūtena cittappayogasaṅkhātena kiriyābhāvena paccayo upakāratoti = kammapaccayo:

Pháp trợ giúp bằng cách tạo tác, giúp tâm, thân, ngữ hành động, gọi là ***"nghiệp duyên"****.*

2- Chi pháp.

- *Năng duyên:* Tâm sở Tư trong tất cả tâm.

- *Sở duyên:* Tâm và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm + sắc nghiệp Tục sinh.

- *Phi sở duyên*: Tâm sở Tư trong tất cả tâm + sắc nghiệp bình nhật + sắc Vật thực + sắc khí hậu (utujarūpa) + sắc ngoại + sắc nghiệp Vô tưởng.

3- Giải thích.

**- Về năng duyên.*

a-Tại sao gọi là nghiệp? Vì đó là chức năng đặc biệt của tâm sở Tư.

Chức năng đặc biệt này là "sự tạo tác", tức là " đang thực hiện".

Một danh từ khác chỉ cho tâm sở Tư là ***saṅkhāra*** (hành), như:

"Saṅkhāra paccayā viññāṇaṃ : Hành duyên cho thức".

Nhưng không phải "hành" (saṅkhāra) nào cũng chỉ cho tâm sở Tư, như gió thổi làm sóng biển nổi dậy cũng là hành (saṅkhāra), nhưng không do tác động của tâm sở Tư.

Khi có bất kỳ "việc làm" nào của thân, khẩu và ý thì đó chính là "tác lực của tâm sở Tư".

Chính tâm sở Tư vừa "tạo tác" vừa "đôn đốc" các tâm sở trong nhóm cùng "tạo tác" và tất cả lại xuất phát từ " sự mong muốn" (chanda).

Nếu tâm sở Tư được ví như kỷ sư trưởng của một công trình, vừa điều hành các cộng sự vừa thực hiện công trình, thì *dục* (chanda) ví như kiến trúc sư, người thiết kế bản vẽ.

Trong các hành động: Thân hành, ngữ hành, ý hành, thì ý hành được xem là quan trọng nhất. Như Phật ngôn:

"Manopubbaṅgamā dhammā; manoseṭṭhā manomayā.

Manasā ce paduttṭhena; bhāsati vā karoti vā.

Tato naṃ dukkhamanveti; cakkaṃ'vā vahato padaṃ:

"Ý dẫn đầu các pháp; ý là chủ ý tạo.

Với ý ác điều hành; khi nói hoặc khi làm.

Đau khổ sẽ theo sau; như bánh xe theo vật kéo".

""Manopubbaṅgamā dhammā; manoseṭṭhā manomayā.

Manasā ce pasannena; bhāsati vā karoti vā.

Tato naṃ sukhamanveti; chāyā'va anapāyinī:

""*Ý dẫn đầu các pháp; ý là chủ ý tạo.*

Với ý tốt điều hành; khi nói hoặc khi làm.

An lạc sẽ theo sau; như bóng không rời hình" .[155]

Hoặc *kamma* (nghiệp) được hiểu theo cách khác là: *"Do có nghiệp nên chúng sinh hoạt động"*. **Bằng phương tiện nào?** Bằng thân, ngữ, ý.

Ở đây, *"thực hiện về thân"* có nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm, bước tới, bước lui, thậm chí là mở mắt, nhắm mắt ...

"*Thực hiện về ngữ*", là tạo ra những âm thanh như nói, cười, la, khóc, than van, rên rỉ ….

"Thực hiện về ý" là suy nghĩ thiện, bất thiện hay không thiện không bất thiện, như ý tham đắm, ý khó chịu , ý từ hòa, ý thương người, ý muốn đi, ý muốn ngủ …

Tóm lại, các chức năng thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy gẫm tương quan với 5 giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) và ý.

Các giác quan và ý sinh lên do nghiệp … nên nói *"do có nghiệp chúng sinh hoạt động"*.

** Về sở duyên.*

- Vào thời điểm tục sinh.

Tâm Tục sinh và tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư),[156] cùng sắc nghiệp tục sinh, chúng cùng sinh lên với tâm sở Tư trong tâm Tục sinh.

- Vào thời bình nhật.

Tâm và tâm sở hợp cùng sinh lên với tâm sở Tư.

Ngoại trừ "năm đôi thức" không tạo sắc tâm, những tâm khác tạo ra sắc tâm,[157] nên sắc tâm cũng đồng sinh với tâm.

B- Vô gián nghiệp duyên (Anantarakammapaccaya).

1- Định nghĩa.

Vô gián nghiệp duyên là mãnh lực trợ giúp của tâm sở Tư theo cách không gián đoạn.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Tâm sở Tư trong tâm Đạo.

- *Sở duyên.* Tâm quả Siêu thế và 36 tâm sở hợp sinh kế tục tâm Đạo trong lộ đắc đạo.

- *Phi sở duyên.* Những tâm ngoài tâm quả Siêu thế sinh kế tiếp tâm Đạo + sắc pháp.

3- Giải thích.

Vô gián nghiệp duyên tương tự như *Vô gián duyên,* chỉ khác là "nêu lên chi tiết", như sau:

Năng duyên chỉ chọn tâm sở Tư trong tâm Đạo. Tức là chỉ cô đọng trong lộ đắc đạo, không đề cập đến các tâm lộ khác.

Tại sao?

Vì sau tâm Đạo là tâm quả Siêu thế ngay, tâm quả Siêu thế là "kết quả" của tâm sở Tư trong tâm Đạo, nên gọi là *Vô gián nghiệp duyên.*

Cỏn tâm sở Tư trong tâm thiện hay tâm bất thiện sẽ cho quả khác thời gian cách xa.

Tâm sở Tư trong tâm vô ký không cho kết quả khác thời kỳ, nên chỉ là "Đồng sinh nghiệp duyên".

C- Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya).

1- Định nghĩa.

Dị thời nghiệp duyên là mãnh lực trợ giúp của tâm sở Tư đối với các pháp được trợ giúp cách xa thời gian.

Ví như lời di chúc của người quá cố, được con cháu thực hiện sau này.

Nānākkhaṇikā cetanā (tâm sở Tư khác sátna) là tâm sở Tư không cùng thời gian với kết quả.

Tức là thời điểm tâm sở Tư khởi lên là khác, thời điểm tâm quả khởi lên là khác.

Pāli có giải thích:

- Nā nākhaṇo = nānakkhaṇo: K*hác sátna, gọi là **khác thời** (dị thời)*.

- Attano pācayuppannadhamma pavattikkhaṇato visuṃ bhūte atite nānākhaṇesidahāti = nānakkhaṇo:

"*Những pháp sở duyên thuộc về thời bình nhật, được thành tựu tiến hóa riêng, khác sátna chính nó (attano) ban đầu, gọi là **khác thời** (dị thời).*

- Nānakkhaṇo pavattaṃ kamma nānakkhaṇikammaṃ:

“ Nghiệp sinh ra khác khác sátna ban đầu, gọi là ***nghiệp khác thời*** (nghiệp dị thời)**.**

- Nānakkhaṇikakamma hutvā upakārako dhammo = nānakkhaṇikakammapaccayo:

“ *Pháp ủng hộ, trợ giúp theo cách “nghiệp” khác khác sátna, gọi là* ***nghiệp dị thời duyên***.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên:* Tâm sở Tư hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện (trong quá khứ)

- *Sở duyên:* Sắc nghiệp + tâm quả và tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư), trong hiện tại.

- *Phi sở duyên:* Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm Duy tác + sắc tâm, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc khí hậu.

3- Giải thích.

Sự trợ giúp của nghiệp thiện, bất thiện hay không thiện không bất thiện đối với các pháp liên hệ có hai cách: Đồng sinh và khác thời gian.

“Khác thời gian” (nānakkhaṇika) là: Quá khứ liên hệ đến hiện tại, hiện tại liên hệ đến vị lai và quá khứ liên hệ đến vị lai.

- *Quá khứ liên hệ đến hiện tại.* Là tâm sở Tư trong quá khứ, tạo ra tâm quả trong hiện tại.

- *Hiện tại liên hệ đến vị lai.* Là tâm sở Tư trong hiện tại, tạo ra tâm quả ở vị lai.

- *Quá khứ liên hệ đến vị lai.* Là những nghiệp trong quá khứ chưa cho quả trong hiện tại, chúng sẽ cho quả trong tương lai.

Nānakkhaṇika chỉ cho “nghiệp và quả của nghiệp” không cùng thời gian.

Ngay cả khi Thánh đạo sinh lên, kế tiếp là Thánh quả vẫn gọi là *“nghiệp khác thời gian*” (nānakkhaṇika).

Sự trợ giúp của tâm sở Tư (kamma) đối với các pháp có liên hệ với nghiệp khác thời gian, gọi là ***Dị thời nghiệp duyên.***

Trong mối quan hệ theo cách này, biểu hiện năng lực của tâm sở Tư rất đặc biệt.

Tâm sở Tư tuy diệt rồi nhưng năng lực của tâm sở Tư vẫn còn, nó như sức mạnh của người xạ thủ, “*hành động*” bắn tên đã dứt, nhưng mũi tên vẫn lao đi do sức mạnh ấy.

Cũng vậy, những nghiệp thiện hay bất thiện đã tạo đã chấm dứt, nhưng “năng lực cho kết quả” vẫn còn.

Điển hình như người tạo thiện nghiệp trong hiện tại khi mệnh chung tái sinh về thiên giới và *thân người* đã chuyển đổi thành *thân chư thiên*.

Hay người tạo ác bất thiện nghiệp trong hiện tại sẽ cho thân hình xấu xa ở cõi địa ngục, ngạ quỷ hay súc sinh.

Năng lực ấy sẽ cho quả khi có điều kiện thuận lợi cho chúng.

***Điều kiện thuận lợi ấy là gì*?** Đó là những điều kiện như:

- *Thời tiết* (utu).

Như 7 vị tỳkhưu trong quá khứ nhốt con kỳ đà trong hang, trong thời Đức Phật bị mưa gió làm sụp tảng đá lớn chặn cửa hang, khiến 7 vị phải bị nhốt 7 ngày.[158]

- *Do chạm vào đối tượng có ân đức cao trọng.*

Như vua Suppabuddha (Thiện Giác) chặn đường đi khất thực của Đức Thế Tôn, 7 ngày sau bị đất rút.

Hoặc công tử Maṭṭhakuṇḍalī chỉ cung kỉnh Đức Phật, được sinh thiên.[159]

- *Do sự tinh cần.*

Như Trưởng lão Cakkhupāla do tinh tấn hành đạo, khiến nghiệp ác làm mù mắt người trong quá khứ có cơ hội sinh khởi.[160]

- *Do tâm ước nguyện.*

Như nàng Patipūjikā tạo thiên nghiệp mong được tái sinh về thiên giới, sum hợp với vị thiên tử là người chồng trước.[161]

- Ngoài ra còn rất nhiều điều kiện khác như: Do thời kỳ, do oan trái …

Nhưng nếu không có cơ hội thích hợp, năng lực ấy vẫn tiềm ẩn cho đến hàng trăm, hằng ngàn, hằng triệu kiếp sống.

Năng lực tiềm ẩn ấy chỉ chấm dứt khi vị ấy viên tịch (parinibbāna).

Có những năng lực cho quả rồi, vẫn còn tiềm ẩn, mặc dù dường như chỉ có kết quả một lần.

Như những nghiệp thiện thiền, cho quả ngay kiếp kế tục nếu như không bị hoại do tạo ra một ác trọng nghiệp, như trường hợp Devadatta (Đềbàđạtđa), tuy vị ấy chứng được 5 thiền chứng cùng năm pháp thần thông phàm, nhưng tạo ra ác trọng nghiệp là "muốn lãnh đạo Tăng chúng", khi có tư tưởng ấy, các thiền chứng và 5 pháp thần thông bị hoại.

Và Devadatta phải rơi xuống địa ngục Āvici (Atỳ) khi tạo 2 ác trọng nghiệp "làm chảy máu phật" và "chia rẽ Tăng chúng".

Với người chứng thiền, kiếp sau sẽ sinh về Phạm thiên giới, dứt kiếp Phạm thiên sẽ tái sinh về cõi nhân loại.

Dường như năng lực nghiệp thiện Đáo đại ấy không còn.

Thật ra, năng lực ấy vẫn tiềm ẩn, khi vị ấy chứng Đạo, lập tức sẽ "sinh lên với tâm đạo".

Như Đức Sāriputta đứng quạt hầu Đức Thế Tôn, nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh *"nhiều cảm thọ"* cho du sĩ Dīghānakkha (Trường trão) cháu của Ngài.

Đức Xálợiphất đưa tâm quán xét chứng quả Alahán cùng tuệ phân tích và các pháp thần thông .[162]

Đức Xálợiphất thường nhập định Diệt thọ tưởng, điều này chứng tỏ Ngài thành tựu được tâm Tứ quả Siêu thế Ngũ thiền.

Và cho thấy rằng "ngũ thiền đã sinh chung (sahajāta) với tâm Tứ Đạo". Trường hợp này gọi là "thiền sinh chung với Đạo".

Ngài Cūla Panthaka khi chứng quả Alahán có cả "Hóa tâm minh", điều này gọi là "thần thông sinh chung với tâm Đạo".

Trong ba loại nghiệp dị thời, chủ yếu là nghiệp thiện và nghiệp bất thiện.

Những pháp liên quan với chúng là 52 tâm quả[163] cùng với 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) và sắc do nghiệp sinh.

---o0o---

14 - Quả duyên (Vipākapaccaya)

1- Định nghĩa.

Quả duyên là mãnh lực trợ giúp bằng "kết quả của nghiệp".

Chữ *vipāka* thường được dịch là *"dị thục"*; ***dị*** là khác, ***thục*** là chín muồi.

Vipāka = vi (khác)+ pāka (sự nấu chín).

Pāli có giải thích:

- Pahayakapahātabbabhāvena aññamañña viruthudhānaṃ kusalākusalānaṃ pākāti = vipāka:

" *Sự chín muồi (pāka) thiện hay bất thiện, diễn tiến (bhāvena) tốt hay xấu, trái ngược nhau, gọi là **quả** (vipāka).*

-"S'āvajja anavajjabhāvena vā kaṇhasukkabhāvenava aññamaññavisiddhānaṃ kusalākusalānaṃ pākāti = vipāka:

*"Sự chín muồi thiện hay bất thiện, diễn tiến theo cách đen hoặc trắng, hay diễn tiến bị chê trách (anavajja) hoặc không bị chê trách (avajja), gọi là **quả**."*

-"Vipāko ca so pacvcayo cāti = vipākapaccayo:

"*Liên hệ nhau bằng quả, gọi là **quả duyên**.*"

- Vipacanabhāvena paccayo upakārakoti = vipākapaccayo:

*"Trợ giúp theo cách "diễn tiến bị nung nấu sai biệt (vi + paccana)", là **quả duyên.***

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

-"Nirussāhasantabhāvena nirussāhasantabhāvāya upakārako vipāka dhammo = vipākapaccayo.

"Pháp dị thục quả (vipāka) trợ giúp bằng cách "thành tựu sự yên lặng (santa)", diễn tiến sự yên lặng gọi là ***quả duyên."*** [164]

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp.[165]

- *Sở duyên.* 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp khi không là năng duyên + sắc nghiệp tục sinh + sắc tâm quả (trừ 2 sắc tiêu biểu).

- *Phi sở duyên.* Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm duy tác và 52 tâm sở hợp + sắc nghiệp bình nhật + sắc nghiệp Vô tưởng + sắc ngoại + sắc khí hậu + sắc vật thực + sắc tâm của những tâm thiện hay tâm bất thiện hoặc tâm duy tác.

3- Giải thích.

a -Vì sao Sở duyên có chi pháp là 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp?

Lấy một tâm Nhãn thức để minh họa.

Tâm Nhãn thức có 7 tâm sở Tợ tha hợp; toàn bộ tám pháp này đều là "kết quả thiện hay bất thiện của tâm sở Tư trước đó".

Khi tâm sở Xúc trong tâm nhãn thức là *năng duyên*, sẽ trợ giúp cho tâm Nhãn thức sinh lên. Khi ấy tâm Nhãn thức là sở duyên.

Các tâm quả khác cũng tương tự như thế.

Một tâm quả có bốn nhóm : Thọ, tưởng, hành và thức uẩn.

Khi một uẩn là năng duyên như thọ uẩn chẳng hạn thì ba uẩn còn lại là sở duyên.

Như Đức Phật dạy:

- "Vipāka cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ vipākapaccayena paccayo".

"*Bốn uẩn quả vô sắc trợ lẫn nhau bằng dị thục quả duyên"*. [166]

Do đó, chi pháp sở duyên là 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp.

b- Nên hiểu "dị thục quả" theo cách nào?

Trước tiên, nên hiểu "*dị thục quả"* (vipāka) theo *thời sát na*, tức là các tâm quả.

Dị thục quả còn được hiểu theo nghĩa ***"kiếp sống***".

Một chúng sinh được sinh ra, đó là kết quả có từ nghiệp (kamma).

Đức Phật có dạy:

"… sattā kammayonī : … *chúng sinh có nghiệp là thai tạng*".[167]

Trong lãnh vực này, *dị thục quả* được hiểu theo nghĩa *"bị nung nấu đặc biệt"* (vipaccana) và theo nghĩa "*thay đổi"*.

** Theo nghĩa* ***"bị nung nấu"***.

Chúng sinh được sinh làm người là do quả của nghiệp thiện.

Quả ấy kéo dài suốt cuộc sống của chúng sinh ấy, danh sắc của chúng sinh này luôn bị "nung nấu (paccana) để cuối cùng đi đến hoại diệt (là chết).

Và sự kiện sinh - trụ - diệt đều có cho tất cả chúng sinh, ngay cả Đức Chánh Đẳng Giác cũng không ngoại lệ.

* *Theo nghĩa* "***thay đổi".***

Ngoài ý nghĩa "bị nung nấu", *paccana* còn mang ý nghĩa ***"thay đổi"***.

Như thế nào?

Nên hiểu mỗi ***nghiệp*** (kamma) có bốn đặc trưng (avaṭṭhā) hay sự tiếp diễn là:

- Đặc trưng của tâm sở Tư (cetanāvatṭṭhā).

- Đặc trưng của nghiệp (kammāvaṭṭhā).

- Đặc trưng của dấu hiệu (nimittāvaṭṭhā).

- Đặc trưng của quả dị thục (vipākāvaṭṭhā).

1' - Đặc trưng của tâm sở Tư là "tạo tra" và " đôn đốc các pháp đồng sinh trong nhóm[168] cùng làm phận sự tạo ra" hay là "thay đổi bản chất cũ thành bản chất mới".

Như từ tâm tham (bản chất bất thiện), tạo ra các tâm quả bất thiện (bản chất vô ký); từ tâm sở Tín thiện thành ra tâm sở Tín vô ký (trong tâm quả thiện hữu nhân) … .

2'- *Đặc trưng của nghiệp (kammāvaṭṭhā).*

Tuy tâm sở Tư diệt rồi, nhưng năng lực của nó không diệt, nó tiềm ẩn theo danh sắc của chúng sinh, khi có cơ hội thì nó bộc phát lên.

Điều này được gọi là "đặc trưng của nghiệp" hay sự *thay đổi* do năng lực của tâm sở Tư.

Ví như "sức mạnh của thuốc nổ", nó tiềm ẩn trong khối thuốc nổ. Khi tia lửa xẹt vào, lập tức khối thuốc nổ phóng thích ra một năng lượng lớn.

3'- *Đặc trưng của dấu hiệu (nimittāvaṭṭhā).*

Khi sắp sinh khởi, nghiệp (kamma) sẽ báo trước những "dấu hiệu" sắp xảy ra.

Như vị chư thiên khi sắp mệnh chung thấy được 5 điều báo trước là: Vòng hoa trang điểm héo úa; y phục và vật trang sức trở nên cũ, thiên quang bớt sáng, mồ hôi nách chảy ra và tâm không an vui.

Hay như Bồtát sắp chứng quả Vô thượng Chánh giác, Ngài nằm thấy 5 điều đại mộng[169].

Hoặc những người đại phước khi tái sinh hay sinh ra có những điều kỳ diệu xuất hiện. Như trưởng giả Citta khi sinh ra, có một trận mưa hoa rơi xuống … [170]

Những dấu hiệu của nghiệp được gọi là "điềm nghiệp".

Dấu hiệu của nghiệp xuất hiện rõ ràng nhất vào lúc cận tử .

Vào thời điểm cận tử, nếu năng lực của nghiệp đã tạo, không hiển lộ tạo thành cảnh nghiệp (kammārammaṇa) như *thấy* "đang bố thí, đang tu thiền"… hay "đang sát sinh, đang trộm cắp ...", thì dấu hiệu của nghiệp sẽ hiển lộ, như thấy bông hoa, vật thực … hay thấy dụng cụ giết chúng sinh khác … gọi là nimittārammaṇa (cảnh nghiệp tướng).

Cảnh giới tái sinh (gatinimitta – thú tướng) như cảnh thiên giới, cảnh địa ngục, cảnh ngạ quỷ … cũng là dấu hiệu của nghiệp.

Đây là "đặc trưng của dấu hiệu", hay sự "thay đổi dấu hiệu ".

Vì những dấu hiệu ấy chỉ mô phỏng chứ không phải "đúng" như ban đầu khi tạo nghiệp.

4'- *Đặc trưng của quả (vipākāvaṭṭhā).*

Nếu người sắp chết với sự chú ý vào một trong ba cảnh trên (cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng, cảnh thú tướng), thì năng lực của nghiệp tự chuyển hóa tạo ra tâm quả cho tái sinh vào kiếp sống mới.

Tâm quả ấy tự chuyển đổi danh sắc ấy cho phù hợp với môi trường mới.

Như cùng là tâm quả tam nhân dục giới, nhưng khi tái sinh vào cõi nhân loại, tâm quả ấy chuyển đổi danh sắc chúng sinh ấy phù hợp với cõi nhân loại.

Nếu cho tái sinh vào cõi chư thiên thì tâm quả ấy chuyển đổi danh sắc cho phù hợp với cõi thiên giới.

Ngay trong thời bình nhật, tâm quả cũng chuyển đổi danh sắc của chúng sinh ấy, như người có quả thiện sinh khởi thì dung sắc tươi nhuận, ít bệnh hoạn …

Trái lại khi quả bất thiện trổ thì dung sắc tiều tụy, xanh xao, sức khỏe thối giảm, bịnh hoạn …

Như trường hợp Ngài Soreyya là điển hình, từ thân nam chuyển thành thân nữ, rồi từ thân nữ chuyển thành thân nam .[171]

Điều này được gọi là "đặc trưng của quả" hay " thay đổi của quả".

*c- **Diễn tiến của "thay đổi khác thời kỳ (vipaccana) như thế nào?**"*.

Trong kiếp sống của một chúng sinh, ba "đặc trưng (avaṭṭhā) đầu" là diễn tiến của nghiệp.

"Đặc trưng của quả" là chỉ cho nghiệp đã "trưởng thành" (còn gọi là quả chín muồi).

Và ***quả dị thục*** (vipāka) là chỉ cho "các tâm và tâm sở đã chín muồi", chuyển sang thể dạng khác, đó là "đặc trưng của quả".

Nói cách khác "***quả dị thục"*** là chỉ cho "nghiệp đã trưởng thành".

Như một cây cho quả phải ở độ trưởng thành, cũng vậy *quả dị thục* là tên gọi chỉ cho nghiệp "chín muồi". Sự diễn tiến của *dị thục quả* rất bình lặng, đến nỗi khó nhận biết rõ, chỉ khi nào chúng "bộc phát" nmới nhận ra chúng.

Như khi nhận thấy sắc xấu hoặc sắc tốt, đó là "kết quả từ tâm sở bất thiện hay từ tâm sở thiện có trước đó", nhưng rất khó nhận ra chúng thuộc loại bất thiện nào, loại thiện nào. Chỉ khi "bị bịnh" hay "bị tổn thất tài sản…" hoặc khi "sung mãn tài sản" hay "thăng quan, tiến chức …", bấy giới mới nhận ra "dị thục quả" rõ nét.

Chúng sinh là người, chư thiên, Phạm thiên đó là do dị thục quả thiện diễn tiến, còn chúng sinh địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là do dị thục quả bất thiện diễn tiến.

Nhưng cho dù là quả dị thục nào chăng nữa, chúng vẫn diễn tiến một cách bình lặng.

Như những trái xoài rất mềm và mỏng manh khi chín, hay những quả cứng đắng, chúng đều có sự "diễn tiến bình lặng".

Cũng vậy, các trạng thái quả dị thục rất yên tịnh do chúng không hoạt động và không có tác nhân kích thích.[172]

Chúng rất yên tịnh đến nỗi mà các ngoại cảnh không xâm nhập vào được, do đó các tâm quả làm việc Tục sinh chỉ biết một cảnh duy nhất.

Ví như người bị nhốt trong lồng kín bịt sắt, cảnh bên ngoài không thể xâm nhập vào, người ấy chỉ biết "khung trời" ấy mà thôi.

Chữ "bình lặng" ở đây là chỉ cho ý nghĩa này, không phải "bên trong cũng bình lặng".

Chính bên trong tâm hữu phần cũng có sự "biến động" nên tâm hữu phần cũng sinh diệt liên tục.

Lại nữa, trong giai đoạn còn non yếu, tâm mới sinh lên luôn nhận cảnh mờ mờ, không rõ ràng.

Vì vậy, tâm mới không có khả năng xuất hiện trong quá trình suy nghĩ hay phản chiếu cảnh như thế này … như thế này …

Vì thế, chúng sinh này không thể nhớ "thuở nhỏ lúc một tuổi ta như thế này … như thế này.

d- Sự trưởng thành của nghiệp ở độ tuổi nào?

Tùy theo phước duyên của chúng sinh mà độ tuổi trưởng thành của nghiệp khác nhau.

Có những chúng sinh phải yểu tử trong thai bào, hay một tuổi, hai tuổi …

Có những chúng sinh có nghiệp thiện nhiều, là những "thần đồng toán học, ngữ học, âm nhạc…" ở độ 3 tuổi, 4 tuổi …

Đối với những nghiệp cực thiện có thể tác thành Đạo quả Siêu thế, chí ít cũng phải 7 tuổi.

Vì có những vị thành tựu địa vị bậc Thánh ở lứa tuổi này, tuổi thấp hơn không hề có.

Do đó, mối quan hệ lẫn nhau theo cách không hoạt động, không kích thích và yên tịnh là chức năng của *dị thục quả* (*vipāka)*.

Lời giải thích của Ngài Buddhghosa là nêu lên chức năng của nghiệp như đã giải.

Và 52 tâm quả cùng các tâm sở hợp có mối quan hệ tác động, qua lại với nhau (các uẩn trợ giúp lẫn nhau), cũng như chúng tạo ra các sắc nghiệp trong thời Tục sinh và những sắc tâm quả (ngoại trừ 5 đôi thức) trong cuộc sống.

---o0o---

15 - Vật thực duyên (Āhārapaccaya)

1- Định nghĩa.

Vật thực duyên là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách mang dưỡng tố (ojā) vào.

Pāli có giải thích:

-Āharantīti = āhāra: *Mang lại (tiến hóa) gọi là "**vật thực**".*

- Sakasahapaccayuppanno āharoti = āhāra:

"*Mang bền bỉ đến pháp phụ thuộc của mình, gọi là **vật thực.***"

- Rūpārūpānaṃ upatthambhakatthena upakārako cattāro āhāra = āhārapaccayo:

*Bốn loại vật thực ủng hộ, nâng đở sắc và vô sắc gọi là "**vật thực duyên**".*

2- Tứ thực.

Bốn loại vật thực *(cattāra āhāra) là gì*? Đó là:

- ***Đoàn thực*** (kābalīkārāhāra – vật thực làm thành viên tròn).

Là những thực phẩm như thịt, cá, cơm, rau, hoa, quả … giúp cho thân thể được duy trì, lớn mạnh.

Gọi là đoàn thực, vì những thực phẩm khi đi vào miệng, bị răng nghiền nhỏ, nát ra, trộn lẫn với nước bọt, lưỡi cuộn lại làm thành viên tròn đưa xuống thực quản.

Chi pháp của đoàn thực chính là "dưỡng tố - ojā", loại vật thực không có dưỡng tố, dù dùng nhiều cũng không có tác dụng lớn, trái lại loại thực phẩm có nhiều dưỡng tố thích hợp, tuy dùng ít vẫn có lợi nhiều cho cơ thể .

Người dùng vài bát cháo trắng đầy vẫn mau đói so với người dùng một bát canh có nhiều dưỡng tố.

Có Pāli giải thích như sau:

"Ojāsaṅkhāto āhāro āhārasamuṭṭhānarūpaṃ ajjhoharaṇakāle ṭhānappatto samuṭṭhāpeti:

"Vật thực "được gọi là dưỡng tố (ojāsaṅkhāto)" khi được tiêu hóa và đạt đến giai đoạn trụ (ṭhānapatto), tạo ra sắc pháp do vật thực sinh ra"[173].

Câu Pāli trên cho thấy: "*Gọi là đoàn thực"* vì tạo ra sắc pháp và giúp sắc pháp tăng trưởng.

- ***Xúc thực*** (phassāhāra).

Là sự gặp gỡ giữa vật (vatthu) - cảnh (ārammaṇa) và thức (viññāṇa).

Gọi là "*Xúc thực"*, vì đó là nhân sinh ra Thọ (vedanā), giúp cho Thọ vững mạnhnhư Kinh văn:

"Phassa paccayā vedanā: *Xúc duyên thọ"*.

Khi gặp cảnh đáng hài lòng, sinh khởi sự vui thích, nên không cảm thấy đói.

Hay người đang "nặng trỉu sầu lo - thọ ưu" cũng không cảm thấy đói.

Hoặc khi bắt cảnh khắn khít cùng thể loại cũng "quên đói", như trường hợp các nhà nghiên cứu, mãi say mê với công trình.

Nên *Xúc* được gọi là *vật thực*.

Chi pháp xúc thực là "tâm sở Xúc".

- ***Tư niệm thực*** (manasañcetanāhāra).

Mana (ý) + sañcetanā (chủ tâm – có cố ý mạnh) + āhāra = manasañcetanāhāra.

Tư niệm thực là loại vật thực do có "cố ý mạnh mẽ".

Đó là sự "cố ý" làm viện thiện, hay bất thiện, sinh ra tâm quả làm việc tục sinh sau này.

Một người "cố ý" làm việc gì đó, y có thể quên đói, như những nhà khoa học "đang nghiên cứu đề án nào đó", vị ấy "không biết đói"….

Mặt khác, trong đời sống hằng ngày, "sự cố ý" đôi khi giải trừ "sự đói", như người hăng say trong công việc, có thể "bỏ bửa cơm".

Do vậy, "sự cố ý" được gọi là *"vật thực"*.

Chi pháp *Tư niệm thực* là tâm sở Tư (cetanācetasika).

- ***Thức thực*** (viññāṇāhāra).

Là tâm, vì tâm có khả năng hưởng cảnh, là nhân trợ cho danh sắc.

Như Kinh văn:

"Viññāṇa paccayā nāmarūpaṃ: Thức duyên cho danh sắc."

Có lần Đức Thế Tôn ngự vào làng Pañcasālā đi khất thực, vì Ngài thấy duyên lành đạo quả của 500 cô gái trong làng.

Ma vương nhập vào dân làng, khống chế dân làng không cho họ đặt vật thực cúng dường đến Đức Thế Tôn, khi ấy 500 cô thiếu nữ đang tắm ở bờ sông.

Đức Thế Tôn ra khỏi làng với bát trống không, Ma vương hóa thân đứng ở cổng làng, hỏi rằng:

- Samôn, ông có nhận được gì không?

- Này kẻ xấu kia.Đây là việc làm của ngươi.

Bấy giờ 500 thiếu nữ vừa đi đến, các cô đảnh lễ Đức Phật rồi đứng sang môt bên.

Ma vương hỏi Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài không được chút ít vật thực nào, hẳn Ngài đói bụng lắm.

- Này Ma vương, cho dù hôm nay ta không dùng vật thực, tâm ta vẫn an lạc như Phạm thiên cõi Quang Âm.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

"Susukhaṃ vata jīvāma; yesaṃ no natthi kiñcanaṃ.

Pītibhakkhā bhavissāma; devā ābhassarā yathā.

"*Thật vậy, sống hạnh phúc; nơi đây không chướng ngại (kiñcanaṃ).*

"An hưởng sự vui thích, như Trời Quang Âm."[174]

Kê. Ngôn trên mô tả "thức thực".

Với "tâm vui thích" người ta có thể "quên đói", hay "tâm đang sầu não" người này có thể "bỏ cơm".

Do đó, *tâm* được xem là *"vật thực"*.

Chính tứ thực là căn bản của *Vật thực duyên*, nên Vật thực duyên chia thành hai duyên là:

- Sắc vật thực duyên (rūpa āhārapaccaya).

- Danh vật thực duyên (nāma āhārapaccaya).

A- Sắc vật thực duyên (Rūpa āhārapaccaya).

1- Định nghĩa.

Sắc vật thực duyên là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng dưỡng tố có trong các loại thực phẩm.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Tất cả sắc Vật thực nội hay ngoại đã ăn hay chưa ăn.

Tức là chất dinh dưỡng có trong cơ thể hay ngoài cơ thể.

- *Sở duyên.* Sắc do Vật thực tạo, và các sắc đồng nhóm với sắc Vật thực.

- *Phi sở duyên*. Tâm + tâm sở + sắc tâm + sắc ngoại[175] + sắc nghiệp + sắc âm dương.

3- ***Giải thích***.

Mối quan hệ vật thực có hai loại là sắc và Vô sắc.

Sắc Vật thực là dưỡng tố hay chất dinh dưỡng giúp cho sắc pháp được tồn tại và tăng trưởng.

Sắc Vật thực lại chia thành: Sắc Vật thực nội (bên trong) và sắc Vật thực ngoại (bên ngoài).

Sắc Vật thực nội không tạo ra sắc pháp, chính dưỡng tố bên ngoài được cơ thể hấp thụ mới tạo ra sắc pháp

a- *Phải hiểu* ***vật thực*** (āhāra) *theo nghĩa nào?*

"Vật thực" (āhāra) được hiểu theo nghĩa "***gìn giữ"***, có nghĩa là *"làm cho tồn tại chắc chắn"*.

Được gọi là "***vật thực"*** vì chúng giữ các nhóm của sắc pháp do bốn nhân sinh[176] được tồn tại vững mạnh, bằng cách nuôi nấng chúng.

Tức là, "***pháp năng duyên*** *trợ giúp nuôi dưỡng* ***pháp sở duyên*** *được tồn tại và phát triển*".

Tuy có khả năng tạo ra sắc pháp, nhưng năng lực chủ yếu của sắc Vật thực là *"nuôi dưỡng cho vững mạnh*".

Ví như bà mẹ sinh con và nuôi dưỡng con, thì nuôi dưỡng là chủ yếu, ngoài ra bà có thể nuôi dưỡng các hài tử khác tuy chúng không phải con do bà sinh ra.

b- Năng duyên.

- ***Sắc vật thực nội***.

Là những dưỡng tố có trong thân chúng sinh ngũ uẩn; ở cõi nhân loại khi Vật thực nội bị diệt chúng sinh ấy chết.

Vị chư thiên đắm nhiễm trong dục lạc, bỏ ăn một bữa sẽ chết ngay.

Vì sao vậy? Vì thân của chư thiên dục giới là sắc tế nên chất lửa trong thân rất mạnh, khi chúng bùng phát không có vật thực bên ngoài đưa vào để làm giảm hỏa lượng, chúng sẽ đốt cơ thể, hủy hoại sắc Vật thực nội và vị ấy chết ngay.

Chúng sinh cõi nhân loại, thân xác là sắc thô nên cường độ lửa không mạnh, dù có nhịn ăn nhiều ngày, khi sắc Vật thực nội còn tồn tại chúng sinh ấy vẫn còn sống, khi cạn kiệt sắc Vật thực nội chúng sinh ấy chết.

Vị Thánh Anahàm hay Alahán ở cõi nhân loại, sau bảy ngày nhập thiền diệt, nếu không có vật thực ngoại đưa vào để tiếp trợ cho sắc Vật thực nội, Ngài sẽ viên tịch (chết) vào ngày thứ 8.

Có câu hỏi rằng: Có người nhịn ăn uống cả nửa tháng, một tháng vẫn sống như những du sĩ Yoga chẳng hạn.

Vì sao vị Thánh Alahán phải chết sau 7 ngày nhập thiền Diệt?

Đáp: Nếu không nhập thiền Diệt, Ngài có thể sống hơn số lượng đó, như an trú trong thiền tịnh cả 7 ngày đêm, khi xả thiền dù không có vật thực tiếp trợ Ngài vẫn sống thêm một số ngày nữa.

Vì khi nhập thiền hiệp thế vẫn còn tâm, tâm tạo ra sắc tâm, trong sắc tâm có sắc Vật thực nội.

Mặt khác tâm thiền có năng lực giải trừ sự nóng nên sắc Vật thực nội không bị hao tổn nhiều.

Khi nhập thiền Diệt thì điều này không xảy ra, nên sau 7 ngày không có vật thực ngoại tiếp trợ thì Ngài mệnh chung.

Các du sĩ Yoga tuy không dùng vật thực nhiều ngày, nhưng các vị ấy có "kỷ thuật tiết kiệm năng lượng" (như loài gấu trắng, loài dơi ngủ Đông chẳng hạn), đồng thời còn có tâm sinh diệt và tâm tạo ra sắc tâm.

Sắc Vật thực nội là những loại sắc vật thực có trong sắc nghiệp, sắc tâm, sắc thời tiết. Chúng là thành phần của đoàn bất ly.

Vật thực được ăn vào, khi đó tuy có dưỡng tố, nhưng chúng chỉ là vật thực ngoại. Bao giờ dưỡng tố này hòa nhập khắp cơ thể, nuôi dưỡng các sắc thần kinh … bấy giờ chúng trở thành vật thực nội.

Sắc vật thực nội không thể tạo ra sắc pháp nếu không có sắc vật thực ngoại hỗ trợ.

*- ***Sắc vật thực ngoại***.

Là những dưỡng tố có bên ngoài, phần lớn chúng nằm trong những động - thực vật.

Đơn thuần chúng chẳng có quan hệ gì với Sắc vật thực duyên (trong phần phi sở duyên có đề cập đến *sắc ngoại*, là chỉ cho loại sắc này).

Chỉ khi nào chúng được đưa vào cơ thể và được cơ thể tiếp nhận, bấy giờ chúng trở thành năng duyên, tạo ra sắc pháp. Đồng thời tiếp trợ cho sắc Vật thực nội được tồn tại.

c- Sở duyên.

- ***Sắc do vật thực tạo có bao nhiêu sắc?***.

Sắc do vật thực tạo có 2 nhóm :

- Nhóm bất ly, gồm 8 sắc.

- Nhóm đặc biệt, gồm 11 sắc: 8 sắc bất ly + 3 sắc đặc biệt.

Chính sắc vật thực ngoại được cơ thể tiếp nhận, chúng trở thành sắc vật thực trong đoàn bất ly.

Cho dù loại sắc nào, cũng phải nương vào sắc vật thực để tồn tại.

Đức Phật có dạy:

"Katamañca, bhikkhave, rūpaṃ?

"*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc?*

Cattāro ca mahābhūtā catunnañca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ.

Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành.

Idaṃ vuccati, bhikkhave, rūpaṃ.

Này các Tỳkhưu, đây được gọi là sắc.

Āhārasamudayā rūpasamudayo; āhāranirodhā rūpanirodho".

Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt" (HT. TMC dịch)[177]

Sắc vật thực ngoại là năng duyên chủ yếu trợ giúp cho các sắc pháp.

Các sắc sở duyên được trợ giúp là sắc vật thực nội và sắc mạng quyền.

Đức Phật dạy:

"Sabbe sattā āhāratthitikā: *Chúng sinh tồn tại do vật thực"*.

d- Phi sở duyên.

- *Khi gọi "sắc do tâm tạo" là phi sở duyên.* Là chỉ cho 2 sắc Biểu tri và sắc Thinh.

- *Khi gọi "sắc do nghiệp tạo" là phi sở duyên*. Là chỉ cho 8 sắc nghiệp (ngoại trừ sắc Mạng quyền).

Khi sắc Mạng quyền không được sắc Vật thực tiếp trợ, nó sẽ bị diệt. Khi ấy "mạng sống lẫn các sắc nghiệp khác" cũng diệt.

- *Khi gọi "sắcthời tiết tạo" là phi sở duyên.* Là chỉ cho 3 sắc đặc biệt và sắc Thinh.

B -Danh vật thực duyên (Nāma āhārapaccaya).

1- Định nghĩa.

Danh vật thực duyên là mãnh lực thâu bắt cảnh, giúp cho các danh pháp đồng sinh thêm vững mạnh.

Ý nghĩa của ***vật thực*** là *"làm cho tồn tại chắc chắn"* được nỗi bật trong danh vật thực duyên.

Tức là "***bám chặt***" lấy cảnh để trợ giúp cho pháp đồng sinh.

2- Chi pháp.

- *Năng duyên.* Là ba danh thực *:* Xúc thực, Thức thực và Tư niệm thực.

- *Sở duyên.* Là tâm + tâm sở + sắc do tâm tạo và sắc nghiệp tục sinh.

- *Phi sở duyên*. Các sắc pháp ngoài ra và pháp vật thực (āhāradhamma) đang làm năng duyên.

3- Giải thích.

a- Ở đây, *Danh vật thực* có thể được giải thích theo Kinh Tạng (*Suttanta).*

Theo Kinh Tạng, đối với danh pháp, ***vật thực*** mang ý nghĩa là *"nuôi nấng, làm cho tăng trưởng"*.

Như Phật ngôn:

"Avijjampāhaṃ, bhikkhave, sahāraṃ vadāmi, no anāhāraṃ.

"Ta tuyên bố, này các tỳkhưu, vô minh có ***thức ăn*** *(sāhāraṃ), không phải là không có thức ăn.*

Ko cāhāro avijjāya? Pañca nīvaraṇā'tissa vacanīyaṃ…"

Và cái gì là thức ăn của vô minh? Năm triền cái, cần phải trả lời như vậy"….

"Ko cāhāro pañcannaṃ nīvaraṇānaṃ?

"Cái gì là thức ăn của năm triền cái?

Tiṇi duccaritānī'tissa vacanīyaṃ…".

Ba ác hạnh, cần phải trả lời như vậy?....

"Ko cāhāro vijjāvimuttiyā?

"Cái gì là thức ăn cho minh giải thoát?

'Satta bojjhaṅgā'tissa vacanīyaṃ…".

Bảy giác chi, cần phải trả lời như vậy…".

"Ko cāhāro sattannaṃ bojjhaṅgānaṃ?

"Cái gì là thức ăn cho bảy giác chi?

Cattāro satipaṭṭhānā'tissa vacanīyaṃ…".

Bốn niệm xứ, cần phải trả lời như vậy… [178].

Ở trên, Đức Phật dạy ***"thức ăn"*** của bất thiện pháp và "***thức ăn***" của thiện pháp.

Còn: "Sabbe sattā āhāratthitikā: *Chúng sinh tồn tại do vật thực"*, là nói đến ***"thức ăn"*** *cho luân hồi*.

1'- Xúc thực.

Như con chim khi định hướng rồi, nó bay lượn trong hư không với đôi cánh chuyền từ cây này sang cây khác, dùng mỏ mổ lấy trái cây để ăn hay tìm vật thực tương ứng với sự sống, loại vật thực ấy duy trì khả năng tồn tại bản thân.

Cũng vậy, với sáu loại xúc[179] để 6 cảnh hiển lộ, sinh khởi sáu thọ, khiến chúng sinh nhận lãnh khổ, lạc hoặc thản nhiên, để rồi từ đó "sinh khởi tham ái (taṅhā)"[180], dính mắc vào luân hồi.

Như vậy, *"xúc làm sinh khởi thọ", "nuôi dưỡng thọ được vững mạnh"*.

Với pháp môn niệm thọ trong Tứ niệm xứ, nhằm mục đích *"chấm dứt thọ cũ, không cho thọ mới sinh khởi"*.

Thọ mới ở đây chỉ cho "thọ liên hệ với tham ái".

Khi Xúc thực bị diệt thì thọ mới cũng diệt.

2'- Tư niệm thực.

Sáu loại hành[181], nhận cảnh do xúc làm hiển lộ, hoạt động tương thích với cảnh.

Sáu loại hành này tạo ra nhiều loại nghiệp đi chung với tham hoặc trực tiếp, như "hành bất thiện", hoặc gián tiếp như "hành thiện".

Chúng sinh di chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác cũng từ các loại hành này.

Nói cách khác, tâm sở Tư làm "sinh khởi tâm quả và nuôi dưỡng chúng", khiến chúng hiện bày trong tương lai.

Do đó, tâm sở Tư được gọi là *"tư niệm thực"*.

Niệm pháp trong Tứ niệm xứ, nhằm mục đích "diệt trừ Tư niệm thực này".

3'- ***Thức thực.***

Sáu loại thức[182] duy trì các cảnh. Khi nhận biết cảnh, Ý thức điều khiển danh sắc này hoạt động.

Niệm tâm tứ niệm xứ nhằm mục đích "diệt trừ Thức thực" này.

Do vậy, có thể hiểu được chức năng của vật thực khác nhau và rộng lớn như thế nào.

b - *Giải thích theo Thắng pháp tạng.*

1'- ***Về năng duyên.***

- ***Tâm sở Xúc*** được gọi là vật thực (āhāra), vì nó "nắm giữ cảnh" giúp cho tâm cùng các tâm sở khác sinh lên một cách mạnh mẽ.

Xúc nuôi dưỡng các pháp đồng sinh từ những "cảnh toại nguyện", hay "cảnh không toại nguyện", nhất là đối với tâm sở Thọ (vedanācetasika).

- ***Tâm sở Tư*** được gọi là vật thực, vì nó nuôi dưỡng, cung cấp dũng lực cho các pháp đồng sinh khi "cố ý" thực hiện hành động thiện hay bất thiện qua ba cửa thân - ngữ - ý tương thích với cảnh.

Như khi người Phật tử nhìn thấy vị Samôn (cảnh), có ý cúng dường, khi ấy "sự cố ý – tâm sở Tư" nuôi dưỡng "điều này" và thực hiện qua thân môn…

"Ý muốn cúng dường" là tâm sở Vô tham đi chung với tâm sở Dục (chanda), tâm sở Tư nuôi dưỡng 2 tâm sở này được mạnh mẽ.

Hay người Phật tử muốn nghe pháp (tâm sở Dục và tâm sở Trí), tâm sở Tư nuôi dững vững mạnh hai tâm sở này, giúp cho người ấy đi nghe pháp…

- ***Thức*** được gọi là vật thực, vì nó vượt trội trong chức năng "dẫn dắt" các pháp đồng sinh, "chăm chú cảnh", rồi điều hành thân tâm hoạt động theo ý..

Ba *vật thực vô sắc* này nuôi nấng cho các pháp đồng sinh, đồng thời có ảnh hưởng đến các sắc pháp đồng sinh.

*2'-**Về sở duyên.***

Tâm sở Xúc và tâm sở Tư là tâm sở Biến hành, khi có chúng là có tâm và ngược lại khi có tâm thì có chúng.

Khi một trong ba pháp vô sắc này là *năng duyên*, thì những pháp còn lại là *sở duyên*.

- Khi nói sở duyên là "tất cả tâm", vì tâm sở Xúc hay tâm sở Tư có thể trợ giúp cho tất cả tâm sinh lên.

- Khi nói "tâm sở hợp", là tùy theo tâm sinh lên thì các tâm sở sinh lên theo tương ứng.

- *Sắc tâm tạo.* Ở đây chỉ cho sắc Thân biểu tri và sắc Ngữ biểu tri.

- *Sắc nghiệp tục sinh*. Vào thời điểm tục sinh, sắc nghiệp đồng sinh với tâm Tục sinh và được tâm Tục sinh nuôi dưỡng vững mạnh.

---o0o---

16 - Quyền duyên (Indriyapaccaya)

1- Định nghĩa.

Quyền duyên là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách *"cai quản", "kiểm soát", "điều hành"*.

Pāli có giải thích:

- Indati parama issariyaṃ karotīti = indriyaṃ:

*"Có uy quyền như vị chúa tể cao nhất, gọi là **quyền".***

- Indriyañca taṃ paccayaṃ cāti = indriyapaccayaṃ:

"Trợ giúp bằng cách "làm quyền", gọi là "quyền duyên".

2- Chi pháp.

- *Năng duyên*. Là 20 quyền (trừ Nữ quyền và Nam quyền).

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

"Adhipatiyatṭṭhena upakārakā itthindriyapurisindriyavajjā visatindriyā indriyapaccayā:

*"Ngoại trừ nữ quyền, nam quyền, hai mươi quyền còn lại trợ giúp theo cách lớn trội, gọi là **quyền duyên**."*

Hai mươi hai quyền.

Quyền(indriya) là gì?

Quyền là "khả năng kiểm soát".

Pháp gọi là ***quyền*** vì chúng có khả năng "kiểm soát" hay "cai quản" trong lãnh vực riêng của mình.

Có tất cả 22 quyền, phân thành hai loại: Sắc quyền và danh quyền.

a- Sắc quyền (rūpindriya). Có 8 quyền là:

1'- *Nhãn quyền (cakkhundriya).* Là con mắt, chúng có khả năng kiểm soát cảnh sắc, đồng thời hướng dẫn các pháp thực hiện chứ năng "***thấy***".

Chi pháp là "sắc thần kinh Nhãn".

2'- *Nhĩ quyền (Sotindriya).* Là lỗ tai, chúng có khả năng kiểm soát cảnh thinh, đồng thời hướng dẫn các pháp thực hiện chứ năng "***nghe***".

Chi pháp là "thần kinh Nhĩ".

3'- *Tỷ quyền (ghānindriya).* Là lỗ mũi, chúng có khả năng kiểm soát cảnh mùi, đồng thời hướng dẫn các pháp thực hiện chứ năng "***ngửi***".

Chi pháp là "thần kinh Tỷ".

4'- *Thiệt quyền (Jīvhindriya).* Là lưỡi, chúng có khả năng kiểm soát cảnh vị, đồng thời hướng dẫn các pháp thực hiện chứ năng "***nếm***".

Chi pháp là "thần kinh Thiệt".

5'- *Thân quyền (kāyindriya).* Là thân, chúng có khả năng kiểm soát cảnh xúc, đồng thời hướng dẫn các pháp thực hiện chứ năng "***đụng***".

Chi pháp là "thần kinh Thân".

6'- *Nữ quyền (itthindriya).* Là ***trạng thái* nữ,** nó có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó, thực hiện chức năng hiện bày "*tính cách nữ*" (như ẻo lả, mềm mại, dịu dàng…).

Chi pháp là "sắc Nữ tính" (itthibhāvarūpa).

7'- *Nam quyền (purisindriya).* Là ***trạng thái* nam**, nó có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó, thực hiện chức năng hiện bày *"tính cách nam*" (như hùng dũng, mạnh bạo…).

Chi pháp là "sắc Nam tính" (purisabhāvarūpa).

8'- Mạng quyền (jīvitindriya).

Về "mạng quyền" có 2 loại:

- *Sắc Mạng quyền,* có đặc tính "duy trì" các pháp đồng sinh được tồn tại. Sắc Mạng quyền lại có 2 loại:

* Sắc Mạng quyền duy trì tuổi thọ với các pháp đồng sinh với nó tròn đủ 51 sátna tiểu.

Tức là các sắc Mạng quyền trong đoàn Nhãn, đoàn Nhĩ, đoàn Tỷ, đoàn Thiệt, đoàn Thân, đoàn Ý vật, đoàn Nữ tính, đoàn Nam tính.

*- Sắc mạng quyền "duy trì" tuổi thọ của chúng sinh. Tức là "đoàn sắc Mạng quyền".

Một chúng sinh có thể bị hủy "sắc Mạng quyền" của sắc nghiệp nhưng vẫn còn sống, như bị mù, bị điếc, bị bại liệt, bị cắt lưỡi, bị xẻo mũi.

Trái lại, khi sắc Mạng quyền "tuổi thọ" bị hủy diệt thì chúng sinh ấy chết.

- *Danh mạng quyền,* là tâm sở Mạng quyền, có đặc tính duy trì sự tồn tại của tâm tròn đủ ba sát na tiểu.

Chi pháp của Mạng quyền là: Sắc mạng quyền và Danh mạng quyền.

b- Danh quyền (nāmindriya).

Trước tiên là:

*- ***Ý quyền*** *(manindriya).* Là "cai quản" sự dẫn dắt các tâm sở đồng sinh thực hiện chức năng "biết cảnh".

Chi pháp là tất cả tâm.

*- ***Thọ (veda(vedanā).*** Có 5 quyền:

1'- Lạc quyền (sukhindriya). Là thọ lạc, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó "nhận lãnh " sự an lạc của thân.

2'- Khổ quyền (dukkhindriya). Là thọ khổ, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó "nhận lãnh" sự đau đớn, khó chịu của thân.

3'- *Hỷ quyền* (somanassandriya). Là thọ hỷ. có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó "nhận lãnh" sự vui của tâm.

4'- *Ưu quyền* (domanasandriya). Là thọ ưu, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó "nhận lãnh" sự buồn rầu, nóng bức … của tâm.

5'- *Xả quyền* (upekkhandriya). Là thọ xả, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh với nó "nhận lãnh" sự "thản nhiên" của tâm.

Tất cả 5 quyền này có chung chi pháp là tâm sở Thọ (vedanaacetasika).

***- Quyền đưa đến giác ngộ (bodhipakkhiyindriya)**.

Gọi là quyền đưa đến giác ngộ, vì 5 quyền này là những yếu tố trợ cho tâm Đạo siêu thế xuất hiện, gọi là pháp trợ đạo. Có tất cả 5 quyền:

1'- *Tín quyền (saddhindriya)*. Là "cai quản" sự tin tưởng, đồng thời có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh thực hiện chức năng *tin tưởng nơi Tam bảo*.

Chi pháp là tâm sở Tín (saddhācetasika).

2'- *Tấn quyền (viriyindriya)*. Là "cai quản" sự cố gắng, đồng thời có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh thực hiện chức năng "cố gắng".

Chi pháp là tânm sở Tinh tấn (viriyacetasika).

3'- *Niệm quyền (satindriya)*. Là "cai quản" sự chú ý, đồng thời có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sinh thực hiện chức năng "chú ý".

Chi pháp là tâm sở Niệm (satindriya).

4"- Định quyền (samādhindriya). Là "cai quản" sự tập trung, đồng thời hướng dẫn các pháp đồng sinh thực hiện chức năng "gom vào đối tượng".

Chi pháp là tâm sở Nhất hành (ekaggatācetasika).

5'- Tuệ quyền (paññindriya). Là "cai quản" sự hiểu biết ***đúng theo sự thật***, đồng thời hướng dẫn các pháp đồng sinh thực hiện chức năng "hiểu biết đúng với sự thật".

Chi pháp là tâm sở Trí (paññindriya).

Siêu thế quyền có 3.

* *Vị tri quyền (anaññātanassāmītindriya)*. Danh từ anaññātaṃ có nghĩa là Nípbàn trước đây chưa từng biết"[183]

Trí biết cái chưa từng biết (là Nípbàn), gọi là *Vị tri trí*.

Cai quản đồng thời hướng dẫn các pháp đồng sinh biết cái chưa từng biết, gọi là *Vị tri quyền.* Chỉ cho **trí** trong tâm Sơ đạo.

* *Dĩ tri quyền (aññidriya).* Là "cai quản" sự biết "cái đã biết", đồng thời hướng dẫn các pháp đồng sinh cùng "biết cái đã biết".

Chữ **añña** = ā (tuyệt hảo) + căn ñā (hiểu biết) (sđd).

Dĩ tri quyền chỉ cho trí trong 6 tâm Siêu thế, từ tâm Sơ quả đến tâm Alahán đạo.

* *Cụ tri quyền* (aññātāvitindriya). Là "cai quản " sự "hiểu biết trọn vẹn", đồng thời hướng dẫn các pháp đồng sinh cùng "hiểu biết trọn vẹn".

Cụ tri quyền chỉ cho trí trong tâm Alahán quả.

Trí tuệ của vị Thánh Alahán được gọi là **"Aññatāvī",** vì Ngài đã "thông suốt lý Tứ diệu đế", đã "hiểu hiết trọn vẹn về bốn sự thật tột cùng".

Ba Siêu thế quyền có chi pháp là tâm sở Trí.

Trong hai mươi 22 quyền, có:

Tám sắc quyền + khổ quyền + ưu quyền là "hiệp thế nhất định".

Vị tri quyền, Dĩ tri quyền và Cụ tri quyền là "siêu thế nhất định".

Các quyền còn lại vừa hiệp thế vừa Siêu thế bất định.

Có câu hỏi rằng: "*Vì sao Quyền duyên lại loại trừ Nữ quyền và Nam quyền?"*.

Đáp: Vì chúng không có chức năng của năng duyên (*paccaya)*.

Năng duyên có ba chức năng là: Tạo ra, hỗ trợ và duy trì.

* *Tạo ra.* Khi B sinh lên từ A. thì A có chức năng là "tạo ra".

Ví như trong Vô gián duyên, tâm sinh trước diệt đi, tạo điều kiện cho tâm sinh sau sinh lên.

* *Hỗ trợ*. Khi B được tồn tại, tăng trưởng nhờ có A. thì A có chức năng là "hỗ trợ".

Ví như Sinh hậu duyên (pacchājātapaccaya), pháp sinh sau hỗ trợ cho pháp sinh trước được vững mạnh.

* *Duy trì*. Là B được được tồn tại do nương vào A.

Trong mối quan hệ này, A có chức năng "duy trì", nếu không có A thì B không thể tồn tại.

Điển hình là Vât thực duyên (āhārapaccayo).

Hai sắc Nữ tính và Nam tính không có bất kỳ một trong ba chức năng trên, nên chúng không là năng duyên (paccaya) trong *Quyền duyên* dù chúng là *pháp quyền*.

Sở dĩ chúng là *pháp quyền*, vì chúng có khả năng "kiểm soát".

Chúng kiểm soát thân trong cấu trúc tính (*liṅga*)[184] , trong dấu hiệu (nimitta) riêng, trong các tính cách (kutta) riêng và trong những phô bày bên ngoài (*ākappa*) theo cách riêng.

Trong giai đoạn Tục sinh, nếu sắc Nữ tính sinh lên, thì tất cả những sắc do bốn nhân tạo có khuynh hướng về nữ tính, toàn bộ cơ thể phần lớn không biểu hiện gì khác ngoài "tính cách nữ".

Nhưng chính sắc Nữ tính không *tạo ra*, không *hỗ trợ* cũng không *duy trì* những tính chất đó.

Giống như khuôn bánh, người làm bánh đưa những vật liệu làm ra bánh vào khuôn, sau đó trút bánh ra, bánh có hình dáng như khuôn, nhưng khuôn không sinh ra bánh, không hỗ trợ bánh, không duy trì bánh.

Cũng vậy khi sắc pháp sinh lên có "khuôn Nữ tính" sẽ có "tính chất nữ", chỉ vậy thôi.

Và đó là năng lực "kiểm soát của sắc tính" làm cho năm uẩn ít nhiều phù hợp với nó.

Tương tự như vậy, sắc Nam tính "kiểm soát" các cấu trúc nam.

Do đó chúng được gọi là *quyền (indriya)*.

Hỏi. *Vì sao cùng là sắc vật, làm chỗ cho tâm nương trú, 5 sắc thần kinh là pháp quyền, còn sắc ý vật (hadayavatthu) không là pháp quyền?*

Đáp. Tuy cùng là sắc vật, nhưng mỗi sắc thần kinh chỉ dung chứa hai tâm tương ứng đồng chất (như thần kinh Nhãn chỉ dung chứa Nhãn thức…).

Trong khi đó sắc Ý vật dung chứa nhiều loại tâm.

Cơ bản của 2 tâm Nhãn thức vẫn như nhau, chỉ có khác nhau ở khía cạnh nhận cảnh sắc "tốt" hay "xấu" mà thôi.

Nói cách khác, 5 sắc thần kinh chỉ "chấp nhận loại tâm tương ứng, đồng thời cai quản được những tâm ấy", nên 5 sắc thần kinh là sắc quyền".

- Sắc Ý vật, tuy cũng là chỗ trú tâm nhưng nó không kiểm soát được bất kỳ tâm nào.

Năm sắc quyền ví như người chủ nhà cho người khác ở trong nhà (nên có quyền); còn sắc Ý vật ví như người chủ nhà cho người khác "mướn" nhà.

Hoặc: Ví như "*người gác cổng thành"* và "*người gác cửa cung điện*", khi cổng thành được mở mọi người có thể vào ra, người gác cổng thành không thể ngăn cấm.

Trái lại cửa cung điện chỉ dành cho một số người ra vào, người gác cửa có thể ngăn chặn những người ngoài ra. Người gác cửa cung điện có quyền.

Cũng vậy, sắc thần kinh chỉ cho loại cảnh thích hợp tương ứng vào mà thôi, như thần kinh Nhãn chỉ cho "cảnh sắc" đi vào, thần kinh Nhĩ chỉ cho "cảnh thinh" đi vào … Do đó chúng "có quyền".

Tuy nhiên, cũng nên lưu ý rằng với "sắc Ý vật thô xấu", những tâm cao thượng khó sinh khởi, ví như con ong không đi vào đống rác.

Trái lại với "sắc Ý vật tốt", những tâm cao thượng dễ sinh khởi hơn, ví như hoàng cung là nơi vua thường ngự.

Để cho sắc Ý vật được trong sáng, cần tinh tấn thực hiện nhiều thiện nghiệp vì sắc Ý vật là sắc do nghiệp tạo.

Nghiệp thiện sẽ cho sắc Ý vật tốt, nghiệp bất thiện sẽ cho sắc Ý vật xấu.

Tinh cần hành thiền là cách tạo ra sắc Ý vật trong sáng hữu hiệu nhất, khi sắc Ý vật tốt, trong sáng bấy giờ "tâm Thiền hay tâm Đạo - quả Siêu thế" mới sinh lên.

Có Phật ngôn:

Jhāya bhikkhu mā ca pamādo:

"Tỳ khưu hãy tu thiền, đừng phóng dật".[185]

Từ chi pháp năng duyên của 20 quyền, Quyền duyên được phân tích thành ba duyên: *Đồng sinh quyền duyên, Quyền sinh tiền duyên và Sắc Mạng quyền duyên*.

A- Đồng sinh quyền duyên (Sahājātindriyapaccaya).

1- Định nghĩa.

Đồng sinh quyền duyên là các *danh quyền*[186] ủng hộ, trợ giúp các pháp đồng sinh bằng cách "cai quản", "kiểm soát".

2- Chi pháp.

- *Năng duyên:* Là tám danh quyền: Tâm + tâm sở Thọ+ tâm sở Mạng quyền + 5 tâm sở Giác phần (tín, tấn, niệm, định, tuệ).

- *Sở duyên:* Tâm và 52 tâm sở hợp + sắc Tục sinh + sắc tâm tạo.

- *Phi sở duyên*: Sắc ngoại + sắc thời tiết + sắc vật thực + sắc nghiệp bình nhật + sắc nghiệp Vô tưởng.

3- Giải thích.

*a- **Quyền** (indriya) trong "quyền đồng sinh" này được hiểu theo ý nghĩa nào?*

Được hiểu theo ý nghĩa "***huấn luyện và kiểm soát***".

Các năng duyên sẽ *huấn luyện* đồng thời *kiểm soát* các sở duyên thực hiện các chức năng như chính nó.

- Như khi tâm là "quyền" thì tâm "huấn luyện đồng thời kiểm soát "các tâm sở đồng sinh" cùng làm phận sự "biết cảnh" như nó.

- Khi tâm sở Thọ là "quyền", thì nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "nhận lãnh" như nó .

- Khi tâm sở Tín là "quyền", nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "hướng tâm tin" như nó.

- Khi tâm sở Cần là "quyền", nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "nỗ lực" như nó.

- Khi tâm sở Niệm là "quyền"nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "ghi nhớ" như nó.

- Khi tâm sở Nhất hành là "quyền"nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "an trú tâm" như nó.

Khi tâm sở Trí là "quyền"nó "huấn luyện và kiểm soát" các pháp đồng sinh cùng làm phận sự "hiểu biết" như nó.

B- Quyền sinh tiền duyên (Pure jātindriyapaccaya).

1- Định nghĩa.

Quyền sinh tiền duyên là mãnh lực ủng hộ, trợ giúp bằng cách "sinh ra trước và cai quản".

Pāli có giải thích:

"Purejāto hutvā indriyabhāvena upakārako dhammo = purejātindriyapaccayo:

"Ủng hộ bằng cách "cai quản", nhưng sinh ra trước pháp được ủng hộ, gọi là ***"quyềnsinh tiền duyên"****.*

2- ***Chi pháp***.

Năng duyên. Là 5 sắc thần kinh ở sátna 26.

Khi nói về *quyền*, là nói đến ý nghĩa là cao nhất.

Trong 49 sátna trụ của 5 sắc thần kinh, từ sátna thứ 2 đến sátna 25 là "giai đoạn Tiến", từ sátna 27 đến sátna 50 là "giai đoạn *già lão* (Dị)".

Sátna thứ 26 là giai đoạn phát triển cao tột, nên gọi là "sátna Quyền".

Chính sátna này mới có đủ năng lực cai quản điều hành các pháp sở duyên.

Sở duyên. Năm đôi thức và 7 tâm sở hợp.

Phi sở duyên. 111 tâm (trừ 5 đôi thức) và 52 tâm sở hợp + tất cả sắc pháp.

3- Giải thích.

Năm sắc thần kinh phải sinh ra trước để làm chỗ nương trú cho tâm tương ứng như:

- Sắc thần kinh Nhãn là nơi nương trú cho hai tâm Nhãn thức.

- Sắc thần kinh Nhĩ là nơi nương trú cho hai tâm Nhĩ thức ….

Đồng thời các tâm nương trú trong sắc thần kinh phải thực hiện chức năng của mình, như Nhãn thức phải thực hiện chức năng "thấy", Nhĩ thức phải thực hiện chức năng "nghe"…

Ví như người nương trú trong nhà nào, phải theo quy định của nhà ấy.

Các tâm ngoài ra là phi sở duyên, tuy chúng vẫn có thể biết cảnh sắc, cảnh thinh… Nhưng không làm phận sự thấy, nghe …, chúng thực hiện chức năng riêng, đồng thời trú ở sắc ý vật, nên chúng không bị 5 sắc thần kinh "cai quản".

C- Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya).

1-Định nghĩa.

Sắc Mạng quyền duyên là trợ giúp các sắc pháp "duy trì" sự tồn tại cho tròn đủ tuổi thọ, tức là "cai quản" tuổi thọ của các sắc pháp đồng sinh.

2- Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả sắc Mạng quyền.

Sở duyên. Các nhóm sắc nghiệp sinh chung với sắc Mạng quyền.

Phi sở duyên. Tâm + tâm sở + sắc tâm + sắc thời tiết + sắc vật thực và sắc Mạng quyền.

3- Giải thích.

Sở dĩ sắc Mạng quyền được gọi là quyền, vì nó "cai quản" sự sống còn của các sắc pháp sinh chung với nó.

* *Về sở duyên.*

Sắc nghiệp có 9 nhóm, tất cả đều đồng sinh với sắc Mạng quyền.

Sắc Mạng quyền đang là *năng duyên,* nên những sắc còn lại là sở duyên.

Với những nhóm 10, ngoại trừ sắc Mạng quyền là năng duyên, 9 sắc còn lại là sở duyên, như:

- Nhóm Nhãn có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Nhãn.
- Nhóm Nhĩ có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Nhĩ.
- Nhóm Tỷ có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Tỷ.
- Nhóm Thiệt có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Thiệt.
- Nhóm Thân có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Thân.
- Nhóm Nữ tính có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc Nữ tính.
- Nhóm Nam tính có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc Nam tính.
- Nhóm Ý vật có 9 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly + sắc Ý vật.
- Nhóm Mạng quyền có 8 sắc là sở duyên: 8 sắc bất ly.

---o0o---

17 - Thiền duyên (Jhānapaccayo)

1- Định nghĩa.

Thiền (Jhāna) xuất phát từ ngữ căn ***jhe*** nghĩa là "chói sáng". Là làm cho "những gì tâm chú ý được chói sáng, hiển lộ".

Hoặc jhāna xuất phát từ ngữ căn ***jhā,*** nghĩa là "thiêu đốt". Là "diệt trừ những pháp đối nghịch".

Thiền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách làm cảnh "chói sáng" hay "thiêu đốt" các pháp nghịch.

Pāli có giải thích:

-Ārammaṇaṃ jhāyati upajjhāyatīti = jhānaṃ:

"Thiêu đốt hay làm cảnh "chói sáng", gọi là thiền".

- Jhānañ ca taṃ paccayañcati = jhānapaccayaṃ.

"Trợ giúp bằng cách "thiêu đốt" (pháp nghịch)*, gọi là* ***thiền duyên".***

- Ārammaṇaṃ upagantvā tasmiṃ vā bhusaṃ daḷhaṃ nippattitta vā viya jhāyanaḍḍhena olokanaddhena upakārako dhammo = jhānapaccayo:

"Pháp trợ giúp bằng cách "nhìn chăm chú (oloka)", hay làm cho "đối tượng (ārammaṇa) "chiếu sáng, hoặc rơi xuống", gọi là ***thiền duyên****.*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- Kusalādibhedāni satta jhānaṅgāni = jhānapaccayo:

"*Bảy thiền chi, trước tiên là thiện v…v, gọi là* ***thiền duyên".*** [187]

2- Phân tích.

a- Bảy thiền chi (jhānaṅga) là những pháp nào? Đó là:

1'- Chi ***Tầm*** *(vitakka).* Có đặc tính hướng tâm và các tâm sở vào cảnh, nó đặt các pháp đồng sinh vào cảnh một cách chắc chắn.

Chi pháp là tâm sở Tầm (vitakkacetasika).

Chi Tầm có đặc tính "thiêu đốt" chướng ngại "hôn trầm, thụy miên".

2'- Chi **tứ** (*vicāra).* Có đặc tính xem xét cảnh và để tâm dính chặt vào cảnh.

Chi pháp là tâm sở Tứ (vicāracetasika).

Chi Tứ có tính "thiêu đốt" chướng ngại "hoài nghi".

3'- Chi **Hỷ** (*pīti).* Có đặc tính tạo sự thích thú cảnh, làm cho tâm hài lòng với cảnh.

Chi pháp là tâm sở Hỷ (pīticetasika).

Chi Hỷ có tính "thiêu đốt" chướng ngại "bất mãn, khó chịu".

4'- Chi **Lạc** (sukha). Có đặc tính "nhận lãnh" cảnh theo cách hài lòng.

Chi Lạc có tính "thiêu đốt" sự tán loạn tâm (phóng dật – uddhacca).

5'- Chi **Xả** (upekkhā). Có đặc tính "nhận lãnh" cảnh theo cách thản nhiên.

Chi Xả có tính "thiêu đốt" sự hối tiếc (kukkucca).

6'- Chi **Ưu** (domanassa). Có đặc tính "nhận lãnh" cảnh không đáng hài lòng.

Chi Ưu có tính "thiêu đốt" sự dính mắc (tham ái).

Ba chi: Lạc, xả, ưu có chung bản thể pháp là tâm sở Thọ (vedanācetasika).

Chúng buộc chặt tâm vào cảnh đáng hài lòng, cảnh trung bình hay cảnh bất toại nguyện.

7'- Chi **Định.** Có đặc tính giữ tâm chắc chắn vào cảnh.

Chi Địnhh có tính "thiêu đốt" tham dục.

Chi pháp chi Định là tâm sở Nhất hành (ekaggatācetasika).

Có câu hỏi rằng: *Chi Ưu của thiền thuộc thiện như thế nào?.*

Trước tiên, nên hiểu nghĩa "cảnh không đáng hài lòng".

Cảnh "không đáng hài lòng" không hẳn là cảnh xấu, chỉ vì nó không đáp ứng theo ý, nên trở thành "cảnh không đáng hài lòng".

Như thấy "người thân" thành công, "cảnh thành công là cảnh "đáng hài lòng", thấy kẻ nghịch thành công, cảnh "thành công này" là cảnh "không đáng hài lòng.

Đối với người chạy theo dục lạc thì cảnh thiên giới là cảnh đáng hài lòng, với người mong thoát ra vòng sinh tử luân hồi thì cảnh thiên giới là cảnh "đáng chán". Đức Phật có hỏi chư Tỳkhưu rằng:

"Sace vo, bhikkhave, aññatitthiyā paribbājakā evaṃ puccheyyuṃ - 'devalokūpapattiyā, āvuso, samaṇe gotame brahmacariyaṃ vussathā'ti?"

-*"Nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ngươi như sau: "Chư hiền, có phải Samôn Gotama, sống phạm hạnh để được sinh lên cõi trời?".*

*"*Nanu tumhe, bhikkhave, evaṃ puṭṭhā aṭṭīyeyyātha harāyeyyātha jiguccheyyāthā'ti?"

"Này các Tỳkhưu, được hỏi như vậy, các ngươi có bực phiền (aṭṭiyeyyātha), tủi nhục (harāyeyyātha), chán ngấy (jiguccеyyātha) hay không?

"Evaṃ, bhante…"

- *Thưa có, bạch Thế Tôn…*[188]

Như vậy, khi không hài lòng với cảnh làm cho thiện sinh khởi hay thiện được tăng trưởng, bấy giờ chi **ưu** *ấy thuộc về thiện***.**

Như một hành giả hành pháp Minh sát, khi trí tuệ già dặn, thấy các pháp hữu vi luôn bị tiêu hoại, có tâm chán nãn pháp hữu vi, muốn thoát ra khỏi pháp hữu vi. Loại "chán nãn" này thuộc thiện.

Đức Phật có dạy:

"Domanassaṃ p'ahaṃ devānam inda duvidhena vadāmi sevitabbam pi asevitabbam pīti' iti yan taṃ vuttaṃ idam etaṃ paticca vuttaṃ".

-*"Này Thiên chủ. Ta nói ưu có hai loại, một loại nên thân cận, một loại nên tránh xa*."[189]

Đức Phật có giảng : "Loại ưu nào khi thân cận, khiến thiện pháp suy giảm, bất thiện pháp tăng trưởng, loại ưu ấy nên xa lánh.

Loại ưu nào khi thân cận, khiến bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, loại ưu ấy nên thân cận".

Ưu là chi thiền ra sao?

Đức Phật có dạy: Có 2 loại ưu:

"Tattha yañ ce savitakkaṃ savicāraṃ, yañ ce avitakkaṃ avicāraṃ, ye avitakkae avicāre ce paṇītatare.

"Ở đây, có (loại ưu) có tầm có tứ, có (loại ưu) không tầm không tứ, loại không tầm không tứ thù thắng hơn" (sđd).

Loại ưu đi chung với tầm - tứ, đó là loại ưu trong tâm sân; nếu là thiện đó là loại ưu có trong tâm thiện Dục giới, như người vảm thấy "chán nản" dục lạc…

Loại ưu không đi chung với tầm - tứ là ưu có trong từ nhị thiền trở lên.

Và do đó, ưu là một chi thiền. ***Như thế nào***?

Vị hành giả chứng đắc Sơ định, quán xét thấy rằng "chướng ngại của Nhị thiền là tầm- tứ", nên không "hài lòng" đối với tầm - tứ, nổ lực tu tập loại trừ tầm tứ, chứng Nhị thiền.

Vị hành giả chứng Nhị thiền, quán xét thấy rằng "hỷ" là chướng ngại của Tam thiền, nên không hài lòng "hỷ" (đây chính là ưu không tầm - tứ). Nổ lực tu tập loạt trừ hỷ chứng Tam thiền…

Ở đây, "không hài lòng" chưa hẳn là "khó chịu"; cũng vậy chi Ưu trong thiền không phải chỉ trạng thái khó chịu, mà chỉ ra sự "*nhận cảnh không hợp ý".*

Ví như người bịnh phải kiêng khem, món ăn thượng vị không thích hợp với người ấy, khi nhận loại vật thực ấy người bịnh "không hài lòng".

Tóm lại, chi thiền theo bản thể pháp chỉ có 5 pháp thực tính là: Tầm, tứ, hỷ, thọ và định.

3- Chi pháp.

N*ăng duyên.* Năm hay 7 chi thiền có trong 103 tâm (trừ 18 tâm vô nhân) [18] .[190]

*Sở duyên. 1*03 tâm và 52 tâm sở hợp (trừ chi thiền đang làm năng duyên) + sắc nghiệp tục sinh + sắc do tâm tạo.

Phi sở duyên. 5 đôi thức và 7 tâm sở hợp, + sắc nghiệp bình nhật + sắc ngoại + sắc vật thực + sắc âm dương+ sắc nghiệp Vô tưởng.

4- Giải thích.

a- *Nên hiểu* ***thiền*** *(jhāna) theo nghĩa nào?*

Nên hiểu theo nghĩa *"chăm chú vào đề mục* (kasina)" hay "*chú ý vào đối tượng*".

Như người bắn cung, từ khoảng cách xa có thể bắn mũi tên trúng vào mục tiêu.

Người cung thủ giữ vững mũi tên, hướng nó về mục tiêu, nhìn chăm chú vào mục tiêu, buông tên.

Cũng vậy, khi nói về hành giả (*yogī)* hay người hành thiền, chúng ta phải nói rằng vị ấy hướng tâm đến cảnh, làm cho nó được vững vàng và giữ cảnh (*kasiṇa)* trong tầm nhìn, đưa tâm chăm chú vào đó theo các cách của bảy chi thiền.

Sự *"chú ý vào đối tượng"* còn được áp dụng đối với thân, ngữ, ý, nhờ đó hiểu rõ về thân, ngữ, ý và thực hiện thân, ngữ, ý một cách đúng đắn. Như Đức Phật đã dạy trong kinh Tứ niệm xứ.

-*"Hiểu rõ thân"* là hiểu rõ các động tác: đi, đứng, nằm, ngồi, co tay, duỗi tay…

- *"Hiểu rõ về ngữ"*, nghĩa là "hiểu rõ" sự diễn đạt lời nói như các âm thanh chữ cái, các từ …

- *"Hiểu rõ về ý"*, là hiểu rõ với các loại tâm: Tâm Tham, tâm Sân, tâm Si, tâm thiện có trí, tâm thiện không trí ….

Không có sự bố thí, cung kỉnh, hay sát sanh, trộm cắp, nói dối … được hình thành với tâm yếu đuối. Chúng được hình thành bởi sự trợ giúp của các chi thiền.

Do đó, các hành động thiện và bất thiện được sự trợ giúp bằng chi thiền.

Nói cách khác: *"Chúng là sở duyên của chi thiền theo từng trường hợp tương ứng".*

b- ***Vì sao 18 tâm vô nhân không có chi thiền?***

Sách Thanh Tịnh Đạo có ghi:

- Ete pana dvepi jhāna maggapaccayā dvipañcaviññāṇāhetukacittesu na labhantīti veditabbo.

"Lại nữa, nên hiểu là thiền duyên, đạo duyên không trợ giúp trong tâm vô nhân và năm đôi thức"[191].

- *Năm đôi thức* không có chi thiền là vì: Chúng chỉ nhận cảnh "theo khuôn mẫu", không cần "chăm chú cảnh", đồng thời chúng thực hiện phận sự của mình một cách đơn điệu, không mang tính năng hoạt.

Mặt khác, *năm đôi thức* trú tại nơi nào nhận cảnh chính tại nơi đó, không cần dụng công nhiều, như đứa bé lấy vật ngay tại chỗ nằm.

Nhãn thức trú tại thần kinh Nhãn, cảnh sắc cũng ở trong thần kinh Nhãn. Tương tự như vậy với các thức còn lại.

Lại nữa, *năm đôi thức* không tạo ra sắc tâm.

Sở dĩ các tâm vô nhân còn lại, không có chi thiền, vì chúng hoạt động theo cách tự nhiên (máy móc).

Ngay cả tâm đổng lực Sinh tiếu của vị Alahán cũng tạo nụ cười "theo thói quen", không mang ý nghĩa gì đặc biệt cả[192].

---o0o---

18 - Đạo duyên (Maggapaccaya)

1- Định nghĩa.

Đạo duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách thông suốt như con đường.

Pāli có giải thích:

- Maggo viyāti maggo: *Như con đường, gọi là **Đạo**.*

- Sukhatidukkhatinaṃ nibbānassa ca abhimukhaṃ papānato = maggo:

*"Đưa đến hạnh phúc hay đau khổ hoặc Nípbàn cao tột, gọi là **đạo**".*

- Maggabhāvena upakārako dhammo = maggapaccayo:

*"Pháp trợ giúp làm tăng trưởng con đường, gọi là **Đạo duyên**".*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- Yato tato vā niyyānaṭṭhena upakārakāni kusalādibhedāni dvādasa maggaṅgā ni paccayo:

*"Mười hai chi đạo xếp theo thiện ... trợ giúp theo cách "hướng dẫn thoát ra" cái gì đó, gọi là **Đạo duyên"**.*[193]

2- Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Giới phần[194], niệm, tấn, định, trí, tầm, tà kiến đồng sinh trong những tâm hữu nhân.

Sở duyên. Tâm hữu nhân và 52 tâm sở hợp + sắc tâm hữu nhân + sắc nghiệp Tục sinh với tâm hữu nhân.

Phi sở duyên. 18 tâm vô nhân và 12 tâm sở hợp[195], sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tục sinh với tâm vô nhân.

3- Giải thích.

a- Phải hiểu Đạo (magga) theo nghĩa nào?

Đạo được hiểu theo nghĩa "con đường dẫn đến". Tức là: Con đường này "dẫn đến" khổ cảnh, con đường này "dẫn đến" cõi vui, con đường này "dẫn ra" khỏi tam giới.

Như Bát Chánh đạo "dẫn đến" cõi vui, dẫn đến chứng đạt Nípbàn. Bát tà đạo "dẫn đến" cõi khổ.

b- Vì sao có 12 chi đạo?

Thật ra có 16 chi đạo là: Bát chánh đạo và bát tà đạo.

Bát chánh đạo là:

- *Chánh kiến.* Là sự thấy đúng, chi pháp là tâm sở Trí.
- *Chánh tư duy.* Là sự suy nghĩ đúng, chi pháp là tâm sở Tầm.
- *Chánh ngữ.* Là sự nói đúng (nói chân thật), chi pháp là tâm sở Chánh ngữ.
- *Chánh nghiệp.* Là sự làm đúng, chi pháp là tâm sở Chánh nghiệp.
- *Chánh mạng.* Là sự nuôi mạng đúng, chi pháp là tâm sở Chánh Mạng.
- *Chánh niệm.* Là sự chú ý đúng, chi pháp là tâm sở Niệm.
- *Chánh tinh tấn.* Là sự nổ lực đúng, chi pháp là tâm sở Tinh tấn.
- *Chánh định*. Là sự gom tâm đúng, chi pháp là tâm sở Nhất hành (hay Định).

Bát tà đạo.

- *Tà kiến*. Là sự thấy sai, chi pháp là tâm sở Tà kiến.
- *Tà tư duy.* Là sự suy nghĩ sai, chi pháp là tâm sở Tầm.
- *Tà ngữ.* Là lời nói sai.
- *Tà nghiệp.* Là làm sai.
- *Tà mạng.* Là nuôi mạng sái quấy.
- *Tà niệm*. Là ghi nhớ sai.
- *Tà tinh tấn.* Là nổ lực sai, chi pháp là tâm sở Tinh tấn.
- *Tà định*. Là gom tâm sai, chi pháp là tâm sở Nhất hành[196].

Với tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm không có chi pháp nhất định cho những chi đạo này.

Khi nói dối có thể do tham chi phối, như người lường gạt người khác để thu lợi, hoặc do sân như vu khống người để trả thù…

Tương tự như thế với tà nghiệp, như do tà kiến nên thực hành khổ hạnh khốc liệt, thực hành hạnh con bò, hạnh con chó … Hoặc do Tham nên hành động trộm cắp bằng thân, do Sân nên sát sinh …

Với tà mạng thì: Nuôi mạng bằng sự tham như trộm cắp, nuôi mạng bằng sự sân như cướp, giết người, nuôi mạng bằng Tà kiến như bày trò mê tín dị đoan để có thù lao nuôi mạng …

Một nữ du sĩ ngoại đạo có hỏi Đức Sāriputta:

- Có phải Samôn khi dùng vật thực ngước mặt lên?

- Này nữ du sĩ, ta dùng vật thực không ngước mặt lên.

- Có phải Samôn khi dùng vật thực cúi mặt xuống.

- Này nữ du sĩ, ta dùng vật thực không cúi mặt xuống.

- Có phải Samôn khi dùng vật thực ngó bốn phía?

- Này nữ du sĩ, ta dùng vật thực không ngó bốn phía.

Và Ngài Sāriputta (Xálợiphất) đã giải thích:

- Dùng vật thực ngước mặt lên là nuôi mạng bằng nghề xem thiên văn.

- Dùng vật thực cúi mặt xuống là nuôi mạng bằng nghề xem địa lý.

- Dùng vật thực ngó bốn phía, là nuôi mạng bằng cách đem tin cho người[197].

Tất cả những cách nuôi mạng như thế, gọi là tà mạng.

Với tà niệm như: Ghi nhớ những tà thuyết, là do tà kiến điều sử.

- Ghi nhớ thói quen của kẻ thù để tìm cách sát hại, là do sân điều sử.

- Ghi nhớ bóng dáng nữ nhân hay nam nhân là do tham điều sử…

Do đó chỉ còn 12 chi đạo có chi pháp nhất định.

Tuy nhiên nếu tính bản thể pháp thì chỉ còn 9 như đã nêu trong phần năng duyên.

Trong chín chi pháp bản thể:

- Chi Tầm, chi Định, chi Tinh tấn vừa là thiện vừa là bất thiện.

- Chi Tà kiến là bất thiện.

- Năm chi còn lại: Ba giới phần, Niệm và Trí là thiện.

c- Bát chánh đạo dẫn đến Nípbàn như thế nào?.

Khi chức năng của thiền tịnh (samadhi) làm cho tâm yên tịnh và an lạc trong cảnh, không còn bị xao động đối với cảnh.

Sự an lạc của tâm đối với cảnh thiền (jhānārammaṇa) ví như cá chìm sâu trong nước, không phải là sự mát mẻ của người đang nằm trên mặt nước.

Cảnh thiền ở đây là cảnh thiền tướng (jhānārammaṇanimitta),tức là một trong ba cảnh "vô thường tướng, khổ tướng hay vô ngã tướng".

Khi ấy, chức năng của ***Đạo*** (magga) vạch ra "cách thức" thoát ra luân hồi, chứng đạt Nípbàn.

Tức là *Đạo* vạch ra cách thức "diệt nghiệp luân hồi". Đức Phật có dạy:

-"*… Và này chư tỳkhưu, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt nghiệp?*

Đây là chánh kiến…. chánh định.

Này các tỳkhưu, đây là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt nghiệp [198]*".*

d -Bát chánh đạo dẫn đến cõi vui.

Nếu chưa đủ lực (bala) "tập hợp đầy đủ bát chi đạo", các chi đạo đang có sẽ "vạch ra" con đường dẫn đến cõi vui, đồng thời "vạch ra cách thức tập hợp các chi đạo còn lại".

Tâm sở Tư tạo nghiệp theo cách thức ấy, tạo ra "*nghiệp trắng có quả trắng*" (sđd).

Như vậy, bát chi đạo chỉ hiện diện đầy đủ trong tâm Siêu thế và với những tâm thiện có trí hiệp thế khi nhận cảnh thiền tướng vững mạnh[199] .

Ngoài ra, với tâm thiện thường nhật thì bát chi đạo này không đầy đủ, nhiều lắm là 6 chi[200].

Vì sao? Vì cảnh của ba giới phần khác nhau, nếu có chỉ có một. Có khi không có một giơái phần nào cả.

e - Tà đạo dẫn đến khổ cảnh.

Tà kiến, tà Tầm, tà Tinh tấn, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng và tà định "vạch ra" con đường dẫn xuống khổ cảnh. Đức Phật có dạy:

"Này các Tỳkhưu, sát sanh được thực hiện, được huân tập (bhāvanā), được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sinh, đưa đến cõi ngạ quỷ…."

"Này các Tỳkhưu,lấy của không cho … tà hạnh trong các dục … nói dối … nói hai lưỡi… nói ác khẩu … nói lời phù phiếm …

Này các Tỳkhưu, uống rượu men, rượu nấu, được thực hiện, được huân tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sinh, đưa đến cõi ngạ quỷ…."[201] (HT. TMC dịh).

f- Về sở duyên.

Tâm hữu nhân có 3 loại:

- ***Tâm thiện hiệp thế***. Với loại tâm này, các chi đạo "vạch ra cách tạo nghiệp thiện", dẫn đến nhàn cảnh.

- ***Tâm thiện Siêu thế.*** Bát chi đạo "vạch ra cách diệt nghiệp luân hồi, chứng đắc Nípbàn". Đồng thời tạo ra sắc tâm thiện.

- ***Tâm bất thiện.*** Với loại tâm này, các chi đạo "vạch ra cách tạo nghiệp bất thiện", dẫn đến khổ cảnh. Đồng thời "chỉ ra cách tạo sắc tâm bất thiện".

- ***Tâm quả hữu nhân hiệp thế***. Chi đạo vạch ra "đường lên nhàn cảnh tùy theo sức mạnh của tâm sở Tư".

Và cách tạo sắc nghiệp Tục sinh vào thời điểm tục sinh; vào thời bình nhật thì "chỉ ra cách tạo sắc tâm hữu nhân bình nhật, sắc nghiệp bình nhật".

- ***Tâm quả Siêu thế.*** Tương tự như tâm Thiện Siêu thế, nhưng trong tâm Quả Siêu Thế, bát chi đạo không được gọi là "đạo đế", vì "sự sát trừ nghiệp luân hồi hay phiền não luân hồi đã bị diệt rồi".

- ***Tâm Duy tác hữu nhân***. Chi đạo "vạch ra cách tạo nghiệp đồng sinh" và "sắc tâm duy tác hữu nhân".

---o0o---

19 - Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)

1- Định nghĩa.

Tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp theo cách hòa hợp (samyutta), tức là năng duyên và sở duyên hòa hợp với nhau.

Pāli có giải thích:

- Samaṃ ekuppadatādipakārehi yuttaṃti = sampayuttaṃ:

"*Cùng sinh lên và hòa hợp với nhau, gọi là* ***"tương ưng"***.

- Sampayuttabhāvena upakārako dhammo = sampayuttapaccayo:

"Pháp trợ giúp bằng cách làm tăng trưởng sự hòa hợp, gọi là tương ưng duyên".

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- "Ekavatthuka ekārammaṇa ekuppādekanirodhasaṅkhāte sampayuttabhāvena upakārakā arūpadhammā.

"Các pháp vô sắc trợ giúp bằng cách làm tăng trưởng (bhāvena) sự hòa hợp, theo phương cách (saṅkhāta) đồng sinh, đồng diệt, đồng biết một cảnh, đồng nương một vật, gọi là ***Tương ưng duyên***"[202].

2- Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Sở duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Phi sở duyên. Sắc pháp + Nípbàn + Chế định.

3- Giải thích.

a- Phải hiểu sampayutta (hòa hợp) như thế nào?

Phải hiểu ***"hòa hợp"*** theo nghĩa "là một", hay "không còn phân biệt được".

Ví như nước hòa với sửa, không còn phân biệt "đâu là nước, đâu là sửa" hay "nước với sửa là một".

b -Giữa "đồng sinh" và "hòa hợp" khác nhau ra sao?

Đồng sinh là cùng sinh lên, nhưng có thể không "hòa vào nhau", còn "*hòa hợp"* thì "cùng sinh lên lại hòa hợp".

Ví như có đoàn người cùng xuống thuyền, có nhóm ngồi chung nhau trò chuyện vui vẻ (là đồng sinh hòa hợp), một số người ngồi yên một nơi (đồng sinh, không hòa hợp).

Do đó, trong phần sở duyên không đề cập đến sắc tâm tạo, hay sắc nghiệp đồng sinh với tâm tục sinh …

Ở đây, chữ *ekabhāvaṃ gato* (sự liên kết) có đặc tính "như một", như tâm Nhãn thức chẳng hạn "kết hợp" với 7 tâm sở Biến hành, 8 pháp này thật sự khó nhận biết chúng riêng lẻ.

Tám pháp này được gọi chung một tên theo phận sự là *"sự thấy"* hay nêu ra tên chủ yếu là "Nhãn thức".

Tương tự như thế với những loại tâm khác.

---o0o---

20 - Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya)

1- Định nghĩa.

Bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách "không hòa hợp". Ví như nước lăn trên lá sen.

Pāli có giải thích:

- Ekuppāda tādipakarehi na payuttanti = vipayutta:

"Cùng sinh lên với các pháp khác khác, nhưng không hòa hợp, gọi là ***"bất tương ưng****"*.

- Vippayuttabhāvena upakārako dhammo = vippayttapaccayo:

"Pháp trợ giúp pháp khác bằng cách "không hòa hợp", gọi là ***bất tương ưng duyên***".

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- Ekavatthukādibhāvānupagamena upakārakā rūpino dhammo arūpinaṃ dhammaṃ, arūpinopi rūpinaṃ vippayuttapaccayo:

"Pháp sắc giúp cho các pháp vô sắc, pháp vô sắc giúp cho các pháp sắc theo cách không đồng nương vật, gọi là ***bất tương ưng duyên"****.*

2- Phân tích.

Theo định nghĩa trên, thì pháp năng duyên và pháp sở duyên không hòa hợp nhau. Pháp không có sự hòa hợp nhau chính là danh và sắc.

Tức là "pháp năng duyên có khi là danh, có khi là sắc", tương tự như vậy đối với pháp sở duyên.

Mối liên hệ (pacccaya) "không hòa hợp" này có bốn cách:

a- Danh là năng duyên trợ giúp sắc*.*

Tức là một trong bốn hay cả bốn nhóm vô sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; chúng trợ giúp sắc sinh ra.

Sắc được sinh ra chính là sắc tâm tạo hay sắc nghiệp Tục sinh.

Đây là cách *đồng sinh bất tương ưng duyên* (sahājātavippayuttapaccaya).

Lại nữa, khi danh là năng duyên, danh có thể trợ giúp cho sắc được vững mạnh, bằng cách sinh ra sau (năng duyên sinh sau trợ giúp cho sắc sinh trước).

Đây là các "*Sinh hậu bất tương ưng duyên* (pacchājātavippayuttapaccaya) tương tự như *Sinh hậu duyên*.

b - Sắc là năng duyên trợ giúp danh.

Khi ấy sắc có 3 vai trò: Là cảnh, là vật nương cho tâm, vừa là cảnh vừa là vật nương cho tâm.

Khi vật là cảnh, đó là *"Cảnh sinh tiền duyên"* (ārammaṇapurejātapaccaya), tương tự như cảnh duyên.

Khi là *vật nương cho tâm*, vật phải sinh trước tâm ít nhất một sátna tiểu.

Như vậy ở đây chính là "*Vật sinh tiền bất tương ưng duyên* vatthupurejātavippayuttapaccaya), tương tự như *"Vật sinh tiền duyên"*.

Khi vật "*vừa là chỗ nương vừa làm cảnh",* chính là *"Vật cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên* (vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya), tương tự như *Vật cảnh sinh tiền duyên*.

Đồng sinh bất tương ưng duyên.

1- Định nghĩa.

Đồng sinh bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách cùng sinh lên nhưng không hòa hợp nhau.

2- Chi pháp.

Năng duyên. 107 tâm (trừ 5 đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc).

Sở duyên. Sắc tâm tạo, sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. 121 tâm và tâm sở hợp, sắc ngoại, sắc vật thực tạo, sắc âm dương tạo, sắc nghiệp vô tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

3- Giải thích.

Tương ưng duyên và bất tương ưng duyên, hai duyên này có mục đích chỉ ra mối liên hệ "hòa hợp" hoặc không hòa hợp".

"Hòa hợp" là chỉ ra mối liên hệ giữa danh và danh.

"***Không hòa hợp"*** là chỉ ra mối liên hệ giữa "danh và sắc" hay "sắc và danh".

Vào thời tục sinh, tâm Tục sinh trợ cho các sắc nghiệp tục sinh cùng sinh lên. Tức là tâm sở Tư trong tâm Tục sinh giúp cho các sắc nghiệp xuất hiện.

Sau sátna tâm Tục sinh thì sátna tâm hữu phần 1, trợ giúp cho sắc tâm sinh lên (gọi là sắc tâm hữu phần).

Hai trường hợp trên, được gọi là *"đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Trong 107 tâm, những tâm không làm việc tục sinh, chỉ trợ giúp sở duyên trong thời bình nhật và tử.

Còn những tâm làm việc tục sinh[203] trợ giúp cho sở duyên cả ba thời: Tục sinh và bình nhật và tử.

---o0o---

21 - Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)

1- Định nghĩa.

"Hiện hữu duyên" là mãnh lực trợ giúp theo phương cách *"đang tồn tại"*.

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

-Paccupannalakkhaṇena atthibhāvena tādisasseva dhammassa upathaṃ bhakatthena upakārako dhammo = atthipaccayo:

"Pháp trợ giúp, ủng hộ pháp sở duyên bằng cách trạng thái hiện trú, gọi là Hiện hữu duyên"[204].

2- Phân tích.

Có 7 trường hợp, pháp năng và pháp sở cùng hiện hữu với nhau, như sau:

a- Bốn uẩn vô sắc hiện hữu với nhau.

b- Tứ đại sắc hiện hữu với nhau,

c- Vào lúc nhập thai ở cõi ngũ uẩn, danh - sắc hiện hữu với nhau.

d- Tâm và tâm sở hiện hữu với sắc tâm tạo.

e- Tứ đại hiện hữu với sắc y sinh.

f- Năm sắc thần kinh làm chỗ nương cho 5 thức, nên hiện hữu với năm thức.

g- Sắc Ý vật làm chỗ nương cho Ý giới và Ý thức giới, nên hiện hữu với Ý giới và Ý thức giới.

Như vậy, Hiện hữu duyên được phân tích thành 6 duyên:

1'- *Đồng sinh hiện hữu duyên* (tức Đồng sinh duyên).

2'- *Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên* (tức Tiền sinh duyên).

3'- *Vật sinh tiền hiện hữu duyên* (tức Vật tiền sinh y duyên).

4'- *Sinh hậu hiện hữu duyên* (tức Sinh hậu duyên).

5'- *Vật thực hiện hữu duyên* (tức sắc Vật thực duyên).

6'- *Quyền hiện hữu duyên* (tức sắc Mạng quyền duyên).

---o0o---

22 - Vô hữu duyên (Natthipaccaya)

1- Định nghĩa.

"Vô hữu duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách "vắng mặt".

Pāli có giải thích:

- Paramattha sabhāvena natthitaya upakārako dhammo = natthipaccayo.

*"Pháp trợ giúp bằng cách "vắng mặt" đối với pháp có thực tướng tột cùng, gọi là **vô hữu duyên**".*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- Attano anantarā uppajjamānānaṃ arūpadhammānaṃ pavatti-okāsadānena upakārakā samanantaraniruddhā arūpadhammā natthipaccayo:

*"Các pháp vô sắc theo diễn tiến của mình đã diệt, trợ giúp pháp vô sắc mới sinh lên theo cách diễn tiến của mình, gọi là **Vô hữu duyên**".*[205]

2- Giải thích.

Theo định nghĩa trên, thì ***Vô hữu duyên*** chính là *Vô gián duyên* hay Đẳng vô gián duyên, chỉ khác khía cạnh là "vắng mặt".

Vô gián duyên với ý nghĩa trợ giúp "không gián đoạn".

Đẳng vô gián duyên với ý nghĩa trợ giúp "liên tiếp".

Nhưng năng duyên và sở duyên không cùng có mặt, xem như là "vô hữu".

Như vậy, cả ba duyên trên xem như "đồng nghĩa khác từ" mà thôi.

Hiện hữu duyên và ***Vô hữu duyên*** chỉ ra khía cạnh "liên hệ" bằng cách "có mặt" và "vắng mặt".

Mặt khác, *atthi* và *natthi* chỉ ra 2 chủ thuyết "thường" và "đoạn", là 2 quan niệm sai lầm "chấp vào tự ngã".

Đức Phật chỉ ra chủ thuyết cho rằng "có tự ngã", thật ra đó chính là *"hiện hữu duyên"*(atthipaccaya).

Còn "cái gọi là đoạn diệt", thật ra chúng không đoạn diệt, vì chúng còn trợ giúp cho pháp khác sinh lên, nhưng chúng vắng mặt (là Vô hữu duyên), có thể thôi.

Ở đây có đoạn kinh minh chứng cho vấn đề này:

Sabba matthīti kho, Kaccāna, ayam eko anto.

"Này Kaccāna, tất cả đều **có** *là một cực đoan.*

Sabbaṃ natthīti ayaṃ dutiyo anto ti".

Tất cả đều ***không có*** *là cực đoan thứ hai".*[206]

Đức Phật thuyết lên hai duyên "Hiện hữu duyên" và "Vô hữu duyên", để chỉ rõ "sự sai lầm" khi cho rằng "có một tự ngã".

Thật ra "tự ngã" không hề có, nên không thể cho rằng "còn tự ngã " hay "không còn tự ngã". Bao giờ "có tự ngã" khi ấy mới cho rằng "còn tự ngã" hay "không còn tự ngã".

Ví như người có tài sản mới bảo rằng "tôi còn tài sản" hay "tôi không còn tài sản".

Để nhấn mạnh vấn đề "còn tự ngã – không còn tự ngã" này, Đức Phật thuyết tiếp hai duyên "Ly duyên" và "Bất ly duyên".

---o0o---

23 - Ly duyên (Vigatapaccayo)

Định nghĩa.

a- Ly duyên.

"Ly duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách *"lìa nhau*".

Pāli có giải thích:

- Vigata nirodhassa pattitāya upakārako dhammo = vigatapaccayo.

"*Pháp ủng hộ bằng cách diệt mất, xa lìa, gọi là* **ly duyên**".

Sách Thanh Tịnh Đạo giải thích:

- Te eva vigatabhāvena upakārakattā vigatapaccayo:

"Cũng chính chúng (tâm và tâm sở) trợ giúp bằng cách biến mất, gọi là **ly duyên**."

Chi pháp tương tự như ***"vô hữu duyên".***

---o0o---

24 - Bất ly duyên (Avigatapaccayo)

Định nghĩa.

"Bất ly duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách *"không xa lìa nhau"*.

Pāli có giải thích:

Avigatabhāvena nirodhassa appattiyā tādisasseva dhammassa upathaṃ bhakaṭṭhena upakārako dhammo = avigatapaccayo:

*"Pháp trợ giúp, ủng hộ pháp khác bằng cách đang còn, không diệt mất, gọi là **"bất ly duyên"**.*

Sách Thanh Tịnh Đạo có giải thích:

- Avigatabhāvena upakārattā avigatapaccayo:

*"Ủng hộ theo cách "không lìa bỏ", là **bất ly duyên**"*[207].

Chi pháp tương tự như *"hiện hữu duyên"*.

Dứt 24 duyên.

---o0o---

Tổng lược về duyên hệ (Paccayasabhāgo)

A- Đặc trưng.

Trong 24 duyên, chúng ta rút ra được 5 đôi:

1- Đôi "*nghĩa lý đồng nhau"*. Gọi là "atthayuga", đó là Vô gián duyên và Đẳng vô gián duyên.

2- Đôi "*âm – thanh đồng nhau"*. Gọi là "saddayuga", đó là Y duyên và Cận y duyên.

3- Đôi "*nghịch thời với nhau"*. Gọi là "kālapatipakkhayuga", đó là Sinh tiền duyên và Sinh hậu duyên.

4- Đôi "*nghịch cách với nha*u". Gọi là "aññamaññapatipakkhayuga", đó là Tương ưng duyên và Bất tương ưng duyên.

5- Đôi "nhân quả". Gọi là "hetuppaphalayuga", đó là Nhân duyên và Quả duyên.

B- Duyên không phân tích và duyên phân tích.

Trong 24 duyên có ***14 duyên không phân tích**, **đó là***:

1- Nhân duyên (hetupaccaya).

2- Cảnh duyên (ārammaṇa).

3- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

4- Đẳng vô gián duyên (samanantarapaccaya).

5- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya).

6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya).

7- Sinh hậu duyên (pacchājātapaccaya).
8- Tập hành duyên (āsevanapaccaya).
9- Quả duyên (vipākapaccaya).
10- Thiền duyên (jhānapaccaya)
11- Đạo duyên (maggapaccaya)
12- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
13- Vô hữu duyên (nathipaccaya)
14-Ly duyên (vigatapaccaya).

Có 10 duyên được phân tích là:

1- TRƯỞNG DUYÊN (adhipatipaccaya) phân tích thành 2 duyên:
- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya)
- Trưởng đồng sinh duyên (sahajātādhipatipaccaya).

2- SINH TIỀN DUYÊN (purejātapaccaya), được phân tích thành 2 duyên:
- Vật sinh tiền duyên (vatthupure jāta paccaya).
- Cảnh sinh tiền duyên (ārammaṇapurejātapaccaya).

3- NGHIỆP DUYÊN (kammapaccaya), được phân tích thành hai duyên:
- Nghiệp đồng sinh duyên (kammasahajātapaccaya).
- Nghiệp dị thời duyên (nānakkhaṇapaccaya).

4-VẬT THỰC DUYÊN (āhārapaccaya), được phân thành 2 duyên:
- Sắc vật thực duyên (rūpāhārapaccaya)
- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya).

5- Y DUYÊN (nissayapaccaya), được phân tích thành 2 duyên:
- Đồng sinh y duyên (sahājātanissayapaccaya).
- Sinh tiền y duyên (purejātanissayapaccaya).

Trong Sinh tiền y duyên lại phân tích thành 2 duyên:
* Vật sinh tiền y duyên (vatthupurejāta upanissayapaccaya).
* Vật cảnh sinh tiền y duyên (vatthārammaṇapurejāta-upanissayapaccaya).

6- CẬN Y DUYÊN (upanissayapaccaya), được phân tích thành 3 duyên:
- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissaya).
- Vô gián cận y duyên (anantarūpanissayapaccaya).
- Thường cận y duyên(pakatūpanissayapaccaya).

7- QUYỀN DUYÊN (indriyapaccaya), được phân tích thành 3 duyên:

- Quyền đồng sinh duyên (sahājātindriyapaccaya)
- Quyền sinh tiền duyên (purejātindriyapacaya).
- Sắc mạng quyền duyên (rūpajīvitindriyapaccaya).

8- BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (vippayuttapaccaya), được phân tích thành 4 duyên:

- Sinh tiền bất tương ưng duyên (purejātavippayuttapaccaya).
- Vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthupurejātavippayuttapaccaya).
- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthārammaṇa purejāta vippayuttapaccaya).
- Sinh hậu bất tương ưng duyên (pacchājātavippayuttapaccaya).

9- HIỆN HỮU DUYÊN (atthipaccaya), được phân tích thành 5 duyên:

- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
- Sinh tiền hiện hữu duyên (purejātatthipaccaya).
- Sinh hậu hiện hữu duyên (pacchājātatthipaccaya).
- Vật thực hiện hữu duyên (āhāratthipaccaya).
- Quyền hiện hữu duyên (indriyatthipaccaya).

Từ "sinh tiền hiện hữu duyên", phân tích thành 2 duyên:

* Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên (ārammaṇapurejātatthipaccaya)
* Vật sinh tiền hiện hữu duyên (vatthupurejātatthipaccaya)

10- BẤT LY DUYÊN (avigatapaccaya), được phân tích thành 5 duyên:

- Đồng sinh bất ly duyên (sahajātavigatapaccaya).
- Sinh tiền bất ly duyên (purejātavigatapaccaya).
- Sinh hậu bất ly duyên (pacchājātavigatapaccaya).
- Vật thực bất ly duyên (āhāravigatapaccaya).
- Quyền bất ly duyên (indriyavigatapaccaya).

Sinh tiền bất ly duyên lại phân tích thành 2 duyên:

* Cảnh sinh tiền bất ly duyên (ārammaṇapurejātavigatapaccaya).
* Vật sinh tiền bất ly duyên (vatthupurejātavigatapaccaya).

Như vậy, tổng cộng có 47 duyên.

C- Duyên phân theo giống (jāti).

Mối liên hệ giữa năng duên và sở duyên có ba thời điểm: Đồng sinh, sinh trước và sinh hậu.

Ngoài ra còn có những nét đặc trưng riêng như "cảnh", "quyền", "tương ưng"…

1- *Giống đồng sinh* (sahajātajāti)**.**

Tức là năng duyên và sở duyên cùng sinh lên. Có 15 duyên.

* *Có bốn duyên đồng sinh cơ bản là:*

1'- Đồng sinh duyên (sahajāta paccaya).

2'- Đồng sinh y duyên (sahajātanissaya).

3'- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya).

4'- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta – avigatapaccaya).

* *Bốn duyên đồng sinh trung bình là:*

1'- Hổ tương duyên (aññamaññapaccaya).

2'- Quả duyên (vipākapaccaya).

3'- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya).

4'- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayutta).

* *Bảy duyên đồng sinh đặc biệt là*:

1'- Nhân duyên (hetupaccaya).

2'- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipati).

3'- Đồng sinh nghiệp duyên (sahajātakammapaccaya).

4'- Danh vật thực duyên (nāmāharapaccaya).

5'- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindhriyapaccaya).

6'- Thiền duyên (jhānapaccaya).

7'- Đạo duyên (maggapaccaya).

Tổng cộng giống đồng sinh có 15 duyên.

2- Giống cảnh (ārammaṇajāti)**.**

Năng duyên làm cảnh (ārammaṇa) trợ giúp cho tâm (sở duyên) sinh lên.

Giống cảnh có 8 duyên là:

1'- Cảnh duyên (ārammaṇapaccaya).

2'- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya).

3'- Cảnh vật sinh tiền y duyên (vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)

4'- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya)

5'- Cảnh sinh tiền duyên (ārammaṇapurejātapaccaya).

6'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya).

7'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên (ārammaṇapurejātatthipaccaya).

8'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên (ārammaṇapurejātavigatapaccaya).

3- Giống liên tiếp (anantarajāti).

Tuy có thể xếp vào nhóm *tiền sinh*, nhưng nêu ra riêng vì có tính cách "không gián đoạn".

Năng duyên sinh trước trợ giúp sở duyên sinh sau; năng và sở "liên tiếp, không gián đoạn". Có 7 duyên là:

1'- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

2'- Đẳng vô gian duyên (samantarapaccaya).

3'- Vô gián cận y duyên (anantarūpanissayapaccaya).

4'- Tập hành duyên (āsevanapaccaya).

5'- Nghiệp dị thời thường cận y duyên (chỉ tâm sở Tư trong tâm Đạo).

6'- Vô hữu duyên (natthipaccaya).

7'- Ly duyên (vigataapccaya).

4- Giống sinh tiền (purejāti)**.**

Có thể được nêu ra 17 duyên, trong đó:

a- Vật sinh tiền (vatthupurejāta), có 6 duyên:

1'- Vật sinh tiền duyên (vatthu- purejātapaccaya).

2'- Vật sinh tiền y duyên (vatthu-purejātanissaya*)*.

3'- Quyền sinh tiền duyên (purejātindriya paccaya).

4'- Vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthu-purejātavippayuttapaccaya).

5'- Vật sinh tiền hiện hữu duyên (vatthu-purejātathipaccaya).

6'- Vật sinh tiền bất ly duyên (vatthu-purejāta-avigapaccaya).

b- Cảnh vật sinh tiền (vatthārammaṇa – purejāta)**,** có 5 duyên:

1'- Cảnh vật sinh tiền duyên (vatthārammaṇa-purejātapaccaya).

2'- Cảnh vật sinh tiền y duyên (vatthārammaṇa-purejāta-nissayapaccaya).

3'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthārammaṇa-purejāta-vippayuttapaccaya).

4'- Cảnh vật sinh tiền hiện hữu duyên (vatthārammaṇa-purejātatthipaccaya).

5'- Cảnh vật sinh tiền bất ly duyên (vatthārammaṇa-purejāta-avigatapaccaya).

c- *Cảnh sinh tiền* (ārammaṇapurejāta), có 6 duyên:.

1'- Cảnh sinh tiền duyên (ārammaṇapurejātapaccaya).

2'- Một phần của cảnh duyên (ārammṇapaccaya).

3'- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya).

4'- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya).

5'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên (ārammaṇa-purejātatthipaccaya).

6'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên (ārammaṇa-purejāta-avigata accaya).

Các từ "*kiñci*" và "*koci*" trong *kiñci ārammaṇam* … được dùng chỉ cho các sắc thành tựu (nipphannarūpa).

5- Giống sinh hậu (pacchājāti).

Là năng duyên sinh sau trợ giúp cho sở duyên sinh trước.

Có 4 duyên là:

1'- Sinh hậu duyên (pacchājātapaccaya).

2'- Sinh hậu bất tương ưng duyên (pacchājātavippayuttapaccaya).

3'- Sinh hậu hiện hữu duyên (pacchājātātthipaccaya).

4'- Sinh hậu bất ly duyên (pacchājātāvigatapaccaya).

6- Giống vật thực (āhārajāti).

Là năng duyên "nuôi dưỡng " sở duyên được tăng trưởng, vững mạnh.

Có ba duyên là:

1'- Sắc vật thực duyên (rūpāhārapaccaya).

2'- Vật thực hiện hữu duyên (āhāratthipaccaya)

3'- Vật thực bất ly duyên (āhārāvigatapaccaya).

7- Giống sắc mạng quyền (indriyajāti).

Là năng duyên "gìn giữ, nuôi dưỡng" sở duyên được tròn đủ tuổi thọ.

Có ba duyên là:

1'- Sắc mạng quyền duyên (jīvitindriyapaccaya).

2'- Quyền hiện hữu duyên (jīvitindriyatthipaccaya).

3'- Quyền bất ly duyên (jīvitindriyāvigatapaccaya).

8- Giống thường cận y duyên.

Có 2 duyên:

1'- (Thuần túy) *Thường cận y duyên* (pakatūpanissayapaccaya).

Là tâm và tâm sở + sắc pháp + chế định sinh trước, có sức mạnh trợ giúp cho tâm và tâm sở sinh lên sau.

2- (Biệt thời) *Thường cận y duyên*.

Là tâm sở Tư (trừ tâm sở Tư trong tâm Đạo) có sức mạnh, trợ giúp cho các danh uẩn quả sinh lên khác thời gian.

9- Giống nghiệp dị thời.

Có một duyên, là "dị thời nghiệp duyên".

Đây là cách phân duyên thành chín giống.

Nên ghi nhận:

* Giống sinh tiền (purejāta), giống sinh hậu (pacchājāta), giống vật thực (āhāra) và giống sắc mạng quyền (jīvitindriya), là các mối liên hệ ***hiện diện*** (atthi). Tức là "thời hiện tại"

* Những cách liên hệ: *Không gián đoạn* (*anantara), khác thời kỳ (nānākkhaṇika), nghiệp (kamma)* là các mối liên hệ "vắng mặt" (natthi). Tức là "thời quá khứ"

* Mối liên hệ cảnh (ārammaā) và thường cận y (pakatūpanissaya), gồm cả ba thời: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

* Nípbàn và chế định (paññatti) luôn luôn là ngoại thời (kālavimutti).

Nípbàn và chế định là pháp "*không có điều kiện* (appaccaya)", "không sinh thành (asaṅkhata)"[208] .

Tại sao? Vì chúng hoàn toàn không có ***sự trở thành***.

Những pháp có tái sinh hay hình thành thì là *sappaccaya* (hữu duyên), *saṅkhata* (trở thành) và *paṭiccasamuppanna* (tương sinh).

Do vậy, Nípbàn và chế định không phải là "pháp được trở thành", "được sinh ra".

Trong các pháp ngoài Nípbàn và Chế định, không có danh sắc nào thường hằng, bất biến.

Tất cả danh sắc đều vô thường do chúng có khả năng bị biến hoại.

Tại sao? Vì khi vào một kiếp sống, chúng có mối quan hệ với một số nhân và các nhân của chúng thì cũng vô thường.

Có câu hỏi. *Nibbāna* và *chế định* không phải là những pháp năng duyên (*paccaya-dhamma)* sao? Nípbàn và Chế định thường hằng và bất biến, vì sao sở duyên không thường hằng bất biến?

Đáp. Đúng vậy, tuy Nípbàn và Chế định là pháp năng duyên, là thường hằng, nhưng Nípbàn và chế định không phải là nhân duy nhất làm sinh khởi danh sắc.

Danh sắc được sinh khởi bởi nhiều nhân, nhân của chúng lại không thường hằng, nên chúng cũng không thường hằng.

Ví dụ như Nípbàn là cảnh, sẽ làm sinh khởi tâm Đạo, ngoài ra tâm đạo còn có nhân sinh khác là các tâm sở, sắc ý vật.

Tâm sở và sắc ý vật không thường hằng, d0 đó tâm Đạo hay tâm Quả Siêu thế cũng không thường hằng.

Ví như một vật được đặt trên 3 cây chụm lại, trong đó có một cây lớn nhất được cấm sâu vào đất vững vàng (ví như Nípbàn), 2 cây kia gá hờ.

Khi 2 cây gá hờ rơi xuống, vật đặt trên đó (ví như danh sắc) cũng rơi xuống.

Những pháp mà không thường hằng thì luôn có ***khổ***.

Tức là có ***khổ khổ*** (dukkha-dukkhatā)***, hành khổ*** (saṅkhāra-dukkhatā) và ***hoại khổ*** (vipariṇāma-dukkhatā).

Tất cả các pháp đều vô thường và tan rã trong từng mỗi oai nghi [209] , thậm chí trong từng sátna.

Như vậy, làm sao mà có tự ngã hay có một "thực thể thường hằng" trong chúng sinh qua các cuộc sống.

Tóm lại, khi trình bày về 24 mối liên hệ, Đức Phật chỉ ra thực tế:

- "Tất cả pháp hữu vi trở thành hay tồn tại là nhờ các nhân – duyên, không phải nhờ vào sự mong muốn hay ra lệnh của chúng sinh".

- "Tất cả các pháp do nhân - duyên, không có pháp nào có từ một vài nhân; chúng thật sự sinh lên do nhiều nhân".

Và duyên hệ là nói lên đỉnh cao tột của pháp vô ngã.

D - Duyên hệ với danh sắc.

Các duyên đối với danh sắc.

Các duyên hỗ trợ cho danh sắc theo quy luật duyên hệ (gọi là paṭṭhānanaya).

a- Danh trợ danh.

Danh ở đây chỉ cho tâm và tâm sở. Cả năng duyên lẫn sở duyên đều là tâm và tâm sở.

Có 7 duyên, theo hai mô thức:

* *Theo cách không gián đoạn.*

Theo mô thức này có sáu duyên là:

1'- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

2'- Đẳng vô gián duyên (samanantarapaccaya).

3- Vô gián cận y duyên (anantarūpanissayapaccaya)

4’- Tập hành duyên (āsevanapaccayo).

5’- Vô hữu duyên (natthipaccayo).

6’- Ly duyên (vigatapaccayo).

***** *Theo cách hòa hợp.* Có một duyên là:

7- Tương ưng duyên (samyuttapaccayo).

b- ***Danh trợ danh - sắc***.

Năng duyên: Tâm và tâm sở.

Sở duyên: Tâm và tâm sở + sắc pháp.

Có 8 hay 9 duyên:

1’- Nhân duyên (hetupaccayo).

2’- Trưởng đồng sinh duyên (sahajātādhipatipaccaya).

3’- Nghiệp duyên (kammapaccaya).

Trong nghiệp duyên có hai loại:

* Nghiệp đồng sinh duyên (sahajātakammapaccaya)

* Nghiệp dị thời duyên (nānakkhaṇakammapaccaya).

4’- Quả duyên (vipākapaccaya).

5’- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)

6’- Quyền đồng sinh duyên (sahajātindriyapaccaya).

7’- Thiền duyên (jhābapaccayo).

8’- Đạo duyên (maggapaccayo).

c- ***Danh trợ cho sắc***.

Năng duyên: Tâm và tâm sở.

Sở duyên: Sắc pháp.

Có 4 duyên:

1’- Sinh hậu duyên (pacchājātapaccayo).

2’-Sinh hậu bất tương ưng duyên (pacchājātavippayuttapaccaya).

3’- Sinh hậu hiện hữu duyên (pacchājātatthipaccaya).

4- Sinh hậu bất ly duyên (pacchājātāvigatapaccaya).

d- Sắc trợ cho danh.

Năng duyên: Sắc pháp.

Sở duyên: Tâm và tâm sở.

Trong mô thức này nếu tính hẹp thì có 1 duyên là: Sinh tiền duyên (purejātapaccayo). Nếu tính rộng có 11 duyên:

1'- Vật sinh tiền y duyên (vatthupurejātanissayapaccaya) .

2'- Vật cảnh sinh tiền y duyên (vatthārammaṇapurejātanissayapaccay) .

3'-Vật sinh tiền duyên (vatthupurejātapaccaya).

4'-Cảnh sinh tiền duyên (ārammaṇapurejātapaccaya).

5'-Quyền sinh tiền duyên (indriyapurejātapaccaya).

6'-Vật sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthupurejātavippayuttapaccaya).

7'- Vật cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên (vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya).

8'- Vật sinh tiền hiện hữu duyên (vatthupurejātātthipaccaya).

9'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên (ārammaṇapurejātāvigatapaccaya)

10'- Vật sinh tiền bất ly duyên (vatthupurejātāvigatapaccaya).

11- Cảnh sinh tiền bất ly duyên āarammaṇapurejātāvigatapaccaya).

e- Sắc trợ cho danh sắc.

Năng duyên: Sắc pháp.

Sở duyên: Tâm và tâm sở + sắc pháp. Không có duyên nào.

f- Danh sắc trợ cho danh.

Năng duyên: Tâm và tâm sở + sắc pháp.

Sở duyên: Tâm và tâm sở.

Có 2 duyên:

1'- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya).

2'- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya).

g- Danh sắc trợ cho sắc.

Không có duyên nào.

h- Danh sắc trợ cho danh sắc.

Cả năng lẩn sở đều là danh - sắc.

Có 9 duyên là:

1'- Trưởng duyên (adhipatipaccayo).

2'- Đồng sinh duyên (sahājātapaccayo).

3' - Hổ tương duyên (aññamaññapaccayo).

4'- Y duyên (nissayapaccayo).

5’- Vật thực duyên (āhārapaccayo).

Vật thực duyên có hai loại là:

* Sắc vật thực duyên. Là sắc trợ cho sắc.

* Danh vật thực duyên. Là danh trợ cho danh.

Khi phân tích duyên thì như vậy, nhưng nếu gom làm một thì đó là mô thức “danh sắc trợ cho danh sắc”.

6’- Quyền duyên (indriyapaccayo).

7’-Bất tương ưng duyên (vippayuttapaccayo).

8’- Hiện hữu duyên (gatapaccayo).

9’- Bất ly duyên (atthipaccayo).

i- Chế định và danh sắc trợ cho danh.

Năng duyên: Chế định (paññatti), tâm và tâm sở + sắc pháp.

Sở duyên: Tâm và tâm sở.

Có hai duyên là:

1’- Cảnh duyên (ārammaṇapaccayo),

2”- Thường cận y duyên (pakatūpanissayapaccaya).

k- Chế định và danh sắc trợ cho sắc.

Không có duyên nào.

Có kệ Pāli như sau:

“Chadhā nāmantu nāmassa; pañcadhā nāmarūpīnaṃ.

Ekadhā puna rūpassa; rūpaṃ nāmassa cekadā.

Paññatti nāmarūpāni; nāmassa duvidhā dvayaṃ.

Dvayassa navadhā ceti; chabhidhā paccayā kathaṃ

“DANH phò DANh đặng sáu thiên;

DANH phò DANH SẮC Phật truyền có năm.

DANH phò SẮC một chớ lầm.

SẮC phò DANH một nghĩa nhằm kệ trên.

CHẾ ĐỊNH cùng với SẮC tên

Trợ cho DANH pháp đặng nên hai phần.

DANH SẮC đồng trợ chín nhân.

Giúp nhau tính cả gồm phân sáu miền.

(Đại Trưởng lão Tịnh Sự dịch).

E- Mãnh lực của 24 duyên hệ.

Duyên hệ có 3 mãnh lực: Mãnh lực trợ sinh, mãnh lực ủng hộ, mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

* ***Mãnh lực trợ sinh***. Là pháp sở duyên được sinh ra từ pháp năng duyên.

Có 8 duyên trợ sinh là: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Nghiệp biệt thời duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên và Ly duyên.

* ***Mãnh lực ủng hộ***. Là pháp sở duyên vững mạnh nhờ pháp năng duyên.

Có 4 duyên ủng hộ là: Sainh hậu duyên, Sinh hậu bất tương ưng duyên, Sinh hậu hiện hữu duyên và Sinh hậu bất ly duyên.

* ***Mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.*** Là pháp sở duyên được sinh ra và vững mạnh nhờ pháp năng duyên.

Ngoài 12 duyên vừa kể trên, tất cả những duyên còn lại đều có mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

F - Danh sắc liên kết với duyên hệ

(Paccaya ghaṭanānaya).

Danh sắc được gọi là pháp "hữu duyên (sappaccaya)", pháp "được trợ sinh (saṅkhatā)" và pháp "liên quan tương sinh (paṭiccasamuppannā)".

Danh sắc khi sinh lên và an trụ, tất cả đều có thể trở thành năng duyên (paccaya) trong 24 hay 47 duyên hệ.

I- Danh pháp.

Danh pháp ở đây chỉ cho 121 tâm và 52 tâm sở.

1 -Tâm (citta).

Tâm được chia thành 7 dhātu (giới) là:

* Nhãn thức giới: Hai tâm Nhãn thức.

* Nhĩ thức giới: Hai tâm Nhĩ thức.

* Tỷ thức giới: Hai tâm Tỷ thức.

* Thiệt thức giới: Hai tâm Thiệt thức.

* Thân thức giới: Hai tâm Thân thức.

Năm giới này được gọi chung là "năm giới thức của giác quan".

* Ý giới: Là tâm Hướng ngũ môn và 2 tâm Tiếp thâu.

* Ý thức giới: Bao gồm những tâm còn lại (108 tâm).

2 - Tâm sở (cetasika).

Tâm sở được chia thành bốn nhóm là:

* Bảy tâm sở Biến hành

* Sáu tâm sở Biệt cảnh

* Tâm sở Bất thiện: có 14 tâm sở.

* Tâm sở Tịnh hảo (sobhana), có 25 tâm sở.

Có những tâm sở là năng duyên, có tâm sở không là năng duyên.

a- Tâm là năng duyên.

Trong 24 duyên hệ, ***tâm*** là "năng duyên" với 16 duyên thường có với tất cả các danh pháp là:

1- Cảnh duyên (ārammaṇa paccaya).

2- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

3- Đẳng vô gián duyên (samanantarapaccaya).

4- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya).

5- Hổ tương duyên (aññamaññapaccaya),

6- Y duyên (nissayapaccaya).

7- Cận y duyên (upanissayapaccaya).

8- Vật thực duyên (āhārapaccaya).

9- Quyền duyên (indriyapaccaya).

10- Tương ưng duyên (sampayutta).

11- Hiện hữu duyên (atthipaccaya).

12- Vô hữu duyên (natthipaccaya).

13- Ly duyên (vigatapaccaya).

14- Bất ly duyên (avigatapaccaya).

Vì sao có 15 duyên này? Vì:

- Không có tâm hay tâm sở nào sanh lên mà không có ***"cảnh*** (*ārammaṇa*)" là nhân trợ sinh.

Trong khi đó, tâm có thể thành cảnh cho tâm khác biết. Như trường hợp vị có Tha tâm thông chẳng hạn, hoặc như hành giả hành pháp tứ niệm xứ "niệm tâm trong tâm"…

- Các tâm và tâm sở diệt rồi sinh nối tiếp nhau, không có gián đoạn nên có "Vô gián duyên", "Đẳng vô gián duyên".

- Tâm và tâm sở cùng sinh cùng diệt, nên là "Đồng sinh duyên"…

Tương tự như vậy với các mối *liên hệ*[210] nhân quả các duyên còn lại, như Tương ưng duyên ….

Riêng Sinh hậu duyên chỉ có cho một số tâm (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới và tâm tái tục) …

Một số tâm chỉ liên hệ với 7 duyên, đó là:

1- *Nhân duyên* (hetupaccya) chỉ có với tâm hữu nhân.

2- *Trưởng duyên* (adhipatipaccaya) chỉ có với các tâm đổng lực (javanacitta).

3- *Tập hành duyên* (āsevanapaccaya) chỉ có với tâm đổng lực thiện, bất thiện và Duy tác.

4- *Quả duyên* (vipākapaccaya) chỉ có với những tâm quả.

- *Thiền duyên* (jhānapaccaya) chỉ có với những tâm hữu nhân có sức mạnh.

- *Đạo duyên* (magga) chỉ có với những tâm hữu nhân.

- *Bất tương ưng duyên* (vippayuttapaccaya) không có với những tâm Vô sắc giới.

* Tâm không là năng duyên của Sinh tiền duyên (purejātapaccaya) và Nghiệp duyên (kammapaccaya).

2- Tâm sở là năng duyên (paccaya).

a- Các tâm sở Biến hành.

* *Bảy tâm sở Biến hành* là: Xúc (phassa), thọ (vedanā), tưởng (saññā), tư (cetanā), nhất hành (ekaggatā), mạng quyền (jīvitindriya) và tác ý (manasikāra).

- *Xúc* là năng duyên trong Vật thực danh duyên (nāmāhārapaccaya).

- *Thọ* là năng duyên trong Quyền duyên (indriyapaccaya) và Thiền duyên (jhānapaccaya).

- *Tư* là năng duyên trong Nghiệp duyên (kammapaccaya) và Danh vật thực duyên.

- *Nhất hành* là năng duyên trong Quyền duyên (indriyapaccaya), Thiền duyên (jhānapaccaya) và Đạo duyên (maggapaccaya).

- *Mạng quyền* là năng duyên trong Quyền duyên (indriyapaccaya).

Hai tâm sở *tưởng* và *tác ý* không là năng duyên của duyên nào cả.

b- Tâm sở Biệt cảnh (pakiṇṇaka).

Có sáu tâm sở Biệt cảnh (pakiṇṇaka) là: *Tầm* (vitakka), *tứ* (vicāra), *thắng giải* (adhimokkha), *cần* (vīriya), *hỷ* (pīti), *dục* (chanda).

- *Tầm* là năng duyên trong Thiền duyên, và Đạo duyên.

- *Tứ* là năng duyên trong Thiền duyên.

- *Cần* là năng duyên trong Trưởng duyên, Quyền duyên và Đạo duyên.

- *Hỷ* là năng duyên trong Thiền duyên.

- *Dục* là năng duyên trong Trưởng duyên.

- *Thắng giải* không là năng duyên của duyên nào.

c- *Tâm sở Bất thiện.*

Có 14 tâm sở bất thiện là:

- Bốn tâm sở Si phần: Si (moha), vô tàm (ahirika), vô quý (anottappa), phóng dật (uddhacca).

- Ba tâm sở Tham phần: Tham (lobha), tà kiến (micchādiṭṭhi), ngã mạn (māna).

- Bốn tâm sở Sân phần: Sân (dosa), tật (issā), lận (macchāriya), hối (kukuccha).

- Hai tâm sở Hôn phần: Hôn trầm (ṭhīna), thụy miên (middha).

- Tâm sở Hoài nghi.

Trong đó:

- Tâm sở Tham, Sân, Si là năng duyên của Nhân duyên.

- Tà kiến là năng duyên của Đạo duyên.

Mười tâm sở còn lại, không là năng duyên của duyên nào.

d- Tâm sở tịnh hảo

Có 25 tâm sở Tịnh hảo (sobhana), trong đó:

- Ba tâm sở: *Vô tham, Vô sân, Vô si* là năng duyên của Nhân duyên.

- *Tín, niệm* là năng duyên của Quyền duyên.

- *Trí* với tên sammādiṭṭhi (chánh kiến) và Giới phần; là năng duyên của Đạo duyên.

- *Trí* xuất hiện với tên là vimaṃsa (xem xét kỷ - thẩm sát), là năng duyên của Trưởng duyên.

- *Niệm* là năng duyên của Đạo duyên.

Mười bảy tâm sở còn lại không là năng duyên của duyên nào.

G -Duyên hệ trong các tâm.

Trước tiên là 18 tâm Vô nhân.

1- Năm đôi thức.

*- *Tâm Nhãn thức* hợp với bảy tâm sở Biến hành, thành danh pháp nhóm 8 (nhóm danh pháp cơ bản).

Trong tâm Nhãn thức có nhiều duyên phối hợp lẫn nhau.

Trước tiên có Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya).

- *Tâm* liên hệ với các tâm sở bằng Vật thực duyên và Quyền duyên.

- *Xúc* liên hệ với bảy danh pháp bằng Vật thực duyên.

- *Thọ* liên hệ với bảy danh pháp bằng Quyền duyên.

- *Tư* liên hệ với 7 danh pháp bằng Nghiệp duyên và Vật thực duyên.

- *Nhất hành* liên hệ với 7 danh pháp bằng Quyền duyên (tuy nhất hành là chi thiền, nhưng trong "năm đôi thức" không có Thiền duyên).

- *Mạng quyền* liên hệ với 7 danh pháp bằng Quyền duyên.

Tâm Nhãn thức sinh lên do có nhân là: sắc "thần kinh Nhãn (cakkhupasādarūpa), sắc "cảnh sắc"[211] nên:

- *Thần kinh Nhãn* liên hệ với tám danh pháp này theo 6 duyên của Vật sinh tiền duyên (vatthupurejātapaccaya).

- *Các cảnh sắc hiện tại* lọt vào thần kinh Nhãn, có mối liên hệ với tám danh pháp này theo bốn loại Cảnh sinh tiền duyên (ārammaṇapurejātapaccaya).

Tâm Hướng ngũ môn tại sátna diệt trước khi Nhãn thức sinh lên, liên hệ với 8 pháp này bằng 5 loại Vô gián duyên (anatarapaccaya).[212]

Các nghiệp thiện và bất thiện đã làm trong các kiếp trước có mối liên hệ nhân quả với tám danh pháp quả thiện và quả bất thiện[213] một cách tương ứng theo Nghiệp dị thời duyên (nānākkhaṇakammapaccaya).

Vô minh (avijjā), *ái* (taṇhā) và *thủ* (upādāna) cùng hoạt động với nghiệp (*kamma*) trong kiếp trước, cùng với chỗ ngụ, con người, các lý do, vật thực… của kiếp sống này, đã có mối liên hệ nhân quả với tám danh pháp này theo *Thường cận y duyên* (pakatūpanissayapaccaya).

Sáu duyên là: Nhân duyên, Trưởng duyên, Cận y duyên, Sinh hậu duyên, Tập hành duyên, Thiền duyên, Đạo duyên không có trong loại tâm này.

Như vậy, tâm Nhãn thức liên hệ được với 18 duyên[214] , không liên hệ với 6 duyên.

(Chỉ một tâm đơn giản sinh lên mà có bấy nhiêu duyên hội tụ như thế, thì thật là …)

Tương tự như vậy với các tâm Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức và Thân thức.

2- Tâm vô nhân (ahetukacitta) còn lại.

Ngoại trừ "năm đôi thức", những tâm vô nhân còn lại là: Tâm Hướng ngũ môn, tâm Hướng ý môn, 2 tâm Tiếp thu, 3 tâm Quan sát, tâm Sinh tiếu.

a- Tâm Hướng ngũ môn.

Hợp với 1o tâm sở là: 7 tâm sở Biến hành + Tầm (vitakka) + Tứ (vicāra) + Thắng giải (adhimokkha), tạo thành nhóm 11 danh pháp[215].

Trong nhóm 11 danh pháp Hướng ngũ môn, ngoại trừ 7 tâm sở Biến hành có liên hệ với các duyên như "một trong 5 đôi thức" đã giải ở trên, còn lại:

- *Tầm, Tứ, Nhất hành* có liên hệ với Thiền duyên (jhānapaccaya)".

Tâm Hướng ngũ môn có nhân sinh là: Cảnh ngũ, sắc Ý vật, nên duyên liên hệ tương tự như tâm Nhãn thức.

-*Tâm Hướng ngũ môn* không có mối liên hệ với Quả duyên và Cận y duyên (upanissayapaccaya).

Như vậy, tâm Hướng ngũ môn có liên hệ với 18 duyên (lấy 18 duyên cơ bản trừ Quả duyên, thêm vào Thiền duyên), không liên hệ với 6 duyên.

b - Hai tâm Tiếp thâu và 2 tâm Quan sát xả thọ: Lấy 18 duyên cơ bản thêm vào Thiền duyên thành ra 19 duyên, không liên hệ với 5 duyên.

c- ***Tâm Quan sát thọ hỷ*** có thêm tâm sở Hỷ (pīticetasika), thành nhóm 12 danh pháp.

Tuy có thêm tâm sở Hỷ, chi *hỷ* chỉ liên hệ với Thiền duyên, nên tâm Quan sát thọ hỷ có liên hệ 19 duyên, không liên hệ 5 duyên.

(Ba tâm Quan sát có mối liên hệ và không liên hệ với các duyên giống nhau).

d- Tâm Hướng ý môn có thêm tâm sở Cần, nên thành nhóm 12 danh pháp.

Tuy có tâm sở Cần, nhưng trong tâm Hướng ý môn, tâm sở Cần chỉ liên hệ đến Quyền duyên, không liên hệ với Trưởng duyên và Đạo duyên.

Như vậy, tâm Hướng ý môn có liên hệ với 18 duyên, không liên hệ với 6 duyên như tâm Hướng ngũ môn.

e- Tâm Sinh tiếu. Là nhóm 13 danh pháp (gồm 12 tâm sở Tợ tha (trừ tâm sở Dục) + tâm Sinh tiếu).

Tâm Sinh tiếu là loại tâm Đổng lực, nên có liên hệ với Tập hành duyên (āsevanāpaccaya).

Như vậy, tâm Sinh tiếu liên hệ với 19 duyên, không liên hệ với 5 duyên.

3- Tâm bất thiện.

a- Hai tâm Si.

Hai tâm Si có 15 tâm sở phối hợp, thành nhóm 16 danh pháp.

****- Tâm Si hợp phóng dật***.

Trong tâm này có: Si thuộc về Nhân duyên; Tầm và Cần thuộc về Đạo duyên; tâm sở Nhất hành do ảnh hưởng của tâm sở Phóng dật quá mạnh nên không thuộc về Quyền duyên, Đạo duyên và Thiền duyên.

Tâm Si hợp phóng dật không có liên hệ với Trưởng duyên, Sinh tiền duyên và Quả duyên.

Như vậy, tâm Si hợp phóng dật liên hệ được 19 duyên, không liên hệ 5 duyên.

* ***Tâm Si hợp hoài nghi***.

Trong tâm này, tâm sở Nhất hành là Quyền duyên, Thiền duyên và Đạo duyên.

Tâm Si hợp hoài nghi không có Trưởng duyên, Sinh tiền duyên và Quả duyên.

Như vậy chúng liên hệ được 21 duyên, không liên hệ 3 duyên.

b- Tám tâm Tham.

Có 22 tâm sở hợp trong tám tâm Tham.

- *Tham* và *Si* là năng duyên của Nhân duyên.

- *Tâm Tham, Dục, Cần* là năng duyên của Trưởng duyên.

Cảnh trưởng duyên cũng có ở đây.

- *Tư* là năng duyên của Nghiệp duyên.

- *Tâm Tham, Xúc, Tư* là năng duyên của Vật thực duyên.

- *Tâm Tham, Thọ, Nhất hành, Mạng quyền* và *Cần* là năng duyên của Quyền duyên.

- *Tầm (vitakka), Tứ, Hỷ,(thọ) Lạc* và *Định* là năng duyên của Thiền duyên.

- *Tầm (vitakka), Định, Tà kiến và Cần* là năng duyên của Đạo duyên.

Không có Sinh tiền duyên và Quả duyên.

Như vậy, tâm Tham chỉ liên hệ 22 duyên, không liên hệ với 2 duyên.

c - Hai tâm Sân.

Tương tự như 8 tâm Tham, chỉ khác là tâm sở *Sân* thay thế tâm sở *tham* năng duyên của Nhân duyên.

Trong tâm sân có thọ ưu, được kể là năng duyên của Thiền duyên.

4- Tâm Tịnh hảo.

Tâm Tịnh hảo là những tâm tốt đẹp, được phân theo giới vức như sau:

a- Tâm Dục giới tịnh hảo. Có 24 tâm là:

**- Tám tâm thiện Dục giới.*

Có 38 tâm sở phối hợp với tám tâm thiện này. Trong đó:

- Ba nhân thiện: *Vô tham, vô sân, vô si* là năng duyên của Nhân duyên.

- Tám danh pháp: *Tâm (citta), thọ, định (ekaggatā), mạng quyền (jīvita), tín, niệm, cần (vīriya) và trí* là năng duyên của Quyền duyên.

- *Dục, cần , tâm (citta), trí* là năng duyên của Trưởng duyên.

- *Tư (cetanā)* là năng duyên của Nghiệp duyên.

- *Tâm (citta), xúc, tư* là năng duyên của Vật thực duyên.

- *Tầm (vitakka), tứ (vicāra), thọ, hỷ, định* là năng duyên của Thiền duyên.

- *Tầm (vitakka), trí, Giới phần, niệm, định, cần* là năng duyên của Đạo duyên.

Tâm thiện không có Quả duyên và Sinh tiền duyên.

Như vậy, tâm thiện Dục giới liên hệ với 22 duyên, không liên hệ 2 duyên.

-*Tám tâm quả Dục giới.*

Trong tâm quả Dục giới, không có Giới phần và Vô lượng phần.

Trong tâm quả không có Trưởng duyên, Sinh tiền duyên, Sinh hậu duyên và Tập hành duyên, nhưng có thêm Quả duyên.

Như vậy, tâm quả Dục giới liên hệ với 20 duyên, không liên hệ với 3 duyên.

* *Tâm Duy tác Dục giới*.

Đây là loại tâm có trong đời sống thường ngày của vị Thánh Alahán, cấu trúc như tâm thiện Dục giới, chỉ khác là đặc tính vô ký mà thôi.

Tâm Duy tác có liên hệ với 22 duyên, không liên hệ 2 duyên như tâm thiện Dục giới.

b - Tâm Sắc giới. *Có 15 tâm.*

Có 35 tâm sở hợp với 15 tâm Sắc giới là 38 tâm sở[216] trừ đi Giới phần (nói chung).

Như tâm thiện Dục giới, tâm thiện Sắc giới và tâm Duy tác sắc giới liên hệ với 22 duyên, không liên hệ với 2 duyên là Sinh tiền duyên và Quả duyên.

Tâm quả Sắc giới liên hệ với 21 duyên trừ Trưởng duyên, Sinh tiền duyên và Tập hành duyên.

c - Tâm Vô sắc giới. Có 12 tâm.

Có 30[217] tâm sở hợp với 12 tâm Vô sắc giới.

Tâm thiện Vô sắc giới và tâm *Duy tác vô sắc giới* liên hệ với 22 duyên, không liên hệ với Sinh tiền duyên và Quả duyên.

Tâm quả Vô sắc giới liên hệ với 20 duyên, không liên hệ với 4 duyên: Sinh tiền duyên, Trưởng duyên, Tập hành duyên và Sinh hậu duyên.

d - Tâm Siêu thế: Có 40 tâm. Là 20 tâm Đạo và 20 tâm quả Siêu thế.

Có 38 tâm sở hợp với 40 tâm Siêu thế.

Tâm Đạo không liên hệ với Sinh tiền duyên, Quả duyên và Tập hành duyên. Nên liên hệ với 21 duyên, không liên hệ vớ 3 duyên.

Tâm quả Siêu thế không liên hệ với Tập hành duyên, Sinh tiền duyên. Nên liên hệ với 22 duyên, không liên hệ với 2 duyên.

Có câu hỏi: Các tâm thiện Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều liên hệ với 22 duyên; vì sao các tâm thiện Sắc giới cao hơn tâm thiện Dục giới, tâm thiện Vô sắc giới lại cao hơn tâm thiện Sắc giới?

Tâm Đạo chỉ liên hệ với 21 duyên, vì sao được gọi là tâm Siêu thế?.

Đáp. Vì mãnh lực của Tập hành duyên (āsevanāpaccaya).

Những tâm thiền được thành tựu do thiền tướng và Tập hành duyên.

Khi thiền tướng được nâng cao bởi Tập hành duyên thì tâm đó được nâng cao.

Tương tự như vậy với tâm Đạo, tâm Đạo được thành tựu từ thiền tướng *Vô tướng* hoặc *vô nguyện* hoặc *không tánh*[218] cùng với sức mạnh của Tập hành duyên.

Thiền tướng này cùng với sức mạnh cực điểm của Tập hành duyên, nên các Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên trở nên cao tột.

Khi những duyên này trở thành cao nhất thì tâm đó cũng trở nên cao nhất và trở thành Siêu thế.

II - Sắc pháp.

Trong 28 sắc pháp:

- **Sắc Tứ đại** (đất, lửa, gió, nước), là năng duyên của năm duyên:

Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Y duyên, Vô hữu duyên và *Bất ly duyên*.

- ***Sắc mạng quyền*** (jīvitindriyarūpa), là năng duyên của sắc nghiệp tạo (kammajarūpa), theo cách *Quyền duyên* (indiyapaccaya).

- ***Sắc vật thực*** (āhāra), là năng duyên của các sắc vật thực tạo (āhārajarūpa), theo cách Vật thực duyên (āhārapaccaya).

Có 13 sắc là: 5 sắc thần kinh, 7 sắc cảnh và sắc Ý vật, có liên hệ với danh pháp theo một số duyên riêng.

* ***Năm sắc thần kinh***.

Liên hệ với "năm đôi thức" như mẹ với con, theo 3 cách *Sinh tiền* là: *Vật sinh tiền duyên, Quyền sinh tiền duyên* và *Vật sinh tiền bất tương ưng duyên*.

* ***Bảy sắc cảnh***.

Liên hệ với Ý giới, năm đôi thức và 3 tâm Quan sát như người cha đối với con, bằng *Cảnh sinh tiền duyên* .

* ***Sắc ý vật.***

Như cây có mối quan hệ với vị thọ thần ngụ tại đó.

Sắc Ý vật có mối liên hệ với 2 tâm Quan sát thọ xả theo cách *Đồng sinh y duyên* (sahajātanissaya) vào thời điểm Tục sinh.

Trong thời bình nhật thì liên hệ với danh pháp bằng *Vật sinh tiền duyên, Vật sinh tiền bất tương ưng duyên*.

Các sắc còn lại không là năng duyên cho bất cứ duyên nào.

H- Duyên phân theo cõi.

Có bốn duyên luôn hiện diện trong ba cõi Dục, Sắc, và Vô sắc giới là:

- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya).
- Y duyên (nissayapaccaya).
- Hiện hữu duyên (atthipaccaya).
-Bất ly duyên (avigatapaccaya).

a - Cõi năm uẩn.

Có đủ 24 hoặc 47 duyên.

b - Cõi bốn uẩn.

Có 21 hoặc 25 duyên:

1'- Nhân duyên (hetupaccaya).

2'- Cảnh duyên (ārammaṇapaccaya).

3'- Trưởng duyên (adhipatipaccaya).

Trưởng duyên được phân tích thành 2 duyên: Cảnh trưởng duyên, Trưởng đồng sinh duyên.

4'- Vô gián duyên (anantarapaccaya).

5'- Đẳng vô gián duyên (samantarapaccaya).

6'- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya).

7'-Hổ tương duyên (aññamaññapaccaya).

8'- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya).

9'- Cận y duyên (upanissayapaccaya).

Cận y duyên được phân tích thành 3 duyên : Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên và Thường cận y duyên).

10'- Tập hành duyên (āsevanāpaccaya).

11'- Nghiệp duyên (kammapaccaya).

Nghiệp duyên được phân tích thành 2 duyên: Nghiệp đồng sinh duyên, Nghiệp biệt thời duyên.

12'- Quả duyên (vipākapaccaya).

13'- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya).

14'- Quyền đồng sinh duyên (sahajātindriyapaccaya).

15'- Thiền duyên (jhānapaccaya).

16- Đạo duyên (maggapaccaya),

17’- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya).

18’- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātātthipaccaya).

19’- Vô hữu duyên (natthipaccaya).

20’- Ly duyên (vigatapaccaya).

21’- Đồng sinh bất ly duyên (sahajātāvigatapaccaya).

c- Cõi một uẩn.

Có 7 duyên.

1’- Đồng sinh duyên.

2’- Hổ tương duyên.

3’-Đồng sinh y duyên.

4’- Nghiệp biệt thời duyên.

5’-Sắc quyền duyên.

6- Quyền hiện hữu duyên.

7- Quyền bất ly duyên.

d- Với vật vô mạng quyền.

Là chỉ cho sông, núi, cây cỏ, đất đá… Có 5 duyên.

1’- Đồng sinh duyên.

2’- Hổ tương duyên.

3’- Đồng sinh y duyên.

4’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

5- Đồng sinh bất ly duyên.

2- Duyên phân theo thời (kāla).

a- Thời hiện tại.

Có 17 hoặc 36 duyên.

1’- Nhân duyên.

2’-Trưởng đồng sinh duyên.

3’- Trưởng duyên.

4’- Hổ tương duyên.

5’- Y duyên (đồng sinh y duyên, Vật sinh tiền y duyên, cảnh vật sinh tiền y duyên).

6’- Sinh tiền duyên (Vật sinh tiền duyên, cảnh sinh tiền).

7’- Sanh hậu duyên.

8’- Nghiệp đồng sinh duyên.

9’- Quả duyên.

10’- Vật thực duyên (Vật thực sắc, vật thực danh).

11’- Quyền duyên (Quyền đồng sinh duyên, Quyền sinh tiền duyên, và sắc Mạng quyền duyên).

12’- Thiền duyên.

13’- Đạo duyên.

14’- Tương ưng duyên.

15’- Bất tương ưng duyên (Đồng sinh duyên, Vật sinh tiền duyên, Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên, Sinh hậu duyên).

16’- Hiện hữu duyên (Đồng sinh hiện hữu duyên, Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên, Vật sinh tiền hiện hữu duyên, Sinh hậu hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Quyền hiện hữu duyên).

17’- Bất ly duyên (Đồng sinh bất ly duyên, Cảnh sinh tiền bất ly duyên, Vật sinh tiền bất ly duyên, Sinh hậu bất ly duyên, Vật thực bất ly duyên, Quyền bất ly duyên).

b- *Thời quá khứ và vị lai*.

Có hai duyên:

1’- Cảnh trưởng duyên.

2’- Cảnh cận y duyên.

c- *Thời quá khứ, vị lai và ngoại thời*.

Có hai duyên:

1’- Cảnh duyên.

2’- Trưởng cận y duyên.

I- Duyên phân theo hợp trợ *(ghaṭanā).*

Gọi là “hợp trợ” vì “cùng giống”, đồng thời có chi pháp năng duyên trùng nhau. Xin minh họa bằng “Nhân duyên” như sau:

Nhân duyên. Thuộc giống đồng sinh, có chi pháp năng duyên là “6 nhân tương ưng”.

1’- Trưởng đồng sinh duyên. Có chi pháp năng duyên trùng là “tâm sở Trí”.

2’- Đồng sinh duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

3’- Hổ tương duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

4’- Đồng sinh y duyên. Có chi pháp năng duyên là “tất cả danh pháp”.

5'- Quả duyên. Có chi pháp năng duyên trùng là "3 nhân : Vô tham, vô sân và trí trong tâm quả".

6'- Quyền đồng sinh duyên. Có chi pháp trùng là "tâm sở Trí".

7'- Đạo duyên. Có chi pháp trùng là "tâm sở Trí".

8'- Tương ưng duyên. Có chi pháp năng duyên là "tất cả danh pháp".

9'- Đồng sinh bất tương ưng duyên. Như trên

10'- Đồng sinh hiện hữu duyên. Như trên.

11'- Đồng sinh bất ly duyên. Như trên.

Đồng sinh nghiệp duyên (sahajātakammapaccaya). Có chi pháp năng duyên là "tâm sở Tư".

Danh vật thực duyên (nāmāharapaccaya). Có chi pháp năng duyên là "tâm sở Xúc, tâm sở Tư và tâm".

Hai duyên này không có chi pháp năng duyên trùng với chi pháp năng duyên của "Nhân duyên", nên chúng không hợp trợ với *Nhân duyên*.

Như vậy Nhân duyên có 11 duyên hợp trợ (Học viên tìm lấy những duyên hợp trợ các duyên sau).

b- Cảnh duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh trưởng duyên.

2'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

3'- Cảnh cận y duyên.

4'- Cảnh sinh tiền duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

c - *Cảnh trưởng duyên.*

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh duyên.

2'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

3'- Cảnh cận y duyên.

4'- Cảnh sinh tiền duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất hợp duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7’- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

d - Trưởng đồng sinh duyên.

Có 12 duyên hợp trợ:

1’- Nhân duyên.

2’- Đồng sinh duyên.

3’- Hổ tương duyên.

4’- Đồng sinh y duyên.

5’- Quả duyên.

6’- Vật thực danh duyên.

7’- Quyền đồng sinh duyên.

8’- Đạo duyên.

9’- Tương ưng duyên.

10’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

11’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

12’- Đồng sinh bất ly duyên.

e - *Vô gián duyên*.

Có 6 duyên hợp trợ:

1’- Đẳng vô gián duyên.

2’- Vô gián cận y duyên.

3’- Tập hành duyên.

4’- Nghiệp biệt thời duyên.

5’- Vô hữu duyên.

6’- Ly duyên.

f- *Đồng sinh duyên*.

Có 7 duyên hợp trợ:

1’- Hổ tương duyên.

2’- Đồng sinh y duyên.

3’- Quả duyên.

4’- Tương ưng duyên

5’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

6’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

7’- Đồng sinh bất ly duyên.

g- ***Hổ tương duyên***.

Có 7 duyên hợp trợ:

1’- Đồng sinh duyên.

2’- Đồng sinh y duyên.

3’- Quả duyên.

4’- Tương ưng duyên

5’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

6’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

7’- Đồng sinh bất ly duyên.

h- ***Vật sinh tiền y duyên***.

Có 5 duyên hợp trợ:

1’- Cảnh sinh tiền y duyên.

2’- Vật sinh tiền duyên.

3’- Vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

4’- Vật sinh tiền hiện hữu duyên.

5’- Vật sinh tiền bất ly duyên.

j - Cảnh vật sinh tiền y duyên.

Có 8 duyên hợp trợ:

1’- Cảnh duyên.

2’- Cảnh trưởng duyên.

3’- Cảnh cận y duyên.

4’- Cảnh sinh tiền duyên.

5’- Cảnh vật sinh tiền duyên.

6’- Cảnh vật sinh tiền bất hợp duyên.

7’- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

8’- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

k- ***Thường cận y duyên*****.**

Có 1 duyên hợp trợ:

1’- Nghiệp biệt thời duyên.

l- ***Cảnh sinh tiền duyên***.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Cảnh duyên.

2'- Cảnh trưởng duyên.

3'- Cảnh vật sinh tiền y duyên.

4'- Cảnh cận y duyên.

5'- Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

6'- Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên.

7'- Cảnh sinh tiền bất ly duyên.

o - *Sinh hậu duyên*.

Có 3 duyên hợp trợ:

1'- Sinh hậu bất tương duyên.

2'- Sinh hậu hiện hữu duyên.

3'- Sinh hậu bất ly duyên.

m- *Tập hành duyên*.

Có 5 duyên hợp trợ:

1'- Vô gián duyên.

2'- Đẳng vô gián duyên.

3'- Vô gián cận y duyên.

4'- Vô hữu duyên.

5'- Ly duyên.

n- *Nghiệp đồng sinh duyên*.

Có 9 duyên trợ:

1'- Đồng sinh duyên.

2'- Hổ tương duyên.

3'- Đồng sinh y duyên.

4'- Quả duyên.

5'- Vật thực danh duyên.

6'- Tương ưng duyên.

7'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

8'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

9'- Đồng sinh bất ly duyên.

p - Nghiệp biệt thời duyên.

Có 6 duyên:

1'- Vô gián duyên.

2'- Đẳng vô gián duyên.

3'- Vô gián cận y duyên.

4'- Thường cận y duyên

5'- Vô hữu duyên.

6'- Ly duyên.

q - Quả Duyên.

Có 7 duyên hợp trợ:

1'- Đồng sinh duyên.

2'- Hổ tương duyên.

3'- Đồng sinh y duyên.

4'- Tương ưng duyên.

5'- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

6'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

7'- Đồng sinh bất ly duyên.

r - Vật thực sắc duyên.

Có hai duyên hợp trợ:

1'- Vật thực hiện hữu duyên.

2'- Vật thực bất ly duyên.

t- Danh vật thực duyên.

Có 11 duyên hợp trợ.

1'- Trưởng đồng sinh duyên.

2'- Đồng sinh duyên.

3'- Hổ tương duyên.

4'- Đồng sinh y duyên

5'- Nghiệp đồng sinh duyên.

6'- Quả duyên.

7'- Quyền đồng sinh duyên.

8'- Tương ưng duyên.

9’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

10’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

11’- Đồng sinh bất ly duyên.

s- Đồng sinh quyền duyên.

Có 13 duyên hợp trợ:

1’- Nhân duyên.

2’- Trưởng đồng sinh duyên.

3’- Đồng sinh duyên.

4’- Hổ tương duyên.

5’- Đồng sinh y duyên.

6’- Quả duyên.

7’- Vật thực danh duyên.

8’- Thiền duyên.

9’- Đạo duyên.

10’- Tương ưng duyên.

11’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.

12’- Đồng sinh hiện hữu duyên.

13’- Đồng sinh bất ly duyên.

i- Quyền sinh tiền duyên.

Có 5 duyên hợp trợ:

1’- Vật sinh tiền y duyên.

2’- Vật sinh tiền duyên.

3’- Vật sinh tiền bất tương ưng duyên.

4’- Vật sinh tiền hiện hữu duyên.

5’- Vật sinh tiền bất ly duyên.

y - Sắc Mạng quyền duyên.

Có hai duyên hợp trợ:

1’- Quyền hiện hữu duyên.

2’- Quyền bất ly duyên.

u - Thiền duyên.

Có 10 duyên hợp trợ:

1’- Đồng sinh duyên.
2’- Hổ tương duyên.
3’- Đồng sinh y duyên.
4’- Quả duyên.
5’- Quyền đồng sinh duyên.
6’- Đạo duyên.
7’- Tương ưng duyên.
8’- Đồng sinh bất tương ưng duyên.
9’- Đồng sinh hiện hữu duyên.
10’- Đồng sinh bất ly duyên.

w - Đạo duyên.

Có 12 duyên hợp trợ:
1’- Nhân duyên.
2’- Trưởng đồng sinh duyên.
3’- Đồng sinh duyên.
4’- Hổ tương duyên.
5’- Đồng sinh y duyên.
6’- Quả duyên.
7’- Quyền đồng sinh duyên.
8’- Thiền duyên.
9’- Tương ưng duyên.
10’-Đồng sinh bất tương ưng duyên.
11’- Đồng sinh hiện hữu duyên.
12’- Đồng sinh bất ly duyên.

z - *Tương ưng duyên*.

Có 6 duyên hợp trợ:
1- Đồng sinh duyên.
2- Hổ tương duyên.
3- Đồng sinh y duyên.
4- Quả duyên.
5- Đồng sinh hiện hữu duyên.

6- Đồng sinh bất ly duyên.

v'-Đồng sinh bất tương ưng duyên.

Có 6 duyên hợp trợ:

1'- Đồng sinh duyên.

2'- Hổ tương duyên.

3'- Đồng sinh y duyên.

4'- Quả duyên.

5'- Đồng sinh hiện hữu duyên.

6'- Đồng sinh bất ly duyên.

Dứt phần khái lược duyên hệ.

---o0o---

Phần II - *Tam đề thiện với duyên hệ*

Khái lược

Tam đề thiện là một mẫu đề (mātika), trong đó có ba câu là:

- Kusalā dhammā: *Tất cả pháp thiện*.

- Akusalā dhammā: *Tất cả pháp bất thiện.*

- Abyākatā dhammā: *Tất cả pháp vô ký.*

Chi pháp của tam đề thiện.

- *Tất cả pháp thiện* có chi pháp là: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp[219].

- *Tất cả pháp bất thiện* có chi pháp là: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.[220]

- *Tất cả pháp vô ký* có chi pháp là: 72 tâm và 38 tâm sở hợp + sắc pháp + Nípbàn.

Duyên hệ với tam đề thiện.

Là phân tích tam đề thiện theo duyên chánh, hoặc theo các duyên phụ được phân tích từ duyên chính.

1- Nhân duyên

Định nghĩa.

Nhân duyên là *trợ sinh và ủng hộ* các pháp đồng sinh, theo cách "nhân tương ưng".

Chi pháp.

Năng duyên. 6 nhân: Tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.

Sở duyên. 103 tâm hữu nhân và 52 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong tâm Si) và sắc Tục sinh tâm hữu nhân, sắc tâm hữu nhân.

Phi sở duyên. 18 tâm Vô nhân và 12 tâm sở Tợ tha hợp + tâm sở Si trong tâm Si + sắc nghiệp tục sinh với tâm vô nhân, sắc tâm vô nhân, sắc thời tiết, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng.

---o0o---

Nhân duyên với tam đề thiện

Có bảy câu lọc .[221]

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Nhân duyên.

a - Định nghĩa.

Là một hay cả ba nhân thiện trợ sinh và ủng hộ các pháp thiện đồng sinh.

b - Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là ba nhân thiện: Vô tham, Vô sân và Vô si.

Thiện sở duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

c - *Giải thích*.

Câu này chỉ đề cập đến những gì đang diễn ra trong ***một*** tâm thiện.

Trong một tâm thiện có ít nhất là 2 nhân (Vô tham và Vô sân), như trong tâm thiện ly trí. Trong tâm thiện có trí thì có đủ 3 nhân: Vô tham, Vô sân và Vô si.

* *Sở dĩ sở duyên có đầy đủ 38 tâm sở là vì*:

- Khi nhân Vô tham là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Vô sân và Vô si sinh lên, như vậy, 2 nhân Vô sân và Vô si là sở duyên.

- Khi nhân Vô sân là năng duyên, thì 2 nhân Vô tham và Vô si là sở duyên.

- Khi Vô Si là năng duyên thì 2 nhân Vô tham và Vô sân là sở duyên.

Trong câu này có 2 mô thức:

- Nhân thiện trợ giúp cho *nhân thiện* (như đã nêu).

- Nhân thiện trợ giúp cho *pháp thiện, nhưng không phải là "nhân thiện"*. Đó chính là tâm thiện + 35 tâm sở hợp (trừ 3 nhân thiện).

Thí dụ: Trong *tâm thiện thọ hỷ có trí vô trợ*, tâm thiện này tổng quát có 38 tâm sở hợp.

Khi một nhân là năng duyên như Vô tham chẳng hạn, các pháp nương Vô tham sinh lên sinh lên và được Vô tham ủng hộ, gồm có: Tâm và 37 tâm sở hợp (trừ nhân Vô tham).

- Vô tham trợ giúp cho Vô sân và Vô si, gọi là *"nhân thiện trợ cho nhân thiện"*.

- Vô tham trợ giúp cho tâm thiện và 35 tâm sở (trừ 3 nhân thiện), gọi là "*nhân thiện trợ giúp cho pháp thiện phi nhân thiện*".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Giống: Giống đồng sinh.

- Tâm lộ: Thuộc lộ ngũ môn và lộ ý môn.

*Giải thích***.**

- Vị Thánh Alahán không có tâm thiện lẫn tâm bất thiện, nên trong 12 hạng người không kể bậc Thánh Alahán.

Bốn tâm Đạo thuộc về thiện, nên chỉ cho 4 người Đạo.

Các phần còn lại cũng dễ hiểu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nhân duyên có 11 duyên hợp trợ, trong câu lọc này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên"*.

- Năng và sở hòa hợp với nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.

- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

- Sở duyên nương nhờ năng duyên, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên" và "Đạo duyên"*.

Như vậy, trong câu lọc này có 9 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ*.

- Năng duyên là "pháp thiện", không phải là "pháp quả", nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng duyên và sở duyên có tính "hòa hợp", nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 1 trong 3 nhân thiện hoặc cả ba nhân thiện trợ sinh, ủng hộ pháp "không thiện không bất thiện".

b – Chi pháp.

Thiện năng duyên. 3 nhân thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c - ***Giải***.

Ba nhân thiện trợ cho sắc tâm tạo sinh lên và vững mạnh. Sắc tâm tạo này được gọi là "sắc tâm thiện", hiễn lộ qua thân hay "lời nói".

Như khi Vô tham là năng duyên, tâm muốn bố thí, cúng dường. Bấy giờ nhân Vô tham sẽ tạo ra "sắc thân biểu tri" để thực hiện hành động "cúng dường" hoặc "bố thí"; hoặc tạo ra "ngữ biểu tri" để nói lời cung thỉnh vị Trưởng lão nhận lời tại tư gia vào ngày mai …

Khi Vô sân là năng duyên, tâm và các tâm sở sinh lên có tính "mát mẻ", xa lìa sự "khó chịu", khi ấy Vô sân tạo ra loại sắc tâm là "ngữ biểu tri", nói lời êm dịu, nói lời hòa nhả….

Hoặc tạo ra "thân biểu tri" để giúp đỡ "kẻ thù", người không thân …

Khi Vô si là năng duyên, tạo ra "thân biểu tri" để đảnh lễ Đức Phật, đức Tăng ... hoặc tạo ra "ngữ biểu tri" để giảng pháp, nói đạo …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ ngũ môn và lộ ý môn trong cõi ngũ uẩn.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nhưng cả năng và sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên"*.

- Năng duyên là "nơi nương của sở duyên, giúp cho sở duyên được vững mạnh", nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên*", *"Đồng sinh quyền duyên*" và *"Đạo duyên"*.

- Năng và sở "cùng có mặt", nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên"* và, *"Đồng sinh bất ly duyên*".

- Năng duyên và sở duyên "không hòa hợp" với nhau, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy, trong câu lọc này có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng và sở không phải là pháp quả, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng và sở "không hòa hợp" với nhau, nên không có *"Tương ưng duyên"*.

- Sắc tâm thiện không thể hỗ trợ cho 3 nhân thiện, nên không có *"Hổ tương duyên"*.

Như vậy có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân thiện trợ sinh vả ủng hộ cho pháp thiện cùng với sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là 3 nhân thiện.

Thiện sở duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (danh) + sắc tâm thiện.

c- Giải thích.

Có trường hợp: Một Phật tử khởi lên tâm cúng dường, nhưng không thực hiện việc cúng dường. Đây là trường hợp danh trợ danh.

Có trường hợp: Một Phật tử tuy có khởi lên "ý bố thí", thực hiện "việc bố thí" một cách hời hợt, không đủ "3 sự cố ý". Đây là trường hợp "danh trợ sắc".

Với người "có ý cúng dường", thực hiện việc cúng dường với "3 sự cố ý". Đây là trường hợp "danh trợ cho danh sắc".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Trong câu lọc này có 7 duyên hợp trợ là:

Đồng sinh duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh hiện hữu, Đồng sinh bất ly, đạo duyên (cách lý giải như ở câu lọc 1).

** Không hợp trợ.*

- Năng duyên thuộc tính thiện, sở duyên là sắc tâm thiện nên không có 3 duyên: *Hổ tương duyên, Quả duyên và Tương ưng duyên.*

- Sở duyên có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy có 4 duyên không hợp trợ.

***Câu lọc 4**. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân bất thiện trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên và được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện: Tham, Sân và Si.

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện vả, 27 tâm sở hợp (trừ nhân Si trong tâm Si).

c- Giải.

Trong tâm bất thiện Tham có 2 nhân: Tham và Si. Khi nhân Tham là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Si sinh lên, hay khi nhân Si là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Tham sinh lên.

Tương tự như thế, trong tâm bất thiện Sân có 2 nhân: Sân và Si. Khi nhân Sân là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Si sinh lên, khi nhân Si là năng duyên sẽ trợ giúp cho nhân Sân sinh lên.

Đây là mô thức "nhân bất thiện trợ giúp nhân bất thiện".

Trong tâm bất thiện Si chỉ có nhân Si, nên nhân Si trong tâm Si là phi sở duyên.

Ba nhân bất thiện trợ giúp cho 12 tâm bất thiện vả 24 tâm sở hợp (trừ 3 nhân bất thiện) sinh lên, gọi là "nhân bất thiện trợ pháp bất thiện phi nhân bất thiện".[222]

Do đó, trong phần sở duyên lấy trọn vẹn pháp bất thiện (trừ tâm sở Si trong tâm Si).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên*".

- Sở duyên sinh lên và được vững mạnh nhờ vào năng duyên, nên có "*Đồng sinh y duyên".*

- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên".*

- Năng và sở "hòa hợp" với nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.

- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

Trong câu lọc này có 6 duyên hợp trợ.

****** *Không hợp trợ.*

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có *"Trưởng đồng sinh duyên"*.

- Năng duyên không phải là pháp quả, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có *"Quyền đồng sinh duyên"*.

- Năng duyên không có chi đạo, nên không có "*Đạo duyên*".

- Năng và sở "hòa hợp", nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Như vậy, có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba nhân bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện sinh lên và vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện.

Vô ký sở duyên. Là sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Khi nhân Tham là năng duyên, sẽ tạo ra "thân biểu tri bất thiện", để thực hiện theo khuynh hướng tham, như trộm cắp, tà hạnh trong dục lạc …

Hoặc "ngữ biểu tri bất thiện" để nói lời "gạt gẩm" người khác với mục đích có lợi cho mình, như người bán hàng nói "trau chuốt" để bán được món hàng giả hay món hàng không có giá trị cao …

- Khi nhân Sân là năng duyên, sẽ tạo ra "thân biểu tri bất thiện", để thực hiện theo khuynh hướng sân, như "sát hại kẻ nghịch"…

Hoặc "ngữ biểu tri bất thiện", như "nói vu khống" để hại người ….

- Khi nhân Si là năng duyên, sẽ tao ra "thân biểu tri bất thiện", như người "đờ đẩn" …

Hoặc "ngữ biểu tri bất thiện" như nói "lãm nhãm"…

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ và lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh khởi, nên có "*Đồng sinh duyên".*

- Sở duyên nương vào năng duyên để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng duyên và sở duyên cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên".*

- Năng là danh pháp, sở là sắc pháp, nên có "*Đồng sinh bất tương ưng duyên*".

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên khôngg có *"Đồng sinh trưởng duyên"*.

- Năng và sở không hỗ trợ lẫn nhau, nên không có *"Hổ tương duyên"*.

- Năng duyên không phải pháp quả, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có *"Đồng sinh quyền duyên"*.

- Năng duyên không có chi đạo, nên không có *"Đạo duyên"*.

- Năng và sở "không hòa hợp", nên không có *"Tương ưng duyên".*

Như vậy, có 6 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 nhân bất thiện trợ giúp cho pháp bất thiện cùng sắc tâm bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 3 nhân bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở Si trong tâm si) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Có người khởi lên ý "trộm cắp" hay có ý "sát hại kẻ thù"… nhưng chưa thực hiện bằng thân hay "lời nói". Đó là "danh bất thiện trợ giúp danh bất thiện".

- Có người do vô ý "làm chết" chúng sinh khác, hay "không cố ý hưởng lạc, nhưng lại hưởng lạc"… Đây là "danh trợ giúp sắc tâm bất thiện".

- Có người "chủ ý trộm cắp" và thực hiện bằng thân hay lời nói … Đây là "danh bất thiện trợ giúp danh - sắc".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên thuộc giống đồng sinh, nên có "*Đồng sinh duyên*".

- Sở duyên được vững mạnh do nương nhờ năng duyên, nên có *"Đồng sinh y duyên*".

- Năng - sở cùng hiện khởi, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên".*

- Năng - sở không tách lìa nhau, nên có *"Đồng sinh bất ly duyên".*

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có *"Đồng sinh trưởng duyên".*

- Sở duyên không hỗ trợ cho năng duyên, nên không có *"Hổ tương duyên".*

- Năng duyên không là pháp quả, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng duyên không có pháp quyền, nên không có *"Đồng sinh quyền duyên"*.

- Năng duyên không có chi đạo, nên không có *"Đạo duyên"*.

- Sở duyên có sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên"*.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Như vậy có 7 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyātassa dhammassa hetu paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 nhân vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên và được vững mạnh.

b - Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Là 3 nhân Vô ký (trong tâm vô ký).

Vô ký sở duyên. 54 tâm vô ký hữu nhân[223] và 35 tâm sở hợp + Sắc tâm vô ký hữu nhân.

c- Giải.

Ba nhân vô ký là: Vô tham, Vô sân và Vô si trong tâm vô ký hữu nhân trợ sinh và ủng hộ các pháp đồng sinh.

Pháp đồng sinh với 3 nhân vô ký gồm:

* *Danh pháp*. 37 tâm quả hữu nhân (8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 20 tâm quả Siêu thế) và 35 tâm sở hợp.

Và 17 tâm Duy tác hữu nhân (8 tâm Đại hạnh + 9 tâm Duy tác Đáo đại) và 35 tâm sở hợp.

* *Sắc pháp*. Là sắc tâm quả hữu nhân và sắc tâm vô ký hữu nhân.

Câu này đối với.

- Người: Người lạc vô nhân, người Nhị nhân, người Tam nhân+ 4 Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (- 4 cõi khổ + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ và lộ ý.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có 3 duyên: *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên".*
- Sở duyên được vững mạnh nhờ nương vào năng duyên, nên có *"Đồng sinh y duyên".*
- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có 3 duyên: *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên", "Đạo duyên*".
- Sở duyên là danh pháp, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Năng duyên là pháp quả, nên có *"Quả duyên"*.

Như vậy, có 9 duyên hợp trợ.

- Sở duyên là sắc tâm Vô ký, nên không có *"Tương ưng duyên"*.

- Sở duyên có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy, có 2 duyên không hợp trợ.

2 - Cảnh duyên.

(Ārammaṇapaccyo).

Định nghĩa.

Là các pháp làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở sinh lên.

Chi pháp cảnh duyên.

Năng duyên. Tất cả pháp trên phương diện "thành cảnh", đó là "tâm và tâm sở hợp + sắc pháp + Nípbàn + Chế định.

Sở duyên. Tất cả tâm khi bất cảnh.

Phi sở duyên: Sắc pháp, Nípbàn và Chế định.

---o0o---

Cảnh duyên với tam đề thiện

Có 9 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là "pháp thiện thành cảnh, giúp cho pháp thiện khác sinh lên khi nhận cảnh ấy".

Như vị chứng đắc thiền, nhớ lại tầng thiền đã chứng đắc.

b - Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp khi thành cảnh.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần) + tâm Thông thiện.

3- Giải.

Câu lọc này có các trường hợp sau:

- Người bố thí, trì giới, cung kỉnh… bằng tâm thiện dục giới khi nhớ lại cũng bằng tâm thiện dục giới.

Hay vị Tỳkhưu hành pháp "niệm tâm Tứ niệm xứ", nhớ lại tâm thiện trước đó của mình ….

Thiện năng duyên là: 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp (khi làm cảnh).

Thiện sở duyên là: 8 đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

Sở dĩ trừ Giới phần và Vô lượng phần, vì không có cảnh tương ứng cho chúng sinh lên.

- Người quy y Tam bảo, khi nhớ lại phát sinh hoan hỷ.

Thiên năng duyên là "tâm sở Tín"; thiện sở duyên là "4 tâm Đại thiện thọ hỷ và 33 tâm sở hợp".

- Người giữ giới, khi nhớ lại phát sinh hoan hỷ.

Thiện năng duyên là "tâm sở giới phần"; thiện sở duyên là "4 tâm đại thiện thọ hỷ".

- Phàm tam nhân và 3 Thánh quả Hữu học quán thấy "17 tâm thiện hiệp thế" là "vô thường, khổ, vô ngã".

Thiện năng duyên là " 17 tâm thiện hiệp thế và 38 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên là "4 đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

- Hành giả chứng thiền hay an trú trong thiền. Khi xuất thiền, nhớ lại tầng thiền hay " phản khán chi thiền".

Thiện năng duyên là "9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

Thiện sở duyên là "8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp".

- Bậc chứng Đạo (trừ 5 tâm Tứ Đạo), khi xuất khỏi lộ đạo, nhớ lại Đạo đã chứng đắc.

Thiện năng duyên là "15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

Sở dĩ năng duyên không có "5 tâm Tứ Đạo", vì sau sátna Tứ Đạo là sátna Tứ quả. Kể từ đó trở đi vị ấy là bậc Thánh Alahán quả, vị Thánh Alahán không còn tâm thiện chỉ có tâm Duy tác, nên "tâm Tứ Đạo" không thể làm cảnh cho tâm thiện được".

- Bậc Thánh hữu học khi nhớ lại tâm Gotrabhū (Chuyển tánh) hay tâm Tiến bậc (vodanā) cũng bằng tâm đại thiện có trí.

Thiện năng duyên ở đây là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp"

Thiện sở duyên là "4 đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

- Người phàm tam nhân và 3 bậc Thánh hữu học đắc Tha tâm thông, biết được tâm thiện ha tâm Đạo vị khác bằng tâm thông thiện.

Thiện năng duyên ở đây là "8 tâm Đại thiện + 9 thiện Đáo Đạo + 15 tâm Đạo Hữu học và 38 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên ở đây là "tâm Thông thiện và 30 tâm sở hợp".[224]

Hay là:

- Những uẩn thiện trợ giúp cho thần túc thông. Như trường hợp vị hành giả muốn bay trong hư không, vị ấy an trú tâm trong "đề mục gió", đến "Ngũ thiền Sắc giới", xuất ra, "hướng tâm đến tâm thiện với án xứ gió" rồi chú nguyện, nhập trở lại "Ngũ thiền với án xứ gió", xuất khỏi Ngũ thiền Sắc giới, điều chú nguyện thành hiện thực ….

- Những uẩn thiện trợ giúp tâm Thông thiện theo cách "Túc mạng thông". Tức là "vị ấy nhớ lại kiếp trước đã thực hiện thiện pháp như thế này, như thế này"…

- Những uẩn thiện trợ giúp cho "Tùy nghiệp thông thiện". Như trường hợp vị chư thiên quán xét "Ta sinh lên thiên giới nhờ vào hạnh nghiệp như vầy, như vầy"…

- Những uẩn thiện trợ giúp cho "Vị lai thông". Như trường hợp Đức Chánh giác thọ ký cho "một thiện gia nam tử"…

- Tâm thiện Không vô biên trợ cho tâm thiện Thức vô biên, với hành giả chứng đắc thiền Vô sắc với án xứ "Thức vô biên xứ".

Khi hành giả đang tu tập thiền Vô sắc với án xứ này thì " tâm Không vô biện là cảnh cho 2 tâm đại thiện thọ xả có trí".

- Tâm thiện Vô sở hữu trợ cho 2 tâm đại thiện thọ xả có trí, với hành giả đang tu tập thiền Vô sắc với án xứ "Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

- Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ giúp cho tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với vị chứng và trú thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm (trừ cõi Vô tưởng).

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý với đổng lực thiện (kusalajavana).

- Giống: 9 cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Cảnh duyên tổng quát có 7 duyên hợp trợ, nhưng trong câu lọc này chỉ có 2 duyên hợp trợ là:

- Năng duyên có pháp trưởng làm cảnh, nên có "*cảnh trưởng duyên*".

- Năng duyên là nơi "nương của sở duyên", nên có *"cảnh cận y duyên*".

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên là danh pháp, nên không có 5 duyên: *" Cảnh vật sinh tiền y duyên", "Cảnh sinh tiền duyên", "Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên", "Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên" và "Cảnh sinh tiền bất ly duyên".*

Câu 2. *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là "pháp thiện" " làm cảnh trợ giúp pháp bất thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Thiện trợ bất thiện bằng cảnh duyên có các cách như sau:

- Người làm việc lành như bố thí, trì giới, cung kỉnh … khi nhớ lại có thể "tự hào về việc thiện" ấy. Đó là "ngã mạn".

Hoặc "không hài lòng, vì việc lành ấy còn thiếu sót", đó là Sân sinh khởi.

Hoặc "thích thú việc phước ấy", đó là "tham sinh khởi".

Hoặc "phân vân, không biết việc lành này có thật sự là thiện không", đó là "nghi sinh khởi".

Hoặc khi nhớ lại "việc thiện", tâm miên man suy nghĩ. Đó là "phóng dật sinh khởi".

Thiện năng duyên là "8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp".

- Người đắc thiền khi xuất thiền nhớ lại rồi vui mừng hớn hở, phát sinh ngã mạn, tà kiến …

Thiện năng duyên là "9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý với đổng lực bất thiện.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp và không hợp trợ.

Tương tự như câu lọc 1.

Câu 3. *Kusalo dhammo byākatassa dhammassa ārammaṇa paccaya paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là "pháp thiện làm cảnh, trợ giúp pháp vô ký sinh lên".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là 37 tâm thiện và 38 tâm sở (khi làm cảnh).

Vô ký sở duyên. Là 26 tâm vô ký = Tâm Hướng ý môn + 11 tâm Na cảnh + 8 tâm Đại hạnh + tâm Sinh tiếu + tâm Thông duy tác + tâm quả Thức vô biên xứ + tâm Duy tác Thức vô biên xứ + tâm quả Phi tưởng phi phi tưởng xứ + tâm Duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lương phần).

c- Giải.

Trong câu lọc này có các cách thức như sau:

a' - Người làm việc thiện, khi nhớ lại có thể phát sinh tâm thiện, hoặc phát sinh tâm bất thiện.

Sau 7 sátna đồng lực (hoặc thiện hoặc bất thiện), tiếp theo là 2 sátna tâm Na cảnh.

Trong trường hợp này:

Thiện năng duyên là "8 tâm đại thiện và 38 tâm sở hợp".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn và 11 tâm Na cảnh".

b'- Vị Thánh Alahán nhớ lại các thiện nghiệp của mình đã tạo, hoan hỷ mĩm cười.

Thiện năng duyên là "8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiếu + 4 tâm Đại hạnh thọ hỷ".

c'- Vi đắc thiền hay an trú trong thiền, khi xuất thiền nhớ lại chi thiền hay tâm thiền đã đắc chứng.

Thiện năng duyên là "9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp".

Vô ký sở duyên là "Tâm Hướng ý môn".

d'- Vị Thánh Alahán nhớ lại các tầng thiền, hay chi thiền đã đắc chứng trước khi thành bậc Lậu tận.

Thiện năng duyên là “9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại hạnh”.

e’- Vị Thánh hữu học khi chứng Đạo hữu học, tiếp theo lộ đắc đạo là lộ phản khán Đạo.

Thiện năng duyên là “15 tâm đạo Hữu học và 36 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn”.

f’- Vị Alahán vừa đắc đạo nhớ lại tâm Đạo.

Thiện năng duyên là “5 tâm Tứ Đạo”.

Vô ký sở duyên là “ tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí”.

g’- Bậc Alahán quán xét tâm thiện của mình hay của người khác trong ba thời.

Thiện năng duyên là “8 đại thiện và 38 tâm sở hợp”.

Thiện sở duyên là “ tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí”.

h’- Vị Alahán quán sát tâm thiện của mình hay của người khác bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

i’- Vị Alahán quán xét tâm thiện người khác bằng Tha tâm thông.

Thiện năng duyên là “8 tâm thiện và 38 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Hướng ý môn + tâm Thông Duy tác”.

k’ - Vị Thánh Alahán nhớ lại “các thiện pháp ở quá khứ” bằng “Túc mạng thông” (chi pháp tương tự như trên).

m’- Vị chứng thiền “Không vô biên xứ” trước khi chứng Alahán. Khi chứng quả Alahán, vị Thánh Alahán tu tập và chứng thiền “Thức vô biên xứ”.

Thiện năng duyên là “tâm thiện Không vô biên xứ và 30 tâm sở hợp”.

Vô ký sở duyên là “tâm Duy tác Thức vô biên xứ”.

n’- Tương tự như thế. “Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ giúp cho tâm Hạnh Phi tưởng phi phi tưởng xứ” sinh lên.

Vào thời tục sinh:

* Tâm thiện Không vô biên xứ trợ cho tâm quả Thức vô biên xứ sinh lên làm việc Tục sinh.

* Tâm thiện Vô sở hữu xứ trợ cho tâm quả Phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh lên làm việc tục sinh.

Trong phần sở duyên không có “tâm Hướng ngũ môn + 2 tâm Tiếp thu + năm đôi thức”, vì cảnh ở đây là “danh pháp”.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý chót Na cảnh, lộ phản khán, lộ tu quán, lộ cận tử thiện nhân, lộ nhập thiền hạnh, lộ hiện thông hạnh … Tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như 2 câu trên.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là "pháp bất thiện làm cảnh, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên Tất cả pháp bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Tất cả pháp bất thiện.

c- Giải.

Câu lọc này có các cách như sau:

a'- Người có khuynh hướng tham ái, khi nhớ đến thì:

* Tham ái sinh lên, như người "tà hạnh trong dục lạc", "trộm cắp"… khi nhớ lại thì khởi sinh tâm Tham. Hoặc

* Sân hận sinh lên, như người thích hưởng thụ nhưng không toại nguyện, khi nhớ đến "phẫn nộ" sinh lên".

* Phát sinh Tà kiến, như "cho rằng tham luyến như vầy, như vầy " là không có tội.

* Hoài nghi sinh lên, Phóng dật sinh lên …

Bất thiện năng duyên là "4 tâm Tham không có Tà kiến và 21 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp".

b'- Người có khuynh hướng Tà kiến, khi nhớ đến thì có thể phát sanh Tà kiến, Hoài nghi …

Bất thiện năng duyên là "4 tâm Tham hợp tà kiến và 21 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "tất cả pháp bất thiện".

c'- Khi nhớ đến hoài nghi cũng có thể hoài nghi, phóng dật sinh lên.

Bất thiện năng duyên là "tâm Si hợp hoài nghi và 15 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "4 tâm Tham ly tà + 2 tâm Sân + 2 tâm Si và 26 tâm sở hợp (trừ Tà kiến)".

d'- Khi nhớ đến chuyện buồn có thể phát sanh ưu, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Bất thiện năng duyên là "2 tâm Sân và 22 tâm sở hữu".

Bất thiện sở duyên: Tất cả pháp bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Giống như ba câu trên.

Câu 5. *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh, trợ giúp cho pháp thiện sinh lên"

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tất cả pháp bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện + 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần) + tâm thông thiện.

c - Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người biết tham, sân, si là phiền não muốn diêt trừ nhưng chưa trừ được, chỉ có thể *tạm trừ*. Là dùng tâm thiện đẩy lui tâm bất thiện.

Như hành giả hành pháp "niệm tâm trong tâm".

Bất thiện năng duyên: Tất cả pháp bất thiện (làm cảnh).

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp.

b'- Bậc Thánh hữu học nhớ lại phiền não đã sát trừ hay phiền não còn lại trong lộ phản khán Đạo.

Bất thiện năng duyên: Pháp bất thiện.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp.

c'- Người hành thiền Tứ Niệm xứ quán pháp bất thiện khởi lên.

Bất thiện năng duyên: Pháp bất thiện.

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí.

d'- Tha tâm thông thiện biết tâm bất thiện của người khác.

- Bất thiện năng duyên: Tâm bất thiện của người khác đã và đang sinh.

- Thiện sở duyên là "tâm Thông thiện".

e'- Những uẩn bất thiện, trợ cho tâm thông thiện như Túc mạng thông , Tiền nghiệp thông, Vị lai thông ..

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán, lộ quán xét, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 6. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh trợ giúp pháp vô ký sinh lên".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp khi làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Là 22 tâm = 11 tâm Na cảnh + 10 duy tác dục giới [225] (trừ tâm Hướng ngũ môn) + tâm Thông duy tác và 33 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Sau lộ chứng Thánh đạo Alahán, tiếp theo là lộ "phản khán". Bấy giờ vị Thánh Alahán "xem xét" lại "phiền não đã sát trừ".

Hoặc trong thời bình nhật, vị Thánh Alahán "xem xét" lại tất cả pháp bất thiện đã sát trừ

Bất thiện năng duyên là "các tâm sở: Tham, si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô quý làm cảnh" (trong lộ phản khán phiền não đã sát trừ).

Hay: Bất thiện năng duyên là "12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại hạnh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần)".

b'- Vị Alahán quán bất thiện pháp bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã.

Bất thiện năng duyên là "pháp bất thiện đã từng sanh và của người khác đang sanh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp".

c'- Tha tâm thông hạnh của vị Alahán biết tâm bất thiện của người khác.

Bất thiện năng duyên là "pháp bất thiện làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + Tha tâm thông duy tác và 33 tâm sở hợp".

d'- Bậc Thánh hữu học quán pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Sau khi 7 sátna đồng lực thiện diệt, tiếp theo là 2 tâm Na cảnh sinh lên, nhận pháp bất thiện làm cảnh (trong lộ chót Na cảnh).

Bất thiện năng duyên là "pháp bất thiện".

Vô ký sở duyên là "11 tâm Na cảnh".

e'- Người có khuynh hướng bất thiện, khi nhớ đến bất thiện có thể phát sanh bất thiện như tham, tà kiến … khi tâm đồng lực bất thiện diệt rồi, tâm Na cảnh sanh lên.

Bất thiện năng duyên là "pháp bất thiện làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 11 tâm Na cảnh".

f- Vị Thánh Alahán khi nhớ đến những pháp bất thiện đã diệt trừ, hoan hỷ mĩm cười.

Bất thiện năng duyên là "pháp bất thiện làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 5 tâm Hạnh Dục giới thọ hỷ và 33 tâm sở hợp".

g- Những uẩn bất thiện trợ cho tâm Thông duy tác, như Sanh tử thông, Túc mạng thông, Tiền nghiệp thông … của vị Thánh Alahán, hay tâm Hướng ý môn bằng cảnh duyên.

Bất thiện năng duyên: Tất cả pháp bất thiện.

Vô ký sở duyên: Tâm thông Hạnh + tâm Hướng ý môn và 33 tâm sở hợp.

Trong câu lọc này "danh pháp làm cảnh", nên không có tâm Hướng ngũ môn + 2 tâm Tiếp thu.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán phiền não, lộ chót Na cảnh, lộ hiện thông tùy theo từng trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 7. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trợ giúp pháp vô ký sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Pháp vô ký.

Vô ký sở duyên. 36 tâm vô ký Dục giới [226] + tâm quả và Duy tác Thức vô biên xứ + tâm quả và Duy tác Phi tưởng phi phi tưởng xứ + 20 tâm quả Siêu thế + tâm Thông duy tác và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c- Giải.

Câu lọc này có các cách như sau:

a'- Vị Thánh Alahán phản khán tâm quả Alahán đã đắc trong lộ phản khán Tứ Đạo.

Vô ký năng duyên là "5 tâm quả Alahán và 36 tâm sở hợp làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp".

b'- Nípbàn là cảnh trợ cho tâm Hướng ý môn + 20 tâm quả Siêu thế .

Vô ký năng duyên là "Nípbàn là cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 20 tâm quả Siêu thế".

c'- Vị Thánh Alahán phản khán Nípbàn trong lộ phản khán.

Vô ký năng duyên là "Nípbàn làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí".

d'- Vị Thánh Alahán quán sáu sắc vật là: Nhãn vật, Nhĩ vật, Tỷ vật, Thiệt vật, Thân vật và sắc Ý vật; bảy sắc cảnh là: Sắc, thinh, mùi, vị và xúc theo vô thường, khổ não, vô ngã.

Vô ký năng duyên là "6 sắc hữu vật + 7 sắc cảnh khi làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

e'- Vị Alahán thấy sắc bằng thiên nhãn.

Vô ký năng duyên: Sắc xa, gần, thô, tế, trống, kín … đều bị thấy tức là thành cảnh sắc.

Vô ký sở duyên là "tâm hạnh Thiên nhãn thông".

Hay vị Thánh Alahán thấy sắc.

Vô ký năng duyên là "sắc cảnh sắc".

Vô ký sở duyên là "2 tâm Hướng môn + 2 tâm Tiếp thu + 3 tâm Quan sát + 9 đồng lực duy tác Dục giới[227] và 33 tâm sở hợp"

f'- Vị Thánh Alahán nghe tiếng bằng Thiên nhĩ thông hạnh hay nghe tiếng theo thông thường..

g'- Vị Alahán biết tâm vô ký (luôn cả những tâm quả tục sinh) người khác bằng Tha tâm thông hạnh.

Những uẩn vô ký trợ tâm Thông hạnh như: Túc mạng, Sinh tử thông … và tâm Hướng ý môn.

h'- Tâm hạnh Không vô biên xứ trợ tâm hạnh Thức vô biên xứ.

Là vị Thánh Alahán, tu thiền vô sắc chứng hay trú thiền Thức vô biên xứ.

Vô ký năng duyên là "tâm hạnh Không vô biên xứ làm cảnh".

Vô ký sở duyên là "tâm hạnh Thức vô biên xứ và 30 tâm sở hợp".

i'- Tâm hạnh Thức vô biên trợ tâm hạnh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

k'- Bảy sắc cảnh trợ cho năm giới thức như: sắc cảnh sắc trợ cho Nhãn thức …

Vô ký năng duyên là "7 sắc cảnh".

Vô ký sở đuyên là "2 tâm Hướng môn + 5 đôi thức + 2 tâm Tiếp thu + 3 tâm Quan sát + 11 tâm Na cảnh và 12 tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Năng duyên có ở thời bình nhật; sở duyên có cả ba thời.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn, lộ ý môn.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp trưởng nên có *Cảnh trưởng duyên*.

- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên, nên có "*Cảnh cận y duyên".*

- Năng duyên có sắc vật làm cảnh, nên có 5 duyên: *"Cảnh sinh tiền duyên*", *"Cảnh sinh tiền y duyên", "Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Cảnh sinh tiền bất ly duyên",* "*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên".*

Như vậy có 6 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

Không có.

Câu 8. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh giúp cho pháp thiện sinh lên và được vững mạnh".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 67 tâm vô ký (20 tâm duy tác + 47 tâm quả)[228] (trừ 5 tâm quả Alahán) và 36 tâm sở + sắc pháp + Nípbàn.

Vô ký sở duyên. 29 tâm (8 tâm Đại thiện + 20 tâm đạo + tâm Thông thiện) + 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Bậc Thánh Hữu học phản khán tâm quả Siêu thế bằng tâm Đại thiện có trí.

Vô ký năng duyên là "15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp làm cảnh".

Thiện sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp"

b'- Bậc Thánh hữu học phản khán Nípbàn bằng tâm thiện Dục giới có trí.

Vô ký năng duyên là "Nípbàn làm cảnh".

Thiện sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp"

c'- Nípbàn trợ giúp tâm Chuyển tánh (gotrabhū) hay tâm Tiến bậc (vodanā) và tâm Đạo bằng cảnh duyên.

Vô ký năng duyên là "Nípbàn làm cảnh".

Thiện sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí + 20 tâm Đạo".

d'- Bậc Thánh hữu học và phàm nhân quán sát sáu sắc hữu vật, bảy sắc cảnh, bốn danh uẩn vô ký theo Vô thưởng, khổ não và vô ngã.

Vô ký năng duyên là "sáu sắc vật + 7 sắc cảnh + tâm vô ký và tâm sở hợp".

Thiện năng duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

e'- Bậc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Thiên nhãn thông, thấy các sắc bằng tâm Thông thiện.

- Bậc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Thiên nhĩ thông, nghe các tiếng bằng tâm Thông thiện.

- Bậc Thánh Hữu học và phàm tam nhân đắc Tha tâm thông, biết tâm vô ký người khác bằng tâm Thông thiện.

- Những uẩn vô ký trợ giúp Túc mạng thông bằng cảnh duyên.

- Những uẩn vô ký trợ giúp Vị lai thông bằng cảnh duyên.

- Những uẩn vô ký trợ Tiền nghiệp thông bằng cảnh duyên …

Tổng quát:

Vô ký năng duyên là "tâm vô ký và tâm sở hợp + sắc pháp" (tùy trường hơp.

Thiện sở duyên là "tâm Thông thiện và 33 tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán, lộ quan sát, lộ đắc đạo, lộ hiện thông tùy trường hợp.

- Giống: Giống cảnh.

Sở dĩ có 4 người Đạo vì sở duyên có "20 tâm Đạo".

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp trưởng nên có *Cảnh trưởng duyên*.

- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên, nên có "*Cảnh cận y duyên".*

- Năng duyên có sắc vật làm cảnh, nên có 5 duyên: *"Cảnh sinh tiền duyên*", *"Cảnh sinh tiền y duyên", "Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Cảnh sinh tiền bất ly duyên",* "*Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên"*.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ*.

Không có.

Câu 9. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

a- Định nghĩa.

Pháp vô ký làm cảnh trợ giúp pháp bất thiện sinh lên và được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm vô ký hiệp thế [229] và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần)[230] + sắc pháp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách thức như sau:

a'- Người nhớ lại sắc, thinh, hương, vị, xúc, hay nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân sắc Ý vật, thân biểu tri , ngữ biểu tri … phát sinh tham, sân, si, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Vô ký năng duyên là "sắc pháp đang làm cảnh".

Bất thiện sở duyên là "tâm bất thiện và tâm sở hợp".

b'- Người nhớ lại những sự "thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng", có thể phát sinh tham, sân, mạn, tà kiến, ưu …

Vô ký năng duyên là "Nhãn thức, Nhĩ thức …. đang làm cảnh"

Bất thiện sở duyên là "tâm bất thiện và tâm sở hợp".

c'- Người nghĩ đến quả lành của thiện nghiệp, có thể phát sinh tham, mạn, ưu …

Vô ký năng duyên là "các tâm quả thiện hay tâm quả bất thiện và tâm sở hợp đang làm cảnh".

Bất thiện năng duyên là "tâm bất thiện và tâm sở hợp ".

d'- Phàm nhân khi nghĩ đến "những tâm Duy tác của bậc Thánh Alahán", có thể phát sinh tham, nghi, phóng dật …

Vô ký năng duyên là "tâm Duy tác hữu nhân và tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên là "tâm bất thiện và tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn và lộ ý môn.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như câu 7.

3 -Trưởng duyên.

(Adhipati paccayo).

Trưởng duyên chia rộng có ba duyên là:

Cảnh trưởng duyên, Đồng sinh trưởng duyên và Cảnh vật sinh tiền trưởng duyên.

Riêng Cảnh vật sinh tiền trưởng duyên là sắc Ý vật sinh trước và làm cảnh tốt cho tâm sanh sau nên thuộc về một trong chi pháp của Cảnh trưởng duyên.

A- Cảnh trưởng duyên

(Ārammaṇādhipati paccayo).

Cảnh cận y duyên có chi pháp trùng với Cảnh trưởng duyên.

Định nghĩa.

Cảnh trưởng duyên "là cảnh lớn trội, trợ giúp các pháp khác sinh khởi và được vững mạnh".

Chi pháp .

Năng duyên. Nípbàn + 116 tâm (trừ 2 tâm Sân + 2 tâm Si + tâm Thân thức thọ khổ) và 47 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi) + 18 hiển sắc (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt ba thời theo người ưa thích.

Sở duyên. 60 tâm [231] và 45 tâm sở hợp (trừ Sân phần + tâm sở Hoài nghi + Vô lượng phần).

Phi sở duyên. Nípbàn + chế định + sắc pháp + 81 tâm hiệp thế và tâm sở hợp khi không nhận cảnh không tốt.

Duyên rộng chia từ duyên hẹp ra thì không có câu lọc trong chánh tạng.

Theo đây bằng cách chia rộng thì những duyên đã chia có câu lọc như trong kinh đã dạy.

---o0o---

Cảnh trưởng duyên với tam đề thiện

Có bảy câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇadhipati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là "pháp thiện làm cảnh trưởng trợ giúp pháp thiện sinh lên và được vững mạnh".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 32 tâm thiện (trừ 5 tâm Tứ đạo)[232] và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần).

c- Giải.

Năng duyên không có 5 tâm Tứ đạo là vì: Tâm tứ Đạo chỉ có thể làm cảnh trưởng cho bậc Alahán, mà bậc Alahán không còn "thiện hay bất thiện".

Sở duyên chỉ có 8 tâm Đại thiện, vì:

- Các tâm thiện Đáo đại (trừ tâm thiện Thức vô biên xứ và tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ) chỉ bắt cảnh Chế định.

- Tâm thiện Thức vô biên xứ nhận cảnh là "tâm thiện Không vô biên xứ đã diệt" làm cảnh, trong trường hợp này "tâm Không vô biên xứ không thể là cảnh trưởng cho "tâm Thức vô biên xứ".

Tâm Không vô biên xứ chỉ có thể là "cảnh trưởng" với tâm Đại thiện.

- Tương tự như thế với tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhận cảnh là "các hành đã diệt của tâm thiện Vô sở hữu xứ".

Tâm thiện Vô sở hữu xứ chỉ có thể làm cảnh trưởng cho 8 tậm Đại thiện, không là cảnh trưởng của tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- 20 tâm Đạo chỉ nhận Nípbàn làm cảnh mà thôi. Tiêu đề ở đây là "pháp thiện làm cảnh trưởng".

- Sở duyên không có Giới phần và Vô lượng phần, vì không có cảnh tương ứng cho 5 tâm sở này sinh lên.

Có các cách như sau:

a'- Người bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi nhớ lại, hoan hỷ bằng tâm tốt đẹp.

Thiện năng duyên: 8 tâm Đại thiện và 36 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 sở hữu".

b'- Người nhớ lại "tâm thiện" trước đây của mình, phát sinh tâm thiện.

Thiện năng duyên: 17 tâm thiện hiệp thế và 38 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp".

c'- Khi xuất thiền nhớ lại thiền mình đã đắc bằng tâm tốt.

Thiện năng duyên: 9 tâm thiện Đáo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần)".

Thiện sở duyên là: 8 tâm Đại thiện Dục giới và 33 tâm sở hợp".

d'-Bậc Thánh hữu học "xem xét" tâm Chuyển tộc (gotrabhū) hay tâm Tiến bậc (vodanā).

Thiện năng duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 33 tâm sở hợp".

e'- Vị Thánh Hữu học "xem xét"Đạo vừa chứng đắc trong lộ phản khán".

Thiện năng duyên: 15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán thiền, lộ phản khán "Chuyển tánh", lộ phản khán Tiến bậc, lộ phản khán Đạo (tùy trường hợp).

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Cảnh trưởng duyên có 7 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng duyên làm cảnh trưởng cho sở duyên, nên có "*Cảnh duyên*".

- Năng duyên giúp cho sở duyên vững mạnh, nên có *"Cảnh cận y duyên".*

Như vậy có 2 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên là danh pháp, nên không có 5 duyên: *"Cảnh vật sinh tiền y duyên", "Cảnh sinh tiền duyên", "Cành vật sinh tiền bất tương ưng duyên", "Cảnh vật sinh tiền hiện hữu duyên"* và *"Cảnh sinh tiền bất ly duyên"*

Câu 2. *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a-Định nghĩa.

Là pháp thiện làm cảnh trưởng trợ giúp pháp bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c - Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người bố thí, trì giới, cung kỉnh … khi nhớ đến phát sinh ngã mạn hay tà kiến.

b'- Người ưa thích thiện khi nhớ đến phát sinh tham ái, tà kiến, hay ngã mạn ...

Thiện năng duyên: 8 tâm thiện Dục giới và 38 tâm sở hợp".

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c'- Khi xuất thiền, thỏa thích với thiền mình vừa đắc có thể phát sinh tham ái, tà kiến ...

Thiện năng duyên: 9 thiện Đáo đại + 35 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 3. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm cảnh trưởng, trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b – Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 tâm Tứ đạo và 36 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp.

c- Giải.

- Vị ThánhAlahán sau khi đắc đạo "xem xét" lại tâm Tứ đạo vừa đắc.

Câu này đối với.

- Người: Người Tứ quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ phản khán đạo.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa dhipatipaccayena paccayo*.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm cảnh trưởng, trợ cho pháp bất thiện sinh lêrn, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c- Giải.

Câu lọc này có các cách như sau:

- Người thường tham ái khi nhớ lại phát sinh tham ái, tà kiến, ngã mạn.
- Người ưa thích tà kiến nhớ lại phát sinh tà kiến, tham ái.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán bất thiện.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Giống như trên.

Câu 5. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo*.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trưởng trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 5 tâm quả Alahán và 36 tâm sở hợp + Nípbàn.

Vô ký sở duyên. 4 tâm Đại hạnh có trí + 20 tâm quả Siêu thế và 36 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Vị Alahán vừa đắc đạo xong, "xem xét" lại quả Alahán và Nípbàn bằng cách chăm chú đặc biệt trong lộ phản khán.

Vô ký năng duyên.: 5 tâm Tứ quả và 36 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên: Tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí và 33 tâm sở hợp.

b'- Nípbàn trợ cho 20 quả Siêu thế sinh lên.

Câu này đối với.

- Người: Tứ quả.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý, lộ phản khán Đạo, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 6. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo*.

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm cảnh trưởng trợ giúp pháp thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp + Nípbàn.

Thiện sở duyên. 4 tâm Đại thiện có trí + 20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Bậc Thánh hữu học phản khán quả Siêu thế hữu học và Nípbàn bằng cách chăm chú đặc biệt trong lộ phản khán Đạo.

Vô ký năng duyên: 15 tâm quả Siêu thế hữu học và 36 tâm sở hợp + Nípbàn (làm cảnh trưởng).

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần) nơi tâm bậc Thánh hữu học.

b'- Nípbàn trợ cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū), tâm Tiến bậc (Vodanā) và 15 tâm Đạo hữu học.

Vô ký năng duyên: Nípbàn làm cảnh trưởng.

Thiện sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí + 15 tâm Đạo hữu học và 36 tâm sở hợp, nơi tâm bậc Thánh hữu học.

Trường hợp tâm Chuyển tánh thì có nơi tâm phàm Tam nhân.

Câu này đối với.

- Người: Phàm tam nhân + 4 người Đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán Đạo, lộ đắc đạo.
- Giống: Giống: cảnh.

Có người phàm tam nhân, chỉ cho Nípbàn trợ giúp cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū).

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như trên.

Câu 7. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇā dhipatipaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm thành cảnh tốt, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên và vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 sắc hiển lộ (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt + 51 tâm vô ký hợp thế [233] (trừ Thân thức thọ khổ) và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham và 22 sở hữu hợp.

c- Giải.

Danh pháp vô ký làm thành cảnh trưởng, phải là danh pháp tốt đẹp, chí ít cũng phải là thọ xả.

Riêng tâm Thân thức thọ khổ không có được điều này, nên tâm Thân thức thọ khổ không là năng duyên trong cảnh trưởng duyên.

Những tâm quả Siêu thế có thể trở thành cảnh trưởng, để nhận "những tâm quả Siêu thế làm cảnh trưởng" phải là tâm Đại thiện có trí hay tâm Đại hạnh có trí, nhưng ở đây "sở duyên" là pháp bất thiện. Nên năng duyên không có "những tâm quả Siêu thế".

Trong câu lọc này có các cách như sau:

a'- Người ưa thích ngũ trần hoặc nhãn, nhĩ, tỷ…, có ý chấp trước thời tham ái, tà kiến cũng phát sanh.

Vô ký năng duyên: 18 sắc hiển lộ làm cảnh trưởng.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

b'- Người ưa thích những quả an lạc của thiện nghiệp, có ý chấp trước thời tham ái, tà kiến, ngã mạn … có thể phát sinh.

Vô ký năng duyên: Các tâm quả thiện và tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

c'- Người có ý chấp trước những quả bất lạc, khi nhận chúng làm cảnh có thể phát sinh tham.

Như những đạo sĩ khổ hạnh, hay những người khi nhận cảnh "sắc xấu", có thể khởi tham.

Hoặc như những hành giả "niệm thể trược".

Hoặc khi nhận cảnh xấu, có thể khởi lên sự "ao ước" thoát khỏi cảnh không an vui …

Vô ký năng duyên: những tâm quả bất thiện và tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

d'- Với những vị có Tha tâm thông, biết được những tâm Duy tác của bậc Thánh Alahán [234], sau đó có thể khởi tâm Tham.

Vô ký năng duyên: 17 tâm Duy tác hữu nhân và 35 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm Tham và 22 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý, lộ ngũ.

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên làm cảnh cho sở duyên, nên có "*Cảnh duyên"*.

- Năng duyên làm cảnh tốt đẹp, giúp cho sở duyên vững mạnh, nên có *"Cảnh cận y duyên*".

- Năng duyên có sắc vật, nên có "*Cảnh sinh tiền duyên*",*"Cảnh vật sinh tiền y duyên".*

- Năng duyên là sắc pháp, sở duyên là danh pháp, nên có *"Cảnh vật sinh tiền bất tương ưng duyên"*.

- Năng là sắc pháp, sở là danh pháp. Năng và sở cùng có mặt, nên có "*Cảnh vật sinh tiền hiện hữu duyên", "Cảnh vật sinh tiền bất ly duyên", "Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên"* và "*Cảnh sinh tiền bất ly duyên"*.

** Không hợp trợ.*

Không có.

<u>Chú thích</u>.

- ***Cảnh cận y duyên*** trùng với ***Cảnh trưởng duyên,*** vì có chi pháp như nhau.

Cảnh vật sinh tiền duyên nằm trong câu lọc này nhưng chi pháp như sau:

Vô ký năng duyên: sắc Ý vật trong khi thành cảnh tốt.

Bất thiện sở duyên: 8 tâm tham khi cận tử và 22 tâm sở hợp.

B- Đồng sinh trưởng duyên.

(Sahajātādhipati paccayo).

Định nghĩa.

Gọi là "*trưởng"*. vì năng duyên là pháp "vượt trội".

Gọi là "*đồng sinh*" vì năng và sở cùng sinh lên.

Đồng sinh trưởng duyên là "pháp lớn mạnh trợ giúp pháp khác sinh lên được vững mạnh, đồng thời cả năng và sở đều cùng sinh lên".

Chi pháp.

a- Năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng: Dục, cần, tâm, thẩm có trong tâm Đồng lực (javanacitta) nhị nhân và tam nhân (trừ tâm Si).

Được phân như sau:

Năng duyên nhất định: Là một trong ***tứ trưởng*** có trong 58 tâm: 9 tâm thiện Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 40 tâm Siêu thế.

Năng duyên bất định: Là một trong ***tứ trưởng*** có trong 10 tâm bất thiện (trừ hai tâm Si) + 8 tâm Duy tác dục giới + 8 tâm thiện Dục giới.

b- Sở duyên. Là 84 tâm: 40 tâm Siêu thế + 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 18 đồng lực Đáo đại [235] và 51 tâm sở (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm hữu trưởng Dục giới.

Được phân như sau:

Sở duyên nhất định. 58 tâm đồng lực kiên cố [236] + 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm kiên cố hữu trưởng.

Sở duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (nhị và tam nhân) [237] và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi) + sắc tâm trưởng.

*c- Phi sở duyên***.**

Phi sở duyên nhất định. 18 tâm Vô nhân + 2 tâm Si + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 40 tâm sở hợp [238] + sắc tâm vô nhân, sắc tâm một nhân, sắc nghiệp tục sinh, sắc nghiệp bình nhật, sắc thời tiết, sắc vật thực.

Phi sở duyên bất định. 26 tâm đồng lực Dục giới (2 hay 3 nhân) và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi). Lấy lại 3 pháp: Dục, cần, trí khi đang làm trưởng + sắc tâm Dục giới (2 hay 3 nhân) phi trưởng.

***Cần lưu ý*:**

- Khi một trong 3 pháp: Dục, cần và trí làm trưởng, bấy giờ tâm Siêu thế, tâm bất thiện … mới là sở duyên cùng với tâm sở hợp (trừ pháp làm trưởng).

Ví dụ: Trong tâm Tham thọ hỷ hợp tà kiến vô trợ.

* Khi tâm là pháp trưởng thì sở duyên là 19 tâm sở hợp.

* Khi tâm sở Dục là pháp trưởng thì sở duyên là: Tâm Tham thứ 1 và 20 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

* Khi tâm sở Cần làm trưởng, thì sở duyên là: Tâm tham thứ 1 và 20 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

Các tâm khác cũng y theo cách lý giải này.

- Tính 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi) là tính tổng quát, học viên cần phân tích theo từng loại tâm : Thiện, bất thiện ha vô ký.

Đồng sinh trưởng duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lọc**.**

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo*.

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp trưởng thiện trợ giúp các pháp thiện sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là tâm sở Dục, tâm sở Cần, tâm sở Trí + 37 tâm thiện khi làm trưởng.

Thiện sở duyên. Là tất cả pháp thiện (trừ pháp thiện đang làm trưởng).

Phân tích.

- Khi "tâm sở Dục" là pháp trưởng, thiện sở duyên là "37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

- Khi "tâm sở Cần" là pháp trưởng, thiện sở duyên là " 37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

- Khi "tâm sở Trí" là pháp trưởng, thiện sở duyên là "33 tâm thiện có trí và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Trí).

- Khi "tâm thiện" là pháp trưởng, thiện sở duyên là "38 tâm sở hợp".

c- ***Giải.***

Có các cách như sau:

a'- Người muốn bố thí, trì giới, cung kỉnh, phục vụ …

Thiện năng duyên là "Dục trưởng".

Thiện sở duyên là "8 tâm đại thiện và 37 tâm sở hợp".

b'- Người nỗ lực thực hiện các pháp như bố thí, trì giới… Hay "có trí " hiểu biết: Đây là những thiện nghiệp, cho quả an vui nên thực hành; hoặc khi thực hiện các nghiệp lành, tâm hân hoan vui thích.

- Thiện năng duyên là "tâm sở Cần, tâm sở Trí, tâm thiện" tùy theo trường hợp.

- Thiện sở duyên là "37 tâm thiện và 37 (hay 38) tâm sở hợp, tùy theo trường hợp.

c'- Người nỗ lực, hay có ước muốn hay có trí, thực hành thiền định, chứng đắc thiền định.

Thiện năng duyên là "1 trong 4 pháp trưởng".

Thiện sở duyên là "9 tâm thiện Đáo đại + 36 tâm sở hợp", tùy theo trường hợp của pháp trưởng.

d'- Người nỗ lực , hay có ước muốn hoặc có trí, thực hành pháp Tứ niệm xứ, chứng đắc Đạo.

Thiện năng duyên là " 1 trong 4 pháp trưởng".

Thiện sở duyên là "20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp" tùy theo trường hợp.

Tâm Đạo chỉ là pháp trưởng khi hành giả chứng đắc thiền định trước rồi triển khai pháp quán, chứng Đạo.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ đắc đạo.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Đồng sinh trưởng duyên có 12 duyên hợp trợ, trong câu lọc này có:

- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng. nên có *"Nhân duyên"*.
- Năng và sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.
- Năng giúp sở, sở giúp năng, nên có *"Hổ tương duyên"*.
- Sở cùng sinh lên với năng và nương dựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng duyên có "tâm là pháp trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên"*.
- Năng duyên có "cần và trí" là pháp trưởng, nên có *"Đồng sinh quyền duyên"* và "*Đạo duyên"*.
- Năng và sở hòa hợp nhau, nên có "*Tương ưng duyên"*.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 10 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên thuộc thiện nên không có "*Quả duyên"*.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có "*Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Trong 12 duyên hợp trợ, có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo*.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm trưởng, trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là một trong bốn pháp trưởng thiện.

Vô ký sở duyên. Là sắc tâm thiện hữu trưởng.

c- Giải.

Thí dụ: Như bà Gotami muốn xuất gia trong Giáo pháp này, bà đi bộ từ Kapilavatthu (Catỳlavệ) đến Sāvatthi (Xávệ) để xin xuất gia.

Thiện năng duyên là "dục trưởng".

Vô ký sở duyên là "sắc thân biểu tri hữu trưởng".

Hay: Vị Tỳkhưu vận dụng trí để giảng pháp.

Thiện năng duyên là "tâm sở Trí" làm trưởng.

Vô ký sở duyên là "sắc ngữ biểu tri".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ đắc đạo...
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ*.

- Năng duyên có tâm sở Trí, nên có "*Nhân duyên*", "*Đạo duyên*, "*Quyền đồng sinh duyên*".
- Năng duyên có "tâm thiện là trưởng", nên có "*Danh vật thực duyên"*.
- Năng và sở cùng sinh khởi, nên có *"Đồng sinh duyên"*.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh và cùng sinh lên với năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.
- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có "*Tương ưng duyên"*.

- Sở không hỗ trợ năng, nên không có *"Hổ tương duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện làm trưởng trợ giúp pháp thiện và pháp vô ký cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Là pháp thiện và sắc tâm thiện hữu trưởng.

c- ***Giải.***

- Thiện trưởng làm duyên cho những uẩn thiện tương ưng và sắc tâm thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ đắc đạo, lộ hiện thông, lộ nhập thiền.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng, nên có *"Nhân duyên", "Quyền đồng sinh duyên", "Đạo duyên".*

- Năng duyên là chỗ nương nhờ cho sở duyên được vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng duyên có "tâm làm trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên".*

- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 8 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở có sắc pháp, nên không có "*Hổ tương duyên".*

- Năng là pháp thiện nên không có *"Quả duyên"*.

- Sở có sắc pháp, nên không có "*Tương ưng duyên".*

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm trưởng trợ giúp pháp bất thiện sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên.

- Dục trưởng là tâm sở Dục trong tâm bất thiện 2 nhân.

- Cần trưởng là tâm sở Cần trong tâm bất thiện 2 nhân.

- Tâm trưởng là 8 tâm Tham + 2 tâm Sân.

Bất thiện sở duyên. 8 tâm Tham + 2 tâm Sân và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Hoài nghi).

Chú thích.

Sở duyên nêu ra tổng quát là như vậy, tùy theo pháp làm trưởng sẽ có chi tiết như sau:

* Trong 8 tâm Tham:

- Khi Dục là trưởng, thì sở duyên là "8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

- Khi Cần là trưởng, thì sở duyên là "8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

- Khi 8 tâm Tham là trưởng, thì sở duyên là 22 tâm sở hợp.

* Trong 2 tâm Sân.

Tương tự như trên.

c- Giải.

Các cách trong câu lọc này như sau:

a'- Người "ước ao" thụ hưởng năm dục lạc, khi nghĩ đến "dục lạc", tâm dính mắc với loại dục lạc ấy.

Bất thiện năng duyên là "dục trưởng" có trong tâm Tham.

Bất thiện sở duyên là "8 tâm Tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục)".

b'- Người cố gắng tìm cách trộm cắp tài sản của người.

Bất thiện năng duyên là "cần trưởng" có trong tâm Tham.

Bất thiện sở duyên là "8 tâm tham và 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở Cần).

c'- người có tâm tham ái, khi nghĩ đến tham ái phát sinh tham …

Bất thiện năng duyên là "8 tâm Tham làm trưởng".

Bất thiện sở duyên là "22 tâm sở hợp trong tâm Tham."

d'- Người có ý "muốn sát hại kẻ nghịch" hay "cố gắng sát hại kẻ nghịch"…

Bất thiện năng duyên là "Dục trưởng" hay "cần trưởng" có trong tâm Sân.

Bất thiện sở duyên là "2 tâm sân và 21 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

e- Người có tâm sân hận và nuôi dưỡng tâm sân hận.

Bất thiện năng duyên là "2 tâmSân" làm trưởng.

Bất thiện sở duyên là "22 tâm sở hợp trong tâm Sân".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ môn, lộ ý môn (với tâm đổng lực bất thiện nhị nhân).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên*".
- Năng có "tâm làm trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên"*.
- Năng có "Cần trưởng", nên có *"Quyền đồng sinh duyên" và "Đạo duyên"*.
- Năng và sở hòa hợp với nhau, nên có *"Tương ưng duyên".*
- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*
- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có "*nhân duyên*".

- Năng là pháp bất thiện nên, không có *"Quả duyên"*.

- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện "làm trưởng", trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là một trong ba pháp trưởng bất thiện trong tâm bất thiện nhị nhân.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

c- Giải.

Người có tâm bất thiện, đã thực hiện việc ác bằng thân hay ngữ. Ở đây chỉ nêu lên phần "sắc do tâm tạo".

Có các cách như sau:

a'- Người có tâm Tham, trộm cắp tài sản của người. Hay người có tâm Sân, đánh đập người khác…

Bất thiện năng duyên: Một trong 3 pháp trưởng bất thiện.

Vô ký sở duyên: Sắc thân biểu tri bất thiện hữu trưởng.

b'- Người có tâm Tham nên nói lời vu không kẻ khác để chiếm đoạt tài sản của người, hoặc do Sân nên mắng nhiếc kẻ khác …

Bất thiện năng duyên: Một trong ba pháp trưởng bất thiện.

Vô ký sở duyên: Sắc ngữ biểu tri bất thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lô ngũ, lộ ý (với tâm đổng lực bất thiện nhị nhân).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng và cùng có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

- Năng có "Cần trưởng", nên có *"Quyền đồng sinh duyên", "Đạo duyên"*.

- Năng có "Tâm là trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên không hỗ trợ cho năng duyên, nên không có *"Hổ tương duyên"*.

- Năng duyên không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có *"Tương ưng duyên"*.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "*Quả duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện làm trưởng, trợ giúp pháp bất thiện và pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

- *Bất thiện năng duyên*. Một trong ba pháp trưởng trong tâm đổng lực bất thiện nhị nhân.

Bất thiện và Vô ký sở duyên: 8 tâm Tham + 2 tâm Sân + 26 tâm sở hợp (trừ pháp trưởng) + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

c- Giải.

Có trường hợp khởi lên bất thiện nhưng chưa thực hiện bằng thân , ngữ. Như trường hợp người luyện chú thuật để hại người.

Đây là cách "danh trợ danh".

Có trường hợp khởi lên tâm bất thiện, thực hiện bằng thân hay ngữ. Đây là trường hợp "danh trợ sắc".

Kết hợp cà hai điều trên, đây là trường hợp "danh trợ cho danh - sắc".

Một uẩn bất thiện làm trưởng, trợ giúp cho các uẩn tương ưng sinh lên vững mạnh. Như:

- Một trong 2 tâm sở Dục, hay tâm sở Cần làm trưởng (thuộc hành uẩn" là năng duyên; thì sở duyên là: 10 tâm bất thiện nhị nhân và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở đang làm trưởng), + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

- Thức uẩn làm trưởng (là 1 trong 10 tâm bất thiện nhị nhân), thì sở duyên là: 27 tâm sở hợp + sắc tâm bất thiện hữu trưởng.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Năng là chỗ nương cho sở được vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng có "Tâm là trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên"*.

- Năng có "tâm sở Cần" là pháp trưởng, nên có *"Quyền đồng sinh duyên*" và *"Đạo duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên*" và "*Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên"*.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "Quả duyên".

- Sở duyên có sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên" và "Tương ưng duyên".*

- Sở duyên có dnah pháp, nên không có "*Đồng sinh bất tương ưng duyên*".

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipati paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp pháp vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký làm trưởng, trợ giúp pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Là một trong bốn pháp trưởng vô ký (trong tâm đổng lực vô ký hữu nhân[239]).

Vô ký sở duyên: 37 tâm đổng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký hữu trưởng.

c- Giải.

Câu này gồm ba câu phụ như sau:

a'- Danh vô ký trợ danh vô ký .

Năng duyên. Là một trong 4 pháp trưởng vô ký .

Sở duyên: 37 tâm đổng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

Ví dụ: Vị Thánh Alahán muốn tế độ người hữu duyên.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân và 34 tâm sở hợp (trừ Giới phần + tâm sở Dục).

* Vị Thánh Alahán muốn nhập thiền quả, hay vị Thánh hữu học an trú trong thiền quả.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 20 tâm quả Siêu thế và 35 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

* Vị Thánh Alahán muốn nhập thiền hiệp thế.

Vô ký năng duyên: Tâm sở Dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 9 tâm Duy tác Đáo đại và 34 tâm sở hợp (trừ tâm sở Dục).

Các pháp trưởng vô ký còn lại cũng tương tự.

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền quả, lộ đắc đạo, lộ Nípbàn, lộ nhập thiền diệt.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên có tâm sở Trí là trưởng, nên có *"Nhân duyên", "Quyền đồng sinh duyên" và Đạo duyên".*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Năng và sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Năng là nơi nương tựa cho sở, nên có "*Đồng sinh y duyên"*.

- Năng là pháp quả, nên có "*Quả duyên"*.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên".*

- Năng có "tâm là pháp trưởng", nên có "*Danh vật thực duyên.*"

- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên"," Đồng sinh bất ly duyên".*

Như vậy có 11 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

Có một duyên không hợp trợ là *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

b'- Danh vô ký trợ sắc.

Năng duyên: Một trong 4 trưởng vô ký.

Sở duyên: Sắc tâm trưởng hữu nhân vô ký.

Như vị Thánh Alahán thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký trong 4 tâm Đại hạnh có trí.

Vô ký sở duyên: Sắc ngữ biểu tri trong tâm Đại hạnh có trí có pháp trưởng.

Vị Thánh Alahán sau khi xuất thiền Diệt, đi khất thực để tế độ người nghèo.

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Vô ký sở duyên: Sắc Thân biểu tri.

Câu này đối với:

- Người: 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn (trừ 4 cõi khổ).

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng duyên có tâm sở Trí làm trưởng, nên có *"Nhân duyên", "Quyền đồng sinh duyên", "Đạo duyên"*.

- Năng là pháp quả, nên có *"Quả duyên"*.

- Năng có "tâm làm trưởng", nên có *"Danh vật thực duyên"*.

- Năng và sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy, có 10 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có *"Tương ưng duyên"*.

- Sở không hỗ trợ cho năng, nên không có *"Hổ tương duyên"*.

c'- Danh vô ký trợ danh - sắc vô ký.

Năng duyên. Một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Sở duyên. 37 tâm đổng lực vô ký hữu nhân và 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng) + sắc tâm vô ký hữu trưởng.

Câu này kết hợp cả 2 câu trên.

Như trường hợp Đức Phật có ý tế độ Ngài Uruvela Kassapa, Đức Thế Tôn ngự đến nơi của Ngài Uruvela Kassapa.

Vô ký năng duyên là "tâm sở Dục" làm trưởng.

Vô ký sở duyên là "8 tâm Đại hạnh và 34 tâm sở (trừ Giới phần và tâm sở Dục) + sắc Thân biểu tri hữu trưởng.

Câu lọc này đối với.

Người: Bậc Tứ quả.

- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả, lộ nhập thiền diệt.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng và sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở duyên nương vào năng duyên để lớn mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên*".

- Năng duyên có "tâm sở Trí" làm trưởng, nên có *"Nhân duyên", "Quyền đồng sinh duyên", "Đạo duyên"*.

- Năng duyên có "tâm quả" là pháp trưởng, nên có *"Quả duyên", "Danh vật thực duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên có sắc pháp, không hỗ trợ cho năng duyên được, nên không có *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên".*

- Sở duyên có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Như vậy có 3 duyên không hợp trợ.

4. Vô gián duyên.(Anantarapaccayo).

Định nghĩa.

Vô gián nghĩa là không đứt đoạn.

Vô gián duyên là trợ giúp bằng cách "không gián đoạn".

Chi pháp Vô gián duyên.

Năng duyên. Tâm và tâm sở hữu sinh trước (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

Sở duyên. Tâm và tâm sở sinh sau.

Phi sở duyên. Nípbàn, chế định và sắc pháp.

Chi pháp Vô gián duyên trùng với bốn duyên sau:

1- *Đẳng vô gián duyên* (sananantarapaccayo).

2- *Vô gián cận y duyên* (anantarūpanissaya paccayo).

3- *Vô hữu duyên* (natthi paccayo).

4- *Ly duyên* (vitaga paccayo).

Chú thích: Pháp năng duyên trợ giúp cho pháp sở duyên bằng cách *vắng mặt*, khi pháp năng duyên diệt rồi sở duyên mới sinh lên.

Do đó trùng với Vô hữu duyên và Ly duyên.

Ví dụ: hạt lúa sanh lên cây mạ.

Hạt lúa là năng duyên, mạ là sở duyên.

Vô gián duyên là nói đến mãnh lực trợ giúp "tâm với tâm" trong lộ trình tâm.

---o0o---

Vô gián duyên với tam đề thiện

Có 7 câu.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện diệt đi, trợ giúp pháp thiện sinh lên theo cách không gián đoạn.

Đây là nói đến 7 đổng lực thiện trong lộ trình tâm.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 Đại thiện + 9 thiện Đáo đại và 38 tâm sở hợp (trừ tâm đổng lực thiện cuối cùng).

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trừ tâm thiện thứ nhất).

c- Giải.

Trong câu lọc này ám chỉ "lộ đổng lực thiện". Tức là:

* Thông thường, lộ đổng lực thiện dục giới có 7 sátna.

Thiện sátna thứ nhất diệt đi, trợ giúp cho thiện sátna thứ 2 sinh lên.

Như vậy "thiện sátna thứ 1 là năng duyên", thiện sátna thứ 2 là sở duyên".

Thiện sátna thứ 2 trợ giúp cho thiện sátna thứ 3 sinh lên, cứ như thế đến thiện sátna thứ 7 là chấm dứt.

Nói rõ hơn: "Thiện sátna thứ 1 *chỉ là năng duyên*; thiện sátna thứ 7 *chỉ là sở duyên.*

Từ thiện sátna 2 đến thiện sátna 6, mỗi sátna là sở duyên của sátna trước và là năng duyên của sátna sau.

Trong lộ đổng lực này, năng duyên và sở duyên đều là "8 tâm Đại thiện".

* Trong lộ đắc thiền thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.
- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.
- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh (Gotrabhū).
- Sátna Chuyển tánh trợ cho sátna thiền.

Trong lộ đổng lực này: Năng duyên lẫn sở duyên là "4 tâm đại thiện có trí" (trừ sátna Chuẩn bị là năng duyên nhất định); còn sở duyên nhất định là "9 tâm thiện Đáo đại".

* Trong lộ nhập thiền hiệp thế của phàm tam nhân và 3 bậc Thánh hữu học thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành và sátna Chuẩn bị chỉ là năng duyên.

- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.

- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh.

- Sátna Chuyển tánh trợ cho sátna thiền thứ 1.

- Sátna thiền thứ 1 trợ cho sátna thiền 2 …

Cứ thế cho đến sátna thiền cuối cùng, sátna này chỉ là sở duyên.

Từ sátna Cận hành đến sátna thiền áp chót, những sátna ấy vừa là sở duyên vừa là năng duyên.

Trong lộ đổng lực này, năng duyên lẫn sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí + 9 tâm thiện Đáo đại.

* Trong lộ nhập thiền quả của bậc Thánh hữu học thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.

- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.

Và sátna Thuận thứ là tâm thiện cuối cùng trong lộ đổng lực này, nên là sở duyên nhất định.

4 tâm Đại thiện có trí vừa là năng duyên, vừa là sở duyên.

* Trong lộ đắc Đạo thì:

- Sátna Chuẩn bị trợ cho sátna Cận hành.

- Sátna Cận hành trợ cho sátna Thuận thứ.

- Sátna Thuận thứ trợ cho sátna Chuyển tánh

- Sátna Chuyển tánh trợ cho tâm Sơ đạo.

- Sátna Tiến bậc trợ cho tâm Nhị Đạo, Tam Đạo và Tứ Đạo.

Trong lộ đổng lực đắc Đạo, chỉ có tâm Đạo thuần là sở duyên, 4 tâm Đại thiện có trí vừa năng duyên vừa là sở duyên".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực thiện), lộ đắc thiền, lộ nhập thiền hiệp thế (phàm tam nhân và Thánh hữu học), lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả (của bậc Thánh hữu học).

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vô gián duyên có 6 duyên hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên và Tập hành duyên.

* *Không hợp trợ.*

Có 1 duyên là *"Nghiệp biệt thời duyên"*.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện diệt đi, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên kế tiếp, không hề gián đoạn.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở sinh kế trước tâm quả.

Vô ký sở duyên. 40 tâm quả [240] và 38 sở hữu (trừ năm đôi thức + 2 tâm Tiếp thâu).

c- Giải.

Sở dĩ có Vô lượng phần, vì có tâm quả Sơ thiền, tâm quả Nhị thiền, tâm quả Tam thiền; Giới phần thì có trong tâm quả Siêu thế, nên tâm sở hợp có đủ 38 tâm sở.

8 tâm Đại quả và 3 tâm Quan sát có trong sở duyên vì chúng là những sátna Na cảnh trong lộ đổng lực.

* Trong lộ đổng lực thiện có Na cảnh thì:

- Thiện sátna thứ 7 trợ giúp cho 11 tâm Na cảnh sinh lên.

Sở duyên ở đây là "11 tâm Na cảnh".

* Trong lộ đổng lực thiện không có Na cảnh thì:

- Thiện sátna thứ 7 trợ giúp cho tâm hữu phần sinh lên.

Sở duyên ở đây là "2 tâm Quan sát thọ xả + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại".

* Trong lộ đắc Đạo thì:

- Sátna Đạo trợ cho sátna quả Siêu thế sinh lên không gián đoạn.

Sở duyên ở đây là "20 tâm quả Siêu thế".

* Trong lộ nhập thiền quả của bậc Thánh hữu học thì:

Tâm Chuyển tánh (thiện) trợ tâm quả Siêu thế hữu học sinh lên khi nhập thiền quả.

Sở duyên ở đây là "15 tâm quả Siêu thế Hữu học".

* Trong lộ nhập thiền Diệt của bậc Thánh Anahàm thì:

- Tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ cho tâm Tam quả Siêu thế sinh lên xuất thiền diệt.

Sở duyên ở đây là "tâm Tam quả Siêu thế ngũ thiền".

Câu này đối với.

- Người: 12 người.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ đổng thiện lực chót Na cảnh, Lộ ngũ đổng lực thiện không có Na cảnh, lộ ý môn đổng lực thiện chót Na cảnh, lộ ý môn đổng lực thiện không có Na cảnh, lộ đắc thiền hiệp thế của phàm tam nhân và bậc Thánh hữu học, lộ nhập thiền hiệp thế của phàm tam nhân và Thánh hữu học, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả của vị Thánh hữu học, lộ nhập thiền Diệt của bậc Thánh Anahàm.

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 6 duyên hợp trợ là: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên và Nghiệp biệt thời duyên.

Sở dĩ có "Nghiệp biệt thời duyên" là "tâm Đạo trợ cho tâm quả Siêu thế" cách nhau 1 sátna.

Cũng có thể kể thêm "Vô gián nghiệp duyên" hợp trợ.

Vì tâm sở Tư trong tâm Đạo, trợ giúp tâm sở Tư trong tâm quả Siêu thế sinh lên bằng cách không gián đoạn.

Có "Vô gián cận y duyên", vì tâm Quả Siêu thế vững mạnh do nương vào tâm Đạo có trước đó, hay "tâm quả Siêu thế vững mạnh nhờ có tâm Chuyển tộc đã diệt trong lộ nhập thiền quả".

** Không hợp trợ.*

Không có.

Câu 3. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện diệt đi, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên bằng cách không gián đoạn.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (trừ tâm bất thiện ở sátna chót).

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện + 27 tâm sở hợp (trừ tâm bất thiện ở sátna thứ 1).

c- Giải.

Câu lọc này là xét "lộ đổng lực bất thiện không có Na cảnh".

- Bất thiện sátna thứ 1 trợ cho bất thiện sátna thứ 2 ….

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Có 5 duyên hợp trợ là: *Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Ly duyên, Vô hữu duyên*.

* *Không hợp trợ.* Có một duyên là "Nghiệp biệt thời duyên".

Câu 4. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp vô ký sinh lên, theo cách "không gián đoạn".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp (sinh kế trước tâm quả hiệp thế).

Vô ký sở duyên. 3 tâm Quan sát + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần).

c- Giải.

* Trong lộ đổng lực bất thiện có Na cảnh thì:

- Tâm bất thiện (tham, sân hoặc si) ở sátna đổng lực thứ 7, trợ cho một trong 11 tâm Na cảnh sinh lên.

* Trong lộ đổng lực không có Na cảnh ở cõi Dục thì:

- Tâm bất thiện (tham, sân hoặc si) ở sátna đổng lực thứ 7, trợ cho 11 tâm hữu phần Dục giới.

Ở cõi Sắc và Vô sắc giới thì:

- Tâm bất thiện (tham hoặc si) ở sátna đổng lực thứ 7, trợ cho một trong 9 tâm hữu phần Đáo đại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện)

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 4 duyên hợp trợ là "*Đẳng vô gián duyên*", "*Vô gián cận y duyên*", "*Ly duyên", "Vô hữu duyên".*

** Không hợp trợ.*

Có 2 duyên không hợp trợ là *"Nghiệp biệt thời duyên"* và "*Tập hành duyên*".

Câu 5. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp pháp vô ký sinh lên theo cách "không gián đoạn".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp sanh trước (trừ tâm tử của vị Thánh Alahán).

Vô ký sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp sinh sau.

c- Giải.

Có các cách như sau:

* 19 tâm tục sinh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần và Vô lượng phần) trợ 19 tâm hữu phần sinh kế tục tâm Tục sinh (trong lộ Tục sinh).

* Tâm hữu phần sinh trước trợ cho tâm hữu phần sinh sau.

Trong cõi ngũ uẩn.

** Lộ ngũ môn chót đổng lực:*

Với lộ ngũ môn của phàm nhân và Thánh hữu học thì:

- 15 tâm hữu phần Dứt dòng trợ cho tâm Hướng ngũ môn.

- Tâm Hướng ngũ môn trợ cho "một trong năm đôi thức".

- Một trong 5 đôi thức trợ cho tâm Tiếp thâu.

- Tâm Tiếp thâu trợ cho tâm Quan sát.

- Tâm Quan sát trợ cho tâm Phán đoán (là tâm Hướng ý môn).

* ***Với lộ ngũ môn chót đổng lực*** của bậc Thánh Alahán thì:

- Tâm Hướng ý môn (tâm Phán đoán) trợ giúp "một trong 8 tâm Đại hạnh".

- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 2 … tâm Đại hạnh ở sátna thứ 6 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7.

- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7 trợ cho tâm hữu phần.

* *Với lộ ngũ môn chót Na cảnh* của vị Thánh Alahán thì:

- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 7 trợ cho tâm Na cảnh thứ 1.

- Tâm Na cảnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Na cảnh ở sát na thứ 2.

- Tâm Na cảnh ở sát na thứ 2 trợ cho tâm hữu phần.

** Lộ ý môn chót đổng lực của vị Thánh Alahán.*

- Tâm hữu phần Dứt dòng trợ tâm Hướng ý môn.

- Tâm Hướng ý môn trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1.

- Tâm Đại hạnh ở sátna thứ 1 trợ cho tâm Đại hạnh ở sátna thứ 2 …. (phần kế tục giống như trong lộ ngũ môn).

Với phàm nhân và 3 bậc Thành hữu học thì chỉ có:

- Tâm hữu phần Dứt dòng trợ cho tâm Hướng ý môn.

Ở cõi Vô sắc, cũng tương tự như lộ ý cõi ngũ uẩn.

** Lộ đắc thiền hay nhập thiền của vị Thánh Alahán:*

- 4 tâm Đại hạnh có trí trợ cho 9 tâm duy tác Đáo đại trong lộ đắc thiền, hay nhập thiền hiệp thế.

- 4 tâm Đại hạnh có trí trợ giúp cho 20 tâm quả Siêu thế trong lộ nhập thiền quả của bậc Thánh Alahán.

- Trong lộ nhập thiền quả: Tâm quả Siêu thế trước trợ giúp cho tâm quả Siêu thế sau ….

- 9 tâm duy tác Đáo đại trợ 13 tâm hữu phần tam nhân, khi vị Thánh Alahán đắc thiền hoặc khi vị Thánh Alahán xuất thiền.

Trong lộ nhập thiền quả của bậc Thánh hữu học thì:

- Tâm quả Thiền Siêu thế ở sátna thứ 1, trợ cho tâm quả Thiền Siêu thế ở sátna thứ 2 ….

** Trong lộ nhập thiền Diệt của bậc Thánh Alahán:*

- Tâm Hạnh Phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ tâm Tứ quả khi xuất thiền diệt.

* *Trong lộ đắc Đạo*:

- Tâm quả Siêu thế ở sátna thứ 1 trợ tâm quả Siêu thế sinh sau vào sátna thứ 2.

* *Xét về lộ cận tử như sau*:

- 2 tâm tử vô nhân và 4 tâm tử nhị nhân trợ 10 tâm tục sinh.[241]

- 4 tâm tử tam nhân dục giới trợ 19 tâm tục sinh.

- 5 tâm tử Sắc giới trợ 17 tâm tục sinh hữu nhân.

- Tâm tử Không vô biên xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + 4 tâm quả Tục sinh vô sắc.

- Tâm tử Thức vô biên xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + 3 tâm quả Tục sinh Vô sắc giới (trử tâm quả Không vô biên xứ).

- Tâm tử Vô sở hữu xứ trợ 4 tâm Tục sinh tam nhân dục giới + tâm quả tục sinh Vô sở hữu xứ + tâm quả tục sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Tâm tử Phi tưởng phi phi tưởng trợ 4 tâm tục sinh tam nhân dục giới + tâm quả tục sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

* *Lộ Nípbàn.*

-Tâm Duy tác đồng lực thứ 5 trợ 13 tâm tử tam nhân của vị Thánh Alahán.

- Tâm thông trợ tâm tử của vị Thánh Alahán.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, ý, lộ nhập thiền quả, lộ nhập xuất thiền diệt, lộ cận tử, lộ Nípbàn, lộ hiện thông… và siêu lộ.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 5 duyên hợp trợ là *"Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Tập hành duyên, Ly duyên, Vô hữu duyên".*

** Không hợp trợ.*

Có 1 duyên là *"Nghiệp biệt thời duyên".*

Câu 6. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp cho pháp thiện sinh lên bằng cách "không gián đoạn".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm Hướng ý môn và 11 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp, ở sátna thứ 1 trong lộ đổng lực thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

* Trong lộ đổng lực thiện, tâm Hướng ý môn trợ cho tâm thiện ở sátna đầu tiên.

Vô ký năng duyên là "tâm Hướng ý môn và tâm sở hợp".

Thiện sở duyên là "8 tâm Đại thiện và tâm sở hợp".

* Trong lộ đắc Đạo, lộ nhập thiền của bậc Thánh hữu học và phàm tam nhân, tâm Hướng ý môn trợ cho sátna Chuẩn bị (hay sátna Cận hành).

Vô ký sở duyên là "tâm Hướng ý môn và tâm sở hợp".

Thiện năng duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và tâm sở hợp".

* Trong lộ phản khán thiền của phàm tam nhân, hay lộ phản khán thiền + lộ phản khán Đạo của bậc Thánh hữu học, tâm Hướng ý môn trợ cho 4 đại thiện có trí.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, nhập thiền, lộ đắc đạo, lộ phản khán.

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 4 duyên hợp trợ là *"Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ là *"Tập hành duyên"* và *"Nghiệp biệt thời duyên"*.

Câu 7. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa anantara paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký diệt đi, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên, không gián đọan

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên Tâm Hướng ý và 11 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. Tất cả tâm bất thiện ở sátna thứ nhất trong 7 sátna đổng lực.

c- Giải.

Có cách thức như sau:

- Trong lộ đổng lực bất thiện, tâm Hướng ý môn diệt đi, trợ giúp cho tâm bất thiện sinh lên ở sátna thứ 1.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: Cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có bốn duyên hợp trợ là *"Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ là *"Tập hành duyên" và "Nghiệp biệt thời duyên".*

---o0o---

Đồng sinh duyên

(Sahajātapaccayo).

1. Định nghĩa.

Đồng sinh là "cùng sinh ra". *Duyên* là "trợ giúp, ủng hộ".

Đồng sinh duyên là năng duyên trợ giúp, ủng hộ sở duyên. Và cả năng và sở đều cùng sinh ra một lúc.

2. Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả tâm và tâm sở hợp + sắc Tứ đại + sắc Ý vật tục sinh (paṭisandhi hadayavatthu).

Sở duyên. Tất cả tâm và tâm sở hợp + sắc pháp.

Phi sở duyên. Nípbàn và Chế định.

Duyên trùng với Đồng sinh duyên.

Có 3 duyên trùng với Đồng sinh duyên vì có cùng chi pháp là:

1- *Đồng sinh y duyên* (sahajāta nissaya paccayo).

2- *Đồng sinh hiện hữu duyên* (sahajātatthi paccayo)

3- *Đồng sinh bất ly duyên* (sahajāta avigata paccayo).

---o0o---

Đồng sinh duyên với tam đề thiện

Có 9 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp thiện sinh lên được vững mạnh, theo cách "cùng sinh lên".

Ví như "ánh sáng cùng sinh lên với ngọn lửa và ánh sáng lan toả ra".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

3- Giải.

Có các cách như sau:

* Một uẩn thiện trợ ba uẩn thiện kia bằng Đồng sinh duyên. Như:

- Tâm sở Thọ thiện trợ giúp cho tâm cùng các tâm sở khác sinh lên.

Thọ uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp còn lại là sở duyên.

- Tâm sở Tưởng thiện trợ cho các tâm sở khác và tâm cùng sinh lên.

Tưởng uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp khác là sở duyên.

-Tâm sở Tín thiện trợ giúp các danh pháp khác sinh lên.

Hành uẩn thiện là năng duyên. Các danh pháp khác là sở duyên.

* Hai uẩn thiện trợ hai uẩn thiện. Như:

- Thọ uẩn thiện và tưởng uẩn thiện trợ cho Thức uẩn thiện và hành uẩn thiện sinh lên. Hay

- Thọ uẩn thiện và thức uẩn thiện trợ cho Tưởng uẩn thiện và hành uẩn thiện sinh lên …

* Ba uẩn thiện trợ một uẩn thiện.

Câu này đối với.

- Người: 11 người (trừ bậc Tứ quả).

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ Ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ phản khán…

Nói chung là những tâm lộ có tâm thiện sinh khởi.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nên lưu ý: Ở đây chỉ nói đến khía cạnh "đồng sinh", không đề cập đến các khía cạnh như: Nhân, quyền, Trưởng…

Tuy chi pháp năng duyên có tâm sở Trí nhưng bất định, do đó các khía cạnh như "nhân duyên", "quyền duyên"… không đề cập đến.

Tổng quát "Đồng sinh duyên có 7 duyên hợp trợ", trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng và sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên*".

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên*".

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có "*Tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy, có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có "*Quả duyên"*.

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh theo cách "đồng sinh".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

-*Vô ký sở duyên.* Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Thí dụ: Vị pháp sư thuyết pháp đến tứ chúng.

Năng duyên là "tâm thiện".

Tư cách thuyết pháp như nói, ngồi: là sắc tâm thiện (sở duyên).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn (trừ 4 cõi Vô sắc + cõi Vô tưởng).

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền của Thánh hữu học và phàm tam nhân, lộ phản khán thiền, lộ phản khán đạo hữu học, lộ hiện thông thiện.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở không trợ giúp năng, nên không có *"Hổ tương duyên"*.

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có *"Tương ưng duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

***Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên*.**

***a- Định nghĩa*.**

Là pháp thiện trợ giúp pháp thiện và pháp vô ký sinh lên, được vững mạnh theo cách "đồng sinh".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tất cả pháp thiện.

Thiện và Vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện và sắc tâm thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một trong 4 danh uẩn thiện trợ giúp cho 3 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.

- Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.

- Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ phản khán thiền ...

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 3 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên có sắc pháp, nên không hỗ trợ năng duyên được, nên không có *"Hổ tương duyên"*và "*Tương ưng duyên"*.

- Năng là pháp thiện, nên không có "*Quả duyên*".

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo:*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện sinh được vững mạnh, bằng cách "cùng sinh lên".

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một danh uẩn bất thiện trợ ba danh uẩn bất thiện còn lại.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ hai danh uẩn bất thiện còn lại.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ cho một danh uẩn bất thiện còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, (có đổng lực tâm bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở duyên hỗ trợ cho năng duyên, nên có *"Hổ tương duyên"*.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng - sở hòa hợp, nên có "*Tương ưng duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên"*.
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo:*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ cho sắc tâm bất thiện, theo cách đồng sinh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Pháp bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Ví dụ: Người đồ tể thọc huyết heo.

Bất thiện năng duyên là "tâm Sân".

Sở duyên là "sắc thân biểu tri bất thiện".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực tâm bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở duyên nương vào năng duyên để vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên"*.
- Sở duyên là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở không hỗ trợ năng, nên không có *"Hổ tương duyên".*
- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*
- Sở là sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajāta paccayena paccayo*:

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện và pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, theo cách "đồng sinh".

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Một danh uẩn bất thiện trợ ba danh uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện.

- Hai danh uẩn bất thiện trợ hai danh uẩn còn lại và sắc tâm bất thiện.

- Ba danh uẩn bất thiện trợ cho một danh uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 3 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên có sắc pháp nên không có *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên"*.

- Sở duyên có danh pháp nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

- Năng là pháp bất thiện, nên không *"Quả duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký trợ cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, bằng cách "cùng sinh lên".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tứ đại + sắc Ý vật tục sinh.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tâm tục sinh, sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm bình nhật, sắc nghiệp bình nhật, sắc âm dương, sắc vật thực.

c- Giải.

Tong câu lọc này có: Danh vô ký trợ danh vô ký, danh vô ký trợ sắc, danh vô ký trợ danh - sắc vô ký và sắc trợ sắc. Có cả ba thời "Tục sinh, bình nhật và tử".

Danh trợ danh có trong 30 cõi hữu tâm. Danh trợ sắc và danh trợ danh sắc có trong 26 cõi ngũ uẩn. Sắc trợ sắc có trong 27 cõi sắc pháp.

a'- *Danh trợ danh ở 30 cõi hữu tâm.*

** Thời bình nhật.*

- Một danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho ba danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.
- Hai danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho hai danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.
- Ba danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho ba danh uẩn quả (hay Hạnh) còn lại.

Duyên hợp trợ.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*
- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.
- Năng duyên là pháp quả, nên có *"Quả duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

** Thời Tục sinh và thời tử.*

Tương tự như trên, chỉ có khác là "không có danh uẩn Hạnh".

b- Danh vô ký trợ sắc ở 26 cõi ngũ uẩn.

** Thời bình nhật*.

Một trong 4 uẩn hay cả 4 uẩn vô ký trợ cho sắc tâm quả hay sắc tâm Hạnh sinh lên.

Duyên hợp trợ.

- Sở nương vào danh để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên*".
- Sở là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

* *Thời tục sinh.* Một, hai, ba hay cả 4 uẩn quả trợ sắc Tục sinh.

* *Thời tử*. Một, hai, ba hay cả 4 danh uẩn quả trợ sắc tâm tử.

c- Danh vô ký trợ cho danh - sắc vô ký, ở 26 cõi ngũ uẩn.

* *Thời bình nhật.*

- Một danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 3 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).

- Hai danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 2 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).

- Ba danh uẩn quả (hay Hạnh) trợ cho 1 danh uẩn còn lại và sắc tâm quả (hay Hạnh).

Phần này đối với:

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ….

Duyên hợp trợ.

-Sở dựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên*".

- Năng có pháp quả, nên có "*Quả duyên"*.

-Năng - sở cùn có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên*", *"Đồng sinh bất ly duyên".*

Không hợp trợ.

- Sở có sắc pháp, nên không có "*Hổ tương duyên"*, "*Tương ưng duyên"*.

- Sở có danh pháp, nên không có "*Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

* *Thời Tục sinh.*

- Một danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 3 danh uẩn còn lại, và sắc nghiệp Tục sinh.

- Hai danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 2 danh uẩn quả còn lại, và sắc nghiệp Tục sinh.

- Ba danh uẩn quả Tục sinh trợ cho 1 danh uẩn quả Tục sinh, và sắc nghiệp tục sinh.

Chú thích.

Trong sắc nghiệp Tục sinh có "đoàn ý vật" hỗ trợ cho tâm Tục sinh, nên có thêm *"Hổ tương duyên"* trong phần duyên hợp trợ.

* *Thời tử.* Tương tự như thời bình nhật, chỉ có điều là "không có tâm Hạnh và sắc tâm Hạnh".

d- Sắc trợ cho sắc.

Nói chung là :

- Một sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại còn lại …

(Học viên cần xét theo cõi ngũ uẩn hoặc cõi Vô tưởng).

<u>Phụ chú:</u>

Trong phần nói về sắc tứ đại trợ giúp sắc tứ đại, là nói đến: Sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại do tâm tạo, sắc tứ đại do nghiệp tạo, sắc tứ đại do vật thực tạo và sắc tứ đại do thời tiết tạo.

Trong sắc do tâm tạo thì "sắc tứ đại tâm trợ giúp cho sắc y sinh tâm" sinh lên. Tương tự như vậy với "sắc do nghiệp tạo, sắc do vật thực tạo và sắc do âm dương tạo".

Trong cõi Vô tưởng:

- Một, 2 hay 3 sắc tứ đại cõi Vô tưởng trợ cho sắc tứ đại cõi vô tưởng còn lại sinh lên.

- Bốn sắc tứ đại cõi vô tưởng trợ cho sắc y sinh cõi Vô tưởng sinh lên.

Câu 8. *Kusalo ca abyākatassa ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện và pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện cùng pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên theo cách "đồng sinh".

b- Chi pháp.

Thiện và vô ký năng duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện tứ đại.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

-Một trong bốn danh uẩn thiện hay 2, 3 hoặc cả 4 danh uẩn thiện trợ sắc tâm thiện.

- Một, 2 hay 3 trong 4 sắc tứ đại tâm trợ cho sắc tứ đại tâm còn lại.

- Một, 2, 3, hay cả 4 sắc tứ đại tâm trợ cho sắc y sinh tâm. Sắc tứ đại tâm trợ trợ sắc tứ đại tâm.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên*".

- Năng - sở cùng có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên*" và *"Đồng sinh bất ly duyên".*

- Năng là danh - sắc, sở là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở có sắc pháp, nên không có "*Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên".*

- Năng là pháp thiện, nên không có*"Quả duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 9. *Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajāta paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện và pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện và pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên được vững mạnh, theo cách "đồng sinh".

b- Chi pháp.

Bất thiện và vô ký năng duyên. Pháp bất thiện + sắc tứ đại tâm bất thiện.

Vô ký sở duyên. sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Bốn danh uẩn bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.

- Một, 2, hay 3 trong 4 sắc tứ đại tâm bất thiện trợ cho sắc tứ đại tâm bất thiện còn lại.

- Sắc tứ đại tâm bất thiện trợ sắc y sinh tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý. (đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên*".

- Năng - sở cùng có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên*" và *"Đồng sinh bất ly duyên".*

- Năng là danh - sắc, sở là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở có sắc pháp, nên không có "*Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên".*

- Năng là pháp thiện, nên không có*"Quả duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

---o0o---

Hổ tương duyên

(Aññamaññа paccayo).

Định nghĩa.

Aññamaññа: dịch là *hổ tương* nghĩa là sự trợ giúp qua lại. Tức là "năng duyên" trợ giúp cho sở duyên, ngược lại sở duyên cũng trợ giúp cho năng duyên.

Ví như 2 khúc gỗ tựa vào nhau để đứng vững.

Sự tác động qua lại giữa năng và sở, do cả năng và sở đều cùng giống với nhau.

Chi pháp.

1. Năng duyên.

** Cõi Vô sắc.*

- Thời bình nhật: Có 46 tâm[242] - và 46 tâm sở hợp (trừ Sân phần + Vô lượng phần).

- Thời tục sinh: 4 tâm quả Vô sắc và 30 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần + hỷ + tầm + tứ).

** Cõi ngũ uẩn.*

- Thời bình nhật: Có 117 tâm (121 tâm - 4 tâm quả Vô sắc) và 52 tâm sở hợp + sắc tứ đại ngoại + sắc tứ đại tâm + sắc tứ đại nghiệp + sắc tứ đại vật thực + sắc tứ đại âm dương.

- Thời tục sinh: 15 tâm quả Tục sinh cõi ngũ uẩn và 36 tâm sở hợp + sắc tứ đại nghiệp tục sinh + sắc Ý vật tục sinh.

* *Cõi Vô tưởng.*

- Sắc tứ đại nghiệp vô tưởng.

2. Sở duyên:

* *Cõi vô sắc.* Bốn danh uẩn thời bình nhật và thời tục sinh.

* *Cõi ngũ uẩn.*

- Bốn danh uẩn thời bình nhật + sắc tứ đại (sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại thời tiết, sắc tứ đại vật thực, sắc tứ đại nghiệp thời bình nhật).

- Bốn danh uẩn thời tục sinh + sắc tứ đại nghiệp tục sinh.

* *Cõi vô tưởng.* Sắc tứ đại nghiệp Vô tưởng.

3. Phi sở duyên. Sắc y sinh (trừ sắc Ý vật tục sinh).

Chú thích.

- Một đại hỗ trợ cho 3 đại, 3 đại hỗ trợ cho 1 đại, nên sắc tứ đại được kể vào sở duyên của "Hổ tương duyên".

- Sắc y sinh không thể hỗ trợ cho sắc tứ đại, nên sắc y sinh được kể vào "phi sở duyên" của "Hổ tương duyên.

---o0o---

Hổ tương duyên với tam đề thiện

Có 3 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa aññamaññ paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Hổ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện trợ giúp cho pháp thiện sinh lên, cả hai pháp năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Ví dụ: Người có đức tin, nên cung kỉnh Tam bảo.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một danh uẩn thiện trợ cho 3 danh uẩn thiện theo cách "hổ tương".
- Hai danh uẩn thiện trợ cho 2 danh uẩn thiện theo cách "hổ tương".
- Ba danh uẩn thiện trợ cho 1 danh uẩn thiện theo cách "hổ tương".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý … (với đổng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Hổ tương duyên có 7 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có "*Quả duyên"*.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Câu 2. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa aññamañña paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Hổ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện, cả năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Ví dụ: Người hay ganh tỵ với hạnh phúc người khác.

c- Giải.

- Một danh uẩn bất thiện trợ giúp 3 danh uẩn bất thiện còn lại.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ giúp 2 danh uẩn bất thiện còn lại.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ trợ giúp một danh uẩn bất thiện còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ Ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.
- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có "*Quả duyên"*.
- Năng và sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa aññamaññ paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Hổ tương duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký sinh lên, cả năng và sở đều hỗ trợ lẫn nhau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tứ đại hiển + sắc Ý vật tục sinh.

Vô ký sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 hợp + sắc tứ đại hiển + sắc Ý vật tục sinh.

c- Giải.

Sắc Tứ đại hiển trong phần này (cả năng lẫn sở) là chỉ cho sắc tứ đại trong: Sắc ngoại, sắc do tâm tạo, sắc do nghiệp tạo, sắc do thời tiết tạo, sắc do vật thực tạo, sắc nghiệp Vô tưởng.

Không kể sắc y sinh, vì sắc y sinh không hỗ trợ cho sắc tứ đại được.

Có các cách như sau:

** Danh vô ký trợ danh vô ký bằng hổ tương duyên.*

- Một, 2 hay 3 danh uẩn Hạnh trợ cho các danh uẩn Hạnh còn lại.

- Một, 2, hay 3 danh uẩn quả trợ cho các danh uẩn quả còn lại.

(không kể sắc do tâm tạo, vì sắc tâm không hỗ trợ được năng duyên).

** Chi pháp.*

Năng duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Sở duyên: 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

** Phần này đối với*:

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

** Duyên hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng có pháp quả, nên có *"Quả duyên*".

(Nếu là tâm Hạnh, thì loại trừ Quả duyên ra).

- Năng - sở là danh pháp, nên có "*Tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ .

** Danh vô ký trợ danh - sắc bằng Hổ tương duyên.*

Điều này chỉ có trong thời điểm Tục sinh.

- Một, 2, 3 danh uẩn quả Tục sinh cõi ngũ uẩn, trợ giúp các danh uẩn quả còn lại và sắc Ý vật tục sinh.

- Bốn danh uẩn quả Tục sinh trợ giúp sắc Ý vật tục sinh.

- Sắc Ý vật tục sinh trợ cho 4 danh uẩn quả Tục sinh.

* *Chi pháp.*

Năng duyên. 15 tâm quả tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc Ý vật tục sinh.

Sở duyên. 15 tâm quả tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc Ý vật tục sinh.

* *Phần này đối với.*

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời tục sinh.

- Lộ tâm: Lộ ý.

- Giống: Giống đồng sinh.

* *Duyên hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng - sở là danh và sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Năng là pháp quả, nên có "*Quả duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 6 duyên hợp trợ.

* *Sắc trợ cho sắc*.

- Một sắc tứ đại, 2, 3 sắc tứ đại trợ cho các sắc tứ đại còn lại, trong các sắc do tâm tậm, sắc do nghiệp tạo …. sắc nghiệp Vô tưởng.

* *Chi pháp.*

Năng duyên: Sắc tứ đại hiển.

Sở duyên: Sắc tứ đại hiển.

* *Phần này đối với:*

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 4 Thánh quả.

- Cõi: 27 cõi hữu sắc.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và lộ sắc ở cõi hữu sắc.

- Giống: Giống đồng sinh.

** Duyên hợp trợ.*

- Năng sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên".*

- Sở nương vào năng, nên có "Đồng sinh y duyên".

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Như vậy có 4 duyên hợp trợ.

---o0o---

Y duyên

(Nissaya paccayo).

Định nghĩa.

Nissaya dịch là *Y*, nghĩa là "nơi nương nhờ".

Y duyên là "mãnh lực trợ giúp" bằng cách cho nương nhờ.

Ví như: Người học trò nnương vào người thầy để được phát triển, tiến hóa.

Phân tích.

Y duyên chia rộng có ba duyên là:

- "*Đồng sinh y duyên"* trùng với "*Đồng sinh duyên"*.

- *Vật tiền sinh y duyên*.

- *Vật cảnh tiền sinh y duyên*.

A - Vật sinh tiền y duyên (vatthupurejātanissaya paccayo)**.**

Định nghĩa.

"***Sắc vật"*** sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm. Gọi là "Vật sinh tiền y duyên".

Duyên trùng.

Vật sinh tiền y duyên trùng với bốn duyên:

1- *Vật sinh tiền duyên* (vatthupurejāta paccayo).

Lả sáu vật [243], làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh sau.

2- *Vật sinh tiền bất tương ưng duyên.*

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh sau. Và cả năng - sở không hòa hợp với nhau.

3- *Vật sinh tiền hiện hữu duyên* (vatthupurejāt'atthi paccayo) .

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ cho tâm sinh sau nương nhờ. Cả vật và tâm cùng có mặt.

4- *Vật sinh tiền bất ly duyên* (vatthupure jāta avigata paccayo).

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương cho tâm sinh sau. Vật và tâm không lìa nhau.

Chi pháp.

Năng duyên. Là 6 sắc vật đang ở giai đoạn trụ.

Có bốn cách:

1- Bọn trung thọ (majjhimāyuka) của năm vật[244] đồng sanh với tâm hữu phần vừa qua.

2- Sắc Ý vật đồng sinh với tâm trước đó. Như vào lúc Tục sinh sắc Ý vật đồng sinh với tâm Tục sinh, sắc Ý vật này làm chỗ nương cho tâm Hữu phần sinh kế tục tân Tục sinh.

3 - Sắc Ý vật sinh lên trước khi xuất thiền diệt.

4- Sáu sắc hữu vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể tử tâm tử trở về trước.

Sở duyên.

Nhất định. 47 tâm = 2 tâm Sân + 8 tâm Đại quả + 15 tâm quả Sắc giới + 5 tâm Sơ đạo + 17 tâm Vô nhân (trừ tâm Hướng ý môn) và 48 tâm sở hợp (trừ Tham phần và tâm sở Hoài nghi) .

Bất định. 70 tâm = 8 tâm Tham + 2 tâm Si + tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 8 đổng lực Vô sắc + 35 tâm siêu thế (trừ 5 tâm sơ đạo) và 46 tâm sở hợp (trừ Si phần + Vô lượng phần).

Chú thích.

Sở duyên nhất định là tính những tâm và tâm sở hợp chỉ có trong 26 cõi ngũ uẩn.

Sở duyên bất định là những tâm và tâm sở hợp có trong 30 cõi hữu tâm.

Phi sở duyên.

Nhất định: 28 sắc pháp + 4 tâm quả Vô sắc và 30 tâm sở hợp.

Bất định: 70 tâm và 46 tâm sở hợp.

Khi 70 tâm này ở cõi ngũ uẩn là sở duyên. Khi ở cõi Vô sắc là "phi sở duyên".

---o0o---

Vật sinh tiền y duyên với tam đề thiện

Có ba câu lọc.

Câu 1. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sáu vật sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho tâm vô ký sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 6 sắc vật sinh trước.

Vô ký sở duyên. 68 tâm vô ký (trừ 4 tâm quả Vô sắc giới) và 38 tâm sở hợp sinh sau trong cõi ngũ uẩn.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Năm sắc thần kinh đang trụ là Vật sinh tiền y duyên cho năm đôi thức và 7 tâm sở hợp nương nhờ.

b'- Sắc Ý vật đang trụ là Vật sinh tiền y duyên cho 58 tâm vô ký (trừ năm đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc).

c'- Sắc Ý vật sinh trước đang trụ trợ cho tâm Tam quả Siêu thế, tâm Tứ quả Siêu thế sinh lên khi vị Thánh xuất thiền Diệt.

d'- Sáu vật đồng sinh với tâm 17 kể từ tâm tử trở lại, trợ cho 16 tâm sinh sau kể cả tâm tử.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 15 cõi Sắc giới, năng duyên là thần kinh Nhãn, thần kinh Nhĩ, sắc Ý vật.

Ở 11 cõi Dục giới, năng duyên là sáu sắc vật.

- Thời: Thời bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, Lộ ý, lộ đổng lực tâm Duy tác, lộ đắc đạo, lộ phản khán, nhập thiền quả, nhập thiền, lộ đắc thiền của vị Alahán, lộ Nípbàn, lộ Nípbàn liên thiền, lộ hiện thông…

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vật sinh tiền y duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có

** Hợp trợ.*

- Năng là vật sinh trước, nên có "*Vật sinh tiền duyên*".

- Năng là sắc sinh trước, sở là danh, nên có *"Vật sinh tiền bất tương ưng duyên"*.

- Năng sở đều có mặt, nên có *"Vật sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật sinh tiền bất ly duyên"*.

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Vật không làm cảnh, nên không có *"Vật cảnh sinh tiền duyên"*.

Câu 2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo*.

Vô ký trợ pháp thiện bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là "vật" sinh trước, làm chỗ nương nhờ cho pháp thiện sinh sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên: Sắc Ý vật đang trụ nghĩa là sắc Ý vật sinh vào tâm trước trước đó.

Thiện sở duyên: 37 tâm thiện sinh sau sắc Ý vật ở cõi ngũ uẩn.

c- Giải.

- Sắc Ý vật sinh trước từ tâm Phán đoán hay tâm Hướng ý môn trở về trước ở giai đoạn trụ (49 sátna tiểu), trợ giúp cho 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Đoàn sắc Ý vật đang sinh (sátna 1) hay đang diệt (sátna 51) không thể làm chỗnương cho tâm.

- Thiện trong lộ cận tử thì nương nhờ vào sắc Ý vật sinh từ tâm thứ 17 kể từ tâm Tử trở về trước.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực tâm thiện), lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ phản khán, lộ hiện thông, lộ cận tử (đổng lực thiện).

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Sắc Ý vật sinh trước, làm chỗ nương cho tâm sinh sau, nên có *"Vật sinh tiền duyên"*.

- Năng là sắc, sở là danh, nên có *"Vật sinh tiền bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không là cảnh của sở duyên, nên không có "*Cảnh tiền sinh duyên".*

Có 1 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Abyākato dhammo Akusalassa dhammassa vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, làm chỗ cho tâm bất thiện và tâm sở hợp sinh sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật sinh trước, ở giai đoạn trụ.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp sinh sau.

c- Giải.

- Sắc Ý vật đang trụ trợ các uẩn bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 quả hữu học.

- Cõi: Trong 26 cõi ngũ uẩn (sở duyên là 12 tâm bất thiện).

Trong 15 cõi Sắc giới (sở duyên là 10 tâm bất thiện (trừ 2 sân)).

- Thời: bình nhật, thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ cận tử (đổng lực không bất thiện).

- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Giống như câu lọc 2.

Phụ chú:

Đồng sinh y duyên và *Vật sinh tiền y duyên* kết hợp, có hai câu lọc đặc biệt như sau:

Câu lọc 1. *Kusalo ca abyākato dhammā kusalassa dhammassa sahajāta nissaya vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp thiện và pháp vô ký trợ pháp thiện bằng câu sinh y duyên và Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện hợp với pháp vô ký trợ giúp pháp thiện tương ưng sinh lên theo cách hỗn hợp: Vừa đồng sinh, vừa sinh trước.

b- Chi pháp.

Thiện và Vô ký năng duyên. Pháp thiện + sắc Ý vật (sinh trước).

Thiện sở duyên. Pháp thiện.

c- Giải.

Tức là danh năng duyên đồng sinh với sở duyên. Sắc năng duyên sinh trước sở duyên.

- Sắc Ý vật ở giai đoạn trụ, hay đồng sinh với tâm Phán đoán (trong lộ ngũ) hoặc tâm Hướng ý môn (trong lộ ý), cùng với 1 danh uẩn thiện, trợ ba danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng 2 danh uẩn thiện, trợ hai danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng ba danh uẩn thiện, trợ một danh uẩn thiện tương ưng bằng hai duyên.

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 thánh hữu học.

- Cõi: Cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý … với đổng lực thiện.

- Giống: Giống đồng sinh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ.

Có ba duyên hợp trợ là: Y duyên, hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

Câu lọc 2. *Akusalo ca abyākato ca dhammā akusalassa dhammassa sahajāta nissaya vatthupurejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện và pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh y duyên và Vật sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện hợp với pháp vô ký, trợ giúp pháp bất thiện tương ưng sinh lên, theo cách hổn hợp: Vừa đồng sinh vừa sinh trước.

b- Chi pháp.

Bất thiện và Vô ký năng duyên. Pháp bất thiện + sắc Ý vật sinh trước.

Thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

Tức là: Danh năng duyên đồng sinh với sở duyên. Sắc năng duyên sinh trước sở duyên.

- Sắc Ý vật ở giai đoạn trụ hay đồng sinh với tâm Phán đoán (trong lộ ngũ) hoặc tâm Hướng ý môn (trong lộ ý), cùng với 1 danh uẩn bất thiện, trợ ba danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng 2 danh uẩn bất thiện, trợ hai danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

- Sắc Ý vật sinh trước cùng ba danh uẩn bất thiện, trợ một danh uẩn bất thiện tương ưng bằng hai duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý … (đổng lực bất thiện)

- Giống: Giống đồng sinh và giống sinh tiền.

---o0o---

Duyên hợp trợ.

Có ba duyên hợp trợ là: *Y duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên*.

B- Vật- cảnh sinh tiền y duyên.

(Vatthārammaṇa purejāta upanissaya paccayo).

Định nghĩa.

Là vật sinh trước, vừa là chỗ nương cho tâm sinh sau, lại bị tâm ấy nhận biết.

Ví dụ: Vị vua nương vào sức mạnh quân đội để bảo vệ đất nước và biết rõ sức mạnh quân đội.

Theo định nghĩa trên: 5 sắc vật sinh trước chỉ là chỗ nương cho 5 đôi thức, nhưng không bị năm đôi thức nhận biết.

Chỉ có sắc Ý vật có thể thỏa mãn 3 điều kiện: Sinh trước, là chỗ trú cho tâm, vừa làm cảnh cho tâm.

Sắc Ý vật có thể làm chỗ trú cho tâm hữu phần, nhưng tâm hữu phần không thể "biết" sắc Ý vật. Như vậy tâm "sinh lên sau", chỉ có thể là tâm khách trong lộ tâm.

Duyên trùng.

Vật- cảnh sinh tiền y duyên trùng bốn duyên như sau:

1- *Vật- cảnh sinh tiền duyên* (vatthārammaṇa purejāta paccayo).

Là vật sanh trước làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở hợp sinh sau.

2- *Vật- cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên* (vatthārammaṇa purejāta vippayuttapaccayo).

Là vật sinh trước làm cảnh trợ giúp cho tâm và tâm sở hợp sinh sau nhưng không hòa hợp.

3. *Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên* (vatthārammaṇa purejāt'atthi paccayo).

Là vật sinh trước làm cảnh cho tâm và tâm sở hợp sinh sau và đang có mặt.

4- Vatthārammaṇa purejāt'āvigatā paccayo: *Vật-cảnh sinh tiền bất ly duyên.*

Là vật sinh trước làm cảnh cho tâm và tâm sở sinh sau, năng - sở không xa lìa nhau.

Mãnh lực trợ giúp của năm duyên có bốn trạng thái như sau:

- Giúp bằng cách là *"vật"* tức là sắc Ý vật.

- Giúp bằng cách làm thành *"cảnh"*, để tâm sinh lên sau nhận bắt.

- Sinh ra trước.

- Tùy theo tư cách sở duyên, như: Nương nhờ, không hòa hợp, đang còn, hay không xa lìa.

Chi pháp.

Năng duyên Sắc Ý vật đồng sanh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

Sở duyên. Là những tâm khách trong lộ cận tử, bao gồm:

Tâm hướng ý môn + 29 đổng lực dục giới (javanakāmavacara) + 2 tâm thông (iddhipādacitta) + 44 tâm sở hợp (trừ Tật, lận, hối, Giới phần và Vô lượng phần).

- *Phi sở duyên.*

* *Nhất định.* Sắc pháp + năm đôi thức + Ý giới + tâm Siêu thế + tâm Đáo đại và 38 tâm sở hợp.

* *Bất định.* Là 41 tâm dục giới (trừ năm đôi thức + ý giới) và 52 tâm sở hợp.

Đây là trường hợp đặc biệt, tâm có khả năng vừa nương vật lại nhận chính vật đó làm cảnh, chỉ xảy ra trong thời cận tử.

---o0o---

Vật - cảnh sinh tiền y duyên với tam đề thiện

Có 3 câu lọc.

Câu 1. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo.

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, vừa là chỗ nương của tâm vừa làm cảnh, để tâm vô ký sinh lên sau nhận bắt.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật sanh trước tâm tử 17 sátna.

Vô ký sở duyên. Tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiếu + 8 tâm Đại hạnh + 11 tâm Na cảnh + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp (trử Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải.

Câu lọc này chỉ cho lộ viên tịch của vị Thánh Alahán.

Với vị Thánh Alahán có 2 lộ viên tịch: Lộ viên tịch thông thường và lộ viên tịch đặc biệt.

Lộ viên tịch đặc biệt, khi nhận sắc Ý vật làm cảnh, đó là lộ viên tịch hiện thông. Như Đức Ānanda hiện thông khi viên tịch.

* *Với lộ viên tịch thông thường có 4 cách*:

- Đổng lực, Na cảnh, hữu phần và Viên tịch.

- Đổng lực, Na cảnh và Viên tịch.

- Đổng lực, hữu phần và Viên tịch.

- Đổng lực và Viên tịch.

Trong lộ này: Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17, kể từ tâm Viên tịch trở về trước sẽ trợ giúp các tâm khách sinh lên sau, những tâm và tâm sở hợp này vừa trú ở sắc Ý vật và nhận sắc Ý vật làm cảnh.

Sở duyên trong phần này là: Tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại Hạnh + tâm Sinh tiếu + 11 tâm Na cảnh và 33 tâm sở hợp.

* *Với lộ Nípbàn hiện thông.*

Lộ Nípbàn hiện thộng có 2 mô thức:

- Tâm Thông diệt đi, một tâm hữu phần xuất hiện, sau đó là tâm Viên tịch xuất hiện.

- Tâm Thông diệt đi, tiếp theo là tâm Viên tịch.

Sở duyêntrong phần này là: Tâm Hướng ý môn + 4 tâm Đại hạnh có trí + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: Bậc Alahán.

- Cõi: 22 cõi ngũ uẩn (trừ 4 cõi khổ).

- Thời: Thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ viên tịch và lộ Nípbàn liên thông.

- Giống: Giống cảnh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vật- cảnh sinh tiền y duyên có 8 duyên hợp trợ, trong câu lọc này có

** Hợp trợ.*

- Năng làm cảnh cho sở, lại sinh trước, nên có *"Cảnh duyên", "Cảnh sinh tiền duyên".*

- Năng là vật, lại là cảnh và sinh trước, nên có "*Vật - cảnh sinh tiền duyên".*

-Năng là sắc, sở là danh, nên có "*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên".*

Có sáu duyên hợp trợ:

** Không hợp trợ.*

- Năng không là cảnh trưởng, nên không có *"cảnh trưởng duyên"* và *"Cảnh cận y duyên".*

Câu 2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo*.

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước vừa là chỗ nương nhờ cho tâm thiện sinh lên sau vừa là cảnh của tâm ấy.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật đồng sanh trước tâm tử 17 sát na.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện dục giới sinh trong lộ cận tử 5 sát na + tâm thông thiện và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải thích.

Sắc Ý vật sanh trước vào tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở lại, trợ cho 8 tâm thiện dục giới + tâm thông thiện (trừ tâm thần túc thông) và 33 tâm sở hợp trong lộ tử còn tục sinh.

Đối với Thần túc thông phải nhận cảnh là "Chế định", là cảnh của 10 đề mục Kasina như "Đất, nước, gió, lửa…", khi ấy mới thi triển được năng lực thần thông.

Phàm nhân hay Thánh hữu học cũng có thể có "Thiên nhãn trí", "Vị lai trí"… có thể biết được chỗ tái sinh trong kiếp sau của mình.

Như trưởng giả Dhammika thấy những cổ thiên xa ở 6 cõi trời đến rước ông [245][4]

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ cận tử (với đổng lực thiện) còn tục sinh và lộ tử hiện thông còn tục sinh.

- Giống: Giống cảnh và giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

- Năng là cảnh, nên có "*Cảnh duyên", "Cảnh sinh tiền duyên*".

- Năng - sở không hòa hợp, nên có "*Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không là cảnh trưởng, nên không có *"Cảnh trưởng duyên", "cảnh cận y duyên".*

Câu 3. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthāramaṇa purejāta nissaya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật - cảnh sinh tiền y duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Ý vật sinh trước, vừa là chỗ nương trú cho tâm bất thiện sinh sau, vừa bị tâm bất thiện ấy nhận làm cảnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Ý vật đồng sinh với tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

Bất Thiện sở duyên. 5 sátna đổng lực bất thiện trong lộ cận tử. Tức là: 12 tâm bất thiện và 24 tâm sở hợp (trừ Tật, Lận, Hối).

c- Giải.

- Sắc Ý vật đồng sanh với tâm 17 trước tâm tử, làm chỗ trú cho tâm bất thiện sinh sau và bị tâm bất thiện ấy bắt làm cảnh, ở trong lộ cận tử cuối cùng.

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời cận tử.

- Lộ tâm: Lộ tử (với đổng lực bất thiện) còn tục sinh.

- Giống: Giống cảnh + giống sanh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng là cảnh, nên có *"Cảnh duyên*", *"Cảnh sinh tiền duyên"*.

- Sở duyên có bất thiện Tham khi nhận sắc Ý vật là cảnh, nên có *"Cảnh trưởng duyên", "Cảnh cận y duyên"*.

- Năng - sở không hòa hợp, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên"*.

---o0o---

Cận y duyên

(Upanissaya paccayo).

Định nghĩa.

"Cận y duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách cho nương nhờ tốt nhất. Như cha mẹ là nơi nương nhờ tốt nhất đối với con.

Phân tích.

Cận y duyên chia rộng có ba duyên:

1. ***Cảnh cận y duyên*** trùng với *Cảnh trưởng duyên*.

2. ***Vô gián cận y duyên*** trùng với *Vô gián duyên*.

3. ***Thường cận y duyên.***

---o0o---

Thường cận y duyên.

(Pakatūpanissaya paccayo).

Định nghĩa.

Thường cận y duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ cho nương nhờ mạnh mẽ bằng cách rất thuần thục chuyên môn, thường làm mãi cho đến khi nhuần nhuyễn thành tánh nết.

Ví dụ: người thợ cấy thuần thục trong phương pháp cấy mạ.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm + tâm sở, sắc pháp, chế định có sức mạnh (trừ chế định nghiệp xứ).

Sở duyên. Tâm + tâm sở sinh sau sau.

Phi sở duyên. Sắc pháp.

---o0o---

Thường cận y duyên với tam đề thiện.

Có 9 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện từng thực hành trước đây, có năng lực trợ giúp cho pháp thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 32 tâm thiện (trừ 5 tâm Alahán đạo) và 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp + tâm Thông thiện.

Năng duyên không có tâm "Tứ đạo", vì sau tâm Tứ đạo là tâm quả Siêu thế nên không thể có "thiện trợ giúp thiện".

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người có đức tin mạnh trước đó, có thể bố thí, trì giới, đắc thiền, tu quán, đắc đạo, đắc thông, nhập thiền…

Năng duyên là "tâm sở Tín"; sở duyên là "8 tâm Đại thiện" sinh lên sau, khi bố thí, cung kỉnh, phục vụ, nghe pháp …

Hay : Năng duyên là "8 đại thiện và 38 tâm sở hợp", có tâm sở Tín là hướng đạo, làm "Thường cận y duyên" trước đó.

Sở duyên là "8 đại thiện và 38 tâm sở hợp" sinh lên sau.

- Khi thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới, năng duyên là "8 tâm đại thiện và 38 tâm sở hợp", có tâm sở Tư làm hướng đạo sinh trước đó.

Sở duyên là "8 tâm Đại thiện và 38 tâm sờ hợp" sinh lên sau.

Như người "thường cố ý lánh xa sát sinh, trộm cắp…" trở thành "Thường cận y duyên" cho các tâm thiện sinh lên sau để giữ giới…

- Khi Đắc thiền: 9 tâm thiện Đáo đại thành sở duyên, có tâm sở Tư hướng đạo là "thường cận y duyên".

- Khi tu tập thiền quán: 8 tâm thiện có tâm sở Tư, hay tâm sở Trí làm hướng đạo là "thường cận duyên", trợ giúp cho "8 tâm thiện và 38 tâm sở hợp" sinh lên sau.

- Khi đắc Đạo: 20 tâm Đạo là sở duyên khi có các tâm sở Trí, Niệm, Cần, Định, Tín làm hướng đạo là năng duyên.

-Khi đắc Thông: Là ngũ thông do tâm thiện Ngũ thiền Sắc giới là sở duyên.

- Khi nhập thiền, tức là "sau khi đắc thiền", 9 tâm thiện Đáo đại sinh lên, sau là sở duyên ...

b'- Có người nhờ sức mạnh trì giới có thể bố thí, đắc thiền, đắc thông, đắc đạo…

Ví dụ: Tích vị Tỳkhưu quán giới hạnh mình đã hành đắc quả Alahán.

c'- Trí trợ cho đức tin, trì giới bằng Thường cận y duyên.

Ví dụ: Vị Tuđàhườn có niềm tin bất động với Tam bảo và không xa rời ngũ giới, do nhờ vào trí tuệ đã thấy rõ Nípbàn.

d'- Bốn tâm đại thiện có trí trợ cho 9 tâm thiện Đáo đại bằng Thường cận y duyên trong lộ đắc thiền, lộ nhập thiền.

e'- Tâm thiện Đáo đại thấp trợ tâm thiện Đáo đại cao bằng Thường cận y duyên.

f'- Luyện ngũ thông bằng tâm đại thiện có trí là "thiện trợ các tâm Thông" bằng Thường cận y duyên.

g'. Bốn đại thiện có trí trợ 20 tâm Đạo bằng Thường cận y duyên khi hành thiền minh sát (Tứ Niệm xứ).

h'- Đạo thấp trợ cho các Đạo cao bằng Thường cận y duyên.

i'. Bậc hữu học có Đạo mạnh trợ cho đắc thiền hay đắc thông bằng Thường cận y duyên.

Tức là vị ấy thường nhập thiền hay có Thông từ trước, khi đắc Đạo thì Thiền hay Thông cùng sinh lên với tâm Đạo.

k'. Đạo mạnh trợ cho tâm quán thấy vô thường: khổ não, vô ngã.

Tâm quán là "4 tâm Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp", là sở duyên.

l'-. Ba Đạo hữu học trợ bậc quả hữu học đắc tứ vô ngại giải là: Lý vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện vô ngại giải.

Tứ vô ngại là sở hữu trí trong tâm thiện là sở duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

-Thời: Thời bình nhật.

-Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ phản khán, lộ hiện thông …

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Câu 2. *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo*.

Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện từng thực hành trước đây, trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên: 17 tâm thiện hợp thế [246] và 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người có đức tin mạnh có thể phát sinh ngã mạn, tà kiến, sân hận ...

Như "người có đức tin Tam bảo quá mạnh khi nghe người khác nói không tốt về Đức Phật thì không hài lòng …."

Đức tin hợp tâm thiện: năng duyên.

Không hài lòng là "thọ ưu hợp với tâm sân" (sở duyên).

b'. Người trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể phát sinh ngã mạn, tà kiến, sân, si…

c'- Người đắc thiền cũng có khi phát sinh ngã mạn, tà kiến ...

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý.
- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 3. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện thường làm, trợ cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'. Người có đức tin nhiều có thể làm cho thân khổ.

Ví dụ: Người có đức tin quen tu khổ hạnh khiến thân đau nhức.

Đức tin là tâm thiện (năng duyên).

Thân đau nhức là tâm Thân thức thọ khổ (sở duyên).

b'- Người trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể làm cho thân khổ.

Ví dụ: người trì giới khi quá ngọ không thọ thực khiến thân khó chịu.

c'- Đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể giúp cho thân sướng và nhập thiền quả.

Pháp năng duyên: pháp thiện (trừ Vô lượng phần).

Pháp sở duyên: Thân thức thọ lạc và tâm thiền quả Siêu thế.

d'- Nghiệp thiện trợ giúp tâm quả bằng Thường cận y duyên.

e'. Bậc Alahán nhờ đạo mạnh nên thiền Hạnh không có cũng phát sinh để quán vô thường, khổ não, vô ngã.

Ví dụ: Ngài Cūla Paṇṭhaka nhờ đạo mạnh nên quán khăn lau bụi đắc thánh quả Al;ahán và đắc thiền cùng với Hóa tâm minh.

f'- Đạo Alahán mạnh trợ đắc lục thông bằng Thường cận y duyên.

g'- Đạo mạnh giúp nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ cận tử.
- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có một duyên hợp trợ là "*Nghiệp biệt thời duyên*".

Câu lọc 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Ví dụ: Đề -Bà - Đạt - Đa nhiều kiếp thường gây oan trái với BồTát.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người có nhiều ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến có thể trợ cho sát sanh, trộm cướp, nói dối, nói lời đâm thọc….

b'- Ý sân ác có trước, có thể trợ cho tham ác, kiến ác …

c' - Ngũ nghịch đại tội thời quá khứ cũng có thể duyên cho ngũ nghịch đại tội đời này bằng Thường cận y duyên.

d'- Tà kiến nhất định thời quá khứ, có thể trợ tà kiến nhất định đời này bằng Thường cận y duyên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm.
- Cõi: 21 cõi phàm ngũ uẩn (trừ 5 cõi Tịnh cư + 4 cõi Vô sắc + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống Thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 5. *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên: 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Như Bồtát có kiếp hoàn tục rồi xuất gia 7 lần.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người nặng về tham dục cũng trợ cho bố thí, trì giới, tu tịnh cho đến khi đắc thiền, nhập thiền, hiện thông hay tu quán đắc đạo …

Năng duyên: Tâm Tham và 22 tâm sở hợp, có tâm sở Tham làm hướng đạo.

Sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

b'- Có người nặng về tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến cũng có thể trợ cho bố thí, trì giới, tu tiến …

c'- Có người đã sát sanh, vì muốn chận đứng quả bất thiện sau này nên phát tâm bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, đắc thông, đắc đạo.

Ví dụ: Ngài Aṅgulimala vì sát sanh nhiều, sau cố gắng tu quán đắc Tứ đạo.

Năng duyên: 2 tâm Sân và 22 tâm sở hợp.

Sở duyên: 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

d'- Có người từng tà dâm, trộm cướp, vọng ngữ sau thức tỉnh cố gắng hành trì thiện pháp như bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, đạo quả.

Ví dụ: Bà Ambapāli là kỷ nữ sau thức tỉnh hành trì thiện pháp đắc Tứ đạo.

e'- Có người từng giết cha, mẹ, chích thân huyết Phật, pháp hòa hợp Tăng, sau phát tâm bố thí, trì giới.

Ví dụ: Vua Axàthế sau khi giết cha là Bình Sa Vương, sau hối ngộ trở thành phật tử thuần thành.

Năng duyên: Tâm sân và 22 tâm sở hợp và tâm Si và 15 tâm sở hợp (có lẽ tâm Si chỉ phá hòa hợp Tăng).

Sở duyên: 8 tâm đại thiện và 36 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 6. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện thường làm trước đây, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất Thiện năng duyên 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người đã nặng tình dục cũng có thể làm tự nóng nảy, cho đến thân khổ bằng cách tìm tòi.

Năng duyên: tâm Tham và 22 tâm sở hợp làm Thường cận y .

Sở duyên: Thân thức thọ khổ và 7 tâm sở hợp.

b'- Sân, si, ngã mạn, tà kiến mạnh cũng có thể làm thân thọ khổ bởi sự tìm tòi.

Như: Người đa sân thường gây sự đánh nhau.

Năng duyên: tâm Sân và 22 tâm sở hợp .

Sở duyên: Thân thức thọ khổ.

c'- Người năng về ái thân thể, thường hay trau chuốt cho thân thể xinh đẹp hơn như nhịn đói để có eo ….

* Nặng về thân mình là thân kiến thuộc tà kiến, hay là tham ái (là năng duyên).

* Nhịn đói: Thân thức thọ khổ (là sở duyên).

d'- Tham dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến có sự mong mõi có thể làm duyên cho Thân thức thọ lạc, cũng có thể giúp nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Ví dụ: Ngài Nanđà tu hành tinh tấn đắc Thánh quả chỉ vì nhân là cưới vợ thiên nữ.

Pháp năng duyên: Tâm tham và 22 tâm sở hợp.

Sở duyên: 20 tâm quả siêu thế và 36 tâm sở hợp.

- Thầy Tỳkhưu Chanda tự tử vì bệnh, trước khi chết lo sợ nên hành pháp đắc quả Alahán.

Lo sợ chết: Tâm sân và tâm sở hợp (là năng duyên).

Sở duyên: Tâm Tứ quả.

e'- Nghiệp bất thiện trợ quả bất thiện bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Tâm sở Tư trong 12 tâm bất thiện.

Sở duyên: 7 tâm quả bất thiện và 10 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ thân môn, lộ ý môn hoặc lộ nhập thiền quả.

Duyên hợp trợ.

Có "Nghiệp biệt thời duyên".

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 72 Tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Thí dụ: Vị Alahán thường bị bệnh, mỗi khi thân đau nhức thường nhập thiền quả, hoặc thiền Duy tác.

Thân đau nhức là "thân thức thọ khổ" (năng duyên).

Nhập thiền quả hay thiền Hạnh là "tâm Vô ký hữu nhân" (sở duyên).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Thân sướng trợ cho thân sướng hoặc thân khổ hay nhập thiền Hạnh, thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Thân thức thọ lạc và7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm thiền quả Siêu thế + 9 tâm duy tác thiền hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

b'- Sự khổ thân cũng trợ khổ thân và lạc thân và nhập thiền quả + thiền duy tác hiệp thế.

Năng duyên: tâm Thân thức thọ khổ và 7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

c'- Sắc thời tiết (âm dương) trợ thân lạc, thân khổ, thiền quả, thiền duy tác hiệp thế bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên: Sắc lửa (sự nóng - sự lạnh) thích hợp hay không thích hợp.

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 thiền duy tác hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

d'- Sắc Vật thực trợ cho thân khổ, thân lạc, nhập thiền quả, nhập thiền duy tác hiệp thế.

Năng duyên: món ăn thích hợp hay không (sắc vật thực ngoại).

Sở duyên: 2 tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thế và 38 tâm sở hợp.

e'- Chỗ ở trợ cho hai tâm Thân thức + 20 tâm quả Siêu thế + 9 tâm thiền duy tác hiệp thế và tâm sở hợp.

f'- Nhập thiền quả, nhập thiền duy tác trợ tâm Thân thức thọ lạc.

g'- Vị Alahán nương sự lạc thân, những thiền chưa từng có cũng nhập được, hoặc quán các pháp hành bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: tâm Thân thức thọ lạc và 7 tâm sở hợp.

Sở duyên: 9 tâm Duy tác Đáo đại + 8 tâm Đại hạnh khi tu quán và 35 tâm sở hợp.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ Thân môn, lộ nhập thiền.
- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Không có.

Câu 8. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 47 tâm quả (trừ 5 tâm quả Alahán)[247] và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 37 Tâm thiện và 38 tâm sở hợp + tâm Thông thiện ...

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Người thường đầy đủ tứ vật dụng khiến phát tâm làm việc bố thí, trì giới.

Vô ký năng duyên là "sắc pháp".

Thiện sở duyên là "8 tâm Đại thiện".

b'-Thân thức thọ lạc thường mạnh cũng có thể phát sanh bố thí, trì giới, tu quán đến đắc thiền hay đắc Đạo (như bà Visakhā dâng y suốt đời đến Chư Tăng).

c'- Nhờ sự khổ thân thường quen mạnh hay sắc thời tiết, sắc vật thực, chổ ở yên vui cũng làm Thường cận y duyên cho sự bố thí, trì giới, tu thiền ...

Như vị Tỳkhưu hành hạnh Đầu đà ở trong rừng có thể đắc thiền, đắc thông, đắc đạo …

d''- Sự sướng thân, khổ thân và sắc thời tiết, sắc vật thực thích hợp có thể làm Thường cận y duyên cho đức tin trì giới, đa văn, trí tuệ, bố thí bằng tâm thiện dục giới và 33 tâm sở hợp khi tu quán.

e'- Các quả lành (hay quả bất thiện) có thể là Thường cận y duyên để phát sinh bố thí, trì giới…

Như người bị bịnh thường xuyên, có thể phát sinh "trì giới".

Người thường xuyên nghèo khổ, có thể phát sinh tâm bố thí …

Vô ký năng duyên: Các tâm quả Dục giới và tâm sở hợp.

Thiện sở duyên: 8 tâm Đại thiện và 38 tâm sở hợp.

g'- Các tâm quả Đáo đại trợ cho Tha tâm thông thiện bằng Thường cận duyên.

h'-Vị Thánh hữu học thường nhập thiền quả, làm phát sinh lộ thiền quả sau sau.

Vô ký năng duyên là "15 tâm quả Siêu thế và 36 tâm sở hợp".

Thiện sở duyên là "4 Đại thiện có trí và 33 tâm sở hợp" (trong lộ nhập thiền quả).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ thân môn, lộ kiên cố tùy trường hợp.
- Giống: Giống Thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có "Nghiệp biệt thời duyên".

Câu 9. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya paccayo:*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp vô ký thường làm, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 47 tâm quả (trừ 5 tâm Tứ quả) và 38 tâm sở hợp + sắc pháp.

Vô ký sở duyên. 12 Tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

c- Giải.

a'- Do sự sướng thân mạnh làm thường cận y duyên cho sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ… cho đến tạo ngũ nghịch đại tội.

Như người đầy đủ tứ vật dụng có thể sanh lòng tham dục, tà dâm…

b'- Do sự khổ thân, vật thực, chỗ ở cũng có thể làm thườngcận y duyên cho sát sanh, trộm cắp, tà dâm …

Ghi chú: Trong câu này nói về hai hạng người là:

- Phàm nhân có thể làm ác tức là thập ác và bất thiện.

- Bậc Thánh hữu học chỉ làm việc bất thiện được chứ không hề làm ác.

Bậc quả hữu học khởi tâm tham ly tà như ưa thích dục lạc hoặc ngã mạn chứ không trộm cướp, tà dâm…

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ý môn, lộ thân môn (đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống thường cận y duyên.

Duyên hợp trợ.

Có "Nghiệp biệt thời duyên".

---o0o---

Sinh tiền duyên

(Purejāta paccayo).

Định nghĩa.

Sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh trước trợ cho pháp sinh sau.

Ví dụ: Tượng Phật an vị sẵn, phật tử đến chiêm ngưỡng lễ bái.

Phân tích.

Sinh tiền duyên chia rộng có ba là:

1 - *Cảnh sinh tiền duyên* (ārammaṇa purejāta paccayo).

2 - *Vật sinh tiền duyên* (vatthu purejāta paccayo).

3- *Vật - cảnh sinh tiền duyên* (vatthārammaṇa purejāta paccayo).

Vật sinh tiền duyên trùng với *Vật sinh tiền y duyên.*

Vật cảnh sinh tiền duyên trùng với *Vật - cảnh sinh tiền y duyên*.

1. Cảnh sinh tiền duyên.

(Ārammaṇa purejāta paccayo).

Định nghĩa.

Cảnh sinh tiền duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách sinh ra trước làm thành cảnh.

Tức là 18 sắc rõ từ sắc Đất đến sắc Vật thực sinh trước trợ cho tâm sinh lên sau. nhận sắc rõ làm cảnh hiện tại.

Cần phân biệt giữa Cảnh duyên và Cảnh sinh tiền duyên là:

* Cảnh duyên bao gồm cả danh lẫn sắc, làm thành 6 hay 21 cảnh trong ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai.

* Cảnh sinh tiền duyên chỉ nói đến 18 hiển sắc làm thành 6 cảnh [248] trong thời hiện tại.

Chi pháp.

Năng duyên. Là 18 sắc rõ làm thành 6 cảnh trong thời hiện tại.

Sở duyên.

* *Nhất định.* Năm đôi thức + Ý giới và tâm sở hợp.

* *Bất định.* 41 tâm Dục giới (trừ 5 đôi thức + Ý giới) + 2 tâm thông và 50 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần).

Phi sở duyên.

* *Nhất định.* 27 tâm thiền + 40 tâm Siêu thế và 38 tâm sở hợp+ sắc pháp.

* *Bất định.* 41 tâm Dục giới và 52 tâm sở hợp + 2 tâm Thông, khi không nhận 18 hiển sắc làm cảnh .

Giải thích.

- 41 tâm dục giới + 2 tâm thông bất định, vì có khi nhận 18 hiển sắc làm cảnh hoặc như tâm Thiên nhãn thông, bấy giờ là “sở duyên”.

Khi không nhận 18 hiển sắc là cảnh, chúng trở thành "phi sở duyên".

Như người nhớ lại tâm thiện của mình đã làm bằng tâm thiện (thiện trợ thiện đồng nghĩa cảnh duyên).

- 27 tâm thiền và 40 tâm Siêu thế là "phi sở duyên nhất định", vì tâm Thiền Đáo đại chỉ bắt cảnh chế định hay cảnh "danh pháp".[249]

- 40 tâm Siêu thế bắt cảnh Nípbàn.

Duyên trùng.

Cảnh sinh tiền duyên đồng nghĩa với:

1- *Cảnh sinh tiền hiện hữu duyên*. Là 18 sắc rõ sinh trước làm duyên trợ giúp bằng cách làm cảnh hiện tại.

2. *Cảnh sinh tiền bất ly duyên*. Là 18 sắc rõ sinh trước trợ giúp bằng cách làm thành cảnh và không xa lìa

Trong 18 hiển sắc thì:

- 7 sắc cảnh là Đất, lửa, gió và 4 sắc cảnh do lộ ngũ bắt.

- 11 sắc rõ còn lại do lộ ý bắt.

---o0o---

Cảnh sinh tiền duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lọc.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇa purejāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiển sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp tâm sinh lên sau.

b- Chi pháp.

- *Vô ký năng duyên.* 18 hiển sắc làm cảnh hiện tại.

- *Vô ký sở duyên.* 34 tâm vô ký [250] + tâm Thông hạnh và 33 tâm sở hợp (trừ Giới phần + Vô lượng phần).

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- 7 sắc cảnh hiện tại làm duyên cho "năm đôi thức và 7 tâm sở hợp".

b'- Cảnh ngũ hiện tại làm duyên cho "Ý giới và 10 tâm sở hợp".

c'- 18 sắc rõ làm cảnh hiện tại cho tâm Hướng ý môn + 9 đổng lực Duy tác dục giới + 11 tâm Na cảnh và 33 tâm sở hợp.

d'- 5 sắc thần kinh + 7 sắc cảnh làm cảnh hiện tại cho vị Alahán quán vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: 12 sắc thô làm cảnh hiện tại.

Sở duyên: 4 tâm Đại hạnh có trí.

e'- Nhãn thông hạnh của vị Alahán thấy rõ cảnh sắc hiện tại dù thô, tế, xa, gần, trống, kín, lớn, nhỏ.

Năng duyên: Sắc cảnh sắc hiện tại.

Sở duyên: tâm Nhãn thông hạnh.

f'- Tâm Nhĩ thông hạnh nghe tất cả các tiếng hiện tại.

Năng duyên: Sắc cảnh thinh hiện tại.

Sở duyên: tâm Nhĩ thông hạnh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 quả.
- Cõi: 26 ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ quán sát, lộ hiện thông, tùy từng trường hợp.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Cảnh sinh tiền duyên có 7 duyên hợp trợ, trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng làm cảnh cho sở, nên có *"Cảnh duyên"*.
- Năng là sắc vật làm cảnh, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền y duyên"*.
- Năng là sắc, sở là danh, nên có *"Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt nên có "*Vật- cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

Năng là sắc, sở là danh nên không có *"Cảnh trưởng duyên", "Cảnh cận y duyên"*.

Câu 2. *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa purejāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiển sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp pháp thiện sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 sắc rõ thành cảnh hiện tại.

Thiện sở duyên. 8 tâm Đại thiện + tâm Thông thiện và 36 tâm sở hợp (trừ Vô lượng phần) khi bắt sắc rõ làm cảnh.

c- Giải.

Có các cách như sau:

a'- Bậc Thánh hữu học và phàm nhân quán xét 18 sắc rõ bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

Năng duyên: 18 sắc rõ.

Sở duyên: 4 tâm Đại thiện có trí.

b'- Hiển sắc trợ tâm thiện sinh lêrn,như người phật tử thấy kim thân Phật đảnh lễ bằng tâm thiện.

Thấy kim thân Phật là"sắc cảnh sắc" (năng duyên).

Đảnh lễ là "8 tâm Đại thiện (sở duyên).

c'- Bậc Thánh hữu học và phàm nhân thấy sắc, nghe tiếng bằng tâm thông thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ tu quán, lộ hiện thông.
- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng là cảnh, sinh trước nên có *"Cảnh duyên", "Cảnh sinh tiền duyên"*.
- Năng là vật, làm cảnh cho tâm sinh lên sau vững vàng, nên có *"Vật- cảnh sinh tiền y duyên"*.
- Năng là sắc, sở là danh, nên có *"Vật-cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên".*
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Vật-cảnh sinh tiền hiện hữu duyên", "Vật cảnh sinh tiền bất ly duyên".*

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Sở duyên là pháp thiện, năng là hiển sắc, nên không có "*Cảnh trưởng duyên", "Cảnh cận y duyên"*[251] .

Câu 3. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa pure jāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 18 hiển sắc sinh trước làm cảnh, trợ giúp pháp bất thiện sinh lên được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 hiển sắc làm cảnh hiện tại.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp, khi bắt sắc rõ làm cảnh.

c- Giải.

Như: Người thấy sắc đẹp, tiếng hay… có thể phát sanh tham dục, sân hận, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Ghi chú: Bậc Bất lai dù bắt 18 sắc rõ thành cảnh cũng không phát sinh Tham, sân hận, hoài nghi, tà kiến chỉ phát sanh phóng dật mà thôi. Vì bậc này đã diệt trừ Tham dục và Sân.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đồng lực bất thiện).

- Giống: Giống cảnh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

Có đủ 7 duyên hợp trợ là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật - cảnh sinh tiền y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật- cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên, Vật - cảnh sinh tiền hiện hữu duyên, Vật - cảnh sinh tiền bất ly duyên.

Sở dĩ có "Cảnh trưởng duyên" và "Cảnh cận y duyên", vì sở duyên có tâm Tham.

---o0o---

Sinh hậu duyên

(Pacchājāta paccayo)

Định nghĩa.

Sinh hậu duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh sau, nhưng hỗ trợ giúp cho pháp sinh trước được vững mạnh.

Ví như: Trời mưa giúp cho cây đã trồng trước phát triển mạnh.

Duyên trùng.

Sinh hậu duyên trùng với:

1- *Sinh hậu bất tương ưng duyên* (pacchājāta vippayutta paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau, nhưng không hòa hợp với năng duyên.

2- *Sinh hậu hiện hữu duyên* (pacchā jatatthi paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau, nhưng hiện diện chung với năng duyên.

3- *Sinh hậu bất ly duyên* (pacchā jāta avigata paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp bằng cách sinh ra sau và không lìa năng duyên.

Luận giải

Chi pháp của bốn duyên này cho chúng ta thấy nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh giữa năng và sở.

Sinh hậu duyên cho hcúng ta thấy "năng duyên sinh sau trợ giúp sở duyên sinh trước".

Sinh hậu bất tương ưng duyên cho chúng ta thấy "năng và sở không hòa hợp nhau", như vậy nếu năng là danh thì sở phải là sắc hay ngược lại.

Sinh hậu hiện hữu duyên và sinh hậu bất ly duyên, giúp thêm điều kiện để xácđịnh năng và sở.

Hiện hữu và ***Bất ly*** cho thấy "trong một lúc nào đó năng và sở cùng có mặt, không thể xa lìa nhau được"

Đời sống danh pháp ngắn hơn đời sống sắc pháp 17 lần. Nếu sở duyên là "*danh pháp*" sinh trước, thì không thể "cùng có mặt" với năng duyên là *"sắc pháp"* sinh sau.

Như vậy, xác định được năng duyên là "danh pháp" sinh sau và sở duyên là "sắc pháp", có như thế mới thích hợp với những điều nêu trên.

Chi pháp.

Năng duyên. 117 tâm (trừ 4 tâm quả Vô sắc) và 52 tâm sở hợp, sinh sau.

* *Nhất định.* 2 tâm Sân + 5 đôi thức + Ý giới + 11 tâm Na cảnh + tâm Sinh tiếu + 15 tâm Sắc giới + 5 tâm Sơ đạo.

* *Bất định.* 8 tâm Tham + 2 tâm Si + tâm Hướng ý môn + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 8 đồng lực Vô sắc giới + 35 Siêu thế (trừ 5 tâm Sơ đạo) và 48 tâm sở hợp (trừ Sân phần).

Sở duyên. Sắc 3 nhân tạo và sắc 4 nhân tạo.

Phi sở duyên. 121 tâm và tâm sở hợp + sátna sanh, sátna diệt của sắc pháp + 2 sắc tiêu biểu + sắc nghiệp Vô tưởng.

Luận giải.

Năng duyên. Không có tâm Tục sinh, vì trước tâm Tục sinh không có bọn sắc nào sanh ra cả.

Bốn tâm quả Vô sắc làm việc Tục sinh, hữu phần và Tử ở cõi Vô sắc, nên những tâm này không thể là năng duyên.

Năng duyên nhất định. Có 47 tâm vì những tâm này chỉ có trong cõi ngũ uẩn nên có khả năng trợ giúp cho sắc pháp sinh trước đó.

Năng duyên bất định. Có 70 tâm, vì những tâm này có trong 30 cõi hữu tâm, khi ở 26 cõi ngũ uẩn là năng duyên, ở cõi Vô sắc là "phi năng duyên".

Sở duyên.

- Trừ 2 sắc Tiêu biểu vì sắc tiêu biểu đồng sinh đồng diệt với tâm, nên tâm không trợ cho sắc Tiêu biểu bằng cách sinh ra sau.

- Trừ sátna Sinh và sátna Diệt, vì sátna Sinh không còn khi năng duyên sinh ra. Năng duyên cũng không thể "trợ giúp sátna Diệt tồn tại".

---o0o---

Sinh hậu duyên với tam đề thiện.

Có ba câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp thiện sinh ra sau, nhưng trợ cho sắc pháp sinh ra trước được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tất cả pháp thiện sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. 24 sắc pháp (trừ 2 sắc Tiêu biểu + sắc Sinh + sắc Diệt) sinh ra trước đang trụ.

c- Giải.

- Những uẩn thiện sinh ra sau trợ cho sắc pháp sanh trước trong cõi ngũ uẩn.

Sắc pháp sinh trước là sắc do ba nhân tạo hoặc 4 nhân tạo trong thân ngũ uẩn là: Sắc nghiệp tạo, sắc thời tiết tạo, sắc vật thực tạo và sắc tâm tạo (ngoại trừ 2 sắc Tiêu biểu), những sắc này sinh trước tâm thiện từ 1 đến 16 sátna.

Như khi chúng đồng sinh với tâm Phán đoán hay tâm Hướng ý môn hoặc tâm Tục sinh …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực thiện), lộ kiên cố (trừ lộ Nípbàn).

- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Sinh hậu duyên có 3 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có đủ 3 duyên hợp trợ.

- Năng là danh sinh sau, sở là sắc sinh trước, nên có *"Sinh hậu bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Sinh hậu hiện hữu duyên", "Sinh hậu bất ly duyên".*

Câu 2. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a-Định nghĩa.

Là pháp bất thiện sinh ra sau, trợ cho sắc pháp sinh ra trước được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp, sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. Sắc do 3 nhân tạo hay do 4 nhân tạo, sinh trước đang ở giai đoạn trụ.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājāta paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sinh hậu duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp vô ký sinh ra sau, trợ giúp sắc pháp sinh ra trước đó.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp, sinh ra sau.

Vô ký sở duyên. 24 sắc pháp sinh trước đang trụ.

c- Giải.

Như tâm quả Siêu thế hay tâm Hạnh hữu nhân sinh ra ở lộ đổng lực, có khả năng trợ giúp sắc pháp đồng sanh với các tâm trước đó.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực vô ký).
- Giống: Giống sinh hậu.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

---o0o---

Tập hành duyên.

(Āsevana paccayo)

Định nghĩa.

"Tập hành duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách "làm vững mạnh" hơn".

Tức là sátna tâm đổng lực trước trợ cho sátna tâm đổng lực sau được thuần thục và mạnh hơn.

Ví như: người học sinh nhờ năm học đầu giúp cho những năm kế tiếp giỏi hơn.

Gọi là ***Tập hành duyên*** do có 2 điều kiện.

- Phải là loại tâm đổng lực liên tiếp sátna.
- Phải cùng giống.

Trong phần "cùng giống" không kể tâm Đổng lực quả Siêu thế, vì loại tâm này đã tăng trưởng sức mạnh cao tột rồi, tâm trước không thể trợ giúp tâm sau tăng thêm sức mạnh nữa.

Có thể nói: *"Tập hành duyên"* là một khía cạnh riêng của *Vô gián duyên.*

Chi pháp.

Năng duyên. 47 tâm đổng lực hiệp thế [252] (trừ đổng lực cuối trong lộ đổng lực).

Sở duyên. 67 tâm đổng lực[253] sinh nối tiếp (trừ sátna thứ 1)

Phi sở duyên. (Sátna 1) tâm đổng lực Dục giới trong lộ đổng lực[254] , 2 tâm Hướng môn (dvāravajjanacitta), 52 tâm quả + sắc pháp.

---o0o---

Tập hành duyên với tam đề thiện

Có ba câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp thiện sinh trước trợ pháp thiện sinh sau kế tục không gián đoạn, được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 17 tâm thiện hiệp thế [255] và 38 tâm sở hợp (trừ thiện đổng lực sátna cuối).

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp sinh sau (trừ thiện đổng lực sátna 1).

Ví như "đoàn tàu hỏa có bảy toa, toa đầu kéo toa sau đến toa chót không kéo toa nào cả".

c- Giải.

Có các cách như sau:

* Trong lộ đổng lực thiện thông thường, có 7 sátna thì: Những danh uẩn thiện ở sátna thứ 1, trợ những danh uẩn thiện ở sátna thứ 2, những danh uẩn thiện sátna 2 trợ những danh uẩn thiện sátna 3 … đến sátna 7 thì dứt.

* Trong lộ đắc thiền thiện thì: Tâm Chuẩn bị trợ giúp cho tâm Cận hành, tâm Cận hành trợ giúp cho tâm Thuận thứ, tâm Thuận thứ trợ giúp cho tâm Chuyển tánh (Gotrabhū), tâm Chuyển tánh trợ giúp cho tâm Thiền.

Năng duyên là " 4 tâm Đại thiện có trí".

Sở duyên là "4 Đại thiện có trí (trừ thiện sátna 1) + 9 tâm thiện Đáo đại và tâm sở hợp.

* Trong lộ nhập thiền thiện thì: Tâm Chuẩn bị trợ cho tâm Cận hành …. Tâm thiền thiện trợ cho tâm thiền thiện (trừ sátna thiền thiện cuối cùng).

Năng duyên là "4 tâm Đại thiện có trí + 9 tâm thiền thiện và tâm sở hợp (trừ sátna thiền thiện cuối cùng).

Sở duyên là "4 tâm Đại thiện có trí (trừ tâm Chuẩn bị) + 9 tâm thiền thiện và tâm sở hợp.

Chú ý: Trong lộ nhập thiền thì tâm thiền thiện có thể diễn tiến vô lượng sátna chứ không phải có 7 sátna.

* Trong lộ đắc Đạo thì "tâm Chuyển tánh hay tâm Tiến bậc (vodanā) trợ cho tâm Đạo).

Năng duyên là "4 tâm Đại thiện có trí và tâm sở hợp".

Sở duyên là "20 tâm Đạo và 36 tâm sở hợp".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực thiện), lộ đắc đạo, lộ đắc thiền thiện, lộ nhập thiền thiện.

- Giống : Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tập hành duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở liên tiếp không gián đoạn, nên có *"Vô gián duyên", "Đẳng vô gián duyên"*.

- Sở nhờ năng thêm vững mạnh, nên có *"Vô gián cận y duyên".*

- Năng - sở vắng mặt, nên có *"Vô hữu duyên", "Ly duyên".*

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

Câu 2. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là pháp bất thiện sinh trước trợ giúp pháp bất thiện sinh kế tiếp được vững mạnh hơn.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện sinh trước (trừ đổng lực bất thiện ở sátna thứ 7).

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện sinh sau (trừ đổng lực bất thiện ở sátna 1).

c- Giải.

Trong lộ đổng lực bất thiện: Bất thiện đổng lực sátna 1 trợ giúp đổng lực bất thiện sátna 2 ….

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āsevana paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tập hành duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp vô ký Hạnh sinh trước trợ danh pháp vô ký Hạnh sinh sau thêm vững mạnh và không gián đoạn.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 18 tâm đổng lực Hạnh và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) sinh trước .

Vô ký sở duyên. 18 tâm đổng lực Hạnh sinh sau và 35 tâm sở hợp (trừ đổng lực hạnh sátna 1).

c- Giải.

- Những danh uẩn Hạnh sinh trước trợ cho những danh uẩn hạnh sinh sau.

Câu này đối với.

- Người: Bậc Alahán.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ + cõi Vô tưởng).
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (đổng lực Hạnh dục giới), lộ nhập thiền Hạnh
- Giống: Giống vô gián.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như trên.

---o0o---

Nghiệp duyên.

(Kamma paccayo)

Định nghĩa.

"Nghiệp duyên" là mãnh lực trợ giúp bằng cách sắp đặt hay đào tạo.

Nói cách khác, "là tâm sở Tư ở trong tất cả tâm, trợ giúp các pháp đồng sinh khác sinh lên" theo cách "sắp đặt", "tạo tác".

Ví như "người trưởng phòng hướng dẫn nhân viên làm việc dưới quyền của mình".

Phân tích.

Nghiệp duyên chia rộng có ba duyên:

1- *Đồng sinh nghiệp duyên* (sahajātakamma paccayo).

2- *Nghiệp biệt thời duyên* (nānākkhaṇikakamma paccayo).

3- *Vô gián nghiệp duyên* (anantarakamma paccayo).

Ở đây, nghiệp được chia thành hai cách:

- *Cách đồng sinh*. Tức là tâm sở Tư trợ cho các danh uẩn còn lại cùng sinh lên với nó, gọi là "***Đồng sinh nghiệp duyên***".

- *Cách khác thời kỳ.* Là tâm sở Tư lưu lại "hạt giống" để cho tâm quả sau này. gọi là ***"Nghiệp biệt thời duyên***".

Chính *Vô gián nghiệp duyên* cũng là "Nghiệp biệt thời duyên". Nhưng vì cho tâm quả liên tiếp không gián đoạn, nên nêu ra để phân biệt.

A- Đồng sinh nghiệp duyên.

(***Sahajātakamma paccayo)***

Định nghĩa.

"Đồng sinh nghiệp duyên" là mãnh lực trợ giúp của tâm sở Tư với các pháp đồng sinh.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Tư trong tất cả tâm.

S*ở duyên.* Tâm và 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm + sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Tâm sở Tư trong tất cả tâm + sắc nghiệp bình nhật + sắc Vật thực + sắc khí hậu (utujarūpa) + sắc ngoại + sắc nghiệp Vô tưởng.

---o0o---

Đồng sinh nghiệp duyên với tam đề thiện.

Có 7 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư thiện trợ giúp các pháp thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư).

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 bậc Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực thiện), lộ đắc thiền, lộ nhập thiền thiện, lộ phản khán thiện, lộ đắc đạo …

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

"Đồng sinh nghiệp duyên" có 9 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

- Sở nương vào năng, nên có "*Đồng sinh y duyên"*.

- Năng là "tâm sở Tư", nên có *"Danh vật thực duyên"*.

- Năng sở hòa hợp nhau và cùng có mặt, nên có "*Tương ưng duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Như vậy có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp các sắc tâm thiện sinh lên.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

- Tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp sắc Thân biểu tri, thực hiện những "hành động thiện" như: Đi kinh hành, ngồi thiền, cung kỉnh vái chào, phục vụ, không sát sinh, không trộm cắp, bố thí bằng tay….

- Tâm sở Tư trong tâm thiện trợ giúp sắc Ngữ biểu tri, nói lên những thiện ngôn như: lời chân thật, lời êm dịu, thuyết pháp, không nói dối …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 bậc Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ đắc đạo…

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng là tâm sở Tư, nên có *"Danh vật thực duyên".*

- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 6 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là sắc, nên không *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư thiện trợ giúp các pháp thiện đồng sinh cùng sắc tâm thiện được vững mạnh, theo cách "tạo tác".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện và Vô ký sở duyên. 37 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này gom chung cả 2 câu lọc trên.

Người có ý thiện, sẽ hành động bằng thân hay lời nói, như: Chấp tay lễ chào, nói pháp, luận đạo …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo …
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.
- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.
- Năng là tâm sở Tư, nên có *"Danh vật thực duyên"*.
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

**-Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.
- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.
- Sở có sắc pháp, nên không có "*Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện, trợ các danh uẩn bất thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư).

c- Giải.

Tâm sở Tư bất thiện trợ cho các danh uẩn bất thiện cùng sinh lên với nó.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*
- Năng - sở đều là danh pháp, nên có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*
- Năsng là tâm sở Tư, nên có "*Danh vật thực duyên".*
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh sinh bất ly duyên"*.

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*
- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện, trợ giúp sắc tâm bất thiện.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Tâm sở Tư bất thiện trợ sắc Thân biểu tri để thực hiện những hành động bất thiện như: Sát sinh, lấy của không cho …

- Tâm sở Tư bất thiện trợ cho sắc Ngữ biểu tri, nói dối, nói ác …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 6 duyên hợp trợ là: Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Danh vật thức duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên.

Có 3 duyên không hợp trợ là: Quả duyên, Tương ưng duyên, Hổ tương duyên.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư bất thiện trợ giúp các danh uẩn bất thiện cùng với sắc tâm bất thiện, theo cách "nghiệp đồng sinh".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này bao gồm cả 2 câu trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng là tâm sở Tư, nên có "*Danh vật thực duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên", " Tương ưng duyên".*

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa sahajātakamma paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh nghiệp duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm vô ký, trợ cho các pháp đồng sinh sinh lên, theo cách "nghiệp".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm vô ký.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) + sắc tâm vô ký.

c- Giải.

a'- Tâm sở Tư vô ký trợ danh uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký, trong thời bình nhật = Đồng sinh nghiệp duyên.

b'- Khi tục sinh, tâm sở Tư quả trợ danh uẩn quả tương ưng + sắc nghiệp tục sinh = Đồng sinh nghiệp duyên.

c'- Tâm sở Tư trợ sắc Ý vật = Đồng sinh nghiệp duyên.

Năng duyên: Tâm sở Tư trong 15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn.

Sở duyên: 15 tâm Tục sinh cõi ngũ uẩn và 34tâm sở hợp (trừ Giới phần + tâm sở Tư) + sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm

-Thời: Thời bình nhật, thời tục sinh và thời tử.

-Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ Tục sinh, lộ cận tử.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Cân phân tích 3 trường hợp:

- *Tâm sở Tư vô ký trợ danh vô ký*, có 8 duyên hợp trợ: "Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".

- *Tâm sở Tư trợ sắc tâm vô ký*, có 7 duyên hợp trợ: "Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên"

- *Tâm sở Tư vô ký trợ danh - sắc vô ký*, có 6 duyên hợp trợ:"Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Danh vật thực duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".

B- Nghiệp biệt thời duyên (Nānakkhaṇikakamma paccayo).

Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện hay tâm bất thiện, lưu lại "hạt giống" (bīja), để cho quả khác thời kỳ (khác sátna).

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Tư hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện (trong quá khứ)

Sở duyên. Sắc nghiệp + tâm quả và 38 tâm sở hợp trong hiện tại.

Phi sở duyên. Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm duy tác + sắc tâm, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc khí hậu.

---o0o---

Nghiệp biệt thời duyên với tam đề thiện.

Có 2 câu lọc.

Câu 1. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkhaṇikakamma paccayena paccayo.

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Nghiệp biệt thời duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm thiện trước đây lưu lại "hạt giống", trợ giúp tâm quả thiện cùng sắc nghiệp thiện sinh lên trong hiện tại.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm thiện quá khứ.

Vô ký sở duyên. 45 tâm quả thiện [256] và 38 tâm sở hợp + sắc nghiệp thiện.

c- Giải.

a'- Tâm sở Tư trong tâm thiện sinh trước trong đời này hay đời trước đã diệt, nhưng lưu lại "hạt giống" tạo ra tâm quả thiện + sắc nghiệp trong hiện tại.

b'- Tâm sở Tư trong tâm thiện Sắc giới, tạo ra tâm quả Sắc giới và sắc nghiệp cõi Sắc giới.

c'- Tâm sở Tư trong tâm thiện Ngũ thiền Sắc giới, tạo ra sắc Nghiệp vô tưởng.

d'- Tâm sở Tư trong tâm thiện Vô sắc giới, tạo ra tâm quả Vô sắc giới và tâm sở hợp.

e'- Tâm sở Tư trong 20 tâm Đạo tạo ra 20 tâm quả Siêu thế.

Ở đây, trong lộ đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ đạo dù rằng ngay tích tắc, sau sátna Đạo thì đến sátna quả Siêu thế ngay, nhưng vẫn thuộc về "khác thời".

Nếu Đạo có bậc thiền nào thì quả Siêu thế cũng được thiền bậc ấy.

Trong trường hợp này, các Ngài gọi là "*Vô gián nghiệp duyên*". Tức là cho ngay tâm quả "không gián đoạn".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 31 cõi.

- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh và thời Tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo và siêu lộ.

- Giống: Giống biệt thời.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Nghiệp biệt thời duyên tổng quát có 6 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

* *Hợp trợ.*

Vì có tâm sở Tư trong tâm Đạo trợ giúp tâm Quả Siêu thế sinh kế tục không gián đoạn, nên có: *"Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên"*.

- Năng - sở không cùng có mặt, nên có *"Vô hữu duyên", "Ly duyên"*.

Câu 2. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nānakkhaṇikakamma paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Nghiệp biệt thời duyên.

a- Định nghĩa.

Là tâm sở Tư trong tâm bất thiện sinh trước, trợ giúp tâm quả bất thiện cùng sắc nghiệp bất thiện sinh lên sau.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Tâm sở Tư trong tâm bất thiện có trước.

Vô ký sở duyên. 7 tâm quả bất thiện và tâm sở hợp + sắc nghiệp bất thiện có sau.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh và thời tử.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý chót mót.
- Giống: Giống biệt thời.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng thường làm, nên có *"Thường cận y duyên".*
- Năng - sở không cùng có mặt, nên có *"Vô hữu duyên", "Ly duyên".*

Có ba duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng - sở không liên tiếp nhau, nên không có ba duyên *"Vô gián duyên*", *"Đẳng vô gián duyên"* và *"Vô gián cận y duyên".*

---o0o---

Quả duyên.

(Vipāka paccayo).

Định nghĩa.

"***Quả duyên"***là mãnh lực trợ giúp bằng "kết quả".

Chi pháp.

Năng duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp.

Sở duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp + 20 sắc nghiệp tục sinh + 15 sắc tâm (trừ 2 sắc Biểu tri).

Phi sở duyên. 69 tâm phi tâm quả và tâm sở hợp + sắc tâm phi quả + sắc nghiệp bình nhật + Sắc nghiệp vô tưởng + sắc vật thực + sắc thời tiết + sắc ngoại.

---o0o---

Quả duyên với tam đề thiện

Chỉ có 1 câu lọc.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vipākapaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Quả duyên.

a- Định nghĩa.

Là một danh uẩn quả trợ giúp các pháp đồng sinh, sinh lên".

Ở đây là xét *một tâm quả*.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp về phương diện giúp.

Vô ký sở duyên. 52 tâm quả và 38 tâm sở hợp về phương diện nhờ + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri)+ sắc nghiệp tục sinh.

c- Giải.

- Một danh uẩn quả trợ giúp 3 danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) thời bình nhật.

- Hai danh uẩn quả trợ giúp 2 danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) trong thời bình nhật.

- Ba danh uẩn quả hai trợ giúp một danh uẩn quả + sắc tâm quả (trừ 2 sắc Biểu tri) thời bình nhật.

- Khi tục sinh, 1, 2 hay 3 danh uẩn quả tục sinh, trợ cho các danh uẩn quả tục sinh còn lại và sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật, thời tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

- Giống : Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- ***Danh trợ danh***. Có 7 duyên hợp là:

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên"*.

- Năng -sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Sở nương vào năng, nên có "*Đồng sinh y duyên*".

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có "*Tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên*".

- ***Danh trợ sắc.*** Có 5 duyên hợp trợ là *"Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".*

- ***Danh - trợ danh sắc.*** Có 4 duyên hợp trợ là *"Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên"*.

---o0o---

Vật thực duyên.

(Āhāra paccayo).

Định nghĩa.

"Vật thực duyên" là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách đem chất bổ dưỡng vào.

Phân tích.

Vật thực duyên được phân thành 2 duyên là:

- *Sắc vật thực duyên* (rūpa āhāra paccayo).

- *Danh vật thực duyên* (nāma āhāra paccayo).

---o0o---

Sắc vật thực duyên.

(Rūpa āhāra paccayo).

Định nghĩa.

"Sắc vật thực duyên" là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng chất bổ dưỡng như miếng ăn …

Chi pháp.

Năng duyên. Sắc vật thực nội và ngoại, tức là chất bổ dưỡng đã ăn hay chưa ăn.

Sở duyên. 12 sắc do vật thực tạo tức là sắc tứ đại + sắc cảnh khí + sắc cảnh vị + 3 sắc đặc biệt + sắc tiến + sắc dị.

Phi sở duyên. Tâm và tâm sở hợp + sắc tâm + sắc nghiệp + sắc thời tiết + sắc ngoại.

Duyên trùng.

Sắc vật thực duyên trùng với *Vật thực hiện hữu duyên* (āhāratthipaccayo) và *Vật thực bất ly duyên* (āhāra avigata paccayo).

* *Vật thực hiện hữu duyên*: Là mãnh lực trợ giúp bằng chất bổ dưỡng đang còn.

* *Vật thực bất ly duyên:* Là mãnh lực trợ giúp bằng chất bổ dưỡng không xa lìa.

Sở dĩ ba duyên này trùng nhau là vì: Năng và Sở đều là sắc, như vậy đời sống của Năng và Sở đồng nhau (51 sátna).

Lại nữa có hiện hữu và bất ly giúp cho chúng ta nhận biết được là thời hiện tại.

Có câu hỏi: Năng - sở đồng sinh, tại sao *Sắc vật thực duyên* không thuộc giống đồng sinh?

Đáp: Tuy năng và sở cùng sinh lên, nhưng tính chủ yếu của *Vật thực duyên* là "*nuôi dưỡng"*; do đó *Vật thực duyên* được xếp vào "giống vật thực".

Một số duyên khác được xếp vào "giống đồng sinh", vì đó là đặc tính chính, "tính nuôi dưỡng" không có trong các duyên ấy.

---o0o---

Sắc vật thực duyên với tam đề thiện.

Có 1 câu lọc.

Câu 1. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpāhāra paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sắc vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là "chất bổ dưỡng" bên ngoài hay bên trong, trợ giúp các sắc đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Vật thực nội và ngoại.

Vô ký sở duyên. 12 sắc pháp đồng sinh đang trụ với sắc Vật thực.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 8 bậc Thánh.

- Cõi: Cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ sắc.

- Giống: Giống vật thực.

Duyên hợp trợ.

Có 2 duyên hợp trợ là "*Vật thực hiện hữu duyên*", "*Vật thực bất ly duyên*".

---o0o---

B. Danh vật thực duyên.

(Nāma āhāra paccayo)

Định nghĩa.

"***Danh vật thực duyên***" là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách thu hút "cảnh", mang cảnh đến giúp các pháp đồng sinh thêm vững mạnh.

Danh vật thực có ba là:

- *Xúc thực*: Sự gặp gỡ giữa căn (vật), cảnh và thức là duyên cho ***thọ***.

- *Tư niệm thực*: Là sự cố ý làm việc thiện hay ác là nhân sanh ra tâm quả Tục sinh.

- *Tâm thực*: Là khả năng hưởng cảnh và tạo radanh sắc.

Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Xúc, tâm sở Tư, 121 tâm (về phương diện trợ giúp).

Sở duyên. Tâm và tâm sở hợp + 17 sắc tâm + 20 sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc vật thực, sắc thời tiết và sắc ngoại.

Giải thích.

Ở cõi Ngũ uẩn vào thời tục sinh, tâm Tục sinh trợ cho sắc nghiệp Tục sinh cùng sinh lên, do đó *sở duyên* có sắc nghiệp tục sinh.

---o0o---

Danh vật thực duyên với tam đề thiện

Có 7 câu lọc

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực thiện mang "chất bổ dưỡng" (là cảnh) đến giúp các pháp thiện đồng sinh thêm vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. Tất cả pháp thiện.

c- Giải.

- Khi tâm thiện là năng duyên thì các tâm sở hợp là sở duyên.

- Khi tâm sở Xúc là năng duyên thì tâm thiện và 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở Xúc) là sở duyên.

- Khi tâm sở Tư là năng duyên, tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) là sở duyên.

Do đó, trong phần sở duyên lấy "tất cả pháp thiện".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ phản khán, lộ nhập thiền hữu học, lộ đắc thiền hữu học …

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Danh vật thực duyên, tổng quát có 11 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên".*

- Năng là "*tâm"*, nên có "*Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên"* [257] .

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có "*Hổ tương duyên*", "*Đồng sinh y duyên".*

- Năng là "*tâm sở Tư"*, nên có *"Đồng sinh nghiệp duyên".*

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Như vậy có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh thiện trợ sắc tâm thiện, theo cách "làm cho tăng trưởng".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ phản khán, lộ nhập thiền, lộ đắc thiền.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 8 duyên hợp trợ là: "Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".

** Không hợp trợ.*

Có 3 duyên không hợp trợ là "Quả duyên, Tương ưng duyên, Hổ tương duyên".

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh vật thực thiện trợ giúp cho các pháp đồng sinh cùng với sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 3 danh vật thực thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu lọc này là tổng hợp 2 câu lọc trên.

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực thiện), lộ kiên cố thiện.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng có *"tâm"*, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên"*.

- Năng là "tâm sở Tư", nên có *"Đồng sinh nghiệp duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên"*.

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưgn duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo*.

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là ba danh vật thực bất thiện trợ giúp các pháp đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện + tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

- Khi tâm bất thiện là năng duyên, thì 27 tâm sở hợp là sở duyên.

- Khi tâm sở Xúc bất thiện là năng duyên, thì 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Xúc) là sở duyên.

- Khi tâm sở Tư bất thiện là năng duyên, thì 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tư) là năng duyên.

Do đó, sở duyên lấy tất cả pháp bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộý (với đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương tựa vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng - sở hỗ trợ nhau , nên có "*Hổ tương duyên".*

- Năng là **tâm**, nên có *"Đồng sinh quyền duyên", "Đồng sinh trưởng duyên"..*

- Năng là tâm sở Tư, nên có *"Đồng sinh nghiệp duyên".*

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có "*Tương ưng duyên*".

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "*Quả duyên".*

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo*.

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực bất thiện trợ sắc tam bất thiện được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 3 danh vật thực bất thiện.

Bất thiện sở duyên. Sắc tâm bất thiện đồng sinh.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên*".

- Sở vững mạnh nhờ có năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng có ***tâm***, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên".*

- Năng có *tâm sở Tư*, nên có "*Đồng sinh nghiệp duyên"*.

- Sở là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Năng danh, sở là sắc, nên không có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương ưng duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực bất thiện trợ cho danh – sắc sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện + Tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. Pháp bất thiện + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp câu 4 và câu 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

-Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 7 duyên hợp trợ là : "Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh trưởng duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đồng sinh nghiệp duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".

** Không hợp trợ.*

Có 4 duyên không hợp trợ là: "Quả duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên, Hổ tương duyên".

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa nāmāhāra paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.

a- Định nghĩa.

Là 3 danh vật thực vô ký trợ giúp các pháp vô ký đồng sinh với chúng.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký +tâm sở Xúc + tâm sở Tư trong tâm vô ký..

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp+ sắc tâm vô ký.

Riêng "năm đôi thức" không tạo ra sắc tâm.

c- Giải.

Câu này gồm 3 câu: *Danh trợ danh, danh trợ sắc, danh trợ danh - sắc*.

Có các cách như sau:

a'- Vật thực danh vô ký trợ cho các uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký.

b'- Khi Tục sinh, danh vật thực quả trợ các danh uẩn quả tương ưng và sắc nghiệp tục sinh.

Năng duyên: 19 tâm quả tục sinh cõi 5 uẩn + tâm sở Xúc + tâm sở Tư.

Sở duyên: 19 tâm quả Tục sinh và 35 tâm sở hợp (trừ Giới phần) + sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời Tục sinh, thời bình nhật và thời tử.

- Lộ tâm:Lộ ngũ, lộ ý và Siêu lộ.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Năng duyên có *"tâm quả"*, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên", "Quả duyên"*.

(Trong phần "năm đôi thức" trợ các pháp đồng sinh, có "*Hổ tương duyên*", *"Tương ưng duyên"* hợp trợ).

- Sở nương tựa vào danh, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng có "tâm sở Tư", nên có *"Đồng sinh nghiệp duyên"*.

- Sở có sắc tâm, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

** Không hợp trợ.*

Không có.

---o0o---

Quyền duyên

(Indrīya paccayo)

Định nghĩa.

"Quyền duyên" là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách cai quản điều hành các pháp đồng sinh.

Như vị tướng soái điều khiển đoàn của mình.

Phân tích.

Quyền duyên chia rộng có 3 là:

1- *Đồng sinh quyền duyên* (sahajātindriya paccayo).

2- *Quyền sinh tiền duyên* (purejātindriya paccayo).

3- *Sắc mạng quyền duyên* (rūpajīvitindrīya paccayo).

---o0o---

A- Đồng sinh quyền duyên.

(Sahajātindriya paccayo).

Định nghĩa.

Đồng sinh quyền duyên là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng 8 danh quyền điều khiển cai quản các pháp đồng sinh.

Chi pháp.

Năng duyên. 8 danh quyền là: Thọ, tín, niệm, tấn, nhất hành, tuệ, danh mạng quyền và tâm.

*Sở duyên.*Tâm và tâm sở hợp trên phương diện nhờ + sắc tâm + sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. Sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng.

---o0o---

Đồng sinh quyền duyên với tam đề thiện

Có 7 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là "danh quyền thiện" trợ giúp các pháp đồng sinh được vững mạnh.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Thiện sở duyên. Tất cả pháp thiện.

c- Giải.

- Như Tín quyền trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên, cùng làm một việc "hướng tâm tin".

- Tấn quyền trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên, cùng làm một việc "cố gắng"….

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh đạo + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo, lộ đắc thiền.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đồng sinh quyền duyên tổng quát có 13 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng có tâm sở Trí, nên có *"Nhân duyên", "Đồng sinh trưởng duyên", "Đạo duyên"*.

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

- Năngh có "tâm", nên có "*Danh vật thực duyên"*.

- Năng có "tâm sở Thọ", "tâm sở Nhất hành", nên có *"Thiền duyên"*.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 11 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền thiện trợ giúp cho sắc tâm.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ...

- Giống : Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Có 10 duyên hợp trợ.. Là lấy 11 duyên hợp trợ ở câu trên trừ "Hổ tương duyên" và "Tương ưng duyên", thêm "Đồng sinh bất tương ưng duyên".

** Không hợp trợ.*

Có 3 duyên không hợp trợ là "Quả duyên, Hổ tương duyên, Tương ưng duyên".

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền thiện trợ giúp cho các danh - sắc đồng sinh theo cách "cai quản".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 danh quyền thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này tổng hợp 2 câu lọc 1 và 2.

Như khi "tinh tấn là quyền", các pháp cùng sinh chung với tinh tấn là "tâm thiện và sắc Thân biểu tri", làm chung công việc "cố gắng", như "cố gắng hành thiền"…

- Khi "trí là quyền", thì các pháp cùng sinh với tâm sở Trí và sắc Ngữ biểu tri, làm chung một việc như "giảng pháp, nói đạo"…

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý ... (có đổng lực thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên".*

-Sở nương tựa vào năng, nên có "*Đồng sinh y duyên".*

- Năng có "tâm sở Trí", nên có "*Đồng sinh quyền duyên", "Đạo duyên", "Đồng sinh trưởng duyên".*

- Năng có "ý quyền", nên có "*Danh vật thực duyên".*

- Năng có "tâm sở Thọ", "tâm sở Nhất hành", nên có *"Thiền duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có "*Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở có danh lẫn sắc, nên không có *"Tương ưng duyên", "Đồng sinh bất tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ.

***Câu 4**. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh quyền bất thiện trợ giúp danh pháp đồng sinh, theo cách "cai quản".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện là: 12 tâm bất thiện + tâm sở Thọ, tâm sở Cần, tâm sở Nhất hành, tâm sở Mạng quyền.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sởhợp.

c- Giải.

- Khi "tâm sở Nhất hành là quyền", khiến các tâm sở đồng sinh đều làm chung chung công việc "định tâm sai", là "định tâm trong sắc, thinh …"

- Khi tâm sở Cần là quyền, khiến các tâm sở đồng sinh cùng "nổ lực" trong ác, bất thiện pháp ….

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hộp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng - sở trợ giúp lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Danh vật thực duyên"*.

- Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đạo duyên"*.

- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên"*.

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên". "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 10 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên"*.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "*Quả duyên"*.

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 quyền bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách "cai quản".

b- Chi pháp:

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Một trong năm quyền bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả Hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng có chi pháp là *tâm*, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Danh vật thực duyên"*.

- Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đạo duyên"*.

- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên"*.

- Sở là sắc pháp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên"*.

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "*Quả duyên"*.

- Năng là danh - sở sắc, nên không có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 danh quyền bất thiện trợ giúp các danh pháp đồng sinh và sắc tâm, theo cách "quyền".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 danh quyền bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. Pháp bất thiện + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 4 và 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng có chi pháp là *tâm,* nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Danh vật thực duyên".*

- Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đạo duyên".*

- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên". "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên".*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có "*Quả duyên".*

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātindriya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 8 danh quyền vô ký trợ cho các pháp vô ký cùng sinh lên, theo cách "cai quản".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 8 danh quyền vô ký.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký + sắc nghiệp tục sinh.

c- Giải.

Câu này cũng chia thành ba câu phụ là:

Danh vô ký trợ danh vô ký, danh vô ký trợ sắc, danh vô ký trợ danh - sắc.

Có các cách như sau:

a'- Các danh quyền vô ký trợ cho các danh uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký.

b'- Khi Tục sinh, các danh quyền quả trợ các danh uẩn quả đồng sinh và sắc nghiệp tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật và thời tử.

- Lộ tâm:Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng có chi pháp là *tâm,* nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Danh vật thực duyên".*

(Khi danh pháp là tâm quả hiệp thế thì không có "Đồng sinh trưởng duyên").

- Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đạo duyên".*

- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên".*

- Năng là pháp quả, nên có *"Quả duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên".*

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ.

---o0o---

B. Quyền sinh tiền duyên.

(Purejātindriya paccayo)

Định nghĩa.

Là 5 sắc thần kinh sinh trước, trợ các danh pháp sinh lên theo cách "cai quản".

Chi pháp.

Năng duyên. Là 5 sắc thần kinh ở sátna thứ 26.

Sở duyên. Năm đôi thức và 7 tâm sở hợp.

Phi sở duyên. 111 tâm (trừ năm đôi thức) và 52 tâm sở hợp + tất cả sắc pháp.

---o0o---

Quyền sinh tiền duyên với tam đề thiện

Có một câu lọc.

Câu lọc. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa purejātindrya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Quyền sinh tiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 sắc thần kinh ở sátna thứ 26 trợ giúp năm đôi thức và tâm sở hợp sinh lên.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 5 sắc quyền vào sátna 26.

Vô ký sở duyên. 5 đôi thức và 7 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Nhãn quyền (thần kinh Nhãn ở sátna 26) trợ 2 tâm Nhãn thức.
- Nhĩ quyền (thần kinh nhĩ ở sátna 26) trợ 2 tâm Nhĩ thức.
- Tỷ quyền ((thần kinh Tỷ ở sátna 26) trợ 2 tâm Tỷ thức.
- Thiệt quyền (thần kinh Thiệt ở sátna 26) trợ 2 tâm Thiệt thức.
- Thân quyền (thần kinh thân sátna 26) trợ 2 tâm Thân thức.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ.
- Giống: Giống sinh tiền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Quyền sinh tiền duyên có 5 duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có đủ 5 duyên hợp trợ là: *"Vật sinh tiền duyên, Vật sinh tiền y duyên, Vật sinh tiền bất tương ưng duyên, Vật sinh tiền hiện hữu duyên, Vật sinh tiền bất ly duyên".*

---o0o---

C- Sắc mạng quyền duyên.

(Rūpa jīvitindrīya paccayo).

Định nghĩa.

Là sự trợ giúp bằng sắc Mạng quyền vừa điều hành vừa nuôi dưỡng cho các sắc pháp đồng sinh được tồn tại.

Ví như "muối ướp thịt cá cho lâu hư hoại …

Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả sắc Mạng quyền.

Sở duyên. Các nhóm sắc nghiệp sinh chung với sắc Mạng quyền [258].

Phi sở duyên. Tâm + tâm sở + sắc tâm + sắc âm dương + sắc vật thực và sắc mạng quyền.

Duyên trùng.

Sắc Mạng quyền duyên trùng với hai duyên:

- *Quyền hiện hữu duyên* (indriyatthi paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng sắc Mạng quyền đang còn.

- *Quyền bất ly duyên* (indrīyavigata paccayo).

Là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng sắc Mạng quyền không xa lìa.

---o0o---

Sắc Mạng quyền duyên với tam đề thiện

Có một câu lọc.

Câu lọc. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpajīvitindriya paccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sắc mạng quyền duyên.

a- Định nghĩa.

Là sắc Mạng quyền ở giai đoạn trụ trợ giúp các sắc pháp đồng sinh với nó được tồn tại đủ 51 sátna tiểu.

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Sắc Mạng quyền.

Vô ký sở duyên. 19 sắc nghiệp sinh chung nhóm với sắc Mạng quyề***n.***

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 8 bậc Thánh.

- Cõi: 27 cõi hữu sắc.

- Thời: Thời tục sinh, thời bình nhật.

- Lộ tâm: lộ sắc có sắc Mạng quyền.

- Giống: Giống sắc Mạng quyền.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có 2 duyên hợp trợ là: *"Quyền hiện hữu duyên", "Quyền bất ly duyên".*

---o0o---

Thiền duyên.

(Jhānapaccayo).

Định nghĩa.

" Thiền duyên" mãnh lực trợ giúp và ủng hộ bằng các chi thiền.

Chi pháp.

Năng duyên. 5 hay 7 chi thiền có trong 103 tâm (trừ 18 tâm vô nhân).

Sở duyên. 103 tâm và 52 tâm sở hợp (trừ chi thiền đang làm năng duyên) + sắc nghiệp tục sinh + sắc do tâm tạo.

Phi sở duyên: Năm đôi thức và 7 tâm sở hợp, + sắc nghiệp bình nhật + sắc ngoại + sắc vật thực + sắc âm dương+ sắc nghiệp Vô tưởng.

---o0o---

Thiền duyên với tam đề thiện

Có 7 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh thiền thiện trợ các danh uẩn tương ưng.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 chi thiền thiện (Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc, xả) và Định) trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp (trên phương diện nương nhờ).

c- Giải.

Như chi Tầm thiện trợ các danh pháp đồng sinh sinh lên, bằng cách làm "sáng đề mục"….

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 3o cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý … (có đổng lực thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Thiền duyên có 10 duyên hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Năng - sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Sở nương tựa vào năng, nên có "*Đồng sinh y duyên".*

- Năng có tâm sở Hỷ, tâm sở Thọ, nên có *"Đồng sinh quyền duyên".*

- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Định, nên có *"Đạo duyên".*

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có "*Tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi thiền thiện trợ giúp sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 chi thiền thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý …

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương tựa vào năng, nên có "*Đồng sinh y duyên"*.

- Năng có tâm sở Nhất hành, tâm sở Thọ, nên có *"Đồng sinh quyền duyên"*.

- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Định, nên có *"Đạo duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.

- Năng là danh, sở là sắc, nên không có *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên"*.

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiền thiện trợ cho pháp thiện đồng sinh và sắc tâm thiện.

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 5 chi thiền thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. Tất cả pháp thiện + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý …

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Có duyên 6 hợp trợ là *"Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ là *"Quả duyên, Hổ tương duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Câu 4. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo:*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiền bất thiện trợ các pháp bất thiện cùng sinh lên.

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiền bất thiện (Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ, Định trong tâm bất thiện).

Bất thiện sở duyên. Pháp bất thiện.

c- Giải.

Như chi Tầm trong tâm Tham (hay tâm bất thiện khác) trợ giúp các pháp đồng sinh sinh lên …

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương tự như câu 1, là có 8 duyên hợp trợ: *"Đồng sinh duyên, Hổ tương duyên, Đồng sinh y duyên, Đồng sinh quyền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ là *"Quả duyên", "Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là 5 chi thiền bất thiện trợ sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách "làm chói sáng".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiền bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Là một trong 5 chi thiền bất thiện trợ sắc tâm bất thiện sinh lên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học-.
- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên nên có "*Đồng sinh duyên".*
- Sở nương vào năng để được vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên".*
- Năng có tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có *"Quyền đồng sinh duyên*".
- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành, nên có *"Đạo duyên".*
- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là sắc nên không có *"Hổ tương duyên"* và "*Tương ưng duyên".*
- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là năm chi thiền bất thiện, trợ giúp các danh pháp đồng sinh cùng sắc tâm bất thiện sinh lên, theo cách làm "chói sáng".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 5 chi thiền bất thiện.

Bất thiện vàVô ký sở duyên. Pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

- Chi thiền bất thiện trợ giúp các uẩn tương ưng và sắc tâm bất thiện.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh quả Hữu học.
- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (với đổng lực bất thiện).
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Câu này là tổng hợp hai câu 4 và 5.

* *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên".*
- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*
- Năng có pháp quyền là tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có *"Quyền duyên".*
- Năng có chi đạo là tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành, nên có *"Đạo duyên".*
- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 6 duyên hợp trợ.

* *Không hợp trợ.*

- Năng là danh, sở là danh sắc, nên không có *"Hổ tương duyên"*.
- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*
- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*
- Sở có sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thiền duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi thiền vô ký trợ giúp các pháp đồng sinh vô ký sinh lên, theo cách "làm chói sáng".

b- Chi pháp.

Năng duyên. 5 chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc, xả) và Nhất hành trong tâm quả và tâm Duy tác.

Sở duyên. 42 tâm quả (trừ 5 đôi thức) + 20 tâm Duy tác và 38 tâm sở hợp + sắc tâm vô ký.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Chi thiền vô ký trợ giúp các danh pháp vô ký đồng sinh và sắc tâm vô ký.

- Khi Tục sinh, chi thiền quả trợ giúp cho tâm Tục sinh và sắc nghiệp Tục sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.

- Lộ tậm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng - sở đồng sinh, nên có *"Đồng sinh duyên".*

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có *"Đồng sinh y duyên".*

- Năng là pháp vô ký, nên có *"Quả duyên".*

- Năng có pháp quyền là tâm sở Thọ, tâm sở Nhất hành, nên có *"Quyền đồng sinh duyên".*

- Năng có tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành là chi đạo, nên có *"Đạo duyên".*

- Năng sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Những duyên này hợp trợ nhất định, ngoài ra còn có những duyên hợp trợ bất định là:

* Khi danh trợ cho danh thì có thêm *"Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên"*.

* Khi danh trợ cho sắc thì không có 2 duyên trên, nhưng có thêm *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

* Khi danh trợ cho danh - sắc thì không có cả 3 duyên trên.

---o0o---

Đạo duyên.

(Maggapaccayo).

Định nghĩa.

Đạo duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách thông suốt như con đường.

II- Chi pháp.

Năng duyên. Tâm sở Giới phần [259], niệm, tấn, định, trí, tầm, tà kiến đồng sinh trong những tâm hữu nhân.

Sở duyên. Tâm hữu nhân và 52 tâm sở hợp + sắc tâm hữu nhân + sắc nghiệp Tục sinh với tâm hữu nhân.

Phi sở duyên. 18 tâm vô nhân và 12 tâm sở hợp [260] , sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tục sinh với tâm vô nhân.

---o0o---

Đạo duyên với tam đề thiện

Có 7 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo thiện trợ giúp và ủng hộ các pháp thiện cùng sinh lên được vững mạnh theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 8 chi đạo thiện: Trí, Tầm, Chánh nghũ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Cần, Niệm và Định trong tâm thiện.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Trong tâm thiện hiệp thế thông thường không đủ tám chi đạo này, trường hợp tâm thiện hiệp thế có trí có đủ tám chi đạo khi chúng là những sátna Chuẩn bị, Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh và Tiến bậc trong lộ đắc đạo.

Còn trong tâm Siêu thế có đủ tám chi đạo này.

Trong tâm thiện, chi đạo trợ giúp cho các danh pháp đồng sinh, như:

- Chánh kiến (tâm sở Trí) trợ giúp cho tâm thiện hiệp thế và 37 tâm sở hợp.

Trong tâm Đạo thì trợ giúp cho tâm Đạo và 35 tâm sở hợp.

Tương tự như thế với các chi đạo còn lại.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo …

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đạo duyên tổng quát có 12 duyên hợp trợ, trong câu lọc này có:

** Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có *"Nhân duyên".*

- Năng duyên có pháp quyền, nên có "*Đồng sinh quyền duyên*".

- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cần), nên có *"Đồng sinh trưởng duyên".*

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Năng có chi thiền (tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành), nên có *"Thiền duyên".*

- Năng - sở hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 10 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Năng - sở đều là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".* Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo thiện trợ giúp cho sắc tâm theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tám chi đạo trong tâm thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Chi đạo thiện trợ sắc tâm thiện, như:

- Chi Cần trợ giúp sắc Thân biểu tri tinh tấn hành thiền, đi khất thực ...

- Chi Trí trợ giúp sắc Ngữ biểu tri để thuyết giảng Phật pháp …

Câu lọc này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý … (có đổng lực thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Vì sở duyên là sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên" và Tương ưng duyên".* Nhưng có thêm *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*[261] .

Như vậy có 9 duyên hợp trợ và 3 duyên không hợp trợ.

Câu 3. *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện và pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo thiện trợ giúp các danh pháp thiện và sắc tâm sinh lên theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. Tám chi đạo thiện.

Thiện và vô ký sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở (trừ pháp đang làm năng duyên) + sắc tâm thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 1 và 2 ở trên.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi Ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý … (có đổng lực thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có *"Nhân duyên".*

- Năng duyên có pháp quyền, nên có "*Đồng sinh quyền duyên*".

- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cần), nên có *"Đồng sinh trưởng duyên"*.

- Năng có chi thiền (tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành), nên có *"Thiền duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có "*Quả duyên"*.

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên"*.

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 4. A*kusalo dhammo akusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ các danh pháp bất thiện sinh lên theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. Là 4 chi đạo: Tầm, Cần, Định và Tà kiến trong tâm bất thiện.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ chi đạo).

c- Giải.

Sở duyên là tính tổng quát, nếu tính theo loại tâm bất thiện thì:

- Trong tâm Tham hợp tà kiến có 4 chi đạo là: Tầm, Cần, Định và Tà kiến.

- Trong tâm Tham không có Tà kiến thì chỉ có 3 chi đạo: Tầm, Cần và Định.

- Trong 2 tâm Sân cũng có 3 chi đạo như trên.

- Trong tâm Si Hoài nghi chỉ có 2 chi đạo là: Tầm, Định.

- Trong tâm Si hợp phóng dật có 3 chi đạo là: Tầm, Cần và Định.

Chi đạo bất thiện trợ giúp các danh pháp đồng sinh sinh lên bằng cách "thông suốt".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm**.**

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên".*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên".*

- Năng - sở hoà hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên*".

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 9 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên".*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở là danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Có 3 duyên không hợp trợ.

Câu 5. *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 4 chi đạo bất thiện.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Chi đạo thiện trợ sắc tâm bất thiện như:

- Tà kiến trong tâm Tham hợp tà, trợ giúp sắc Ngữ biểu tri, "nói lên những tà thuyết" …

Hay " Tà kiến" trợ cho sắc Thân biểu tri, thực hành khổ hạnh theo khuybnh hướng tà kiến, hoặc sát sinh để tế thần lửa …

Các chi đạo còn lại cũng được hiểu theo cách thức tương tự.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên".*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên".*

- Năng là danh, sở là sắc, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 8 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên".*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở là sắc pháp, nên không có "*Tương ưng duyên", "Hổ tương duyên".*

Có 4 duyên không hợp trợ.

Câu 6. *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là chi đạo bất thiện trợ giúp danh pháp dồng sinh và sắc tâm sinh lên theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 4 chi đạo bất thiện.

Bất thiện và vô ký sở duyên. 12 tâm bất thiện và 26 tâm sở hợp (trừ chi đạo) + sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này là tổng hợp 2 câu 4 và 5.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 Thánh quả hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

Năng có tâm sở Cần, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên", "Đồng sinh quyền duyên".*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng có tâm sở Nhất hành, nên có "*Thiền duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 7 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng không có pháp nhân, nên không có *"Nhân duyên".*

- Năng là pháp bất thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở có danh pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

- Sở có sắc pháp, nên không có *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên".*

Có 5 duyên không hợp trợ.

Câu 7. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo.*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đạo duyên.

a- Định nghĩa.

Là các chi đạo vô ký trợ cho danh pháp đồng sinh và sắc tâm theo cách "dẫn lối".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. Tám chi đạo trong tâm quả và tâm Duy tác hữu nhân.

Vô ký sở duyên. 37 tâm quả hữu nhân + 17 tâm Duy tác hữu nhân và 37 tâm sở hợp (trừ chi đạo) + sắc tâm vô ký hữu nhân + sắc nghiệp Tục sinh hữu nhân.

c- Giải.

Câu lọc này được phân tích theo: Danh trợ danh, danh trợ sắc và danh trợ danh - sắc. Tổng quát thì:

- Trong thời bình nhật, một trong 8 chi đạo vô ký trợ cho các danh pháp đồng sinh và sắc tâm vô ký hữu nhân.

- Trong thời Tục sinh, một chi đạo trong tâm quả Tục sinh hữu nhân trợ cho các danh pháp đồng sinh và sắc nghiệp tục sinh hữu nhân.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

** Hợp trợ.*

- Năng duyên có pháp nhân (tâm sở Trí), nên có *"Nhân duyên".*

- Năng duyên có pháp quyền, nên có "*Đồng sinh quyền duyên*".

- Năng - sở cùng sinh lên và sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên".*

- Năng duyên có pháp trưởng (tâm sở Trí, tâm sở Cần), nên có *"Đồng sinh trưởng duyên".*

- Năng có chi thiền (tâm sở Tầm, tâm sở Nhất hành), nên có *"Thiền duyên".*

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Những duyên này hợp trợ trong mọi trường hợp.

- Trong trường hợp là tâm quả hữu nhân, thì có thêm "*Quả duyên*"

* Khi "danh trợ danh". Có thêm *"Hổ tương duyên", "Tương ưng duyên".*

* Khi "danh trợ sắc", không có 2 duyên trên, nhưng có thêm *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

* Khi "danh trợ danh sắc", không có cả duyên trên- Năng - sở hỗ trợ nhau, nên có *"Hổ tương duyên".*

---o0o---

Tương ưng duyên.

(Sampayutta paccayo).

Định nghĩa.

"*Tương ưng duyên"* là mãnh lực trợ giúp theo cách "hoà hợp". Nghĩa là năng duyên cùng sở duyên hòa hợp với nhau. Ví như sữa hoà với nước.

Theo định nghĩa trên, năng và sở đều là danh pháp.

Chi pháp.

Năng duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Sở duyên. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.

Phi sở duyên. Sắc pháp + Nípbàn + Chế định.

---o0o---

Tương ưng duyên với tam đề thiện.

Có 3 câu.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là các danh uẩn thiện trợ giúp lẫn nhau, theo cách "hòa hợp".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp trên phương diện giúp.

Thiện sở duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp trên phương diện nương nhờ.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một uẩn thiện trợ giúp 3 danh uẩn thiện theo cách *"hòa hợp"*.
- Hai uẩn thiện trợ giúp 2 danh uẩn thiện theo cách *"hòa hợp"*.
- Ba uẩn thiện trợ giúp 1 danh uẩn thiện theo cách *"hòa hợp"*.
- Một uẩn thiện trợ giúp 3 danh uẩn thiện theo cách *"hòa hợp"*.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thành hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Thời: Thời bình nhật.
- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực thiện), lộ kiên cố.
- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Tương ưng duyên có duyên hợp trợ. Trong câu lọc này có:

***** *Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có "*Đồng sinh duyên*".

- Năng - sở hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hổ tương duyên"*.

- Sở nương vào năng để vững mạnh, nên có "*Đồng sinh y duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Có 5 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên"*.

Có một duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh bất thiện trợ giúp danh bất thiện sinh lên theo cách "hòa hợp".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp trên phương diện giúp.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp trên phương diện nhờ.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Một uẩn bất thiện trợ giúp 3 uẩn bất thiện theo cách *"hòa hợp"*.

- Hai uẩn bất thiện trợ giúp 2 uẩn bất thiện theo cách *"hòa hợp"*.

- Ba uẩn bất thiện trợ giúp 1 uẩn bất thiện theo cách *"hòa hợp"*.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như câu 1.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sampayutta paccayena paccayo*

Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh vô ký trợ giúp danh vô ký theo cách "hòa hợp".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. 72 tâm vô ký và 38 tâm sở hợp.

c- Giải.

Có các cách như sau:

- Vào thời bình nhật, một hay 2 hay 3 danh uẩn vô ký trợ các danh uẩn đồng sinh.

- Vào thời Tục sinh, một hay 2 hay 3 danh uẩn quả trợ các danh uẩn đồng sinh.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 30 cõi hữu tâm.

- Thời: Thời bình nhật, thời Tục sinh.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Năm duyên hợp trợ ở trên và thêm *"Quả duyên"*.

---o0o---

Bất tương ưng duyên.

(Vippayuttapaccayo).

Định nghĩa.

Bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp theo cách "không hòa hợp".

Theo định nghĩa trên, khi năng là danh thì sở là sắc.

Khi năng là sắc thì sở là danh.

Phân tích.

Bất tương ưng duyên được phân tích thành 3 duyên:

- *Đồng sinh bất tương ưng duyên.* Là năng - sở cùng sinh lên, nhưng không "hòa hợp".

- *Sinh tiền bất tương ưng duyên.* Là năng sinh trước, sở sinh sau, năng - sở "không hòa hợp".

Sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với *Sinh tiền duyên.*

Sinh tiền bất tương ưng duyên được phân tích thành 2 duyên:

Vật sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với *Vật sinh tiền duyên.*

Vật - cảnh sinh tiền bất tương ưng duyên trùng với *Vật cảnh sinh tiền duyên*.

- *Sinh hậu bất tương ưng duyên.* Là năng sinh sau trợ cho sở sinh trước.

Sinh hậu bất tương ưng duyên trùng với *sinh hậu duyên*.

---o0o---

Đồng sinh bất tương ưng duyên.

Định nghĩa.

Đồng sinh bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ giúp bằng cách "cùng sinh lên" nhưng "không hòa hợp".

Chi pháp.

Năng duyên. 107 tâm (trừ 5 đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc).

Sở duyên. Sắc tâm tạo, sắc nghiệp tục sinh.

Phi sở duyên. 121 tâm và tâm sở hợp, sắc ngoại, sắc vật thực tạo, sắc âm dương tạo, sắc nghiệp vô tưởng, sắc nghiệp bình nhật.

---o0o---

Đồng sinh duyên với tam đề thiện

Có 3 câu lọc.

Câu 1. *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.*

Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh pháp thiện trợ giúp sắc tâm thiện sinh lên theo cách "cùng sinh lên nhưng không hòa hợp".

b- Chi pháp.

Thiện năng duyên. 37 tâm thiện và 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm thiện.

c- Giải.

Sắc tâm thiện đồng sinh với danh uẩn thiện chính là "6 sắc tâm tạo" (2 sắc Biểu tri + 3 sắc đặc biệt + sắc thinh).

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 7 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm,: Lộ ngũ, lộ ý (ccó đổng lực thiện).

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Đồng sinh bất tương ưng duyên có 6 duyên hợp trợ.

Trong câu này có:

** Hợp trợ.*

- Năng - sở cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*.

- Sở nương tựa vào năng, nên có *"Đồng sinh y duyên"*.

- Năng - sở cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh Hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Có 4 duyên hợp trợ.

** Không hợp trợ.*

- Năng là pháp thiện, nên không có *"Quả duyên".*

- Sở là sắc, lại ở thời bình nhật, nên không có *"Hổ tương duyên".*

Có 2 duyên không hợp trợ.

Câu 2. *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.*

Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là danh uẩn bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện theo cách "cùng sinh lên nhưng không hòa hợp".

b- Chi pháp.

Bất thiện năng duyên. 12 tâm bất thiện và 27 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm bất thiện.

c- Giải.

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 3 bậc Thánh hữu học.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thời bình nhật.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý (có đổng lực bất thiện).

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Như câu 1.

Câu 3. *Abyākato dhammo abyaakatassa dhammassa sahājātavippayutta paccayena phaccayo.*

Pháp Vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồng sinh bất tương ưng duyên.

a- Định nghĩa.

Là các danh uẩn vô ký trợ giúp sắc tâm vô ký theo cách "cùng sinh lên nhưng không hòa hợp".

b- Chi pháp.

Vô ký năng duyên. 58 tâm vô ký [262] (trừ tâm Tử của vị Thánh Alahán) và 38 tâm sở hợp + sắc Ý vật Tục sinh.

Vô ký sở duyên. Sắc tâm vô ký bình nhật + sắc nghiệp Tục sinh + 15 tâm quả Tục sinh cõi ngũ uẩn và 35 tâm sở hợp.

c- Giải.

- Các danh uẩn vô ký trợ cho sắc tâm vô ký.

- Khi Tục sinh, những uẩn quả Tục sinh trợ cho sắc nghiệp Tục sinh.

- Khi Tục sinh, sắc Ý vật Tục sinh trợ giúp tâm Tục sinh theo cách "đồng sinh bất tương ưng".

Câu này đối với.

- Người: 4 phàm + 4 bậc Thánh quả.

- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn.

- Thời: Thới Tục sinh, thời bình nhật, thời tử.

- Lộ tâm: Lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

- Giống: Giống đồng sinh.

Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

* *Hợp trợ.*

- Trong thời bình nhật: "Đồng sinh duyên, Đồng sinh y duyên, Quả duyên, Đồng sinh hiện hữu duyên, Đồng sinh bất ly duyên".

- Trong thời Tục sinh: Có thêm Hổ tương duyên.

Bốn duyên*: Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên. Ly duyên và Bất ly duyên* mỗi duyên được phân tích thành nhiều duyên phụ. Những duyên phụ có chi pháp trùng với những duyên đã giải (xin xem phần khái lược về duyên hệ), nên xin thông qua các câu lọc đối với tam đề thiện.

---o0o---

Dứt phần duyên hệ với tam đề thiện.

Soạn xong ngày 24 – 4 – 2008.
(Nhằm ngày 19 tháng 3 năm Mậu tý).

---o0o---

Tài Liệu Tham Khảo

Kinh Tạng PĀLI:

Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch:

- Dīgha Nikāya (Trường Bộ Kinh) III, IV. Ấn hành năm 1973.
- Majjhima Nikāya (Trung Bộ Kinh) I, II, III. Ấn hành năm 1973.
- Aṅguttara Nikāya (Tăng Chi bộ), I, II, III, IV. Ấn hành năm 1967.
- Saṃyutta Nikāya (Tương Ưng bộ) II, III, IV, V. Ấn hành năm 1982.
- Khuddaka – Suttanipāta (Kinh tập).
- Abhidhammatthasaṅgaha). Thắng Pháp Tập Yếu
- Đại Trưởng Lão Nārada - *Vi Diệu Pháp Toát Yếu.* Phạm Kim Khánh dịch.
- Đại trưởng lão Tịnh Sự (d) - Paṭṭhāna (Vị trí).
- Đại trưởng lão Tịnh Sự (d) – Yamaka (Song đối).
- Đại Trưởng Lão Tịnh Sự (soạn) - *Siêu Lý Cao học*.
- Đại trưởng lão Pháp Minh (d) Dhammapāda Atthakathā (Chú giải Pháp Cú Kinh) I, II- Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 1997, 1998.
- Thích nữ Trí Hải (d) - Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) . Nxb Tôn giáo, năm 2001.
- Đại trưởng lão Giới Nghiêm (d) – Milindapañhā (Mi – Tiên vấn đáp).
- Jātaka Atthakathā (Chú giải kinh Bổn sanh).
- Theragāthā (Kệ trưởng lão Tăng).

---o0o---

HẾT

---

[1] Trích trong: Nārada Mahāthera. A Manual of Abhidhamma (Vi Diêu pháp toát yếu). Ô. Phạm Kim Khánh (d), tr.423.
[2] Vsm. Chương 17. 595.

[3] Đức Tịnh sự dịch "utu" là "âm dương.
[4] S.iv, 67. Tương ưng sáu xứ, kinh Cả hai.
[5] M.i, 259.
[6] S.ii, 64. Tương ưng duyên khởi (Paṭiccasamuppādasampayuttaṃ); kinh Không phải của ngươi (Natumhasuttaṃ).
[7] S.ii, 65. Tương ưng duyên khởi, (Paṭiccasamuppādasuttaṃ) kinh Tư tâm sở (cetanāsuttaṃ).
[8] Sn. 339. (gīlana là"người bịnh; gīlanapaccaya: giúp đở người bịnh, thuốc trị bịnh).
[9] Vism - Chương 17. (Paṭṭhānapaccayakathā, số 594).
[10] Đại trưởng lão Tịnh Sự (soạn). Siêu lý Cao học.
[11] Đại trưởng lão Tịnh Sự (soạn). Siêu lý cao học.
[12] Một trong bốn nhân sinh tâm là "có cảnh".
[13] S.iii.100. Tương ưng Uẩn (khandhasampayuttaṃ). Kinh Trăng rằm (Puṇṇasuttaṃ).
[14] A. iii, 214. Pháp 5 chi, kinh Gavesī người tầm cầu.
[15] Đại trưởng lão Tịnh Sự (soạn). Siêu lý cao học.
[16] 121 tâm – 18 tâm vô nhân = 1ỏ tâm. Tâm Vô nhân có 12 tsâm sở hợp (trừ tâm sở dục) - Ns.
[17] Làm phận sự Tục sinh, có tất cả 19 tâm : 2 tâm Quan sát xả thọ, 8 tâm quả Dục giới hữu nhân, 9 tâm quả thiền. Như vậy, tâm quả hữu nhân có 17 tâm (trừ hai tâm Quan sát xả thọ) – Ns.
[18] Là 4 tâm Đại quả ly trí.
[19] Cõi người + 7 cõi trời Dục.
[20] 7 cõi vui Dục + 15 cõi Sắc giới hữu tưởng.
[21] A.i. 204. Pháp ba chi, kinh các căn bản bất thiện (akusalamūlasuttaṃ).
[22] Bộ thứ sáu của Tạng Thắng Pháp – Yamaka (Song đối).
[23] Vism. Chương 17, số 595.
[24] Xem A.i, 3. Pháp một chi; phẩm II: Đoạn triền cái.
[25] M.iii, kinh số 109. Mãn nguyệt đại kinh (Mahāpuṇṇamasuttaṃ).
[26] Đại trưởng lão Nārada. Vi diệu pháp toát yếu (Ô. Phạm Kinh Khánh dịch), tr.439.
[27] Vsm. Chương 17. 596.
[28] Là: Tâm + tâm sở + sắc pháp + chế định + Nípbàn.
[29] M.iii, kinh số 131. Kinh Nhất dạ hiền giả (Bhaddekarattasuttaṃ).
[30] S.iv, 32. Tương ưng sáu xứ (saḷāyatanasamyuttaṃ); kinh Liễu tri (sabbupādānapariññāsuttaṃ).
[31] Ba tâm này được gọi là ý giới (manodhātu).

[32] Là hai tâm thắng trí (abhiññācitta) của những vị tu tập chỉ tịnh, thành tựu được thông lực như: thiên nhãn thông, thần túc thông, tha tâm thông, thiên nhĩ thông và túc mạng thông.

- Tâm thông có cho phàm nhân đến bậc Thánh Anahàm, gọi là ***thông thiện***.

- Tâm thông của bậc Thánh Alahán, gọi là ***thông tố*** hay ***thông hạnh*** hoặc ***thông duy tác***.

[33] Là cảnh thiền Chế định và Nípbàn.
[34] Xem: Tỳkhưu Chánh Minh; Quy trình tâm pháp. Lộ nhãn môn cảnh rất lớn.
[35] Ptn. Phần phân tích duyên (paccayavibhaṅgavāro), 1.1 - 3.
[36] M.iii, kinh số 138 . Kinh Phân tích lược thuyết (Uddesavibhaṅgasuttaṃ).
[37] A.i, 8. Pháp 1 chi. Phẫm Paṇihita – acchavaggo (đặt hướng và trong sáng).
[38] Abhidhammatthasaṅgaha (chương II).
[39] Đức Tịnh Sự (soạn) – Siêu lý cao học.
[40] Vsm. Chương 17. 597.
[41] 18 sắc thành tựu (còn gọi là hiển sắc) là: Tứ đại + 6 sắc vật (vatthurūpa – 5 sắc thần kinh + sắc ý vật) + 4 sắc cảnh, 2 sắc tính (bhāvarūpa – Tính nữ, tính nam)+ sắc mạng quyền + sắc vật thực.
[42] 52 tâm sở - (2 vô lương phần + 4 sân phần + hoài nghi) = 45 tâm sở.
[43] Vì Nípbàn và chế định luôn luôn là nghịch duyên, nên xin miễn nêu ra trong phần nghịch duyên của các duyên còn lại
[44] JA. Chuyện số 537.
[45] A.iii,156. Pháp năm chi. Kinh Chúng ngủ rất ít (Appaṃsupatisuttaṃ).
[46] Là bốn Đạo, 4 Quả Siêu thế và Nípbàn.
[47] Xem Quy trình Tâm pháp (TK Chánh Minh soạn).
[48] Trong lộ tâm đắc 3 đạo hữu học.
[49] Là Sơ đạo, Nhị đạo và Tam đạo.
[50] Là Sơ đạo, Nhị đạo và Tam đạo.
[51] 5 tâm thiện Sắc giới + 4 tâm thiện Vô sắc giới.
[52] Tâm thiền của bậc Thánh Alahán.
[53] 8 tâm quả hữu nhân Dục giới + 5 tâm quả thiền Sắc giới + 4 tâm quả thiền Vô sắc giới.
[54] A.i, 253 (pháp ba chi), kinh Kẻ lọc vàng (Paṃsudhovakasuttaṃ).
[55] A.iv, 239 (pháp 8 chi). Kinh Thọ sanh do bố thí (Dānūpapattisuttaṃ).
[56] Gồm: 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Duy tác Dục giới + 9 tâm thiện Đáo Đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 40 tâm Siêu thế.
[57] Ở đây chỉ cho trí quán xét. Những loại trí bình thường không gọi là trí trưởng.

[58] 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si) + 8 tâm thiện Dục giới + 8 tâm duy tác dục giới hữu nhân + 18 tâm đổng lực Đáo đại + 4 tâm Đạo + 4 tâm quả Siêu thế = 52 tâm. Nếu tính rộng thì: 44 tâm hiệp thế + 40 tâm siêu thế = 84 tâm.

[59] Là sắc do tâm tạo ra, khi tâm có một pháp trưởng thì sắc ấy gọi là "sắc tâm trưởng".
[60] Xem D.iv, Kinh Chuyển luân vương sư tử hống (Cakkavatti – sīhanādasuttanta).
[61] M.i, kinh số 27, Kinh Tượng Tích dụ tiểu kinh (cūlahatthipadopamasutta)

[62] A.iv; 338 (pháp 8 chi). Kinh "Cội rễ sự vật" (mūlakasuttaṃ).
[63] Tâm sở tham hợp được 21 tâm sở khác là : 13 Tợ tha + 2 tham phần (trừ tham) + 4 si phần + 2 hôn phần.
- Tâm sở Sân hợp được 21 tâm sở là : 12 Tợ tha (trừ hỷ) + 4 si phần + 3 sân phần (trừ tâm sở sân) + 2 hôn phần.
[64] Xem Luật phân tích Tỳkhưu và Trung bộ kinh.
[65] Ptn 1.1.3.
[66] Vsm. Chương 17. 598.
[67] Ý ở đây chỉ cho ý môn (manodvāra).
[68] S.iv, 32. Tương ưng sáu xứ (Saḷāyatanasamyutta), kinh Liễu tri (Pariññā).
[69] A.iv, 338, pháp 8 chi. Kinh Cội rễ của sự vật (mūlakasuttaṃ)
[70] Đại trưởng lão Tịnh Sự. Siêu lý cao học.
[71] Vsm. Chương 17. 598.
[72] Ptn1.1.148.
[73] Vsm. Chương 17; 598.
[74] Vsm. Chương 17. 599.
[75] Ngoại trừ ngũ song thức và 4 tâm quả Vô sắc giới không tạo ra sắc tâm, các tâm còn lại đều tạo ra sắc tâm.
[76] MhvA.ii, chương y phục.
[77] DhpA. Câu 222.
[78] Đại Đức Thiện phúc (d). Chú giải người và cõi. Chương giải về bàng sinh.
[79] Mỗi đoàn có 10 sắc, tổng cộng có 30 sắc, như sau:
- Đoàn ý vật có 10 sắc là : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc ý vật
- Đoàn tính có 10 là : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc tính (nam hoặc nữ).
- Đoàn thân có 10 sắc là: 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc thần kinh thân.
[80] Anuruddha; Abhidhammasaṅgaha (Thắng pháp tập yếu luận), chương VI (Rūpa – Sắc), phần 5.
[81] Chúng sinh hóa sinh ở cõi Dục giới là : Chúng sinh Địa ngục, chúng sinh ngạ quỷ (peta) và chúng sinh chư thiên (deva).
[82] Sátna tâm có 3 sátna tiểu là: sátna sinh (uppādakhaṇa), sátna trụ (ṭhiti), sátna diệt (bhaṅgakhaṇa).
[83] Là nhóm phi hảo lạc Atula, thuộc bộ tướng của Tứ Đại vương, đồng thời cũng àl "người lạc vô nhân".
[84] Chúng sinh ở cõi Phạm thiên thuộc cách này.
[85] Vsm. Chương 17, 599.
[86] Ptn. 1.1.6.
[87] Đời sống sắc pháp dài hơn đời sống tâm pháp 17 lần, nên sátna trụ của sắc pháp là 49 sátna tiểu.
[88] Sắc y sinh là sắc nương từ sắc tứ đại mà sinh ra, như "sự sáng" của lư đồng được đánh bóng…
[89] Utu chỉ cho "lửa nóng và lửa lạnh", utu thường được dịch là "thời tiết". Nhưng e nhầm lẫn là "sắc do mùa mưa tạo, sắc do mùa hè tạo…", nên giữ

nguyên thuật ngữ "âm dương" của Đức Tịnh Sự đã dùng. Và âm dương ở đây chỉ cho "lạnh – nóng".
[90] 54 tâm dục giới – (2 tâm sân+ 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức + 2 tâm thân thức + 8 đại quả) = 38 tâm.
[91] Là 8 tâm tham + 2 tâm si + tâm Hướng ý môn + 8 đại thiện + 8 đại hạnh= 27 tâm.
[92] Dhp. Kệ ngôn số 1- 2.
[93] Nhân sinh tâm (tổng quát) có bốn là: Nghiệp quá khứ, có cảnh, có tâm sở, có vật nương (xem Tỳkhưu Chánh Minh (s). Tâm vấn đáp).
[94] Đại trưởng lão Giới Nghiêm (d). Mi-Tiên vấn đáp (Milindapañhā) - Phần ngoại thuyết.
[95] Là 5 sắc thần kinh và sắc ý vật.
[96] A.i, 118. Pháp ba chi. Kinh Samiddha (Samiddhasuttaṃ)
[97] Tâm cùng tâm sở phối hợp chung, từ đây chỉ gọi tắt là tâm, độc giả nên hiểu là "có tâm sở phối hợp" – Ns.
[98] Mỗi sátna tâm có ba sátna tiểu là : Sinh - trụ - diệt x 17 = 51 sátna tiểu.
[99] Dhp. kệ ngôn 160.
[100] Trích trong Vi diệu pháp Toát yếu. Đức Nārada soạn. Ô. Phạm Kim Khánh dịch; tr.441.
[101] A.iv, 247. Pháp 8 chi , kinh "Quả ác hạnh" (duccaritavipaakasuttaṃ).
[102] A.i, 14. Phẩm làm bạn với thiện.
[103] Dhp. Câu 78.
[104] Ptn, 1.1.10.
[105] Dhp. Câu số 364.
[106] Luật phân tích tỳkhưu.
[107] DhpA. Câu số 181.
[108] DhpA. Câu số 285.
[109] DhpA. Câu số 79
[110] Thera. Chuyện Ngài Mahākassapa.
[111] DhpA. Câu số 79
[112] Ptn; 1. 1. 10.
[113] S.i, 13, Tương Ưng Chư thiên (Devatāsaṃyuttaṃ), kinh Triền phược (Jaṭāsuttaṃ).
[114] Dhp. Câu 277.
[115] DhpA. Câu số 25.
[116] A.ii, 27. Pháp bốn chi. Kinh Truyền thống bậc Thánh (ariyavaṃsasuttaṃ).
[117] D.iv; kinh Pāṭika.
[118] M.ii, kinh số 57. Hạnh con chó.
[119] Như nhà thơ Hàn Mặc Tử, khi trăng tròn, bịnh hủi của ông trở nên nặng, khiến ông đau nhức khôn tả.
[120] D.iii. Kinh Đại Thiện kiến vương (Mahāsudassanasuttanta).
[121] Vsm. Chương 17, 602.

[122] Đây là nói theo cách thông thường, trong lộ chứng thiền, nhập thiền, đắc đạo lại là cách đặc biệt của Vô gián cận y duyên
[123] Vsm. Chương 17, 602.
[124] Dhp. Câu 282.
[125] JA. Chuyện số
[126] D.iii. Kinh Giáo thọ ThiCalaviệt (Siṅgalovādasutta).
[127] Dhp. Câu số 122.
[128] Là : Tứ đại + 6 sắt vật nương (vatthu) + 4 sắc cảnh + 2 sắc tính + sắc mạng quyền + sắc vật thực.
[129] Ba ý giới là: 2 tâm Tiếp thâu + tâm Hướng ngũ môn.
Mười tâm sở hợp là: 13 tâm sở Tợ tha – (cần + hỷ + dục).
[130] Ý môn là 19 tâm hữu phần: 2 tâm quan sát xả thọ + 8 đại quả + 5 tâm quả thiền Sắc giới + 4 tâm quả thiền Vô sắc.
[131] Vsm. Chương 17. 603.
[132] Vsm- Chương 17. 604.
[133] Trừ bốn tâm tâm quả Vô sắc, vì chúng không tạo ra sắc pháp.
[134] Sắc bất ly (vinibbhogarūpa)pa), vì chúng không thể tách lìa nhau nê gọi là bất ly. Gồm 8 sắc cơ bản" Tứ đại + sắc , mùi + vị và vật thực. Nếu tính thêm sắc hư không (là khoảng giữa 2 sắc pháp) thành ra 9.
[135] Abhs. Chươngvi. Kalāpa – yocanā (các nhóm sắc pháp).
[136] Là 121 tâm – (10 thức + 4 quả vô sắc) + 2 tâm thông = 109 tâm.
Tính hẹp thì : 89 tâm – (1o thức + 4 quả vô sắc) + 2 tâm thông = 77 tâm.
[137] 9 nhóm do nghiệp tạo + 6 nhóm do tâm tạ0 + 2 nhóm do vật thực tao + 4 nhóm do âm dương tạo.
[138] Đoàn bất ly gồm 8 sắc cơ bản là : Tứ đại + (màu) sắc, mùi, vị và vật thực.
[139] Vsm. Chương 17
[140] 12 tâm bất thiện + tâm sinh tiếu + 8 đại thiện + 8 đại tố+ 9 thiện đáo đại + 9 duy tác đáo đại.
[141] Là 12 tâm bất thiện + tâm Sinh tiếu + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm thiện Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 20 tâm Đạo (Maggacitta) = 67 tâm.
[142] Javanavithī (lộ đổng lực).
[143] 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế = 52 tâm quả.
[144] Dhp. Câu 118.
[145] DhpA. Câu số 296 – 301.
[146] - DhpA.câu số 15.
[147] Dhp. Câu số 119 -120.
[148] S.ii, 184. Tương Ưng Vô Thỉ (Anamataggasaṃyuttaṃ), kinh Cây gậy (Daṇḍasuttaṃ).
[149] Ptn. Chương 1. 10.

[150] Không kể tính vô ký quả. Nếu tính "giống" thì có 3 giống "giống thiện, giống bất thiện và giống duy tác".
[151] S.v, 78. Tương ưng giác chi (bojjhaṅgasamyuttaṃ). Kinh Ví dụ mặt trời (Suriyūpamasuttaṃ).
[152] Xem thêm Quy trình tâm pháp về lộ đắsc đạo.
[153] Vsm. Chương 17. 606.
[154] A.ii, 23o. Pháp bốn chi. Kinh Tóm tắt (saṃkhittasuttaṃ)
[155] Dhp. Câu 1-2.
[156] Tâm sở Tư trong trường hợp này là năng duyên, do đó nó không thuộc sở duyên.
[157] Sắc do tâm tạo, tính rộng có 15 sắc là: 8 sắc bất ly, sắc hư không, 3 sắc đặc biệt, 2 sắc tiêu biểu, sắc thinh. Nếu tính thêm một sắc tướng trạng (sinh, tiến, dị, diệt) thì thành 16 sắc. Trong đó, 2 sắc tiêu biểu đồng sinh đồng diệt với tâm, những sắc còn lại "đồng sinh nhưng không đồng diệt".
[158] DhpA. Câu 127.
[159] DhpA. Câu số 2.
[160] DhpA. Câu số 1.
[161] DhpA. Câu số 48.
[162] Đức Xálơiphất đ65 nhất về trí tuệ và là bậc đệ nhị Thần thông.
Đức Mụckiềnliên là đệ nhất thần thông và đệ nhị trí tuệ.
[163] 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm quả dục giới, + 5 tâm quả Sắc giới + 4 tâm quả Vô Sắc giới + 20 tâm quả Siêu thế.
[164] Vsm. Chương 17. 607.
[165] 52 tâm quả = 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm quả Dục giới + 9 tâm quả đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế. Nói gọn là 32 tâm quả hiệp thế + 20 tâm quả Siêu thế. 38 tâm sở hợp = 13 tâm sở Tợ tha + 25 tâm sở Tịnh hảo.
[166] Ptn. 1.15.
[167] M.i, Kinh Tiểu Nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhaṅgasuttaṃ).
[168] Tức là nhóm hành uẩn gồm 50 tâm sở (trừ Thọ và Tưởng).
[169] A.iii, 242. Pháp 5 chi. Kinh Mộng.
[170] DhpA. Câu số 73 – 74.
[171] DhpA. Câu số 43.
[172] Ám chỉ tâm hữu phần (bhavaṅgacitta).
[173] Abhs. Chương VI. Phần 3.
[174] DhP. Câu 200.
[175] Là sắc bên ngoài thân chúng sinh.
[176] Do nghiệp tạo, do tâm tạo, do vật thực tạo và do khí hậu tạo.
[177] S.iii, 58 . Kinh Thủ chuyển (Upādānaparipavattasuttaṃ).
[178] A.v, 113. Pháp 10 chi. Phẩm song đối (Yamakavaggo); kinh Vô minh (avijjā suttaṃ).
[179] Là : Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ, xúc, thiệt xúc, thân và ý xúc.
[180] Vedanā paccaya taṅhā : Thọ duyên ái.

[181] Là: Thân hành, ngữ hành, ý hành, phi phúc hành, phúc hành và bất động hành.
[182] Là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.
[183] Đại trưởng lão Nārada. Vi diệu pháp toát yếu; Ô. Phạm Kim Khánh dịch; tr. 397.
[184] Bộ phận sinh dục.
[185] Dhp. Câu 371.
[186] Có 15 Danh quyền có 14 là: Ý quyền, danh Mạng quyền, 5 Thọ quyền, 5 giác phần quyền và 3 Siêu thế quyền. Nếu nói theo chi pháp thì có 8 là: Ý quyền, danh Mạng quyền, Thọ quyền, Tín quyền, Tấn quyền, Niệm quyền, định quyền và Tuệ quyền.
[187] Vsm. Chương 17. 610.
[188] A.i, 115. Pháp ba chi, kinh Thiên giới (Devalokasuttaṃ).
[189] D.iii, kinh Đế Thích vấn đạo (Sakkapañhasuttaṃ).
[190] Trong Siêu lý cao học của Đức Tịnh sự biên soạn ghi là: 11 1 tâm (trừ 10 thức).
[191] Vsm. Chương 17. 611.
[192] Tuy nhiên, các Giáo thọ sư sau này, cho rằng: Tâm vô nhân có chi thiền, vì các tâm này có tinh năng hoạt.
[193] Vsm. Chương 17. 611.
[194] Là 3 tâm sở: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.
[195] 13 tâm sở Tợ tha – tâm sở dục = 12 tâm sở.
[196] A.ii, 222. Kinh Con đường (maggasuttaṃ).
[197] S.iii, 238. Tương ưng Xá Lợi Phất, Sūcimukhi suttaṃ.
[198] A.ii, 235. Pháp bốn chi. Kinh Thánh đạo (ariyamaggasuttaṃ).
[199] Là những tâm thiện trong lộ đắc đạo.
[200] Năm chi có thể hiện diện đầy đủ là : trí, tầm, tấn, niệm và định.
[201] A.iv, 247 . Pháp 8 chi .Kinh Rất là nhẹ.
[202] Vsm. Chương 17, 612.
[203] Là 15 tâm = 2 tâm quan sát xả thọ + 8 tâm quả dục giới hữu nhân + 5 tâm qaủ Sắc giới.
[204] Vsm. Chương 17. 614.
[205] Vsm. Chương 17, 615.
[206] S.iii, 132. Tương ưng Uẩn (Khandhasamyuttaṃ), kinh Channa (Channasuttaṃ)
[207] Vsm. Chương 17, 615.
[208] Ở đây, từ *appaccaya* không phải là cụm từ *kammadhāraya* mà là của nhóm *Bahubbīhi.* Nên: *Natthi paccayā etesaṃ ti appacay: Không có điều kiện ở đây, gọi là "không điều kiện". Asaṅkhata* là một cụm từ *kammadhāraya.* do vậy:: *Saṃkariyante ti saṅkhatā:* Có sự tạo tác, gọi là trở thành. Và *: Na saṅkhatā ti asaṅkhatā:* Không có sự tạo tác, gọi là "không trở thành"..

[209] Có bốn oai nghi cho tất cả chúng sanh là ngồi, đứng, đi và nằm.
[210] Mối liên hệ ở đây, ám chỉ cho năng duyên (paccya)– Ns.
[211] Nhân sinh nhãn thức có bốn là: Có thần kinh nhãn, có cảnh sắc, có ánh sáng và có tác ý.
[212] Tức là : Tâm Nhãn thức là sơ duyên của tâm Hướng ngũ môn qua Vô gián duyên hay Đẳng vô gián duyên.
[213] Là tâm Nhãn thức quả thiện và tâm Nhãn thức quả bất thiện.
[214] Tạm gọi 18 duyên này là duyên cơ bản. Ns.
[215] Có 5 nhóm 11 danh pháp, là: Nhóm Hướng ngũ môn, 2 nhóm Tiếp thâu, 2 nhóm Quan sát thọ xả.
[216] 13 tâm sở Tợ tha + 25 tâm sở Tịnh hảo = 38 tâm sở. Đây là nêu tổng quát, nếu tính từng tâm thì lần lượt trừ đi, như tâm nhị thiền trừ đi tầm, tâm tam thiền trừ đi tứ…
[217] 38 tâm sở - (3 giới phần + 2 vô lượng phần + tầm, tứ, hỷ)= 30 tâm sở.

[218] Hành giả ghi nhận được " tướng vô thường", quán xét "tướng vô thường, an trú tâm trong tướng vô thường ấy, gọi là an trú tâm trong ***vô tướng định***".

Hành giả ghi nhận được "tướng khổ", quán xét tướng khổ, an trú tâm tâm trong tướng khổ, gọi là an trú tâm trong ***vô nguyện tướng***.

Hành giả ghi nhận được tướng vô ngã, quán xét tướng vô ngã, an trú tâm trong tướng vô ngã, gọi là an trú tâm trong ***không tánh tướng***.

[219] 37 tâm thiện là: 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại + 20 tâm Đạo; 38 tâm sở hợp là: 13 tâm sở Tợ tha + 25 tâm sở Tốt đẹp.

[220] 12 tâm bất thiện là: 8 tâm Tham + 2 tâm Sân + 2 tâm Si; 27 tâm sở hợp là: 13 tâm sở Tợ tha + 14 tâm sở Bất thiện.

[221] Gọi là "câu lọc" nghĩa là "trích ra".
[222] Pháp bất thiện phi nhân, nghĩa là: Là pháp bất thiện nhưng không phải là nhân bất thiện. Đó chính là 12 tâm bất thiện + 24 tâm sở hợp (trừ ra 3 nhân bất thiện).
[223] 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế = 54 tâm vô ký hữu nhân.
[224] Lấy 38 tâm sở hợp tổng quát trừ đi (3 giới phần + 2 vô lượng phần + tâm sở Tầm + tâm sở Tứ + tâm sở Hỷ") = 30 tâm sở.
[225] 10 duy tác Dục giới = 8 tâm Duy tác Dục giới + tâm Hướng ý môn + tâm Sinh tiếu.
[226] 18 tâm Vô nhân + 8 tâm quả Dục giới hữu nhân + 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân = 36 tâm.
[227] Tâm Sinh tiếu + 8 Đại hạnh.

[228] *- 20 tâm Duy tác = 3 tâm Duy tác vô nhân + 8 tâm Duy tác Dục giới hữu nhân + 9 tâm Duy tác Đáo Đại.

*- 47 tâm quả = 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 15 tâm quả Siêu thế hữu học.
[229] 18 tâm vô nhân + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 52 tâm Vô ký hiệp thế.
[230] Có Vô lượng phần trong tâm Đại hạnh.
[231] 8 tâm Tham + 8 Đại thiện + 4 tâm Đại hạnh có trí + 40 tâm Siêu thế = 60 tâm.
[232] 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại + 15 tâm Đạo (trừ 5 tâm Tứ đạo).
[233] 17 tâm vô nhân (trừ Thân thức thọ khổ) + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm quả Đáo đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 51 tâm vô ký hiệp thế.
[234] Như trường hợp Đại phạm thiên Sahampati biết được tâm của Đức Thế Tôn khi Ngài muốn viên tịch, hay như Ngài Anuruddha theo dõi tâm Đức Thế Tôn khi gần viên tịch.
[235] 9 tâm thiện Đáo Đại + 9 tâm Duy tác Đáo đại = 18 tâm Đổng lực Đáo đại.
[236] 18 tâm đổng lực Đáo đại + 40 tâm Siêu thế = 58 tâm đổng lực kiên cố.
[237] 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Si) + 8 tâm Đại thiện + 8 tâm Đại hạnh = 26 tâm.
[238] 40 tâm sở hợp = 13 tâm sở Tợ tha + tâm sở Si phần(4) + tâm sở Hoài nghi + 22 tâm sở Tốt đẹp (trừ Giới phần).
[239] 8 tâm Đại hạnh + 9 tâm Duy tác Đáo đại + 20 tâm quả Siêu Thế = 37 tâm đổng lực vô ký hữu nhân.
[240] 3 tâm Quan sát + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế = 40 tâm quả.
[241] Người khổ, người Lạc vô nhân và người Nhị nhân, trong kiếp ấy không thể chứng thiền hay Đạo, do đó khi tục sinh sang kiếp mới, chỉ có 10 tâm Tục sinh sinh kế tiếp là : 2 tâm Quan sát thọ xả + 8 tâm Đại quả.
[242] 46 tâm = 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm Sân) + tâm Hướng ý môn+ 16 đổng lực hữu nhân dục giới + 12 tâm Vô sắc giới + 7 tâm Siêu thế ngũ thiền 9trừ tâm Sơ đạo ngũ thiền).
[243] - Sáu vật là: Nhãn vật, tức thần kinh nhãn.
- Nhĩ vật, tức thần kinh nhĩ.
- Tỷ vật, tức thần kinh tỷ.
- Thiệt vật, tức thần kinh thiệt.
- Thân vật, tức thần kinh thân.
- Ý vật, tức sắc Ý vật.
[244] Là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân vật.
[245] DhpA. Câu số.
[246] 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại = 17 tâm thiện hiệp thế.
[247] 15 tâm quả vô nhân + 8 tâm đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế. = 52 tâm quả.

[248] Nếu phân tích rộng thì có 7 cảnh là: Cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh mùi, cảnh vi, cảnh xúc, cảnh Ngũ và cảnh pháp. Nếu gom cảnh ngũ và cảnh pháp vào cảnh pháp thì còn 6 cảnh.

[249] Chỉ cho 3 tâm Thức vô biên xứ và 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
[250] 36 tâm vô ký nhận 18 hiển sắc làm cảnh = 18 tâm vô nhân + 8 tâm Đại quả + 8 tâm Đại hạnh.
[251] Hiển sắc chỉ là cảnh trưởng đối với với tâm Tham mà thôi.
[252] 12 tâm bất thiện + tâm sinh tiếu + 8 đại thiện + 8 đại tố+ 9 thiện đáo đại + 9 duy tác đáo đại.
[253] Là 47 tâm đổng lực hiệp thế + 20 tâm Đạo (Maggacitta).
[254] Javanavithī (lộ đổng lực).
[255] 8 tâm Đại thiện + 9 tâm thiện Đáo đại = 17 tâm thiện hiệp thế.
[256] 8 tâm quả thiện vô nhân + 8 tâm Đại quả + 9 tâm quả Đáo đại + 20 tâm quả Siêu thế.
[257] Tâm là "ý quyền".
[258] Tức là 19 sắc nghiệp = 8 sắc bất ly + 5 sắc thần kinh + sắc hư không + 2 sắc tính + sắc ý vật + sắc tiến + sắc dị.
[259] Là 3 tâm sở: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng.
[260] 13 tâm sở Tợ tha – tâm sở dục = 12 tâm sở.
[261] Lấy 10 duyên hợp trợ ở câu 1 trừ 2 duyên, cộng thêm 1 duyên.
[262] 72 tâm vô ký – (5 đôi thức + 4 tâm quả Vô sắc) = 68 tâm vô ký.